BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA

PGS.TS. Phạm Sỹ Lăng
TS. Nguyễn Bá Hiên
TS. Phùng Quốc Quảng

VACXIN THÚ Y
VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

HÀ NỘI, 2012

LỜI GIỚI THIỆU

Trong những năm gần đây, chăn nuôi gia súc, gia cầm ở nước ta phát triển mạnh, với tốc độ tăng trưởng bình quân 6-8%/năm và giữ vai trò rất quan trọng trong nền sản xuất nông nghiệp.

Theo số liệu thống kê, tính đến năm 2012, cả nước ta có 5,3 triệu con bò, 2,9 triệu con trâu, trên 28 triệu con lợn, trên 300 triệu con gia cầm và gần 1,3 triệu con dê, cừu.... Cùng với sự phát triển mạnh của chăn nuôi, tình hình dịch bệnh trên gia súc, gia cầm cũng diễn biến hết sức phức tạp, chẳng những gây tổn thất rất nặng nề đối với nền kinh tế mà còn đe dọa đến tính mạng của con người. Việc áp dụng các biện pháp an toàn sinh học trong chăn nuôi mang tính cấp thiết. Nó bảo đảm cho chăn nuôi hiệu quả, tạo ra những sản phẩm chất lượng, vệ sinh, an toàn đồng thời bảo vệ môi trường trong lành và sức khỏe cộng đồng.

Có nhiều biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học trong đó tiêm phòng vacxin cho đàn vật nuôi là một trong những biện pháp quan trọng và mang lại hiệu quả cao. Tuy nhiên, cho đến nay các chỉ dẫn cũng như các quy định về vấn đề này chưa được tập hợp thống nhất và phổ biến rộng rãi.

Xuất phát từ thực tế trên, chúng tôi cho biên soạn và phát hành cuốn "Vacxin thú y và hướng dẫn sử dụng". Sách gồm 4 chương:

Chương 1: Định nghĩa và phân loại vacxin

Chương 2: Nguyên tắc và các quy định sử dụng vacxin

Chương 3: Lịch sử dụng vacxin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm

Chương 4: Một số vacxin đã được sử dụng có hiệu quả ở Việt Nam

Ngoài ra, cuốn sách còn cập nhật các văn bản quản lý nhà nước, quy định phòng chống một số bệnh nguy hiểm ở vật nuôi.

Cuốn sách do các chuyên gia giàu kinh nghiệm biên soạn và được trình bày đơn giản, dễ hiểu, dễ vận dụng. Chúng tôi hy vọng cuốn sách sẽ rất bổ ích đối với các cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy, đặc biệt là đối với các cán bộ thú y, khuyến nông từ trung ương đến cơ sở và các chủ trang trại, gia trại chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Chúng tôi trân trọng giới thiệu cuốn sách và mong nhận được những ý kiến đóng góp của Quý bạn đọc.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA

MỤC LỤC

Chương 1: ĐỊNH NGHĨA VÀ PHÂN LOẠI VACXIN

I. Định nghĩa vacxin 5

II. Phân loại vacxin thú y 6

Chương 2: NGUYÊN TẮC VÀ CÁC QUY ĐỊNH SỬ DỤNG VACXIN THÚ Y.....9

I. Nguyên tắc sử dụng vacxin thú y.....9

1. Xác định phạm vi hợp lý tiêm vacxin và lựa chọn vacxin.....9

2. Tiêm phòng vacxin đúng đối tượng.....10

3. Tiêm đúng thời gian, đúng quy cách, đạt tỷ lệ cao.....10

3.1. Tiêm đúng thời gian.....10

3.2. Tiêm đúng liều và đúng đường.....11

3.3. Kỹ thuật sử dụng vacxin.....11

4. Phối hợp các loại vacxin.....12

5. Một số điều chú ý khi sử dụng và bảo quản vacxin.....12

6. Các phản ứng không mong muốn khi tiêm phòng vacxin và cách khắc phục.....13

6.1. Những tác dụng phụ khi tiêm phòng vacxin.....13

6.2. Những tai biến khi sử dụng vacxin.....14

II. Quy định về việc tiêm phòng vacxin bắt buộc cho gia súc, gia cầm ở Việt Nam.....15

1. Phạm vi, đối tượng sử dụng.....15

2. Giải thích thuật ngữ.....15

3. Các bệnh phải tiêm phòng, tỷ lệ tiêm phòng.....16

4. Tiêm phòng đối với từng bệnh 16

4.1. Bệnh lở mồm long móng.....16

4.2. Bệnh dịch tả lợn.....16

4.3. Bệnh nhiệt thán.....17

4.4. Bệnh tụ huyết trùng.....17
4.5. Bệnh đóng dấu lợn.....17
4.6. Bệnh dại.....18
4.7. Bệnh Newcastle.....18
4.8. Bệnh dịch tả vịt.....18
4.9. Bệnh cúm gia cầm.....18
5. Trách nhiệm thực hiện 18
Chương 3: LỊCH SỬ DỤNG VACXIN PHÒNG BỆNH CHO GIA SÚC, GIA CẦM 19
I. Một số quy định chung về lịch tiêm phòng 19
II. Lịch tiêm phòng cụ thể đối với các đối tượng vật nuôi 20
1. Lịch sử dụng vacxin phòng bệnh cho trâu, bò.....20
2. Lịch sử dụng vacxin phòng bệnh cho lợn.....21
3. Lịch sử dụng vacxin phòng bệnh cho gà.....23
4. Lịch sử dụng vacxin phòng bệnh cho vịt, ngan.....24
5. Lịch sử dụng vacxin phòng bệnh cho chó, mèo.....24
Chương 4: MỘT SỐ VACXIN ĐÃ ĐƯỢC SỬ DỤNG CÓ HIỆU QUẢ Ở VIỆT NAM 25
I. Vacxin dùng cho trâu bò.....25
II. Vacxin dùng cho lợn.....35
III. Vacxin dùng cho gia cầm.....70
IV. Vacxin dùng cho gia súc khác.....100
V. Vacxin phòng bệnh cho tôm, cá và vacxin ký sinh trùng 102
PHỤ LỤC.....104
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH.....149

Chương 1
ĐỊNH NGHĨA VÀ PHÂN LOẠI VACXIN

I. ĐỊNH NGHĨA

Vacxin là một chế phẩm sinh học trong đó chứa chính mầm bệnh hoặc kháng nguyên của mầm bệnh gây ra một bệnh truyền nhiễm nào đó cần phải phòng ngừa mà nếu là mầm bệnh thì phải được giết hoặc làm nhược độc bởi các yếu tố vật lý, hóa học hoặc sinh vật học. Khi sử dụng cho động vật, vacxin tạo ra một đáp ứng miễn dịch chủ động chống lại sự xâm nhiễm của mầm bệnh tương ứng.

Mầm bệnh được gọi là **kháng nguyên** có thể bao gồm: virus, vi khuẩn, đơn bào, một phần kháng nguyên của mầm bệnh.

Đáp ứng miễn dịch tạo ra chất miễn dịch trong cơ thể động vật sau khi sử dụng vacxin được gọi là **kháng thể**.

1. Nguyên lý hoạt động

Vacxin tạo ra trong cơ thể động vật sống một đáp ứng miễn dịch. Hệ thống miễn dịch của cơ thể hoạt động sinh ra kháng thể dịch thể đặc hiệu hoặc kháng thể tế bào chống lại kháng nguyên là mầm bệnh tương ứng khi xâm nhập vào cơ thể động vật.

2. Đặc tính cơ bản của vacxin

Vacxin có 4 đặc tính sau:

- Tính miễn dịch:

Là khả năng gây ra đáp ứng miễn dịch dịch thể hoặc tế bào hoặc cả hai. Tính sinh miễn dịch phụ thuộc vào kháng nguyên và cơ thể nhận kháng nguyên (nghĩa là cơ địa của động vật nhận kháng nguyên).

- Tính kháng nguyên hay tính sinh kháng nguyên:

Một vacxin đưa vào cơ thể phải có khả năng kích thích cơ thể sinh ra kháng thể đặc hiệu tương ứng có trong vacxin.

- Tính hiệu lực:

Kháng thể sinh ra trong cơ thể động vật phải có khả năng tiêu diệt được mầm bệnh tương ứng có trong vacxin khi sử dụng vacxin cho động vật.

Thí dụ: khi tiêm vacxin tụ huyết trùng lợn cho lợn thì cơ thể lợn phải tạo ra được kháng thể tiêu diệt được mầm bệnh tụ huyết trùng tương ứng như mầm bệnh được dùng chế tạo vacxin.

- Tính an toàn:

Vacxin sản xuất ra phải đảm bảo được 3 yêu cầu sau đây:

(i) Vô trùng: không được nhiễm các vi sinh vật khác.

(ii) Thuần khiết: không được lẫn các thành phần kháng nguyên khác có thể gây ra các phản ứng phụ.

(iii): Vô độc: sau khi sản xuất, vacxin phải an toàn, không hoặc ít gây ra các phản ứng phụ không mong muốn cho động vật. Liều sử dụng phải thấp hơn rất nhiều so với liều gây độc.

II. PHÂN LOẠI VACXIN

Các vacxin đã và đang được sử dụng tiêm phòng cho động vật được chia ra 4 loại sau:

1. Vacxin chết (vô hoạt)

Đây là loại vacxin kinh điển nhất, nguyên tắc là làm chết mầm bệnh (virus, vi khuẩn) nhưng vẫn giữ được tính kháng nguyên và kích thích sinh kháng thể đặc hiệu sử dụng cho động vật.

Có 2 phương pháp làm chết mầm bệnh.

- Phương pháp hóa học:

Dùng hóa chất như: formol, Ethylenimine... Ví dụ: Vacxin đóng dấu lợn vô hoạt là vacxin được chế tạo từ vi khuẩn đóng dấu lợn được nuôi cấy trên môi trường và được làm chết bằng formol, có thêm vào chất bổ trợ là keo phèn nên còn được gọi là vacxin đóng dấu lợn vô hoạt keo phèn.

- Phương pháp vật lý:

Dùng tia xạ hoặc sức nóng để tiêu diệt mầm bệnh. Thí dụ: Vacxin phòng bệnh sài sốt cho chó, người ta dùng virus sài sốt chó (carrê) tăng nhiệt độ lên 60^0C làm chết virus và chế tạo ra vacxin.

2. Vacxin sống (vacxin nhược độc)

Vacxin sống là vacxin được sản xuất từ các chủng virus hay vi khuẩn còn sống, gần như không có tính gây bệnh cho động vật được tiêm phòng nhưng có khả năng gây đáp ứng miễn dịch cho động vật. Mầm bệnh nhược độc được nhân lên trong cơ thể động vật và tiếp tục tạo ra sự kích thích của kháng nguyên trong một khoảng thời gian.

Vacxin sống bao gồm: vacxin nguyên độc, vacxin vô độc và vacxin nhược độc.

- Vacxin nguyên độc:

Dùng chủng vacxin nguyên độc (giữ nguyên độc lực từ loài động vật khác giống, khác loài). Ví dụ: vacxin phòng bệnh đậu cho người chế tạo từ virus đậu bò cường độc.

- Vacxin vô độc (vacxin nhược độc tự nhiên):

Được sản xuất từ những chủng vi sinh vật vô độc phân lập trong tự nhiên. Ví dụ: người ta đã phân lập được một số chủng virus Niucatxơn có trong đàn gà nuôi độc lực rất yếu không gây ra bệnh Niucatxơn nhưng khi xâm nhập vào cơ thể gà vẫn tạo ra miễn dịch đáp ứng chống lại được chủng virus Niucatxơn cường độc. Các chủng virus này được dùng sản xuất vacxin nhược độc phòng bệnh Niucatxơn hiện nay, trong đó có chủng virus Niucatxơn nguyên độc được phân lập từ Hungary và dùng để sản xuất vacxin Lasota phòng bệnh cho gà.

- Vacxin nhược độc:

Là vacxin được sản xuất từ chủng virus, vi khuẩn gây bệnh đã được giảm độc bằng một trong các phương pháp: sinh vật học, hóa học và vật lý... không còn khả năng gây bệnh cho động vật nhưng sử dụng cho động vật vẫn tạo được đáp ứng miễn dịch, diệt được mầm bệnh có độc lực tương ứng khi xâm nhập vào động vật.

Một số vacxin nhược độc đã và đang được sử dụng:

- Vacxin nhiệt thán dùng cho trâu bò được giảm độc bằng nhiệt: người ta nuôi cấy vi khuẩn nhiệt thán ở nhiệt độ $42,5^0$ - 43^0C từ 15 - 20 ngày; vi khuẩn mất khả năng hình thành giáp mô, độc lực giảm, được sử dụng làm giống gốc chế tạo vacxin.

- Vacxin BCG dùng tiêm phòng bệnh lao được giảm độc bằng yếu tố hóa học: người ta phân lập, nuôi cấy vi khuẩn lao bò trong môi trường trong 13 năm, sau 230 lần cấy truyền, vi khuẩn không còn độc, được sản xuất vacxin BCG phòng bệnh lao cho bò và cho người.

- Vacxin dịch tả lợn nhược độc chủng C được giảm độc bằng phương pháp sinh vật học: virus cường độc dịch tả lợn được tiêm truyền liên tục 155 đời qua thỏ, trở thành chủng virus được dùng ngày nay.

- Vacxin dịch tả vịt nhược độc: được giảm độc bằng cách dùng chủng virus dịch tả vịt cường độc, cấy truyền 41 - 46 đời qua phôi gà, không còn độc lực gây bệnh cho vịt, được sản xuất làm vacxin phòng bệnh dịch tả vịt.

Bảng so sánh ưu nhược điểm của vacxin sống và vacxin chết

Chỉ tiêu	Vacxin sống	Vacxin chết
- Phương thức sản xuất	Đơn giản	Đơn giản
- Tính ổn định	Tương đối ổn định	Ổn định
- Liều lượng	Thấp	Cao
- Số lần đưa vacxin	1 lần	Nhiều lần
- Chất bổ trợ	Không	Có
- Thời gian miễn dịch	Nhanh và dài	Chậm và ngắn
- Đáp ứng miễn dịch tế bào	Tốt	Kém
- Sự trở lại cường độc	Có thể có	Không
- Chi phí sản xuất	Rẻ	Đắt

3. Vacxin dưới đơn vị

Vacxin dưới đơn vị là vacxin không sản xuất từ nguyên con virus hay nguyên con vi khuẩn mà được sản xuất từ kháng nguyên tinh khiết phân lập từ con vi khuẩn hay con virus.

- Ví dụ 1: Vacxin chống bệnh uốn ván cho người và động vật: người ta nuôi cấy vi khuẩn trong môi trường, chiết tách độc tố, giảm độc bằng yếu tố hoá học hoặc vật lý theo nguyên lý vacxin chết. Các độc tố của vi khuẩn uốn ván (clostridium tetani mất hoạt tính gây bệnh được gọi là giải độc tố (anatoxin) và được dùng làm vacxin.

- Ví dụ 2: Phẩy khuẩn tả gây bệnh nhờ nội độc tố (enterotoxin), được gọi là độc tố dưới đơn vị A rất độc và 5 dưới đơn vị được gọi là B. Tuy không độc, nhưng 5 dưới đơn vị B lại có khả năng sinh kháng thể khi tiêm vào cơ thể bảo vệ cơ thể chống được phẩy khuẩn tả nên người ta nuôi cấy vi khuẩn, tách dưới đơn vị B dùng làm vacxin phòng bệnh tả.

Vacxin dưới đơn vị có mức độ thuần khiết và tinh khiết cao hơn vacxin chế tạo từ nguyên con virus hoặc vi khuẩn nên tính mẫn cảm, tính sinh kháng thể và tính đặc hiệu đều cao.

4. Vacxin thế hệ mới sản xuất bằng công nghệ gen

1. Khái niệm

Vacxin thế hệ mới là thành phẩm của một quy trình có sự can thiệp, sử dụng các kỹ

năng thao tác của công nghệ gen và ứng dụng các thành tựu nghiên cứu về công nghệ sinh học và sinh học phân tử. Gọi là vacxin thế hệ mới để phân biệt với các loại vacxin đã được nghiên cứu sản xuất bằng các phương pháp truyền thống.

2. Nguyên lý

Trong một loại vacxin, yếu tố quyết định tính miễn dịch chính là thành phần protein đặc biệt trên bề mặt của vi sinh vật (virus, vi khuẩn, đơn bào...) gây bệnh. Thành phần protein này được gọi là kháng nguyên và do một gen hay một số gen có trong hệ gen của vi sinh vật gây bệnh quyết định tổng hợp nên. Những gen chịu trách nhiệm về việc tổng hợp (hay sản xuất) protein kháng nguyên được gọi là gen kháng nguyên.

Nếu tách gen kháng nguyên khỏi vật liệu di truyền của vi sinh vật rồi ghép với một hệ thống bám dính trung gian (plasmic vector) thích ứng nào đó thì gen kháng nguyên này vẫn hoạt động như khi tồn tại trong hệ gen của vi sinh vật chủ và phân tử protein kháng nguyên được tổng hợp ra vẫn có thể có chức năng như cũ, nghĩa là có tính sinh miễn dịch. Chế phẩm protein kháng nguyên được tạo ra như thế được gọi là vacxin tái tổ hợp hay vacxin thế hệ mới - vacxin công nghệ gen.

3. Phân loại vacxin thế hệ mới:

Căn cứ vào nguồn kháng nguyên nhân lên được hay không nhân lên được trong cơ thể động vật, người ta chia vacxin thế hệ mới làm 2 loại như sau:

a). Vacxin có kháng nguyên sống được nhân lên.

Vacxin này chia 2 thành phần chính là:

- Đoạn ADN cho kháng nguyên chính được tách ra từ vi sinh vật gây bệnh.

- Hệ gen của vector (trung gian) dẫn truyền

Hiện nay các vector dẫn truyền được chọn là những vi sinh vật (virus, vi khuẩn, nấm men...) thông dụng có thể nhân lên được ở nhiều loài động vật và đã được giảm độc hoặc vô độc bằng kỹ thuật gen.

Thí dụ 1: Vi khuẩn thương hàn *(Salmonella Typhinurium)* không độc được chọn làm vector dẫn truyền để sản xuất các vacxin thế hệ mới (vacxin công nghệ gen) như: vacxin cúm, vacxin sốt xuất huyết, vacxin liên cầu khuẩn, ký sinh trùng sốt rét. Người ta cũng dùng virus đậu bò làm vector dẫn truyền để sản xuất: vacxin Niucatxơn với gen mã hóa kháng nguyên F, vacxin cúm với gen mã hóa kháng nguyên H và N

Thí dụ 2: Vacxin axit nucleic (vacxin ADN):

Loại vacxin này được coi là vacxin có triển vọng lớn, như: vacxin ADN chứa gen H và N chống cúm.

Thí dụ 3: Vacxin xóa gen độc: là vacxin chứa yếu tố gây bệnh được làm nhược độc bằng kỹ thuật gen cắt bỏ gen độc. Để tạo ra giống gốc sản xuất vacxin cúm gia cầm, hiện tại Bộ y tế và Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam đã nhập ngoại chủng virus NiBRG - 14 từ Viện tiêu chuẩn và kiểm nghiệm sinh phẩm Quốc gia (Vương Quốc Anh). Chủng NiBRG - 14 được tạo ra bằng kỹ thuật di truyền thông qua việc ghép 6 gen của chủng PR8/34 (H1N1) với 2 gen của chủng virus A/Vietnam/1194/2004 (H5N1). Riêng gen H5 bị loại 4 axit amin ở vùng độc. Chủng virus này có thể nuôi cấy trên phôi gà.

Vacxin phòng bệnh giả dại cũng là một vacxin nhược độc tạo ra theo kiểu trên.

b). Vacxin có nguồn gốc kháng nguyên không nhân lên

Loại vacxin này được sản xuất bằng cách tách gen kháng nguyên gây bệnh, ghép vào hệ gen của một loại vi sinh vật làm vector dẫn truyền (virus, vi khuẩn, nấm men), nuôi cấy vi khuẩn tái tổ hợp này trong môi trường thích ứng như hệ thống thiết bị lên men lớn, lượng protein sẽ được sản xuất ra nhiều, sau đó chiết tách protein kháng nguyên để làm vacxin.

Bằng phương pháp này, người ta đã chế tạo được vacxin phòng dại Rabisin tạo được miễn dịch nhanh, ổn định và thời gian tồn tại của kháng thể có thể kéo dài được 1 - 2 năm khi sử dụng vacxin tiêm phòng dại cho chó.

Chương 2

NGUYÊN TẮC VÀ CÁC QUY ĐỊNH SỬ DỤNG VACXIN THÚ Y

I. NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG VACXIN THÚ Y

Để có được hiệu quả như mong muốn sau khi tiêm phòng vacxin thì việc sử dụng vacxin đúng nguyên tắc luôn là điều kiện tiên quyết. Sử dụng vacxin sai nguyên tắc không những không mang lại hiệu quả phòng bệnh mà còn dẫn đến nhiều nguy cơ khác như làm giảm khả năng đề kháng của vật nuôi, thậm chí gây ra những tai biến đáng tiếc. Vì vậy, trong quá trình sử dụng vacxin cần tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

1. Xác định phạm vi hợp lý tiêm vacxin và lựa chọn vacxin

Việc xác định chính xác và hợp lý phạm vi tiêm phòng của vacxin là vô cùng quan trọng và cần thiết, nó đảm bảo tính tiết kiệm trong sử dụng vacxin, đồng thời lại đáp ứng được yêu cầu phòng bệnh. Để làm được điều này thì công tác điều tra về dịch tễ học cần được chú trọng. Thông qua các thông tin về dịch tễ học và bản đồ dịch tễ học các nhà hoạch định kế hoạch tiêm phòng có thể xác định một cách chính xác các typ vi khuẩn, virus đã từng gây bệnh trong khu vực định tiêm là gì, phạm vi dịch xảy ra ở mức độ rộng hay hẹp, lần cuối cùng dịch xảy ra tại địa phương đó là khi nào... từ đó đưa ra kế hoạch nhập chủng loại và số lượng vacxin hợp lý phục vụ cho công tác tiêm phòng tại địa phương. Ví dụ: trong công tác phòng bệnh lở mồm long móng ở Việt Nam chúng ta chỉ nhập vacxin chứa các typ O, A và Asia 1 trong khi virus lở mồm long móng có tất cả 7 typ.

Cần phải tiêm phòng các ổ dịch cũ, những vùng hàng năm có dịch đe dọa, những vùng hai bên đường giao thông trọng yếu, quanh các chợ, xí nghiệp chế biến thú sản, vùng biên giới... Khi có dịch xảy ra phải tiêm chống dịch trong ổ dịch và các vùng xung quanh (vùng bị dịch uy hiếp). Ngoài khu vực bị uy hiếp là vùng an toàn, mầm bệnh khó có thể lây lan trong thời gian trước mắt. Cả ba vùng đều phải tiêm phòng vacxin cho gia súc còn khỏe để tạo ngay một vành đai an toàn dịch, ngăn chặn dịch lây lan. Đối với những con nghi lây trong ổ dịch ngoài việc nhanh chóng cách ly để theo dõi có thể tiêm huyết thanh cùng một lúc với vacxin để tạo miễn dịch nhanh chóng nhưng phải tiêm ở hai nơi khác nhau và chỉ ứng dụng với vacxin chết. Đối với gia súc khác loài nhưng có thụ cảm với cùng bệnh thì cũng cần được tiêm vacxin.

Để đáp ứng được yêu cầu phòng bệnh thì tiêm phòng cần đạt tỷ lệ càng cao càng tốt, nói chung phải đạt tỷ lệ tối thiểu 80%, các vùng bị uy hiếp phải đạt tỷ lệ 90 - 95%.

2. Tiêm phòng vacxin đúng đối tượng

Vacxin là thuốc phòng bệnh cho động vật khỏe, chưa mắc bệnh. Nếu trong cơ thể động vật đã mang sẵn mầm bệnh nhưng chưa phát ra thì sau khi được tiêm kháng nguyên cùng loại với mầm bệnh có trong cơ thể thì bệnh phát ra sớm hơn, nặng hơn. Trường hợp ngoại lệ có thể dùng vacxin mà động vật đã nhiễm mầm bệnh. Ví dụ: sử dụng vacxin chống bệnh dại cho người đã bị chó dại cắn, trường hợp này vacxin đã tạo ra kháng thể chống virus dại trước khi virus dại lên não và tiêu diệt virus dại. Ở bệnh dịch tả lợn việc tiêm thẳng vacxin vào ổ dịch sẽ có tác dụng loại trừ nhanh con mắc bệnh nặng, còn những con mắc bệnh nhẹ hoặc chưa mắc bệnh sẽ tạo được miễn dịch.

Bình thường không dùng vacxin cho động vật quá non và thận trọng với động vật có thai. Ở động vật non, các cơ quan đảm nhận chức năng miễn dịch bảo vệ cơ thể chưa hoàn chỉnh nên đáp ứng miễn dịch với vacxin còn yếu, không những thế động vật non còn có một lượng kháng thể thụ động do mẹ truyền cho, những kháng thể đó có thể ngăn cản vacxin phát huy tác dụng. Nếu không có dịch đe dọa thì chỉ nên dùng vacxin cho súc vật từ 2 - 7 tuần tuổi, dùng vacxin càng muộn càng tốt. Khi có dịch đe dọa buộc phải tiêm phòng sớm cho động vật non nhưng sau đó cần tiêm bổ sung.

Ở động vật mang thai, trạng thái sinh lý có nhiều thay đổi nên dùng vacxin dễ gây ra những phản ứng mạnh và làm sảy thai. Một lý do nữa khiến chúng ta không nên sử dụng vacxin trong thời kỳ gia súc cái mang thai là bào thai sẽ nhầm lẫn kháng nguyên đưa vào là thành phần của bản thân nó do đó khi sinh ra nó sẽ không sinh được miễn dịch ngay cả khi tiêm phòng bằng loại vacxin đó (hiện tượng dung nạp miễn dịch). Đặc biệt không sử dụng vacxin uống cho súc vật mang thai nhất là vacxin nhược độc.

3. Tiêm phòng đúng thời gian, đúng quy cách, đạt tỷ lệ cao

3. 1. Tiêm đúng thời gian

Phần lớn các bệnh truyền nhiễm thường xảy ra hoặc phát triển rầm rộ vào một thời gian nhất định trong năm như bệnh tụ huyết trùng vật nuôi thường xảy ra vào mùa mưa; dịch tả lợn xảy ra vào vụ đông xuân; bệnh lở mồm long móng ở trâu bò xảy ra vào mùa nóng tập trung vào tháng 4 - 5. Vì vậy, để phòng một bệnh truyền nhiễm nào đó cần tiêm phòng vacxin trước mùa bệnh xảy ra một khoảng thời gian đủ cho cơ thể tạo được miễn dịch phòng vệ chắc chắn (thường là 2 - 3 tuần). Vì vậy, mùa tiêm phòng của nước ta thường là tháng 3, tháng 4 và tháng 9, tháng 10 hàng năm.

Sau khi tiêm phòng vacxin, cơ thể chỉ được bảo hộ đối với bệnh đã tiêm phòng trong khoảng thời gian nhất định, khoảng thời gian đó phụ thuộc vào từng loại vacxin (thường từ 3 - 12 tháng). Hết thời gian đó cơ thể lại cảm nhiễm với mầm bệnh vì vậy cần tiêm nhắc lại kịp thời để tạo khả năng bảo hộ liên tục. Cá biệt có những loại vacxin sẽ gây ra đáp ứng miễn dịch suốt đời như vacxin sởi ở người.

Hiện tại, do ý thức phòng bệnh bằng vacxin của người chăn nuôi chưa cao cùng với tập quán chăn nuôi gia đình, quy mô chăn nuôi nhỏ lẻ nên công tác tổ chức tiêm phòng cho vật nuôi còn gặp nhiều khó khăn. Ở Việt Nam, Pháp lệnh Thú y quy định hàng năm phải tiêm phòng cho tất cả các bệnh bắt buộc phải tiêm phòng cho vật nuôi vào hai đợt, đợt một là tháng 3 - 4, đợt hai là tháng 9 - 10. Không những thế việc tiêm phòng bổ sung cho gia súc mới sinh, gia súc mới nhập là một việc làm cũng hết sức quan trọng.

3. 2. Tiêm đúng liều và đúng đường

Tiêm đúng liều: Phải tiêm đủ liều vacxin cho động vật theo khuyến cáo của nhà sản xuất ghi trên nhãn mác hoặc trong bản hướng dẫn kèm theo vacxin. Nếu tiêm quá liều sẽ tạo ức chế đáp ứng miễn dịch đối với cơ thể, hiệu giá kháng thể đặc hiệu tạo ra sẽ thấp, hoạt động của miễn dịch tế bào sẽ hạn chế, lãng phí vacxin, chi phí tiêm phòng tăng. Ngược lại nếu tiêm liều thấp hơn liều quy định, sẽ không đủ lượng kháng nguyên kích thích cơ thể đáp ứng miễn dịch, hiệu giá kháng thể đặc hiệu và hoạt động miễn dịch của tế bào đều thấp, không tạo được khả năng phòng vệ cho cơ thể.

Đưa vacxin đúng đường quy định: Đường xâm nhập thích hợp của từng loại mầm bệnh vào cơ thể để gây bệnh lại rất khác nhau do đó đối với mỗi loại vacxin sẽ có một đường đưa vào nhất định. Các đường đưa vacxin phổ biến hiện nay là tiêm bắp, tiêm dưới da, nhỏ mắt, mũi, khí dung... Khả năng đáp ứng miễn dịch của các cơ quan có thẩm quyền miễn dịch trong hệ thống miễn dịch của cơ thể đối với vacxin đưa vào cơ thể bằng các đường khác nhau cũng khác nhau. Vì vậy, trong quá trình nghiên cứu chế tạo vacxin các nhà nghiên cứu đã chú ý lựa chọn đường đưa tối ưu vào cơ thể cho từng loại vacxin. Do đó khi sử dụng vacxin tiêm phòng cho động vật nên đưa theo đường khuyến cáo của nhà sản xuất.

Đường thường tiêm vacxin là tiêm dưới da, nhất là vacxin có chất bổ trợ và tiêm với liều lượng lớn (vacxin keo phèn, vacxin tụ huyết trùng, vacxin đóng dấu lợn). Có loại phải tiêm đúng dưới da để tránh phản ứng (vacxin nhược độc nhiệt thán, nhược độc dịch tả trâu bò, dịch tả lợn qua thỏ...) nếu tiêm liều lượng nhỏ thì có thể tiêm bắp thịt. Một số vacxin có thể sử dụng cho uống, nhỏ mắt, nhỏ mũi,...

Để phòng bệnh đường hô hấp nên lựa chọn vacxin đưa qua mũi hoặc mắt như vacxin Lasota nhỏ mắt, nhỏ mũi phòng bệnh Newcastle cho gà. Phòng bệnh đường ruột nên chọn vacxin cho qua đường miệng như vacxin E.coli cho uống phòng bệnh phân trắng ở lợn con.

Đường đưa vacxin còn phụ thuộc vào đối tượng phòng bệnh như phòng bệnh dại cho động vật nuôi có thể dùng vacxin tiêm nhưng phòng bệnh dại cho động vật hoang dã như chồn, cáo phải dùng vacxin qua đường miệng. Chú ý không tiêm vacxin vào mạch máu.

3. 3. Kỹ thuật sử dụng vacxin

Khả năng tạo miễn dịch của vacxin phụ thuộc rất nhiều vào việc sử dụng vacxin có đúng kỹ thuật hay không. Kỹ thuật sử dụng vacxin bao gồm kỹ thuật bảo quản vacxin và đường đưa vacxin.

Điều kiện bảo quản vacxin phải đảm bảo, vacxin phải để nơi râm mát tránh ánh sáng trực tiếp. Nhiệt độ thích hợp cho việc bảo quản vacxin là 2 - 4^0C. Đặc biệt vacxin nhược độc chế từ virus phải được bảo quản ở - 15^0C.

Trước khi sử dụng phải kiểm tra thật kỹ, nếu thấy vacxin chuyển màu quá hạn sử dụng phải hủy bỏ. Vacxin phải đạt mức độ bảo hộ lớn hơn hoặc bằng 70%.

Vị trí tiêm phải được sát trùng, dụng cụ tiêm phải tiêu độc, liều lượng tiêm phải đảm bảo. Khi dùng vacxin nhược độc nhất là loại có nha bào thì không làm vương vãi vacxin.

Súc vật được tiêm là những con khỏe mạnh, không tiêm vacxin cho những con đang ốm, những con quá gầy yếu, quá non, con mới đẻ, những con mới phẫu thuật chưa lành, những con có nhiều ký sinh trùng. Sau khi tiêm cần nuôi dưỡng, chăm sóc tốt.

4. Phối hợp các loại vacxin

Trước kia người ta sử dụng vacxin nhược độc chế từ vi sinh vật sống đã làm mất hoạt lực, vacxin nhược độc được chế từ vi sinh vật bị làm chết bằng các tác nhân lý hóa (nhiệt độ, hóa chất...). Mỗi loại vacxin chỉ mang một mầm bệnh và do đó nó chỉ có tác dụng phòng một bệnh duy nhất, đó chính là vacxin đơn giá.

Ngày nay, việc phối hợp nhiều loại kháng nguyên trong cùng một chế phẩm vacxin để phòng bệnh cho vật nuôi và cả cho người ngày càng được nghiên cứu và sử dụng một cách rộng rãi. Trong cùng một chế phẩm vacxin có thể chứa tới hai loại kháng nguyên (vacxin nhị giá) ví dụ vacxin tụ dấu 3/2 phòng đồng thời hai bệnh đỏ là tụ huyết trùng lợn và đóng dấu lợn, thậm chí ba hay nhiều loại kháng nguyên khác nhau (vacxin tứ liên dịch tả lợn, phó thương hàn, tụ huyết trùng, đóng dấu lợn) và chúng được gọi bằng tên chung là vacxin đa giá.

Việc sử dụng nhiều loại vacxin phối hợp với nhau trong cùng một chế phẩm vacxin có nhiều ưu điểm. Ở một số bệnh truyền nhiễm nhất thiết phải sử dụng vacxin nhiều kháng nguyên khi bệnh nguyên gồm nhiều serotyp khác nhau mà miễn dịch chéo không đủ để bảo hộ được (như bệnh lở mồm long móng) hoặc bệnh do nhiều loại bệnh nguyên gây nên (bệnh viêm teo mũi truyền nhiễm). Sự kết hợp nhiều serotyp hoặc nhiều loại bệnh nguyên sẽ làm tăng khả năng phòng bệnh của vacxin. Không những thế dùng vacxin đa giá cho phép giảm số lần tiêm chủng, như vậy giảm được giá thành cũng như giảm được stress cho con vật.

Tuy nhiên chất bổ trợ thích hợp cho từng loại kháng nguyên khác nhau là không giống nhau, vì vậy không thể phối hợp một cách ngẫu nhiên các loại vacxin với nhau mà việc phối hợp này cần phải được nghiên cứu và thử nghiệm kỹ lưỡng trước khi sử dụng nó cho công tác phòng bệnh.

5. Một số điều chú ý khi sử dụng và bảo quản vacxin

1. Bảo quản vacxin trong điều kiện quy định:

- Để trong phòng lạnh hoặc tủ lạnh 4 - 10^0C
- Không để vacxin ở chỗ nóng, tránh ánh sáng mặt trời
- Không giữ vacxin ở nhiệt độ âm (trừ vacxin virus dạng tươi)

2. Sử dụng:

➢ Kiểm tra lọ vacxin trước khi sử dụng:

- Trạng thái vật lý
- Màu sắc
- Độ trong, đục

➢ Kiểm tra nhãn lọ vacxin:

- Tên vacxin: có đúng với nhu cầu không
- Số lô, số liều, liều lượng sử dụng
- Ngày sản xuất, số kiểm nghiệm xuất xưởng
- Thời hạn sử dụng, quy cách bảo quản

➢ Không dùng:

- Lọ vacxin đã có thay đổi về trạng thái vật lý
- Nút lỏng, đã có thay đổi về trạng thái vật lý
- Lọ nứt
- Vacxin đã quá hạn ghi trên nhãn

3. Thao tác sử dụng:

- Khi pha vacxin: dụng cụ và nước sinh lý phải được tiệt trùng, để nguội
- Dụng cụ tiêm vacxin, tay người pha vacxin, vị trí tiêm cũng phải được tiệt trùng
- Với vacxin sống: dụng cụ pha thuốc phải được tiệt trùng và để nguội, không được rửa bằng thuốc sát trùng
- Khi dùng xong dụng cụ phải được tiệt trùng trở lại, tránh để vương vãi vacxin ra ngoài
- Khi dùng vacxin phải đưa thuốc đúng đường quy định.

6. Các phản ứng không mong muốn khi tiêm phòng vacxin và cách khắc phục

Khi tiếp nhận vacxin, cơ thể huy động bộ máy miễn dịch để tạo kháng thể chống lại tức thời, lượng kháng thể đạt mức tối đa sau khoảng 3 tuần tiêm vacxin và nó duy trì trong một thời gian nhất định, có khi suốt cả đời sống của con vật. Những phản ứng không mong muốn khi sử dụng vacxin có thể là các tác dụng phụ của vacxin hay những tai biến do việc sử dụng vacxin gây ra. Nguyên nhân của các phản ứng này hoặc thuộc về thuộc tính của vacxin hoặc do bảo quản vacxin không tốt (để nhiễm khuẩn, để đông băng với vacxin không được đông băng) hoặc do sai quy chế sử dụng (sai chỉ định, quá liều) và đặc biệt do đánh giá chất lượng, cấp phép xuất xưởng, không được thực hiện chu đáo, không đúng quy trình kỹ thuật. Những phản ứng ngoài ý muốn như vậy dẫn đến sự cần thiết thực hiện nghiêm ngặt đối với sản xuất, kiểm nghiệm vacxin.

6. 1. Những tác dụng phụ thường gặp khi tiêm phòng vacxin

Thường thì các loại vacxin sau khi được tiêm vào cơ thể được coi là có hiệu quả nếu nó gây ra được một phản ứng nào đó, tuy nhiên ở đây ta đề cập đến những phản ứng do các nguyên nhân tiêm không đúng vị trí hoặc do cơ thể quá mẫn cảm với chế phẩm vacxin.

Một phản ứng cục bộ tại nơi tiêm thường là sưng đỏ, phù nề, ngứa chỗ tiêm, có khi dẫn đến đau, có khi gây ra những nốt loét thậm chí tạo một cục cứng ngay tại nơi tiêm, một số ít trường hợp còn thấy xuất hiện hiện tượng viêm hạch tại nơi tiêm. Trường hợp nhẹ có thể không cần can thiệp, sau 24giờ phản ứng sẽ mất. Trường hợp nơi tiêm sưng to và có thủy thũng dùng dầu nóng xoa bóp nơi sưng 2 - 3 lần/ngày, cho con vật nghỉ ngơi ăn uống tốt, sau 2 - 3 ngày các triệu chứng sẽ khỏi.

Một số phản ứng toàn thân ở dạng nhẹ có thể gặp là sốt nhẹ từ 0,5 - 1^0C có khi lên tới 1,5^0C, con vật cảm thấy mệt mỏi, giảm ăn hoặc bỏ ăn, nhiều khi có phản ứng nôn ọe, trên bề mặt da thấy nổi mề đay hay nổi các ban đỏ với nhiều kích thước và hình dạng khác nhau. Triệu chứng nặng hơn có thể gặp là co thắt phế quản, ngất, hạ huyết áp, bệnh thần kinh, loạn thị, liệt... Nếu các phản ứng ở thể nhẹ chỉ cần để vật nuôi nghỉ ngơi nơi thoáng mát, cho ăn thức ăn loãng, giàu đạm, tiêm các loại vitamin và thuốc trợ sức (cafein natri benzoat 25%).

Khi con vật sốt cao, các triệu chứng toàn thân nặng có thể dùng kháng sinh kết hợp với thuốc hạ sốt (paracetamol, diclofenac 2,5%...) và các loại vitamin (B1, C) để tiêm bắp,

chăm sóc nuôi dưỡng tốt đến khi vật nuôi hết triệu chứng, nếu con vật sốt quá cao phải dùng thuốc hạ sốt.

6. 2. Những tai biến khi sử dụng vacxin

Bên cạnh những phản ứng có ích và những phản ứng phụ nhẹ có thể tự qua khỏi, vacxin vẫn gây ra những tai biến ngoài ý muốn. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, tuy nhiên trước hết phải kể đến là do có các thành phần thừa trong chế phẩm vacxin (không phải là thành phần kháng nguyên mang tính quyết định) gây ra, cũng có thể do việc tiêm phòng vacxin trong lúc cơ thể vật nuôi đang mắc một bệnh cấp tính hay một số bệnh mạn tính nặng, gia súc đang sốt hay tiêu chảy, gia súc bị suy dinh dưỡng... Một số loại vacxin không sử dụng cho gia súc mang thai, một số loại chỉ sử dụng cho vật nuôi ở một lứa tuổi nhất định...

Ngay cả khi tuyệt đối hóa chất lượng của tất cả các loại chất bổ trợ trong thành phần của vacxin thì việc xảy ra các tai biến là điều không thể tránh khỏi.

Trong thú y, khi sử dụng vacxin thường gặp những tai biến do sử dụng vacxin quá liều lượng quy định hoặc tiêm vacxin khi cơ thể đang mang chính mầm bệnh của kháng nguyên được đưa vào, vì vậy sau khi tiêm vacxin có những bệnh sẽ nhanh bùng phát hơn và nặng hơn so với khi không tiêm. Lợi dụng đặc điểm này mà người ta có thể tiêm vacxin cho vật nuôi để chẩn đoán sớm xem vật nuôi có đang mang mầm bệnh nào đó không.

Những tai biến thường gặp khi sử dụng vacxin có thể kể đến là nhiễm bệnh, các bệnh miễn dịch, sốc quá mẫn và nguy cơ biến chủng của mầm bệnh.

a. Nhiễm bệnh

Vacxin sống, giảm độc lực có thể gây bệnh cho các cơ thể bị suy giảm miễn dịch. Nguy cơ gây ra hiện tượng đó là do các thành phần kháng nguyên là vi sinh vật có thể hồi phục trở lại, một tác nhân bị làm giảm độc lực tìm lại được độc tính của mình và trở thành mầm bệnh tác động lên cơ thể. Trường hợp này có thể xảy ra khi tiêm quá liều lượng vacxin quy định vào cơ thể hoặc quá trình bảo quản, vận chuyển và sử dụng vacxin sai quy cách làm cho kháng nguyên tìm lại được độc lực của mình để gây bệnh. Nguy cơ này ở vacxin ngừa bại liệt ở trẻ nhỏ là 10-7, nghĩa là cứ 10 triệu trẻ em uống vacxin Sabin thì có một em tai nạn loại này. Điều này không ngăn cản được việc sử dụng vacxin này bởi lẽ tỉ lệ đó được xem là chấp nhận được.

Nguy cơ trên cũng có thể xảy ra do chế phẩm vacxin nhiễm các tác nhân gây bệnh khác vào. Điều này có thể hạn chế bằng các quy trình sản xuất, bảo quản và sử dụng chặt chẽ.

b. Bệnh miễn dịch

Thử nghiệm vacxin phòng bệnh dại trên cừu cho thấy có xác suất gây EAE, một bệnh tự miễn trên hệ thần kinh khoảng 1/3000 - 1/1000. Lý do có thể là do vacxin chiết xuất từ não chó đã mang theo cả những mẩu protein của tế bào thần kinh, khi tạo miễn dịch cơ thể (được tiêm) đã tạo ra cả kháng thể chống lại cấu trúc thần kinh của mình.

Vac xin phòng ho gà có thể gây sốc kèm di chứng thần kinh với xác suất 10^{-4} - 10^{-6}. Việc tinh lọc vacxin này sẽ làm tăng mức an toàn khi sử dụng nhưng đồng nghĩa với việc làm giảm hiệu quả của nó.

c. Sốc quá mẫn

Thường xảy ra ngay sau khi tiêm vacxin do vacxin chứa lượng độc tố cao chưa được vô hoạt triệt để. Biểu hiện của quá trình này thường là con vật khó thở, niêm mạc mắt, mũi

đỏ ửng, các cơ đặc biệt là các cơ vân rung mạnh, các triệu chứng thần kinh kèm theo như giãy giụa, kêu rống. Nặng hơn còn có thể gặp là hiện tượng ỉa đái lung tung, sùi bọt mép, niêm mạc tím tái...

Khi động vật sốc quá mẫn phải can thiệp khẩn trương, kịp thời bằng cách đưa ngay động vật vào nơi thoáng mát yên tĩnh ở tư thế đầu cao hơn đuôi cho động vật dễ thở, xoa bóp vùng ngực để tăng cường hô hấp và nhịp tim. Dùng các loại thuốc kháng Histamin như: Dimedron, Ephedrin, Phenegan, Adrenalin..., kết hợp truyền dung dịch sinh lý mặn hoặc sinh lý ngọt có trộn thêm vitamin B1 hoặc vitamin C.

d. Tạo ra những biến chủng mới

Điều này xảy ra khi kháng nguyên được đưa vào có cấu trúc giống với kháng nguyên hiện có trong cơ thể của vật nuôi, hiện tượng này cũng có thể gặp khi sử dụng các loại vacxin nhược độc kém chất lượng. Điều đó lý giải tại sao chúng ta chỉ có thể tiêm vacxin H5N2 cho gà để phòng cúm A H5N1 (vacxin dị chủng).

Ở người, đã có một số thảm họa vacxin xảy ra trên thế giới mà lịch sử phát triển vacxin đã phải ghi nhận:

* Thảm họa Mulkowal: Xảy ra vào tháng 10 năm 1902 ở Mulkowal, Ấn Độ, 19 người chết vì uốn ván sau khi tiêm vacxin dịch hạch bất hoạt toàn tế bào, đó là do vacxin này bị nhiễm khuẩn trong quá trình sản xuất tại cơ sở Haffkine ở Bombay, Ấn Độ.

* Thảm họa Lucbeck: Ở Lucbeck, Đức khoảng 250 trẻ em đã tình cờ bị cho uống vi khuẩn lao độc thay vì vacxin BCG không độc. Đó là sự nhầm lẫn trong phòng thí nghiệm do để chung vi khuẩn lao độc và vi khuẩn lao không độc để sản xuất vacxin. Kết quả là 72 trẻ chết do lao trong vòng 12 tháng. Từ thảm họa này, người ta đã đưa ra những quy định đảm bảo an toàn cho phòng thí nghiệm và đội ngũ nhân viên.

* Thảm họa Cutter: Vacxin bại liệt bất hoạt Salk sản xuất tại Mỹ đã được cơ quan kiểm định quốc gia FDA cấp đăng ký sử dụng. Tháng 4 năm 1955, có 120.000 trẻ em được tiêm lô vacxin Salk sản xuất tại Cutter, California. Kết quả là 60 trẻ em bị liệt, nguyên nhân do phạm sai lầm trong sản xuất, xử lý không đủ nồng độ formaline nên virus bại liệt cường độc trong vacxin vẫn còn sống.

* Thảm họa vacxin cúm lợn: Mùa xuân 1976 ở Mỹ, từ vụ dịch cúm gây chết người, người ta đã phân lập được một chủng virus cúm từ lợn có công thức kháng nguyên HSw1N1, chủng virus này có cấu trúc kháng nguyên giống với virus cúm đã gây đại dịch năm 1918 - 1919 với đặc tính gây tử vong cao. Cơ quan y tế Mỹ cho sản xuất vacxin cúm từ chủng virus này để dùng rộng rãi trước mùa phát dịch. Tháng 12 năm 1976, khoảng 45 triệu liều vacxin cúm lợn đã được dùng cho người. Ngay sau đó, những người được tiêm vacxin xuất hiện hội chứng viêm đa thần kinh nặng.

II. QUY ĐỊNH VỀ VIỆC TIÊM PHÒNG BẮT BUỘC VACXIN CHO GIA SÚC VÀ GIA CẦM Ở VIỆT NAM

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

(1). Quy định này được áp dụng đối với gia súc, gia cầm trong diện phải tiêm phòng tại các hộ gia đình, cá nhân, cơ sở chăn nuôi động vật tập trung.

(2). Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài có hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân theo qui định này.

2. Giải thích thuật ngữ

(1). Gia súc, gia cầm thuộc diện tiêm phòng là gia súc, gia cầm trong vùng quy định phải tiêm phòng và có đủ điều kiện để tiêm phòng (không tính gia súc đang mắc bệnh, có chửa kỳ cuối, gia súc mới sinh).

(2). Tiêm phòng định kỳ là tiêm phòng vào thời gian nhất định được quy định trong năm tùy theo từng bệnh.

(3). Tiêm phòng bổ sung là tiêm phòng ngoài thời gian tiêm định kỳ đối với gia súc mới sinh đến độ tuổi tiêm phòng, gia súc mới nhập đàn, gia súc chưa được tiêm trong lần tiêm định kỳ.

(4). Tiêm phòng khẩn cấp là tiêm phòng khi xảy ra dịch bệnh.

3. Các bệnh phải tiêm phòng, tỷ lệ tiêm phòng

(1). Các bệnh phải tiêm phòng bắt buộc, bao gồm:

Bệnh lở mồm long móng

Bệnh dịch tả lợn

Bệnh nhiệt thán

Bệnh tụ huyết trùng trâu bò, lợn

Bệnh dại

Bệnh Newcastle

Bệnh dịch tả vịt

Bệnh cúm gia cầm (chỉ tiêm ở vùng dịch tễ)

Khi tiêm phòng những bệnh trên đây, tỷ lệ tiêm phòng phải đạt 100% cho gia súc, gia cầm trong diện tiêm.

(2). Những bệnh khác: tiêm phòng để khống chế, thanh toán dịch bệnh theo đề nghị của Cục Thú y.

4. Tiêm phòng đối với từng bệnh

4.1. Bệnh lở mồm long móng

(1). Đối tượng tiêm phòng bao gồm trâu, bò, dê, cừu, lợn nái, lợn đực giống.

(2). Phạm vi tiêm phòng:

a) Tiêm phòng định kỳ đối với các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) có biên giới với các nước khác; các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) đã xảy ra dịch trong vòng 2 năm trước đó.

Tiêm 2 lần trong năm, lần sau cách lần trước 6 tháng; thời gian tiêm vào tháng 3 - 4 và tháng 9 - 10 hàng năm.

b) Tiêm phòng khẩn cấp khi có dịch xảy ra: tiêm gia súc mẫn cảm với bệnh tại các thôn, ấp, xã, huyện xung quanh nơi xảy ra dịch, tiêm từ ngoài vào trong. Chi cục Thú y quyết định vùng tiêm tùy theo tính chất lây lan của bệnh.

(3). Chế độ tiêm phòng:

a) Đối với vùng biên giới tiêm liên tục 5 năm. Thời gian tiêm có thể kéo dài, vùng tiêm có thể thu hẹp tùy theo tình hình dịch bệnh tại nơi đó và tình hình dịch bệnh ở nước láng giềng.

b) Đối với vùng ổ dịch cũ (bao gồm vùng có dịch và vùng bị dịch uy hiếp) không thuộc vùng biên giới; tiêm liên tục trong 2 năm, sau đó không tiêm nữa nếu trong thời gian 2 năm đó không xảy ra dịch.

c) Những tỉnh nằm trong vùng dự kiến thanh toán bệnh không phải tiêm phòng.

(4). Liều lượng, đường tiêm, gia súc trong diện tiêm theo hướng dẫn của nhà sản xuất vacxin và Cục Thú y.

4. 2. Bệnh dịch tả lợn

(1). Đối tượng tiêm phòng: tất cả các loại lợn trong diện tiêm phòng.

(2). Phạm vi tiêm phòng: các cơ sở chăn nuôi tập trung, chăn nuôi hộ gia đình trong phạm vi cả nước.

(3). Tiêm phòng định kỳ mỗi năm 2 lần vào tháng 3 - 4 và 9 - 10 hàng năm.

(4). Tiêm phòng bổ sung đối với lợn mới sinh, mới nhập về chưa được tiêm trong thời gian tiêm định kỳ.

(5). Tiêm phòng khẩn cấp: khi có dịch xảy ra, tiêm thẳng vào ổ dịch trong phạm vi xã có dịch.

(6). Liều lượng, đường tiêm, lợn trong diện tiêm theo hướng dẫn của nhà sản xuất vacxin.

4. 3. Bệnh nhiệt thán

(1). Đối tượng tiêm phòng: trâu, bò, ngựa.

(2). Phạm vi tiêm phòng: các tỉnh có dịch trong thời gian 10 năm tính từ ổ dịch cuối cùng.

(3). Tiêm phòng định kỳ mỗi năm 2 lần vào tháng 3 - 4 và 9 - 10 hàng năm.

(4). Tiêm phòng bổ sung đối với gia súc mới sinh, gia súc thuộc diện tiêm phòng mới nhập về.

(5). Liều lượng, đường tiêm, gia súc trong diện tiêm theo hướng dẫn của nhà sản xuất vacxin

4. 4. Bệnh tụ huyết trùng

(1). Đối tượng tiêm phòng: trâu, bò, lợn.

(2). Phạm vi tiêm phòng: các cơ sở chăn nuôi tập trung, chăn nuôi hộ gia đình trong phạm vi cả nước.

(3). Tiêm phòng định kỳ mỗi năm 2 lần vào tháng 3 - 4 và 9 - 10 hàng năm.

(4). Tiêm phòng bổ sung đối với gia súc mới sinh, gia súc thuộc diện tiêm phòng mới nhập về.

(5). Liều lượng, đường tiêm, gia súc trong diện tiêm theo hướng dẫn của nhà sản xuất vacxin

4. 5. Bệnh lợn đóng dấu.

(1). Đối tượng tiêm phòng: lợn các lứa tuổi (trừ lợn con đang theo mẹ).

(2). Phạm vi tiêm phòng: các cơ sở chăn nuôi tập trung, chăn nuôi hộ gia đình

(3). Tiêm phòng định kỳ năm 2 lần. Có thể tiêm bổ sung theo lứa tuổi.

(4). Liều lượng, đường tiêm, gia súc trong diện tiêm theo hướng dẫn của nhà sản xuất vacxin

4. 6. Bệnh dại

(1). Đối tượng tiêm phòng: chó, mèo nuôi.

(2). Phạm vi tiêm phòng: cá nhân, tổ chức trong phạm vi cả nước.

(3). Tiêm phòng định kỳ mỗi năm 1 lần bằng vacxin tế bào.

(4). Tiêm phòng bổ sung cho chó, mèo mới sinh.

(5). Liều lượng, đường tiêm, gia súc trong diện tiêm theo hướng dẫn của nhà sản xuất vacxin.

4. 7. Bệnh Newcastle

(1). Đối tượng tiêm phòng: gà các lứa tuổi.

(2). Phạm vi tiêm phòng: các cơ sở chăn nuôi tập trung, chăn nuôi hộ gia đình trong phạm vi cả nước.

(3). Tiêm phòng định kỳ mỗi năm 2 lần. Tùy theo lứa tuổi gà, loại vacxin. Có thể nhỏ vacxin vào mắt, mũi hoặc tiêm đối với chăn nuôi hộ gia đình, cá nhân. Đối với các cơ sở chăn nuôi tập trung tiêm phòng theo lịch.

(4). Liều lượng, đường tiêm, gia cầm trong diện tiêm theo hướng dẫn của nhà sản xuất vacxin.

4. 8. Bệnh dịch tả vịt

(1). Đối tượng tiêm phòng: vịt, ngan các lứa tuổi

(2). Phạm vi tiêm phòng: các cơ sở chăn nuôi tập trung, chăn nuôi hộ gia đình trong phạm vi cả nước.

(3). Tiêm phòng định kỳ mỗi năm 2 lần, tùy theo lứa tuổi.

(4). Liều lượng, đường tiêm, gia cầm trong diện tiêm theo hướng dẫn của nhà sản xuất vacxin.

4. 9. Bệnh cúm gia cầm.

(1). Đối tượng tiêm phòng: gà, vịt, ngan... các lứa tuổi.

(2). Phạm vi tiêm phòng: các địa phương, các cơ sở chăn nuôi tập trung, các nông hộ nhưng chỉ tiêm ở vùng dịch tễ (các ổ dịch cũ và các vùng có nguy cơ cao)

(3) Tiêm phòng định kỳ: năm 2 lần, có tiêm bổ xung theo lứa tuổi.

(4) Liều lượng, đường tiêm, gia cầm trong diện tiêm theo hướng dẫn của nhà sản xuất vacxin.

5. Trách nhiệm thực hiện

(1). Tổ chức, cá nhân chăn nuôi động vật phải nghiêm chỉnh chấp hành bản Quy định này.

(2). Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thú y các tỉnh, thành phố trực thuộc

trung ương có trách nhiệm lập kế hoạch và tổ chức thực hiện việc tiêm phòng, hướng dẫn việc sử dụng, bảo quản vacxin.

(3). Cục Thú y có trách nhiệm hướng dẫn việc tiêm phòng bắt buộc vacxin cho gia súc, gia cầm khi có dịch bệnh xảy ra.

Chương 3
LỊCH SỬ DỤNG VACXIN PHÒNG BỆNH CHO GIA SÚC, GIA CẦM

I. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG VỀ LỊCH TIÊM PHÒNG

1. Trường hợp không có dịch xảy ra

Trong tài liệu này trình bày lịch tiêm phòng chung theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và hướng dẫn của Cục Thú y.

Theo hướng dẫn của Cục Thú y, tiêm vacxin theo định kỳ 2 lần/năm và có tiêm bổ sung tùy loại dịch bệnh khi mà thời gian miễn dịch của gia súc, gia cầm đã gần hết hoặc đã hết để tạo miễn dịch khép kín cho vật nuôi.

Thí dụ: Tiêm vacxin chết keo phèn phòng bệnh đóng dấu cho lợn, lợn có miễn dịch kéo dài 7 tháng nên người ta tiêm vacxin 2 lần/năm cho lợn.

Tiêm vacxin Rabisin cho chó, chó có miễn dịch từ 12 - 14 tháng nên tiêm định kỳ cho chó: 12 tháng/lần.

Lịch tiêm phòng cho gia súc, gia cầm ở các vùng sinh thái và ở các điều kiện sản xuất cần phải thay đổi và theo hướng dẫn cụ thể của các cơ quan thú y vùng và phải tổ chức tập huấn cho các chi cục thú y trong mỗi vùng, vì:

- Mỗi vùng, các bệnh truyền nhiễm ở gia súc và gia cầm lưu hành theo các đặc điểm dịch tễ khác nhau. Các đặc điểm dịch tễ lại phụ thuộc vào điều kiện sinh thái và khí tượng thủy văn. Đây là các điều kiện làm cho dịch bệnh phát sinh và phát triển khác nhau trong mỗi vùng. Thí dụ: các tỉnh miền Bắc có 4 mùa rõ rệt (xuân, hạ, thu, đông). Ở các tỉnh từ Nam Trung Bộ, Tây Nguyên đến vùng đồng bằng sông Cửu Long lại chỉ chia ra hai mùa là mùa mưa và mùa khô, khí hậu nóng quanh năm. Tụ huyết trùng lợn thường xảy ra dịch vào mùa mưa ở phía Bắc và phải tiêm vacxin vào trước mùa mưa, khoảng tháng 3 nhưng ở miền Nam lại phải tiêm vacxin vào trước mùa mưa, khoảng tháng 6.

- Lịch tiêm phòng còn phụ thuộc vào điều kiện sản xuất nông nghiệp. Thí dụ: tổ chức tiêm vacxin phòng bệnh cho vật nuôi ở các tỉnh phía Bắc phải tiêm vào hai thời điểm làm xong vụ lúa chiêm xuân và lúa mùa vào khoảng tháng 3 - 4 và 8 - 9 hàng năm.

Các cơ sở chăn nuôi quy mô lớn, các trang trại và gia trại không phụ thuộc vào mùa vụ sản xuất nông nghiệp thì người ta thường tổ chức tiêm vacxin cho gia súc, gia cầm vào trước mùa dịch bệnh phát sinh. Nhưng khi tiêm vacxin cho gia súc, gia cầm thì các tỉnh và các cơ sở chăn nuôi cần có kế hoạch phù hợp và tham khảo các cơ quan thú y vùng (7 cơ quan thú y vùng)

Chúng tôi xin giới thiệu địa chỉ của 7 cơ quan vùng như sau:

(1) Cơ quan thú y vùng I: Số 50, ngõ 102 Trường Chinh - Phương Mai - Hà Nội - ĐT: 04.38692627

(2) Cơ quan thú y vùng II: Số 23 Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng - ĐT: 031383654

(3) Cơ quan thú y vùng III: Tp Vinh Nghệ An - 0383535741

(4) Cơ quan thú y vùng IV: Số 12 Trần Quý Cáp - Hải Châu - Tp. Đà Nẵng - ĐT: 05113822515

(5) Cơ quan thú y vùng V: Tổ 5 - Khối 8 - Tân An - Tp.Buôn Ma Thuật - Đắc Lắc - ĐT: 05003877795

(6) Cơ quan thú y vùng VI: Số 124 Phạm Thế Hiền - phường 2 - Quận 8 - Tp.Hồ Chí Minh ĐT: 0839830717.

(7) Cơ quan thú y vùng VII: Số 88 Đường Cách mạng Tháng 8 - Tp.Cần Thơ - tỉnh Cần Thơ ĐT: 0710.3820203

2. Biện pháp tiêm phòng khi có dịch xảy ra:

Có thể tiêm vacxin vào ổ dịch để dập dịch và tiêm vacxin xung quanh ổ dịch để khống chế dịch lây lan.

- Theo quy định của Cục thú y một số vacxin được tiêm thẳng vào ổ dịch để dập tắt dịch. Thí dụ: Vacxin dịch tả lợn chủng C, được tiêm thẳng vào ổ dịch tả lợn. Lợn mang trùng, đang ủ bệnh sẽ phát bệnh ngay và xử lý kịp thời (diệt lợn bệnh và khống chế được dịch). Còn những lợn khỏe sẽ được miễn dịch sau tiêm 7 - 10 ngày. Vacxin tụ huyết trùng trâu bò keo phèn hay nhũ hóa cũng được tiêm thẳng vào ổ dịch. Trâu bò đã nhiễm khuẩn sẽ phát bệnh và được điều trị kịp thời. Còn đàn trâu bò khỏe sẽ được miễn dịch sau 2 tuần lễ, chống lại được vi khuẩn xâm nhập.

Khi có dịch muốn tiêm thẳng vào ổ dịch tùy từng loại dịch bệnh cần hỏi ý kiến của Chi cục Thú y tỉnh.

- Một số bệnh dịch không được tiêm vacxin vào ổ dịch vì vật nuôi ủ bệnh sẽ phát bệnh nhanh, chết nhanh không điều trị được và không xử lý kịp.

Thí dụ 1: Vacxin cúm gia cầm vô hoạt H5N1 khi tiêm vào ổ dịch, gà ủ bệnh sẽ phát bệnh, lây lan sang gia cầm khỏe, chết sau 3 giờ đến 3 ngày, chết hàng loạt.

Thí dụ 2: Vacxin lở mồm long móng cấm không được tiêm vào thẳng ổ dịch mà phải tiêm phòng cho trâu bò, lợn từ vùng an toàn xung quanh ổ dịch theo hình xoáy ốc vào gần vùng có dịch (vùng đệm).

Thí dụ 3: Vacxin nhiệt thán trâu bò không được tiêm vào ổ dịch vì trâu bò ủ bệnh sẽ phát bệnh cần được điều trị; nhưng đây là bệnh có thể lây sang người nên chỉ được tiêm vacxin bao vây ổ dịch tạo miễn dịch cho đàn trâu bò khỏe.

II. LỊCH TIÊM PHÒNG CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG VẬT NUÔI

1. Lịch sử dụng vacxin phòng bệnh cho trâu, bò

Vacxin	Trình bày	Thời gian MD (tháng)	Định kỳ/năm (lần)	Thời gian tiêm (tháng)	Liều lượng (ml/con)	Ghi chú
LMLM	100ml có 33 liều	6	2	3 - 4, 9 - 10	3	Bê nghé 2 - 4 tháng tiêm mũi đầu
Nhiệt thán (nhược độc nha bào)	Lọ 50 ml/50 liều	12	2	3 - 4, 9 - 10 (bổ sung)	1	Bê nghé 2 - 4 tháng tiêm mũi đầu
THT chủng Robert vô hoạt		9	1 (tiêm trước mùa mưa 1tháng)		2	
THT chủng Iran vô hoạt		9	1 (tiêm trước mùa mưa 1tháng)		2	
THT P52 vô hoạt		12	1	3 - 4	5	Tiêm bổ sung hàng tháng
THT chủng T1, T2, T3 vô hoạt		5 - 6	1	3 - 4, 8 - 9	2 -	

2. Lịch sử dụng vacxin phòng bệnh cho lợn

LỊCH CHUNG SỬ DỤNG VACXIN CHO LỢN

Loại vacxin	Thời gian miễn dịch (tháng)	Định kỳ/ năm (lần)	Thời gian tiêm phòng	Liều lượng (ml/con)	Đối tượng			
					Lợn con	Lợn thịt	Lợn nái	Đực giống
Dịch tả lợn	12	2 (có bổ sung)	tháng 3 - 4 và 8 - 9	1	30 - 45 ngày tuổi/ tiêm mũi đầu	Không tiêm mũi 3	1 lần/ năm	
Đóng dấu lợn vô hoạt	9	2	3 - 4 và 8 - 9	2 - 3	>2 tháng/ tiêm lần đầu		2 lần/ năm	
Đóng dấu lợn VR_2 nhược độc	8 - 12	2	3 - 4 và 8 - 9	1 - 2	>2 tháng/ tiêm lần đầu		2 lần/ năm	
Tụ huyết trùng vô hoạt - keo phèn	6 - 9	2	Trước mùa mưa 1 tháng	2	>2 tháng tiêm lần đầu, nhắc lại sau 3 tuần			
Tụ huyết trùng nhũ hóa				2ml/ bắp sâu				
Phó thương hàn lợn vô hoạt keo phèn	4 - 5				20 ngày tuổi tiêm lần 1, nhắc lại sau 2 tuần			
Leptospirosis vô hoạt	6 - 9			2 - 5	>2 tháng tiêm lần đầu, nhắc lại sau 3 tuần			
Lở mồm long móng	6	2	3 - 4 và 9 - 10		2 tuần tuổi - 2 tháng tuổi tiêm lần đầu			2 lần/ năm

LỊCH TIÊM PHÒNG VACXIN CHO LỢN CON

Tuần tuổi	Vacxin	Cách sử dụng	Phòng bệnh
1	Respisure	Tiêm bắp, dưới da	Suyễn lợn
2	Respisure	Tiêm bắp, dưới da	Suyễn lợn
3			
4	Lở mồm long móng	Tiêm bắp, dưới da	Lở mồm long móng
5	Pestiffa	Tiêm bắp, dưới da	Lở mồm long móng

LỊCH TIÊM PHÒNG VACXIN CHO LỢN HẬU BỊ

Tuần trước khi phối	Vacxin	Cách sử dụng	Phòng bệnh
7	Respisure	Tiêm dưới da	Suyễn lợn
6	Pr - Vac - Plus (Pseudorabies nhược độc tự nhiên) + Farrowsure B (Parvovirus - 6 chủng Leptospira và đóng dấu lợn)	Tiêm dưới da	Viêm phổi do Pseudomonas + Parvovirus + Leptospira + Đóng dấu lợn
5	Lở mồm long móng	Tiêm dưới da	Lở mồm long móng
4	Respisure	Tiêm dưới da	Suyễn lợn
3	Farrowsure B (Parvovirus - 6 chủng Leptospira và đóng dấu lợn)	Tiêm dưới da	Parvovius và Leptospira
2	0		
1	0		
Phối	0		

LỊCH TIÊM PHÒNG VACXIN CHO LỢN NÁI

Tuần trước khi phối	Vacxin	Cách sử dụng	Phòng bệnh
12	Dịch tả, lở mồm long móng	Tiêm dưới da	Dịch Tả lợn + Lở mồm long móng
13	Pr - Vac - Plus, Farrowsure B	Tiêm dưới da	Viêm phổi do Pseudomonas + Parvovirus + Leptospira + Đóng dấu lợn
14	0		
15	0		
16	Lợn đẻ		
2 (sau khi sinh)	0		
Cai sữa	0		

Ghi chú: - Respisure: Vacxin phòng bệnh Suyễn do Mycoplasma hyopneumonia (Hãng Prizer sản xuất)

- Pr - Vac - Plus (Pseudorabies nhược độc tự nhiên)

- Farrowsure B (Parvovirus - 6 chủng Leptospira và đóng dấu lợn)

3. Lịch sử dụng vacxin phòng bệnh cho gà

LỊCH TIÊM PHÒNG VACXIN CHO ĐÀN GÀ GIỐNG THỊT

Ngày tuổi	Vacxin sử dụng	Phòng bệnh
7	Lasota lần 1 (nhỏ mắt, miệng)	Newcastle
7	Chủng đậu lần 1	Đậu gà
7	Vacxin Gumboro lần 1 (Nhỏ mắt, miệng)	Gumboro
15	Vacxin Gumboro lần 2	Gumboro
25	Vacxin Gumboro lần 3	Gumboro
30	Lasota lần 2	Newcastle
51	Tiêm Newcastle Hệ I (Lần 1)	Newcastle
112	Chủng đậu lần 2	Đậu gà
140	Tiêm Newcastle Hệ I (Lần 2)	Newcastle
226	Tiêm Newcastle Hệ I (Lần 3)	Newcastle

LỊCH TIÊM PHÒNG VACXIN CHO ĐÀN GÀ GIỐNG TRỨNG

Ngày tuổi	Vacxin sử dụng	Phòng bệnh
5	Vacxin Gumboro lần 1 (nhỏ mắt, miệng)	Gumboro
7	Lasota lần 1(nhỏ mắt, miệng)	Newcastle
7	Chủng đậu	Đậu gà
15	Vacxin Gumboro lần 2	Gumboro
25	Vacxin Gumboro lần 3	Gumboro
30	Lasota lần 2	Newcastle
45	Lasota lần 3	Newcastle
63	Tiêm Newcastle Hệ I	Newcastle
112	Chủng đậu lần 2	Đậu gà
115	Tiêm phòng Gumboro bằng vacxin dầu	Gumboro
140	Tiêm Newcastle Hệ I	Newcastle
226	Tiêm Newcastle Hệ I	Newcastle

LỊCH TIÊM PHÒNG VACXIN CHO ĐÀN GÀ THƯƠNG PHẨM TRỨNG

Ngày tuổi	Vacxin sử dụng	Phòng bệnh
5	Chủng đậu + Nhỏ vacxin Gumboro lần 1	Đậu gà + Gumboro
7	Lasota lần 1(nhỏ mắt, miệng)	Newcastle
7	Chủng đậu lần 2	Đậu gà
15	Vacxin Gumboro lần 2	Gumboro
25	Vacxin Gumboro lần 3	Gumboro
30	Lasota lần 2	Newcastle
45	Lasota lần 3	Newcastle
63	Tiêm Newcastle Hệ I	Newcastle
112	Chủng đậu lần 3	Đậu gà
140	Tiêm Newcastle Hệ I	Newcastle
226	Tiêm Newcastle Hệ I	Newcastle

LỊCH TIÊM PHÒNG VACXIN CHO ĐÀN GÀ THƯƠNG PHẨM

Ngày tuổi	Vacxin sử dụng	Phòng bệnh
1	Gumboro 1(nhỏ mắt, miệng)	Gumboro
7	Chủng đậu	Đậu gà
7	Lasota lần 1(nhỏ mắt, miệng)	Newcastle
10	Gumboro lần 2	Gumboro
20	Gumboro lần 3	Gumboro
25	Lasota lần 2	Newcastle
40	Tiêm Newcastle Hệ I	Newcastle

4. Lịch sử dụng vacxin phòng bệnh cho vịt - ngan

Ngày tuổi	Vacxin	Liều lượng và cách sử dụng
VỊT GIỐNG		
2 tuần tuổi	Vacxin H_5N_1 (Trung Quốc) mũi 1	0,5 ml/con, tiêm bắp hoặc dưới da
6 tuần tuổi	Vacxin H_5N_1 (Trung Quốc) mũi 2 (Sau 5 tháng tiêm nhắc lại)	1 ml/con, tiêm bắp hoặc dưới da
7 tuần tuổi	Viêm gan vịt - ngan Dịch tả vịt Mũi 1	Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da (Liều: theo khuyến cáo nhà sản xuất)
Trước đẻ 2 tuần	Viêm gan vịt - ngan Dịch tả vịt Mũi 2	
VỊT CON		
Từ 1 - 7 ngày tuổi	Viêm gan vịt – ngan	Tiêm bắp, dưới da, nhỏ mắt, nhỏ mũi, cho uống.
	Dịch tả vịt	Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da
2 tuần tuổi	Vacxin H_5N_1 (Trung Quốc) mũi 1	0,5 ml/con, tiêm bắp hoặc dưới da
6 tuần tuổi	Vacxin H_5N_1 (Trung Quốc) mũi 2 (Sau 5 tháng tiêm nhắc lại)	1 ml/con, tiêm bắp hoặc dưới da

5. Lịch sử dụng vacxin phòng bệnh cho chó - mèo

Tuần tuổi	Vacxin	Cách dùng	Phòng bệnh
7	Tetradog (lần 1)	Tiêm bắp, dưới da	Bệnh sài sốt, bệnh do Adenovirus gây ra, bệnh do Parvovirus và bệnh xoắn khuẩn
10	Tetradog (lần 2)	Tiêm bắp, dưới da	(như trên)
12	Rabisin vô hoạt	Tiêm bắp, dưới da	phòng bệnh chó dại

Chương 4
MỘT SỐ VACXIN ĐÃ ĐƯỢC SỬ DỤNG CÓ HIỆU QUẢ Ở VIỆT NAM

I. VACXIN DÙNG CHO TRÂU BÒ

1. VACXIN NHA BÀO NHIỆT THÁN ĐÔNG KHÔ

Đặc tính:

- Là vacxin sống, đông khô, chứa nha bào nhiệt thán nhược độc chủng Stern 34.

- Là vacxin sống, đông khô, chứa nha bào nhiệt thán nhược độc chủng Stern 34 F2.

- Vacxin an toàn, tạo miễn dịch tốt khi tiêm cho gia súc.

- Chủng nha bào nhiệt thán Stern 34 F2 có tính ổn định cao, hoàn toàn vô độc với người và gia súc.

Chỉ định:

Dùng gây miễn dịch chủ động phòng bệnh nhiệt thán cho trâu, bò, dê, cừu, ngựa và lợn khỏe mạnh.

Thành phần:

- Mỗi liều vacxin cho trâu bò chứa 10^7 nha bào nhiệt thán nhược độc chủng Stern 34F2.

- Mỗi liều vacxin cho dê, cừu, lợn chứa 5 x 10^6 nha bào.

- Chất bổ trợ: Sữa không kem.

Cách sử dụng:

- Dùng nước sinh lý để pha vacxin với lượng, mỗi liều ghi trên nhãn chai bằng 1ml.

- Lắc kỹ vacxin trước khi dùng.

- Tiêm dưới da cho trâu bò trên 4 tháng tuổi, liều 1ml/con.

- Tiêm dưới da cho dê, cừu, lợn trên 3 tháng tuổi, liều 0.5 ml/con.

Chú ý:

- Sau khi pha sử dụng vacxin trong ngày.

- Chai vacxin dùng xong phải được ngâm vào chất sát trùng hay luộc sôi trước khi bỏ đi.

Trình bày: Đóng chai 10 liều, 20 liều.

Bảo quản:

- Để vacxin ở nhiệt độ 2^0C - 8^0C. Không để vacxin vào ngăn đông.

- Hạn dùng 6 tháng ở nhiệt độ thường, nơi mát, tối, khô.

Nhà sản xuất và phân phối:

Công ty Thuốc thú y Trung ương

29 Nguyễn Đình Chiểu, quận I, TP. Hồ Chí Minh - ĐT: (8408) 3.8225063

Chi nhánh:

Số 164 phố Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - ĐT: (84.4) 8691003

2. VACXIN LỞ MỒM LONG MÓNG (FMD)

(Foot and Mouth Disease vaccine)

- Gồm bốn loại: O Manisa, O Mannisia + A22, O Manisa + Asia 1 Shamir, O Manisa + A22 + Asia 1 Shamir (Hiện nay theo yêu cầu của Cục thú y, Cộng hòa Liên bang Nga đã bổ sung thêm Amay 97 để phù hợp hơn).

- Được sản xuất tại Federal Centre for Animal Health (FGI "ARRIAH"), Cộng hòa Liên bang Nga.

- Đã được Viện Thú y khảo nghiệm (với sự cho phép của Bộ Nông nghiệp & PTNT), đạt kết quả tốt và chính thức được phép lưu hành tại Việt Nam.

Thành phần của vacxin:

- Kháng nguyên virus Lở mồm long móng được nuôi cấy trên tế bào BHK-21, mỗi liều vacxin chứa tối thiểu 6PD 50 (Liều bảo hộ 50%).

- Chất vô hoạt: 1,2 aminoethyleneimine.

- Chất bổ trợ: Nhũ dầu.

Công dụng:

Vacxin dùng phòng bệnh Lở mồm long móng cho lợn và các loài động vật nhai lại khoẻ mạnh.

Chỉ định và liều lượng sử dụng:

- Loài chỉ định: Dùng tiêm phòng bệnh cho lợn và các loài nhai lại.

- Liều dùng: Lợn: Tiêm bắp thịt, 2ml/con

Trâu bò: Tiêm dưới da, 2ml/con

Dê, cừu: Tiêm dưới da, 2ml/con

Chú ý:

- Không dùng vacxin cho vật nuôi bị bệnh hay ốm yếu.

- Lọ vacxin phải được giữ lạnh cho đến khi dùng.

- Không dùng lọ vacxin có hiện tượng bị nứt, vỡ.

- Sau khi mở, lọ vacxin dùng trong 10 giờ.

- Bơm tiêm và kim tiêm phải được tiệt trùng trước khi sử dụng và thay kim thường xuyên.

Trình bày: Chai 20ml, 50ml, 100ml, 200ml.

Bảo quản:

- Nhiệt độ bảo quản 2^0C đến 8^0C.

- Không được để vacxin vào ngăn đông.

- Trong quá trình vận chuyển phải giữ trong thùng xốp đá lạnh (hoặc đá khô), tránh nóng và ánh sáng trực tiếp.

- Hạn dùng 18 tháng kể từ ngày sản xuất khi bảo quản ở 2^0C đến 8^0C.

Nhà nhập khẩu và phân phối: Công ty Thuốc thú y Trung ương

29 Nguyễn Đình Chiểu, quận I, TP. Hồ Chí Minh - ĐT: (8408) 3.8225063

Chi nhánh:

Số 164 phố Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - ĐT: (84.4) 8691003

3. VACXIN POSI - FMD (TRIVALENT)

(Vaxin vô hoạt, dạng dầu, tam giá phòng bệnh Lở mồm long móng. Dùng lợn, trâu, bò, dê và cừu.)

Thành phần:

Mỗi liều vacxin gồm có:

TT	Thành phần	Số lượng (mỗi 2ml)	Hoạt tính	Không hoạt tính
1	Kháng nguyên FMD O1, A và Asia 1	>3.0 PD 50	Có	-
2	Dầu Montanide ISA 206	1,0ml	-	Không
3	Thiomersol IP	0,01ml	-	Không
4	Chất muối hoà tan Thiosulphate	0,0001935ml	-	Không
5	Dung môi đệm Phosphate	Vừa đủ	-	Không

- Virus được nuôi cấy trên môi trường tế bào BHK

- Chất vô hoạt: Ethylenimine

- Chất bổ trợ: Dầu montanide ISA 206

- Chất bảo quản: Thiomersol

- Chất làm vô hoạt cho BEI: Dung dịch muối thiosulphate.

Chỉ định: Dùng tiêm phòng cho lợn, trâu bò, bê, dê và cừu để phòng chống bệnh Lở mồm long móng.

Cách dùng và liều lượng:

- Lọ vacxin phải được giữ lạnh cho đến khi sử dụng và mỗi lọ phải được lắc đều trước khi tiêm.

- Bơm tiêm và kim tiêm phải được tiệt trùng trước khi sử dụng.

- Vacxin được tiêm sâu bắp thịt ở những vùng da sạch, khô để tránh bị nhiễm trùng. Tiêm vùng giữa cổ. Đối với lợn tiêm vùng cơ phía sau tai.

- Thời gian tiêm:

+ Tiêm phòng lần đầu tiên: 4 tháng tuổi (trâu, bò, dê, cừu).

+ Tiêm phòng lần đầu tiên: 2 tháng tuổi (lợn).

+ Tiêm tăng cường: 9 tháng sau mũi đầu (trâu, bò, dê, cừu).

+ Tiêm nhắc lại: cứ 12 tháng sau đó (trâu, bò, dê, cừu).

+ Tiêm nhắc lại: cứ 6 tháng sau đó (lợn).

- Liều dùng:

+ Trâu bò, bê và lợn: 2ml/con.

+ Cừu, dê: 1ml/con

Chống chỉ định: Không

Chú ý:

- Không có phản ứng phụ.

- Miễn dịch kéo dài 24 tháng.

- Cần tránh tạp nhiễm vi khuẩn mỗi khi rút vacxin POST - FMD Trivalent ra khỏi lọ.

- Hủy bỏ vacxin thừa sau mỗi ngày sử dụng.

- Để xa tầm tay trẻ em.

Trình bày: Chai 30ml, chai 50ml, chai 200ml

Bảo quản: Ở nhiệt độ từ 2-8^{0}C, tránh ánh sáng và đông đá.

Hạn dùng: Chỉ định trên nhãn

Nhà sản xuất và phân phối: Công ty Pfizer - VN,

Tầng 7, phòng 7.IB, 364 đường Cộng Hòa, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Tel: (84.8) 38122464, Fax: (84.4) 38122712

4. VACXIN DECIVAC FMD DOE - TRIVALENT

(Vacxin Lở lồm long móng tam giá)

Mô tả sản phẩm:

- Vacxin chứa kháng nguyên virus Lở mồm long móng type O1, A17/82 và Asia 1 vô hoạt, được phối chế với chất bổ trợ nhũ dầu kép là dầu khoáng để bảo đảm tạo miễn dịch sớm và kéo dài.

- Vacxin được kiểm tra độ an toàn, hiệu quả và chỉ định tạo miễn dịch chủ động cho các động vật móng guốc chẵn, đặc biệt là bò, trâu, cừu, dê và lợn.

Hướng dẫn sử dụng:

- Chất bổ trợ nhũ dầu kép có thể bị tách nhẹ ra trong quá trình bảo quản, tuy nhiên chất lượng của vacxin không bị ảnh hưởng.

- Lọ vacxin cần được lắc kỹ trước khi lấy ra để tiêm.

- Vacxin phải được tiêm bắp vào vùng cổ hoặc cơ đùi. Khi tiêm xong cần xoa nhẹ nhàng vùng tiêm để vacxin phân bố đều trên vùng mô lớn.

- Cần thận trọng tiêm từng con trong đàn đúng theo liều khuyến cáo ghi ở phần sau.

Liều lượng: bò, trâu và lợn: 2ml; cừu và dê: 1ml.

Chương trình tiêm phòng:

Chương trình tiêm	Trâu và bò	Cừu, dê và lợn	Ghi chú
Tiêm phòng mũi đầu	Tiêm mũi đầu vào 3-4 tháng tuổi.	Tiêm mũi đầu vào 1-2 tháng tuổi	Có MDA
	Tiêm mũi đầu vào 2-3 tuần tuổi.	Tiêm mũi đầu vào 2-3 tuần tuổi	Không có MDA
Tiêm nhắc lại lần 1	4-6 tuần sau khi tiêm mũi đầu		
Tiêm nhắc lại lần 2	4-6 tháng sau khi tiêm nhắc lại lần 1		
Tiêm định kỳ	Mỗi năm một lần		

* MDA: kháng thể mẹ truyền sang con.

* Khi virus LMLM gây ra dịch địa phương, cần tiêm định kỳ 6 tháng một lần

Tác dụng phụ: Vacxin được vô hoạt hoàn toàn, không gây bất kỳ phản ứng bất lợi nào. Trong thực tế không có biến đổi thân nhiệt sau khi tiêm vacxin. Có thể có sưng nhẹ nơi tiêm ở một số động vật và thường hết sưng sau vài ngày.

Bảo quản: Vacxin phải được bảo quản ở nhiệt độ từ 2-8^{0}C. Nhiệt độ trên 8^{0}C gây ảnh hưởng bất lợi đến khả năng tạo miễn dịch của vacxin. Cần thận trọng không để vacxin bị đông đá. Vacxin đã bị đông đá phải loại bỏ. Để duy trì nhiệt độ mong muốn trong suốt quá trình vận chuyển, cần sử dụng túi đá khô đông lạnh và thùng cách nhiệt.

Khi bảo quản và vận chuyển đúng theo yêu cầu kỹ thuật, vacxin có hiệu lực trong thời gian tối thiểu là 12 tháng.

Trình bày: 20ml, 50ml và 100ml trong lọ nhựa PET.

Chú ý:

- Chất lượng của sản phẩm này được kiểm tra kỹ lưỡng theo yêu cầu bắt buộc trước khi xuất xưởng.

- Như tất cả các loại vacxin, có thể xảy ra các thao tác sai đối với sản phẩm bao gồm bảo quản không đúng cách, nhiệt độ không bảo đảm trong quá trình bảo quản,v.v.

- Tiêm không đủ liều và dùng vacxin không đúng cách, dùng vacxin khi dịch bùng phát, động vật bị nhiễm trước khi miễn dịch kịp tạo ra có thể dẫn đến thất bại trong tiêm phòng mặc dù vacxin có chất lượng tốt.

- Các yếu tố gây stress ở động vật đã được tiêm phòng (thời tiết quá lạnh, vận chuyển động vật đường dài v.v...) dẫn đến đáp ứng miễn dịch dưới mức tối ưu.

- Hiếm khi xảy ra trường hợp động vật có phản ứng quá mẫn sau khi tiêm phòng. Trong trường hợp này có thể chữa bằng những sản phẩm kháng histamine thông thường. Đây là hiện tượng tự nhiên thông thường, chỉ xảy ra đơn lẻ trong khi ngàn con vật khác tiêm vacxin cùng lô, cùng thời điểm thì đều bình thường. Hơn nữa, phản ứng này không chỉ do

vacxin mà quan sát thấy ở những trường hợp khi sử dụng những chế phẩm protein, phân đoạn của protein hoặc chất gây dị ứng.

- Không cần thời gian ngừng sử dụng vacxin trước khi giết thịt hoặc lấy sữa làm thực phẩm, vacxin không gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

Nhà phân phối: Công ty thuốc Thú y TW (NAVETCO), số 2 Nguyễn Đình Chiểu, quận 1 TP. Hồ Chí Minh. ĐT: (84.4): 38225063, Fax: (84.4)38225060

5. VACXIN AFTOVAX

(Vacxin vô hoạt và thuần khiết có chất bổ trợ phòng bệnh Lở mồm long móng cho động vật nhai lại)

Thành phần:

- Kháng nguyên: Virus Lở mồm long móng vô hoạt có chứa một hoặc nhiều chủng huyết thanh lưu hành

- Mỗi liều chứa ít nhất 3DP50 cho mỗi hiệu giá.

- Aftovax lưu hành ở Việt Nam là loại tam giá 0, A, Asia 1, typ 0 có hai chủng O Manisa và 0 3039, typ A có hai chủng A 22 và A Malaysia 97, Asia 1 Shamir, sản xuất riêng cho Việt Nam, phù hợp với điều kiện dịch tễ mới.

- Chất bổ trợ: Hydroxyt Aluminium và Saponine.

Chỉ định: Phòng bệnh Lở mồm long móng cho trâu, bò, dê, cừu.

Hướng dẫn sử dụng:

- Trộn dung dịch thật kỹ bằng cách xoay tròn chai thuốc trước khi sử dụng khoảng 20 lần.

- Tiêm dưới da.

- Liều dùng (xem nhãn), không kể tuổi tác và trọng lượng gia súc.

+ Tiêm phòng lần đầu: Tiêm hai lần cách nhau 3-4 tuần. Lần thứ nhất thực hiện trên gia súc non 2 tuần tuổi (có mẹ chưa tiêm phòng) hoặc trên gia súc non 2,5 tháng tuổi (có mẹ đã tiêm phòng).

Ở vùng có dịch, lần tiêm đầu tiên cần được thực hiện trên tất cả gia súc non từ 2 tuần tuổi.

+ Tiêm phòng nhắc lại: Thông thường, tiêm nhắc lại cần được thực hiện 6 tháng một lần tùy thuộc vào tình hình dịch bệnh và pháp chế của địa phương.

Chống chỉ định: Không

Chú ý:

- Chỉ tiêm phòng cho gia súc khỏe mạnh.

- Thao tác cẩn thận đối với vật nuôi mang thai.

- Bảo quản vacxin trong điều kiện vô trùng thông thường, khi đã mở nắp lọ, vacxin chỉ được sử dụng trong vòng 36 giờ với điều kiện phải được bảo quản ở nhiệt độ 2-8^{0}C và không được đâm kim vào nút cao su nhiều lần.

- Sau khi tiêm phòng có thể có viêm nhẹ ở chỗ tiêm và/hoặc có thể kèm sốt nhẹ trong một thời gian ngắn. Rất hiếm khi xảy ra trường hợp quá mẫn.

Bảo quản: Ở nhiệt độ từ 2-8^{0}C, trong bóng râm, không được làm đông lạnh.

Trình bày: Chai 50ml

Nhà sản xuất: GRANDES PROPHYLAXIES GLOBAL ENTERPRISE.

Unit 613. Meling Poont Tower - 2 ngõ - Đức Kế - quận I, TP. Hồ Chí Minh

Tel/Fax: (84.8) 38279082

Nhà phân phối: Công ty Thuốc thú y Trung ương

29 Nguyễn Đình Chiểu, quận I, TP. Hồ Chí Minh - ĐT: (8408) 3.8225063

Chi nhánh: Số 164 phố Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - ĐT: (84.4) 3.8691003

6. VACXIN LỞ MỒM LONG MÓNG

(Vacxin vô hoạt, dạng dầu, đơn giá phòng bệnh Lở mồm long móng. Dùng cho lợn, trâu, bò, dê và cừu)

Thành phần: Mỗi liều vacxin gồm có:

TT	Thành phần	Số lượng (mỗi 2ml)	Hoạt tính	Không hoạt tính
1	Kháng ngyên FMD 01 Manisa	>3.0 PD 50	Có	-
2	Dầu Montanide ISA 206	1,0ml	-	Không
3	Thiomersol IP	0,01ml	-	Không
4	Chất muối hoà tan Thiosulphate	0,0001935ml	-	Không
5	Dung môi đệm Phosphate	Vừa đủ	-	Không

Đặc tính:

- Virus được nuôi cấy trên môi trường tế bào BHK

- Chất vô hoạt: Ethyleneimine

- Chất bổ trợ: Dầu montanide ISA 206

- Chất bảo quản: Thiomerol

- Chất làm vô hoạt cho BEI: Dung dịch muối thiosulphate

Chỉ định: Dùng tiêm cho lợn, trâu, bò, bê, dê và cừu để phòng chống bệnh Lở mồm long móng.

Hướng dẫn sử dụng:

- Lọ vacxin phải được giữ lạnh cho đến khi sử dụng và mỗi lọ phải được lắc đều trước khi tiêm.

- Bơm tiêm và kim tiêm phải được tiệt trùng trước khi sử dụng.

- Vacxin được tiêm sâu bắp thịt ở những vùng da sạch, khô để tránh bị nhiễm trùng. Tiêm vùng giữa cổ. Đối với lợn tiêm vùng cơ phía sau tai.

- Thời gian tiêm:

+ Tiêm phòng lần đầu tiên 4 tháng tuổi (trâu, bò, dê, cừu).

+ Tiêm phòng lần đầu tiên: 2 tháng tuổi (lợn).

+ Tiêm phòng tăng cường: 9 tháng sau mũi tiêm đầu tiên (trâu, bò, dê, cừu).

+ Tiêm lặp lại: cứ 12 tháng sau đó tiêm lại (trâu, bò, dê, cừu).

+ Tiêm lặp lại: cứ 6 tháng sau đó tiêm lại (lợn).

- Liều dùng:

+ Trâu, bò, bê và lợn: 2,0ml

+ Cừu, dê: 1,0ml.

Chống chỉ định: Không

Miễn dịch: Miễn dịch kéo dài trong 24 tháng. Tuy nhiên việc tiêm phòng hàng năm vẫn được nhắc lại tùy tình hình dịch tễ địa phương.

Trình bày: Chai 30ml, chai 100ml, chai 200ml

Bảo quản:

- Ở nhiệt độ từ 2-8^{0}C, tránh ánh sáng và đông đá.

- Để xa tầm tay trẻ em.

Hạn dùng: Chỉ định trên nhãn

Nhà phân phối: Công ty CP Thuốc và Vật tư thú y (Hanvet)

88 Trường Chinh - Đống Đa - Hà Nội, Tel: (84.4) 38691156.

7. VACXIN VÔ HOẠT LMLM NHỊ GIÁ TYP O - ASIA

Thành phần:

- Kháng nguyên virus cô đặc Typ O LMLM OXNC/92 và Typ Asia - 1 (Asia 1 AKT/03) đã vô hoạt.

- Nhũ dịch kép (w/o/w).

- Kháng sinh và chất bảo quản.

Đặc tính:

- Virus nuôi cấy qua môi trường tế bào BHK_{21}.

- Vô hoạt bằng BEI.

- Nhũ hoá bằng tá dược dầu.

Chỉ định:

- Phòng bệnh LMLM typ O và typ Asia 1 gây ra ở trâu, bò, dê, cừu, lợn.

- Khống chế, dập tắt ổ dịch.

- Ngăn chặn, bao vây sự lây lan của ổ dịch.

Hướng dẫn sử dụng:

- Lắc kỹ chai vacxin trước khi dùng, sát trùng vị trí tiêm, thay kim trong quá trình tiêm, dùng kim với độ dài hợp lý để tiêm vào bắp.

- Trâu, bò: tiêm bắp cổ

- Lợn: tiêm bắp cơ sau tai

- Dê, cừu: tiêm bắp đùi sau

Liều lượng:

Trâu, bò dưới 1 tuổi:	1ml/con
Trâu, bò trưởng thành:	2ml/con
Trâu, bò lớn (trên 300kg):	3ml/con
Dê, cừu con:	0,5ml/con
Dê, cừu lớn:	1ml/con

Chú ý:

- Sau khi tiêm phòng 1-3 ngày, vị trí tiêm có thể sưng, gia súc sốt hoặc giảm ăn. Tuỳ theo sự khác biệt từng cá thể có thể gây phản ứng quá mẫn. Để đối phó với những phản ứng trên nên dùng thuốc chống dị ứng, ví dụ: Adrenalin, Cafein, Atropin (tiêm bắp cho gia súc).

- Không tiêm dưới da hay tiêm vào mô mỡ.

Khuyến cáo:

- Do đặc điểm dịch tễ và khả năng lây truyền của bệnh LMLM, tiêm vacxin chỉ là một trong những biện pháp tiêu diệt và phòng bệnh.

- Kết hợp đồng nhất các biện pháp an toàn sinh học, phòng trừ tổng hợp như: phong tỏa, cách ly, tiêu độc.

Bảo quản: Bảo quản vacxin ở nhiệt độ 2-8^{0}C, tránh để đông, tránh ánh nắng chiếu trực tiếp

Hạn dùng: 12 tháng

Nhà phân phối: Công ty CP Thuốc và Vật tư thú y (Hanvet)

88 Trường Chinh - Đống Đa - Hà Nội, Tel: (84.4) 38691156.

8. VACXIN VÔ HOẠT LMLM CHỦNG O Ở TRÂU BÒ

(Nhũ dịch tiêm, màu trắng sữa hoặc phấn hồng, hơi nhớt)

Thành phần:

- Kháng nguyên nước (140S > 1,2mg/ml)

- Nhũ dịch dầu

- Kháng sinh và chất khử trùng

Đặc tính:

- Virus nuôi cấy qua tế bào BHK_{21}

- Vô hoạt bằng BEI.

- Nhũ hoá kép bằng khoáng dầu.

- Vacxin phòng bệnh LMLM cho động vật nhai lại như: trâu, bò, dê...

- Đạt tiêu chuẩn quốc tế, đã được kiểm tra an toàn và kiểm tra hiệu lực.

- Sau khi tiêm vacxin 15 ngày có đáp ứng miễn dịch và kéo dài 6 tháng. Trong thời gian đó gia súc có bảo hộ được 90% với liều công cường độc 100000 ID 50 virus độc lực gây bệnh LMLM.

Liều lượng:

- Trâu, bò trưởng thành: 3ml/con
- Bê, nghé: 2ml/con
- Dê trưởng thành: 1,5ml/con
- Dê con: 1ml/con

Bảo quản: Giữ vacxin ở nhiệt độ 4 - 8^0C, nơi khô, tránh ánh sáng trực tiếp.

Hạn dùng: 12 tháng

Chú ý:

- Đọc kỹ hướng dẫn trước khi dùng.

- Kiểm tra sức khỏe của con vật trước khi tiêm phòng.

- Tiêm vacxin chỉ là một trong những biện pháp để phòng bệnh. Muốn phòng bệnh hiệu quả phải tiến hành những biện pháp an toàn sinh học, phòng trừ tổng hợp như: phong tỏa, cách ly, tiêu độc.

Nhà phân phối: Công ty CP Thuốc và Vật tư thú y (Hanvet)

88 Trường Chinh - Đống Đa - Hà Nội, Tel: (84.4) 38691156.

9. VACXIN TỤ HUYẾT TRÙNG TRÂU, BÒ CHỦNG P52, NHŨ DẦU

Đặc tính:

Vacxin được chế từ vi khuẩn Pasteurella multocida serotyp B:2, chủng P52; có tính an toàn cao, thời gian miễn dịch kéo dài 12 tháng.

Chỉ định: Dùng phòng bệnh Tụ huyết trùng cho trâu, bò, bê, nghé khỏe mạnh.

Thành phần:

- Mỗi 1ml vacxin chứa 10 tỷ tế bào vi khuẩn.

- Chất bổ trợ: Nhũ dầu

Cách sử dụng: Tiêm bắp thịt: liều 2,0ml/con cho trâu, bò, bê, nghé khỏe mạnh từ 6 tháng tuổi trở lên.

Chú ý:

- Trong những vùng luôn có dịch bệnh Tụ huyết trùng xảy ra, nên tiêm nhắc lại sau 9 tháng. Ở các vùng an toàn thời gian tiêm nhắc lại có thể 12 tháng.

- Không dùng những lọ vacxin bị vỡ, nứt hoặc có hiện tượng tách pha nước.

- Lấy chai vacxin ra khỏi nơi bảo quản, để vacxin đạt đến nhiệt độ phòng, lắc kỹ trước khi dùng. Sử dụng hết vacxin trong ngày.

- Khi bảo quản thời gian dài ở nhiệt độ 2-8^{0}C, có thể xuất hiện lắng cặn dưới đáy chai. Hiện tượng này là bình thường và không ảnh hưởng đến chất lượng của vacxin.

Trình bày: Chai 20ml chứa 10 liều, 10ml chứa 25 liều.

Bảo quản:

- Nhiệt độ từ 2-8^{0}C, không để vacxin vào ngăn đông, tránh ánh sáng mặt trời.

- Thời hạn bảo quản: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

Nhà sản xuất và phân phối: Công ty Thuốc thú y Trung ương

29 Nguyễn Đình Chiểu, quận I, TP. Hồ Chí Minh - ĐT: (8408) 3.8225063

Chi nhánh:

Số 164 phố Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - ĐT: (84.4) 8691003

10. VACXIN HIPRAMASTIVAC

Trong 1 liều (3ml) có:

- *Staphylococcus aureus* TC5 vô hoạt $\geq^{10}$.

- *Staphylococcus aureus* TC8 vô hoạt $\geq^{10}$.

Hướng dẫn sử dụng:

- Nâng nhiệt độ vacxin lên mức 15 - 20^{0}C.

- Lắc đều vacxin trước khi sử dụng

- Tiêm cơ cổ.

- Lần đầu: một mũi (3ml) ở bất kỳ giai đoạn nào của chu kỳ cho sữa, tiêm nhắc lại 4 tuần sau đó.

- Lần 2: 6 tháng tiêm lại một lần.

Chỉ định: Sử dụng phòng bệnh viêm vú cho bò sữa.

Nhà phân phối: Công ty Thuốc thú y Xanh (GREENVET)

186 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội - Tel: (84.4) 35659240, Fax: (84.4) 35659593.

II. VACXIN DÙNG CHO LỢN

1. VACXIN PORCILIS CSF LIVE

(Công cụ thống nhất để kiểm soát dịch tả ở lợn)

Mô tả: Porcilis CSF Live là vacxin sống nhược độc đông khô. Mỗi liều chứa ít nhất 10^3 $TCLD_{50}$ virus dịch tả chủng Nhật Bản dòng GPE nhược độc.

Chỉ định:

- Tạo miễn dịch chủ động cho lợn phòng bệnh dịch tả lợn (Classical Swine Fever, Hog Cholera).

- Sau khi tiêm 3 ngày lợn đã được bảo hộ do đó rất thích hợp dùng để dập dịch.

Chương trình tiêm phòng:

Lợn thịt: Tiêm lần đầu lúc 1-2 tháng tuổi tùy theo mức độ kháng thể mẹ truyền. Lần hai tiêm sau lần đầu 4 tuần.

Lợn giống: Tiêm lần đầu lúc 1-2 tháng tuổi tùy theo mức độ kháng thể mẹ truyền, lần hai tiêm sau lần đầu 4 tuần. Tiêm nhắc lại mỗi 6 tháng.

Có thể tiêm toàn đàn lợn giống mà không gây ảnh hưởng gì đến quá trình mang thai.

Liều lượng và cách sử dụng:

- Pha vacxin vào lọ nước pha tiêu chuẩn đi kèm, mỗi liều 2ml cho mọi lứa tuổi.

- Tiêm bắp thịt.

Hạn ngưng dùng: Không cần thời gian ngưng dùng vacxin trước khi giết thịt.

Quy cách: Lọ 50 liều.

Bảo quản: 2-8^{0}C, tránh ánh sáng. Lọ nước pha bảo quản ở nhiệt độ phòng (15-25^{0}C).

Các thông tin khác: Porcilis CSF Live tạo miễn dịch nhanh và bảo hộ mạnh mẽ (từ ngày thứ 4 sau khi tiêm phòng).

Chú ý:

- Chỉ tiêm phòng cho lợn khỏe mạnh.

- Sử dụng ngay lọ vacxin sau khi pha.

- Dùng dụng cụ tiêm phòng vô trùng.

Nhà sản xuất:

Công ty INTERVET - VIETNAM, A PART OF SCHERING PLOUGH CORPORATION, 50B Đặng Dung - quận I - TP. Hồ Chí Minh - Tel: (84.8) 38245077, Fax: (84.8)38245077.

2. VACXIN DỊCH TẢ LỢN ĐÔNG KHÔ

Thành phần:

- Mỗi liều vacxin chứa ít nhất 100 PD_{50} virus dịch tả lợn nhược độc chủng C.

- Chất bổ trợ: Sữa không kem.

Đặc tính:

- Là vacxin nhược độc, đông khô, sản xuất từ virus dịch tả lợn chủng C.

- Vacxin an toàn, tạo miễn dịch nhanh, mạnh và kéo dài.

Chỉ định: Dùng gây miễn dịch chủ động phòng bệnh dịch tả lợn cho lợn khỏe mạnh.

Hướng dẫn sử dụng:

- Tiêm dưới da vùng sau gốc tai hoặc mặt trong đùi.

- Pha vacxin bằng nước sinh lý vô trùng đã làm lạnh sao cho 1ml chứa 1 liều vacxin. Lắc đều, tiêm 1ml/con.

Chương trình tiêm phòng:

- Lợn con theo mẹ: tiêm 2 lần

+ Lần 1: 15-30 ngày tuổi.

+ Lần 2: 30-45 ngày tuổi (15 ngày sau khi tiêm mũi đầu).

- Lợn nái:

+ Nái hậu bị: Tiêm phòng 2 tuần trước khi phối giống.

+ Nái mang thai: 1 tháng trước khi đẻ.

- Đực giống: định kỳ mỗi năm tiêm 2 lần.

Chú ý:

- Sau khi pha, chai vacxin phải được giữ trong nước đá, tránh ánh sáng mặt trời và dùng trong vòng 2-3 giờ.

- Dùng xong phải ngâm chai vacxin vào chất sát trùng hoặc luộc sôi trước khi bỏ đi.

Trình bày: Vacxin đóng chai 10 liều hoặc 25 liều.

Bảo quản: Để vacxin ở nhiệt độ 2-8^{0}C. Không để vacxin vào ngăn đông.

Nhà sản xuất và phân phối: Công ty Thuốc thú y Trung ương

29 Nguyễn Đình Chiểu, quận I, TP. Hồ Chí Minh - ĐT: (8408) 3.8225063

Chi nhánh: Số 164 phố Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - ĐT: (84.4) 8691003

3. VACXIN DỊCH TẢ LỢN NHƯỢC ĐỘC CHỦNG GPE-SWIVACC

Thành phần:

- Mỗi 1ml vacxin chứa ít nhất 10^3TCID_{50} virus dịch tả lợn nhược độc chủng GPE.

- Chất ổn định: Lactose, PVP.

Đặc tính:

Vacxin được chế từ virus dịch tả lợn nhược độc chủng GPE trên tế bào thận chuột lang, có tính an toàn cao, đáp ứng miễn dịch nhanh và kéo dài tối thiểu 12 tháng.

Chỉ định: Dùng phòng bệnh dịch tả cho lợn khỏe mạnh.

Cách sử dụng: Tiêm bắp thịt hoặc dưới da; liều 1ml/con.

Chú ý:

- Lọ vacxin phải được giữ lạnh cho đến khi dùng xong.

- Không dùng lọ vacxin bị vỡ, nứt.

- Sau khi mở, lọ vacxin phải được dùng hết trong 4 giờ.

- Bơm tiêm và kim tiêm phải được tiệt trùng trước khi sử dụng.

- Thường xuyên thay kim trong khi tiêm.

Trình bày: Chai 10 liều, 20 liều, 50 liều.

Bảo quản:

- Nhiệt độ từ 2-8^{0}C, không để vacxin vào ngăn đông, tránh ánh sáng mặt trời.

- Thời hạn bảo quản: 18 tháng kể từ ngày sản xuất.

Sản xuất tại: Công ty Kyoritsu Seiyaku, Nhật Bản. Ra chai và phân phố tại: NAVETCO

Số: 29 Nguyễn Đình Chiểu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. ĐT: (84.8) 38225063 -(84.8) 38225955

4. VACXIN DỊCH TẢ LỢN TẾ BÀO

(Sản phẩm hợp tác nghiên cứu giữ Phòng thí nghiệm thú y Quốc gia (AAHL) Úc và NAVETCO - Việt Nam, dự án CARD-AUSAID)

Tên sản phẩm: Vacxin dịch tả lợn tế bào

Mô tả:

- Vacxin đông khô, dạng tế bào. Virus dịch tả lợn nhược độc chủng C, mỗi liều vacxin chứa ít nhất 10^3TCID_{50}.

- Chất ổn định: Sữa không kem.

- Đường tiêm: Bắp thịt hoặc dưới da.

Chỉ định: Dùng phòng bệnh dịch tả cho lợn khỏe mạnh.

Hướng dẫn sử dụng:

- Tiêm bắp hoặc dưới da.

- Liêu dùng: 1ml/con.

Chương trình tiêm phòng:

- Lợn con theo mẹ: Tiêm 2 lần.

    + Lần 1: 15-30 ngày tuổi

    + Lần 2: 30-45 ngày tuổi (15 ngày sau khi tiêm lần dầu).

- Lợn nái:

    + Nái hậu bị: Tiêm 2 tuần trước khi phối giống.

    + Nái mang thai: 01 tháng trước khi đẻ.

- Đực giống: Định kỳ mỗi năm tiêm 2 lần.

Chú ý:

- Lọ vacxin phải được giữ lạnh cho đến khi dùng.

- Pha vacxin bằng dung dịch nước muối sinh lý vô trùng đã để lạnh.

- Không dùng lọ vacxin có hiện tượng bị vỡ, nứt.

- Sau khi mở, lọ vacxin dùng trong 04 giờ.

- Bơm tiêm và kim tiêm phải được tiệt trùng trước khi sử dụng, thay kim thường xuyên.

Chống chỉ định: Không dùng cho lợn đang bị bệnh hoặc ốm yếu.

Trình bày: Chai 10 liều, 20 liều, 50 liều, 100 liều/chai.

Bảo quản:

- Nhiệt độ bảo quản 2-8^{0}C.

- Không được để vacxin vào ngăn đông.

- Trong quá trình vận chuyển phải sử dụng xe lạnh chuyên dùng hoặc bảo quản vacxin trong thùng xốp có đá lạnh (hoặc đá khô), tránh nóng và ánh sáng trực tiếp.

Hạn dùng: 18 tháng kể từ ngày sản xuất (khi bảo quản ở 2-8^{0}C)

Nhà sản xuất và phân phối: Công ty Thuốc thú y Trung ương

29 Nguyễn Đình Chiểu, quận I, TP. Hồ Chí Minh - ĐT: (8408) 3.8225063

Chi nhánh: Số 164 phố Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - ĐT: (84.4) 8691003

5. VACXIN MYVAC HC (GE)

Thành phần: Trong 1ml vacxin có virus gây bệnh dịch tả lợn chủng GPE-ve có tối thiểu $10^{3.0}$ $TCID_{50}$.

Vacxin được chế dưới dạng đông khô.

Đặc tính dược lý của sản phẩm:

- Sau khi tiêm vacxin, chủng GPE - ve cư trú ổn định ở hạch amidan, đào thải qua phân và nước tiểu trong 10 ngày sau tiêm. Sự bảo hộ của miễn dịch được hình thành sau khi tiêm 3 ngày nhưng sau 2-3 tuần kháng thể trung hòa mới bắt đầu tăng lên và tồn tại trên 2 năm.

- Đáp ứng miễn dịch xuất hiện sau một lần tiêm bắp. Đáp ứng miễn dịch có tác dụng nhanh, mạnh, kéo dài.

- Sau khi tiêm vacxin, lợn có khả năng kháng lại sự nhiễm virus bắt đầu từ ngày thứ 5. Kháng thể có mặt trong huyết thanh từ ngày thứ 5, đạt nồng độ cao nhất sau gần 1 tháng và sẽ duy trì nồng độ này trong suốt cuộc đời.

- Sự hiện diện của kháng thể trung hòa trong huyết thanh có mối quan hệ chặt chẽ với sự kháng lại khả năng công cường độc của virus theo hướng một chiều.

Hướng dẫn sử dụng:

- Vacxin dùng cho tất cả các loại lợn: lợn con, lợn thịt, lợn nái, lợn đực, lợn giống.

- Làm lạnh 50ml, 20 ml hoặc 10ml dung môi đến 4^{0}C (dùng với chai vacxin 50 liều, 20

liều hoặc 10 liều). Cậy phần giữa nắp chai, dùng bơm tiêm và đầu kim vô trùng đưa 5ml dung môi đã được làm lạnh vào chai vacxin bằng cách đâm mũi kim xuyên qua nắp cao su. Lắc nhẹ để hoà tan hoàn toàn và sẽ thu được vacxin hoàn nguyên. Hút trở lại vacxin vào lọ chứa dung môi sẽ được một lọ vacxin có 50 liều, 20 liều hoặc 10 liều (1ml/con/liều). Vacxin sau khi pha nên sử dụng càng sớm càng tốt.

- Tiêm bắp: 1ml/con/liều

- Lợn con: mũi tiêm đầu tiên vào 30-35 ngày tuổi, mũi tiêm thứ 2 sau mũi thứ nhất 3-4 tuần.

- Lợn nái hậu bị: tiêm mũi đầu tiên vào tháng tuổi thứ 7-8 hoặc trước khi phối giống.

- Lợn đực giống: tiêm mỗi năm một lần.

Chỉ định: Vacxin tạo miễn dịch chủ động trên lợn để chống lại bệnh dịch tả lợn.

Trình bày: Chai 50 liều, 20 liều và 10 liều

Nhà sản xuất: Malaysia Vaccines and Pharmaceutical Sdn. Bhd.

Lot 11182 Batu20, Jalan Puchong - Kaijang

Palau Meranti, 471000 Puchong

Selangor Darul Ehsan.

Nhà phân phối: Công ty Thuốc thú y Xanh (GREENVET)

186 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội. Tel: (84.4) 35659240, Fax: (84.4) 35659593

6. VACXIN PEST VAC

(Vacxin sống nhược độc ngừa bệnh dịch tả lợn chủng C nuôi cấy trên mô tế bào thận lợn)

Thành phần: PEST - VAC: Vacxin sống nhược độc dạng đông khô, với virus dịch tả lợn cổ điển chủng C được cấy truyền từ tế bào thận lợn. Trong quá trình nuôi cấy có sử dụng Penicilin và Streptomycin làm chất ngưng trùng, bảo quản. Vacxin có độ tinh khiết tuyệt đối.

Chương trình tiêm phòng:

Loại lợn	Vùng an toàn	Vùng không an toàn	Lưu ý
Lợn con	Tiêm lần 1 lúc 28 ngày tuổi Tiêm lần 2 lúc 58 ngày tuổi (nếu nuôi thịt)	- Tiêm lần 1 lúc 14 ngày tuổi. - Tiêm lần 2 lúc 35 ngày tuổi. - Tiêm lần 3 lúc 65 ngày tuổi. (nếu nuôi thịt)	Trong trường hợp trại đang có dịch thì có thể tiêm cho lợn
Nái hậu bị	Nái hậu bị nên tiêm lần 3 trước khi phối giống một tuần.	Nái hậu bị nên tiêm lần 4 trước khi phối giống một tuần.	Sơ sinh với liều 2ml/lợn trước khi cho bú sữa đầu một giờ.
Nái đẻ nuôi con	Tiêm lúc 70-90 ngày tuổi của thai kỳ.	Tiêm lúc 70-90 ngày tuổi của thai kỳ.	Sơ sinh với liều 2ml/lợn trước khi cho bú sữa đầu một giờ.
Đực giống	Một năm tiêm một lần	Một năm tiêm một lần	

Hướng dẫn sử dụng:

- Pha một liều vacxin với 2ml nước pha bằng bơm tiêm vô trùng.

- Tiêm sâu vào bắp thịt hoặc tiêm dưới da với liều 2ml.

Chú ý:

- Không tiêm phòng nếu nghi lợn bị bệnh hoặc ở tình trạng sức khỏe không tốt.

- Dụng cụ tiêm phải được tiệt trùng bằng cách đun sôi, không sử dụng hóa chất để sát trùng dụng cụ tiêm.

- Sử dụng hết lọ vacxin khi đã pha. Hủy tất cả chai lọ và thuốc dư thừa.

- Phản ứng dị ứng rất ít xảy ra. Nếu có thì sử dụng Epinephrine hoặc Atropine.

Bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ 2-7^{0}C, tránh đông đá.

Trình bày: Lọ 10 liều, 25 liều, 50 liều.

Hạn sử dụng: Ghi trên bao bì.

Nhà phân phối: Công ty CP Phát triển Công nghệ Nông thôn (RTD)

Khu CN An Khánh - Hoài Đức - Hà Nội. Tel: (84.4) 0343650574.

7. VACXIN DECIVAC FMD DOE - MONOVALENT

Mô tả sản phẩm:

- Vacxin chứa kháng nguyên virus lở mồm long móng typ O1 vô hoạt, được phối chế với chất bổ trợ nhũ dầu kép là dầu khoáng để đảm bảo tạo miễn dịch bảo hộ sớm và kéo dài.

- Vacxin được kiểm tra độ an toàn, hiệu quả và chỉ định tạo miễn dịch chủ động cho các động vật móng guốc chẵn, đặc biệt là bò, trâu, cừu, dê và lợn.

Hướng dẫn sử dụng:

- Chất bổ trợ nhũ dầu kép có thể bị tách nhẹ ra trong quá trình bảo quản, tuy nhiên chất lượng của vacxin không bị ảnh hưởng.

- Lọ vacxin cần được lắc kỹ trước khi tiêm. Vacxin phải được tiêm bắp vào vùng cổ hoặc cơ đùi. Khi tiêm xong rút kim tiêm ra cần xoa nhẹ nhàng vùng tiêm để vacxin phân bố đều trên vùng mô lớn.

- Cần thận trọng tiêm từng con trong đàn đúng theo liều khuyến cáo ghi ở phần sau.

- Liều lượng: Bò, trâu và lợn: 2ml/con. Cừu và dê: 1ml/con.

Chương trình tiêm phòng:

Chương trình tiêm	Trâu và bò	Cừu, dê và lợn	Ghi chú
Tiêm phòng mũi đầu	Tiêm mũi đầu vào 3-4 tháng tuổi.	Tiêm mũi đầu vào 1-2 tháng tuổi	Có MDA
	Tiêm mũi đầu vào 2-3 tuần tuổi.	Tiêm mũi đầu vào 2-3 tuần tuổi	Không có MDA
Tiêm nhắc lại lần 1	4-6 tuần sau khi tiêm mũi đầu		
Tiêm nhắc lại lần 2	4-6 tháng sau khi tiêm nhắc lại lần 1		
Tiêm định kỳ	Mỗi năm một lần		

* MDA: kháng thể mẹ truyền sang con.

* Khi virus LMLM gây ra dịch địa phương, cần tiêm định kỳ 6 tháng một lần.

Tác dụng phụ: Vacxin được vô hoạt hoàn toàn, không gây bất kỳ phản ứng bất lợi nào. Trong thực tế không có biến đổi thân nhiệt sau khi tiêm vacxin. Có thể có sưng nhẹ nơi tiêm ở một số động vật và thường tự mất đi sau vài ngày.

Bảo quản:

- Bảo quản đúng yêu cầu kỹ thuật là yếu tố cực kỳ quan trọng bảo đảm hiệu quả của vacxin. Vacxin phải được bảo quản ở nhiệt độ từ 2-8^{0}C. Nhiệt độ trên 8^{0}C gây ảnh hưởng bất lợi đến khả năng tạo miễn dịch của vacxin. Cần cẩn trọng không để vacxin bị đông đá. Vacxin đã bị đông đá phải loại bỏ. Để duy trì nhiệt độ mong muốn trong suốt quá trình vận chuyển, cần sử dụng túi đá khô đông lạnh và thùng cách nhiệt.

- Điều cực kỳ quan trọng là phải để vacxin trong tủ lạnh trong suốt quá trình bảo quản.

- Khi bảo quản và vận chuyển đúng theo yêu cầu kỹ thuật, vacxin có hiệu lực trong thời gian tối thiểu là 12 tháng.

Trình bày: Lọ 20ml

Chú ý:

- Chất lượng của sản phẩm này được kiểm tra kỹ lưỡng theo yêu cầu bắt buộc trước khi xuất xưởng.

- Như tất cả các loại vacxin, có thể xảy ra các thao tác sai đối với sản phẩm bao gồm bảo quản không đúng cách, nhiệt độ không bảo đảm trong quá trình bảo quản.

- Tiêm không đủ liều và dùng vaxin không đúng cách, dùng vacxin khi dịch bùng phát, động vật bị nhiễm trước khi miễn dịch kịp tạo ra có thể dẫn đến thất bại trong tiêm phòng mặc dù vacxin có chất lượng tốt.

- Các yếu tố stress ở động vật đã được tiêm phòng (thời tiết quá lạnh, vận chuyển động vật đường dài...) dẫn đến đáp ứng của động vật đối với vacxin dưới mức tối ưu.

- Quản lý trại kém, nhiễm ký sinh trùng nặng, ngộ độc... cũng ảnh hưởng tới quá trình tạo miễn dịch ở động vật tiêm phòng và làm cho vacxin tốt trở nên không hiệu lực.

- Hiếm khi xảy ra trường hợp động vật có phản ứng quá mẫn sau khi tiêm phòng. Trong trường hợp xảy ra có thể chữa bằng những sản phẩm kháng histamine thông thường. Đây là hiện tượng tự nhiên thông thường, chỉ xảy ra đơn lẻ trong khi hàng ngàn con vật khác tiêm vacxin cùng lô, cùng thời điểm đều bình thường. Hơn nữa, phản ứng này không chỉ do vacxin mà thường quan sát thấy ở những trường hợp khi sử dụng những chế phẩm protein, phân đoạn của protein hoặc chất gây dị ứng.

- Không cần thời gian ngừng sử dụng vacxin trước khi giết thịt hoặc lấy sữa làm thực phẩm. Vacxin không gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

Nhà sản xuất và phân phối:

Công ty INTERVET - VIETNAM, A PART OF SCHERING PLOUGH CORPORATION,

50B Đặng Dung - quận I - TP. Hồ Chí Minh - Tel: (84.8) 38245077, Fax: (84.8) 38245077.

8. VACXIN POSI - FMD (MONOVALENT)

Đặc tính:

- Vacxin vô hoạt, dạng dầu, đơn giá phòng bệnh Lở mồm long móng.

- Virus được nuôi cấy trên môi trường tế bào BHK.

- Chất vô hoạt: Ethylenimine.

- Chất bổ trợ: Dầu monatanide ISA 206.

- Chất bảo quản: Thiomersol.

- Chất vô hoạt cho BEI: Dung dịch muối thiosulphate.

Thành phần:

Mỗi liều vacxin gồm có:

TT	Thành phần	Số lượng (mỗi 2ml)	Hoạt tính	Không hoạt tính
1	Kháng nguyên FMD O1 Manisa	>3.0 PD 50	Có	-
2	Dầu Montanide ISA 206	1,0ml	-	Không
3	Thiomersol IP	0,01ml	-	Không
4	Chất muối hoà tan Thiosulphate 50% w/v/vIP	0,0001935ml	-	Không
5	Dung môi đệm Phosphate	Vừa đủ	-	Không

Chỉ định: Dùng tiêm cho lợn, trâu, bò, bê, dê và cừu để phòng chống bệnh Lở mồm long móng cho lợn, trâu, bò, dê và cừu.

Hướng dẫn sử dụng:

- Lọ vacxin phải được giữ lạnh cho đến khi sử dụng và mỗi lọ phải được lắc đều trước khi tiêm.

- Bơm tiêm và kim tiêm phải được tiệt trùng trước khi sử dụng.

- Vacxin được tiêm sâu bắp và tiêm dưới da ở những vùng da sạch, khô để tránh bị nhiễm trùng.

- Tiêm phòng lần đầu tiên: 4 tháng tuổi (trâu, bò, dê, cừu)

- Tiêm phòng lần đầu tiên: 2 tháng tuổi (lợn)

- Tiêm phòng tăng cường: 9 tháng sau mũi đầu tiên (trâu, bò, dê, cừu).

- Tiêm nhắc lại: cứ sau 12 tháng (trâu, bò, dê, cừu)

- Tiêm nhắc lại: cứ sau 6 tháng (lợn)

- Liều dùng: Trâu, bò, bê và lợn: 2ml/con. Cừu, dê: 1ml/con

Chống chỉ định: Không

Miễn dịch: Miễn dịch kéo dài trong 24 tháng. Tuy nhiên việc tiêm phòng hàng năm vẫn được nhắc lại tùy tình hình dịch tễ địa phương.

Chú ý:

- POSI - FMD Monovalent đã qua kiểm nghiệm trước khi đưa vào sử dụng.

- Trong các môi trường và điều kiện khác nhau cần tránh gây tạp nhiễm vi khuẩn mỗi khi rút vacxin POSI-FMD Monovalent ra khỏi lọ.

Thời gian chờ đợi: Không

Trình bày: Chai 30ml, chai 100ml, chai 200ml.

Bảo quản: Ở nhiệt độ 2-8^{0}C, tránh ánh sáng và đông đá. Để xa tầm tay trẻ em.

Hạn dùng: Chỉ định trên nhãn.

Nhà sản xuất: Công ty Pfizer - VN, tầng 7, phòng 7.IB, 364 đường Cộng Hòa, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Tel: (84.8) 38122464 Fax: (84.8) 38122712

9. VACXIN AFTOPOR

Thành phần:

Kháng nguyên: Virus Lở mồm long móng vô hoạt.

Typ O, A, C, Asia, SAT 1, SAT 2, SAT 3.

Mỗi liều chứa ít nhất 3 DP50 cho mỗi hiệu giá (xem trên nhãn).

Chất bổ trợ: nhũ dầu kép (DOE): nước trong dầu, tất cả nằm trong nước.

Aftopor lưu hành ở Việt Nam được sản xuất riêng cho VN, phù hợp điều kiện dịch tễ mới gồm các loại sau:

- Đơn giá typ O với hai chủng là O Manisa và O 3039.

- Đơn giá typ A với hai chủng là A 22 và A Malayxia 97.

- Nhị giá typ O + A với bốn chủng: O Manisa và O 3039, A 22 và A Malayxia 97, Asia shamir.

Chỉ định: Phòng bệnh Lở mồm long móng cho lợn và động vật nhai lại.

Hướng dẫn sử dụng:

- Trộn dung dịch thuốc thật kỹ bằng cách xoay tròn chai thuốc trước khi sử dụng khoảng 20 lần.

- Tiêm bắp. Tốt nhất là tiêm ở cổ, ngay sau tai đối với lợn và ở cổ phía trước đối với động vật nhai lại.

- Liều dùng: Không kể tuổi tác và trọng lượng gia súc (xem nhãn).

**** Vùng có nguy cơ nhiễm bệnh Lở mồm long móng thấp:***

- Đối với vật nuôi sinh ra từ mẹ không tiêm phòng:

  + Lợn, cừu, dê: tiêm toàn đàn lúc 14 ngày tuổi, tiêm một mũi. Nếu thời gian nuôi kéo dài hơn 6 tháng thì tiêm mũi thứ hai cách mũi thứ nhất 4-5 tuần. Tiêm nhắc lại 6 tháng một lần.

- Dê, cừu lớn hơn 1 năm tuổi, mỗi năm tiêm nhắc lại một lần.

  + Bê: tiêm toàn đàn lúc 14 ngày tuổi sau đó 4-5 tuần tuổi tiêm mũi thứ hai. Tiêm nhắc lại 6 tháng một lần.

- Đối với vật nuôi sinh ra từ mẹ đã tiêm phòng:

+ Lợn, cừu, dê: tiêm toàn đàn lúc 2,5 tháng tuổi, tiêm một mũi. Nếu thời gian nuôi kéo dài hơn 6 tháng thì tiêm mũi thứ hai cách mũi thứ nhất 4-5 tuần. Tiêm nhắc lại 6 tháng một lần.

Dê, cừu lớn hơn 1 năm tuổi, mỗi năm tiêm nhắc lại một lần.

+ Bê: tiêm toàn đàn lúc 2,5 tháng tuổi sau đó 4-5 tuần tiêm mũi thứ hai. Tiêm nhắc lại 6 tháng một lần.

**** Vùng có nguy cơ nhiễm bệnh Lở mồm long móng cao:***

- Đối với vật nuôi sinh ra từ mẹ không tiêm phòng:

+ Tiêm toàn đàn lúc 14 ngày tuổi sau đó 4-5 tuần tiêm mũi thứ hai.

+ Tiêm nhắc lại: Cứ 4 tháng tiêm nhắc lại một lần cho lợn và bò, cứ 6 tháng một lần cho dê, cừu.

- Đối với vật nuôi sinh ra từ mẹ đã tiêm phòng:

+ Tiêm toàn đàn lúc 2 tháng tuổi sau đó 4-5 tuần tiêm mũi thứ hai.

+ Tiêm nhắc lại: Cứ 4 tháng một lần cho lợn và bò, 6 tháng một lần cho dê, cừu.

Chống chỉ định: Không có

Chú ý:

- Chỉ tiêm phòng cho vật nuôi khỏe mạnh. Thao tác cẩn thận đối với gia súc mang thai.

- Bảo quản vacxin trong điều kiện vô trùng thông thường, khi đã mở nắp lọ, vacxin chỉ được sử dụng trong vòng 36 giờ với điều kiện phải được bảo quản ở nhiệt độ từ 2^0C đến 8^0C và không được đâm kim vào nút cao su nhiều lần.

Phản ứng tại chỗ: Sau khi tiêm phòng có thể phù nhẹ ở chỗ tiêm và/hoặc có thể kèm sốt nhẹ trong một thời gian ngắn. Rất hiếm khi xảy ra trường hợp quá mẫn vì vacxin tinh khiết.

Bảo quản: Ở nhiệt độ từ 2-8^0C, trong bóng râm, không được làm đông lạnh.

Trình bày: Chai 50ml - Afopor 50ml.

Nhà sản xuất và phân phối: Công ty Thuốc thú y Trung ương

29 Nguyễn Đình Chiểu, quận I, TP. Hồ Chí Minh - ĐT: (8408) 3.8225063

Chi nhánh: Số 164 phố Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - ĐT: (84.4) 8691003

10. VACXIN VÔ HOẠT LỞ MỒM LONG MÓNG

(Chủng O (II) của lợn)

Đặc tính:

- Vacxin đạt tiêu chuẩn quốc tế, đã được kiểm tra an toàn và kiểm tra hiệu lực.

- Virus nuôi cấy qua tế bào BHK_{21}.

- Vô hoạt bằng BEI.

- Nhũ hoá kép bằng dầu khoáng.

Thành phần:

- Kháng nguyên nước (140S > 1,2 µg/ml)

- Nhũ dịch dầu

- Kháng sinh và chất khử trùng

Chỉ định:

- Phòng bệnh LMLM ở lợn do typ O gây ra

- Khống chế, dập tắt ổ dịch

- Ngăn chặn, bao vây sự lây lan của ổ dịch

Thời gian miễn dịch:

- Sau khi tiêm 15 ngày sản sinh miễn dịch.

- Sau 30 ngày đáp ứng miễn dịch (năng lực bảo hộ ở liều 100 - 200MID - liều gây bệnh tối thiểu).

- Miễn dịch kéo dài 6 tháng.

Chương trình tiêm phòng:

- Lợn con sinh ra từ mẹ chưa được tiêm vacxin:

  Lần 1: Lúc 2-3 tuần tuổi

  Lần 2: Sau 7-8 tuần tuổi

- Lợn con sinh ra từ mẹ đã được tiêm vacxin và có đủ miễn dịch: tiêm mũi đầu khi lợn 6-7 tuần tuổi.

- Lợn hậu bị hay lợn giống sinh sản (cả lợn đực và lợn nái): tiêm mũi đầu khi lợn 6-7 tuần tuổi.

- Lợn chửa: Sau khi tiêm 4-6 tuần thì miễn dịch truyền qua sữa cho con, 6 tháng thì tiêm nhắc lại một lần.

Liều lượng: Tiêm bắp thịt sau gốc tai trái của lợn, liều:

- Lợn dưới 25kg: 1ml/con

- Lợn trên 25kg: 2ml/con

Chú ý: Vacxin có thể tiêm ở vùng đang có dịch, khu có nguy cơ lan tràn dịch và phòng cho những vùng an toàn. Phải tiêm khu an toàn trước, sau đó là khu đang bị đe dọa và cuối cùng mới tiêm đến khu bị dịch.

Bảo quản: Bảo quản vacxin ở nhiệt độ 4-8^{0}C, nơi khô, tránh ánh sáng trực tiếp

Hạn dùng: 12 tháng

Nhà phân phối: Công ty CP Thuốc và Vật tư thú y (Hanvet),

88 Trường Chinh - Đống Đa - Hà Nội, Tel: 04.8691156.

11. VACXIN PORCILIS BEGONIA

(Vacxin đánh dấu phòng bệnh giả dại ở lợn)

Mô tả: Porcilis AD Begonia là vacxin đánh dấu sống nhược độc đông khô. Mỗi liều chứa ít nhất 10^{55} $TCID_{50}$ virus Aujeszky dòng Begonia nhược độc đã cắt bỏ hai đoạn gen tk và gE. Mục đích là làm cho dòng virus vacxin ổn định và không xảy ra hiện tượng nhiễm ngầm trên lợn. Loại bỏ gen gE giúp phân biệt được lợn tiêm phòng và lợn nhiễm bệnh. Pha vacxin với nước pha Diluvac Forte để tăng cường và kéo dài đáp ứng miễn dịch.

Chỉ định: Tạo miễn dịch chủ động cho lợn phòng bệnh giả dại (Aujesky).

Chương trình tiêm phòng:

Lợn thịt:

- Nếu lợn con không có kháng thể mẹ truyền, tiêm lần đầu sớm, lúc 1 tuần tuổi. Miễn dịch tạo ra sau một lần tiêm phòng sẽ duy trì đến cuối giai đoạn nuôi thịt, hay ít nhất đến 6 tháng tuổi.

- Nếu lợn con sinh ra có kháng thể mẹ truyền thì có thể tiêm phòng cho lợn con một liều vào 14 tuần tuổi. Miễn dịch tạo ra sẽ bảo hộ cho lợn đến hết giai đoạn nuôi thịt. Khi có nguy cơ nhiễm bệnh sớm, lợn con có kháng thể mẹ truyền ở các mức độ khác nhau có thể tiêm phòng lúc 10 tuần tuổi và lặp lại lúc 14 tuần tuổi.

Lợn giống:

Tiêm phòng căn bản như lợn thịt. Sau đó tiêm nhắc lại 4 tháng một lần (3 lần mỗi năm). Tiêm cho toàn đàn.

Hướng dẫn sử dụng:

- Pha vacxin vào lọ nước pha Diluvac Forte hoặc Unisolve đi kèm, mỗi liều 2ml chứa ít nhất 10^{55} $TCID_{50}$ virus Aujeszky dòng Begonia dùng cho mọi lứa tuổi.

- Tiêm bắp thịt.

Hạn ngưng dùng: Không cần thời gian ngưng dùng vacxin trước khi giết thịt.

Trình bày: Lọ 10 liều hoặc 50 liều.

Bảo quản: Vacxin bảo quản lạnh từ 2-8^{0}C, tránh ánh sáng. Lọ nước pha được bảo quản ở nhiệt độ phòng (15-25^{0}C).

Chú ý:

- Chỉ tiêm phòng cho lợn khỏe mạnh

- Sử dụng ngay lọ vacxin sau khi pha

- Dùng dụng cụ tiêm phòng vô trùng

Nhà sản xuất:

Công ty INTERVET - VIETNAM, A PART OF SCHRING PLOUGH CORPORATION,

50B Đặng Dung, quận 1 - TP. Hồ Chí Minh- Tel: (84.8) 38245077, Fax: (84.8) 38245077.

12. VACXIN AUSKIPRA - NG

Đặc tính:

- Là vacxin sống

- Virus Aujesky chủng gE (-), dạng viên đông khô dùng để tiêm.

Những phát hiện gần đây về DNA của virus Aujesky khi sử dụng các enzyme đặc thù đã chứng minh rằng hầu hết các virus đã bị làm yếu có sự thiếu đoạn Us của DNA. Tại vùng này glycoprotein E (thường có mặt ở hầu hết các virus độc lực mạnh hoặc virus đã bị làm yếu) được mã hóa.

Sử dụng phản ứng ELISA với kháng thể đơn dòng có thể phân biệt các động vật đã được chủng vacxin gE (-) với các động vật bị nhiễm virus độc lực mạnh bởi vì chúng có kháng thể chống lại gE glycoprotein. Điều này giúp chúng ta loại bỏ ngay từ đầu toàn bộ các lợn đã bị nhiễm bệnh trước khi tiến hành chương trình tiêu diệt mầm bệnh.

Có thể đạt được hiệu quả bảo hộ đàn lợn từ 48 giờ sau khi tiêm vacxin mặc dù hàm lượng kháng thể tối đa đạt được sau 7 ngày tiêm vacxin.

Thành phần (trong 1 liều): Virus Aujeszky gE (-) chủng Bartha K61 $\geq 10^{5.5}$ $TCID_{50}$.

Chỉ định: Phòng bệnh giả dại lợn

Hướng dẫn sử dụng:

- Tiêm bắp cổ hoặc nhỏ mũi

- Tiêm bắp thịt: sử dụng nước pha đỏ hoặc nước pha trắng.

- Nhỏ mũi: sử dụng nước pha đỏ, nhỏ 1ml cho một lỗ mũi.

- Lắc kỹ cho đến khi hoàn nguyên hoàn toàn viên vacxin đông khô trước khi sử dụng.

- Sau khi hoàn nguyên, vacxin phải sử dụng hết trong 1 giờ.

- Liều dùng: 2ml/lợn, áp dụng từ 10 tuần tuổi trở đi, không kể giới tính, trọng lượng.

Chương trình tiêm phòng:

- Lợn thịt: Một liều, tiêm bắp, lúc 12-13 tuần tuổi. Vùng có dịch, tiêm sớm hơn, ở 10-11 tuần tuổi và tiêm lặp lại ở 13-14 tuần tuổi.

- Lợn nái và đực: Tiêm 2 liều cách nhau 3-4 tuần cho lợn giống khi đưa vào chuồng giống hoặc cho các lợn giống mà trước đó chưa được tiêm vacxin lần nào. Sau đó cứ 4 tháng tiêm nhắc lại một lần hoặc tiêm nhắc lại ở 4-6 tuần trước mỗi lứa đẻ.

- Khi có dịch, tiêm một liều cho toàn đàn (lợn nái, đực và lợn con).

Bảo quản: Ở 2-8^{0}C, tránh ánh sáng

Trình bày:

- Hộp 10 lọ 10ds (W)

- Hộp 50 ds (W) sử dụng dưới sự hướng dẫn của bác sỹ thú y.

Nhà phân phối: Công ty Thuốc thú y Xanh (GREENVET),

186 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội. Tel: (84.4) 35659240, Fax: (84.4) 35659593.

13. VACXIN SUVAXYN® AUJESZKY NIA_3 - 783

(Vacxin virus nhược độc phòng bệnh giả dại trên lợn)

Đặc tính:

- Suvaxyn Herdfen PRV là một vacxin vô hoạt tăng cường chất phụ gia có hiệu quả ngăn ngừa bệnh lý lâm sàng trên lợn. Nái tơ và nái rạ được tiêm phòng có thể truyền kháng thể mẹ sang con, làm giảm tử vong do bệnh giả dại gây ra.

- Suvaxyn Aujeszky NIA_3 783 là một vacxin sống, đông khô chứa virus bệnh Aujesky dòng NIA_3 783 dùng tiêm phòng cho lợn giúp chống lại bệnh giả dại (Aujeszky's).

- Đặc tính TK (âm tính thymidinekinase) của Suvaxyn Aujeszky NIA_3 783 giúp gia tăng tính an toàn của dòng vacxin.

- Đặc tính gl (âm tính glycoprotein 1) do virus vacxin tạo ra giúp phân biệt được giữa kháng thể sinh ra từ việc tiêm phòng với kháng thể có được từ việc nhiễm virus bệnh giả dại từ môi trường. Đặc tính sinh miễn dịch của vacxin được gia tăng do thêm vào tá dược dạng nhũ tương dầu trong nước (oil in water).

- Điều này có hiệu quả đặc biệt trong việc ngăn chặn sự bài thải của virus ra môi trường sau khi bị nhiễm virus tự nhiên và có tầm quan trọng rất lớn trong quá trình xây dựng chương trình loại trừ triệt để mầm bệnh trong trại.

Chỉ định: Tiêm phòng cho lợn giúp chống lại bệnh giả dại.

Hướng dẫn sử dụng:

- Liều lượng: 1 liều = 2ml.

- Vacxin đông khô phải được pha với nước pha của Aujeszky hoặc trong nhũ tương Suvaxyn o/w.

- Vacxin đã pha phải tiêm phòng theo đường tiêm bắp thịt ở phần cổ phía sau tai.

Chương trình tiêm phòng:

- Lợn thịt: Tiêm một liều cho lợn nuôi thịt vào thời điểm bắt đầu vỗ béo.

- Khả năng cao nhất ngăn chặn sự bài thải virus sau khi lợn nhiễm bệnh từ môi trường tự nhiên là khi ta tiêm phòng cho lợn 2 lần và khoảng cách giữa 2 lần tiêm là 3-4 tuần.

- Đàn lợn giống: Tiêm phòng lần thứ nhất lúc lợn được 10-14 tuần tuổi và tiêm phòng lần thứ hai 3-4 tuần sau đó. Tiêm nhắc lại trước khi phối giống lần thứ nhất đối với nái tơ làm giống trong trường hợp áp dụng chương trình loại trừ triệt để virus môi trường.

- Nái rạ: Tiêm phòng trong khoảng 3-6 tuần trước khi đẻ. Trong trường hợp áp dụng chương trình loại trừ triệt để virus môi trường, nái rạ có thể được tiêm phòng cứ sau mỗi 4 tháng cho toàn đàn.

Chống chỉ định: Chỉ tiêm cho lợn khoẻ mạnh. Ngăn ngừa stress trước, trong và sau khi tiêm.

Cảnh báo: Phản ứng phụ

- Vacxin chứa chất phụ gia do đó phản ứng tạm thời có thể xảy ra tại vị trí tiêm.

- Bất kỳ vacxin nào cũng có thể có phản ứng quá mẫn, sử dụng Epinephrine (Adrenaline) có trộn với một thuốc thuộc nhóm Corticosteroid tác dụng nhanh như là một thuốc giải độc.

Bảo quản: Ở 2-8^{0}C

Trình bày: Lọ 50 liều

Hạn sử dụng: Ghi trên bao bì

Nhà phân phối: Công ty CP Phát triển Công nghệ Nông thôn (RTD),

Khu CN An Khánh - Hoài Đức - Hà Nội, Tel: (84.4) 0343650574.

14. VACXIN SUVAXYN I AUJESZKY O/W

(Vacxin chết ngừa bệnh giả dại (Aujezky) trên lợn)

Chương trình tiêm phòng:

- Tiêm bắp thịt hoặc dưới da với liều 2ml/lợn.

- Đàn giống:

  + Nái tơ và nái rạ tiêm lúc 6-8 tuần trước khi đẻ.

  + Lợn đực giống: tiêm nhắc lại hàng năm.

  + Lợn mới mua về nuôi cách ly 30 ngày và tiêm phòng vào khoảng 2 tuần lễ trước khi nhập đàn.

- Lợn con:

  + Tiêm phòng lúc 14 ngày tuổi cho những lợn con mà cha mẹ chúng chưa bị nhiễm bệnh và chưa được tiêm phòng với liều 2ml/con đủ sức bảo hộ tới khi bán thịt.

  + Tiêm phòng lần thứ nhất lúc 5-6 tuần, lần 2 lúc 10-12 tuần cho những lợn con mà cha mẹ chúng đã bị nhiễm bệnh và đã được tiêm phòng.

Chú ý:

- Bảo quản ở nhiệt độ 2-7^{0}C, tránh đông đá.

- Không tiêm cho lợn trong vòng 21 ngày trước khi giết mổ.

- Lắc kỹ lọ vacxin trước khi sử dụng.

- Sử dụng hết vacxin khi đã mở lọ, hủy toàn bộ lọ và vacxin thừa.

- Nếu có phản ứng bất lợi xảy ra, sử dụng Epinephrine.

Trình bày: Lọ 10 liều/20ml; lọ 50 liều/100ml

Nhà phân phối: Công ty CP Phát triển Công nghệ Nông thôn (RTD),

Khu CN An Khánh - Hoài Đức - Hà Nội . Tel: (84.4) 0343650574

15. VACXIN AMERVAC - PRRS VACXIN

(Vacxin phòng hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản trên lợn (PRRS)

Đặc tính:

- Trong 1 liều (2ml)

- Virus PRRS sống, chủng VP 046 BIS ... $\geq 10^{3.5}$ $TCID_{50}$

- VP 046 BIS có khả năng bảo hộ tất cả các chủng châu Âu khác và có khả năng bảo hộ chéo với chủng châu Mỹ.

Một vấn đề hết sức quan trọng là AMERVAC-PRRS chủng VP 046 là chủng an toàn nhất trong các chủng châu Âu và hoàn toàn không gây hoàn nguyên độc lực.

Do sự xuất hiện của virus gây ra hội chứng loạn sinh sản và hô hấp trên lợn (PRRS) phức hợp bệnh hô hấp gia tăng đáng kể do ảnh hưởng của nó trên tiểu thể đại thực bào. Điều này được thấy rõ ở lợn sau cai sữa cũng như trên lợn giai đoạn vỗ béo (bệnh viêm phổi màng phổi, bệnh Aujeszky, bệnh Mycoplasma...) kết quả làm tăng đáng kể số lợn chết trong trại khi so sánh với số lợn chết trước khi xuất hiện PRRS.

Vì những lý do trên, LABORATORIOS HIPPRA, S.A đã sản xuất ra vacxin Amervac - PRRS có chứa chủng virus nhược độc VP 046 BIS chống lại bệnh này nhằm góp phần vào việc phòng ngừa PRRS và làm giảm tiến trình viêm phổi do tác động của hàng loạt virus, vi khuẩn cơ hội trong phức hợp bệnh đường hô hấp trên lợn.

Tính an toàn:

- Không trở lại động lực

- Không gây sốt cho lợn khi tiêm

- Không gây phản ứng phụ khi tiêm

- Không bài thải virus vacxin ra môi trường

- Có thể tiêm trên lợn mang thai, virus vacxin không truyền qua nhau thai

Hiệu lực:

- Bảo hộ trên nái: Bảo hộ lợn nái chống lại PRRS làm giảm tỷ lệ đẻ non, sảy thai, chết thai và truyền kháng thể bảo hộ trong thời gian con bú.

- Bảo hộ trên con: Bảo hộ PRRS giảm tỷ lệ viêm nhiễm hô hấp thứ phát.

- Bảo hộ chéo: Vacxin sống nhược độc chủng VP 046 BIS là công cụ an toàn và hiệu quả để kiểm soát bệnh tai xanh cả chủng châu Âu lẫn chủng châu Mỹ (đã được kiểm chứng bởi thí nghiệm của Thanawongnwech, et al. 2006 IP VS 2006).

Thời gian bảo hộ:

- Kháng thể bảo hộ ở ngày thứ 11 sau khi tiêm là 80%.

- Ngày thứ 32 sau khi tiêm: kháng thể bảo hộ đạt 100% và kéo dài đến ngày thứ 125.

Chương trình tiêm phòng:

** Trong trại có dấu hiệu bệnh cấp tính trên lợn nái:*

Tiêm đồng loạt trên lợn nái 2 lần, cách nhau 1 tháng. Sau đó, có thể theo một trong hai chương trình sau:

+ Tiêm 1 liều vacxin sống 12-15 ngày sau khi sinh.

+ Một liều vacxin: 2ml cho một lợn không kể giới tính, tuổi và trọng lượng lợn.

** Trong trường hợp tiêm phòng thường kỳ*

- Lợn nái tơ và đực giống hậu bị cần tiêm 1 liều vacxin sống 5-6 tuần trước khi phối lần đầu.

- Lợn nái tiêm 1 liều vacxin sống 12-15 ngày sau khi đẻ.

- Lợn đực giống, tiêm 6 tháng một lần.

** Tiêm phòng lợn con:*

Một tháng sau khi tiêm toàn đàn nái, bắt đầu tiêm cho lợn con 1 liều vacxin sống lúc 3-4 tuần tuổi.

Nhà phân phối: Công ty Thuốc thú y Xanh (GREENVET)

186 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội - Tel: (84.4) 35659240, Fax: (84.4) 35659593

16. VACXIN BSL PS100

(Vacxin sống dạng đông khô phòng ngừa hội chứng rối loạn sinh sản trên lợn nái và hô hấp trên lợn con (PRRS)

Đặc tính:

- Vacxin PRRS nhược độc đông khô thế hệ mới có nguồn gốc từ chủng JKL 100 thuộc dòng Mỹ (American Strain). Một liều vacxin chứa ít nhất $10^{5.0}$ TCID 50.

- BSL PS100 có độ an toàn rất cao. Thử nghiệm đã chứng minh BSL PS100 an toàn dù tiêm cao gấp 20 liều.

Hiệu quả của vacxin:

Thực nghiệm đã chứng minh trên lô lợn có sử dụng vacxin BSL PS 100 cho thấy trên lợn con bú mẹ, tỷ lệ tử vong rất thấp (0%) so với lô đối chứng không sử dụng vacxin là (7%). Và hiệu quả trên lợn thịt, tăng trọng thêm 15% với lợn không tiêm.

Miễn nhiễm:

Vacxin BSL PS100 kích hoạt hệ thống miễn dịch nhanh chóng và kéo dài. Một tuần sau khi tiêm phòng thì hàm lượng kháng thể trong máu đạt mức có khả năng bảo hộ và thời gian miễn dịch kéo dài khoảng 16 tuần.

Chương trình tiêm phòng:

- Tiêm bắp thịt 2ml/liều

- Nái tơ nái nuôi con: Tiêm trước khi cai sữa hoặc trước lúc phối giống.

- Lợn đực: Tiêm lúc 18 tuần tuổi và tiêm nhắc lại hàng năm.

- Lợn con (ở trại không có dịch): Tiêm một lần lúc 3 tuần tuổi. Tiêm lần 2 lúc 6 tuần tuổi.

- Nếu trại đang có dịch: Tiêm phòng ngay cho nái mang thai dưới 70 ngày của thai kỳ.

- Lưu ý: Chỉ được pha vacxin với nước pha của chính vacxin

Trình bày: Lọ 10 liều, 25 liều và 50 liều.

Hạn sử dụng: Ghi trên bao bì

Nhà phân phối: Công ty CP Phát triển Công nghệ Nông thôn (RTD).

Khu CN An Khánh - Hoài Đức - Hà Nội, Tel: (84.4) 0343650574.

17. VACXIN BSK - PS 100

(Vacxin vô hoạt phòng ngừa hội chứng rối loạn sinh sản trên lợn nái và hô hấp trên lợn con (PRRS)

Đặc tính:

- Vacxin BSK-PS100 là vacxin vô hoạt chứa chủng virus bệnh PRRS dòng châu Âu (E strain).

- Một liều vacxin chứa ít nhất $10^{7.5}$ TCID50.

- BSK-PS100 có độ an toàn rất cao. Thử nghiệm đã chứng minh BSK-PS100 an toàn dù tiêm cao gấp 10 liều. Vacxin an toàn đối với lợn mang thai.

Hiệu quả của vacxin:

- Thực nghiệm đã chứng minh trên lô lợn có sử dụng vacxin BSK - PS100 cho tỷ lệ sống sót của lợn sơ sinh cao hơn 6,4%; tỷ lệ lợn sơ sinh chết thấp hơn 3,7%; tỷ lệ thai chết lưu và thai gỗ thấp hơn 3,6%; tỷ lệ lợn con cai sữa cao hơn 9,1% so với lô lợn nái không chủng vacxin.

- Tiêm phòng vacxin trên nái giúp nâng cao số lợn trên ổ và tỷ lệ lợn con cai sữa đồng thời làm giảm tỷ lệ thai chết lưu và thai gỗ.

Miễn nhiễm:

Vacxin BSL PS100 kích hoạt hệ thống miễn dịch nhanh chóng và kéo dài. Một tuần sau khi tiêm phòng thì hàm lượng kháng thể trong máu đạt mức có khả năng bảo hộ và thời gian miễn dịch kéo dài khoảng 16 tuần.

Chương trình tiêm phòng:

- Tiêm bắp thịt 2ml/liều

- Nái tơ nái nuôi con: Tiêm trước khi cai sữa hoặc trước lúc phối giống.

- Lợn đực: Tiêm lúc 18 tuần tuổi và tiêm nhắc lại hàng năm.

- Lợn con (ở trại không có dịch): Tiêm một lần lúc 3 tuần tuổi. Tiêm lần 2 lúc 6 tuần tuổi.

- Nếu trại đang có dịch: Tiêm phòng ngay cho nái mang thai dưới 70 ngày của thai kỳ.

- Lưu ý: Chỉ được pha vacxin với nước pha của chính vacxin

Trình bày: Lọ 10 liều, 25 liều và 50 liều.

Hạn sử dụng: Ghi trên bao bì

Nhà phân phối: Công ty CP Phát triển Công nghệ Nông thôn (RTD),

Khu CN An Khánh - Hoài Đức - Hà Nội, Tel: (84.4) 0343650574

18. VACXIN HỘI CHỨNG HÔ HẤP, SINH SẢN LỢN (PRRS)

Đặc tính:

- Mô tả: Vacxin chết, nhũ dầu

- Virus PRRS chủng NVDC-JXA 1, mỗi ml vacxin chứa không thấp hơn 10^6 $TCID_{50}$ trước bất hoạt

- Chất bất hoạt: Formaldehyde

- Chất bổ trợ: Dầu khoáng

Hướng dẫn sử dụng:

- Vacxin dùng phòng bệnh Hội chứng hô hấp, sinh sản cho lợn khỏe mạnh.

- Tiêm bắp thịt sau tai

- Liều dùng: 2ml/con cho lợn ≥ 3 tuần tuổi

4ml/con cho lợn nái trước khi sinh sản

4ml/con cho đực giống 6 tháng 1 lần

Chú ý:

- Lọ vacxin phải được lắc kỹ trước khi dùng.

- Đưa lọ vacxin về nhiệt độ bình thường trước khi sử dụng.

- Không dùng lọ vacxin bị nứt vỡ.

- Sau khi mở, lọ vacxin dùng trong ngày.

- Bơm tiêm và kim tiêm phải được tiệt trùng trước khi sử dụng, thay kim thường xuyên.

- Dùng thận trọng đối với lợn đang mang thai.

Chống chỉ định: Không dùng cho lợn đang bị bệnh hoặc ốm yếu.

Thời gian ngưng thuốc: 21 ngày trước khi giết thịt.

Bảo quản:

- Nhiệt độ bảo quản từ 2-8^{0}C.

- Không được để vacxin vào ngăn đông đá.

- Trong quá trình vận chuyển phải giữ vững trong thùng xốp đá lạnh (hoặc đá khô), tránh nóng và ánh sáng trực tiếp.

Trình bày: Chai 10 liều, 20 liều, 50 liều

Hạn dùng: 18 tháng kể từ ngày sản xuất khi bảo quản ở 2^{0}C - 8^{0}C.

Nhà sản xuất:

Chengdu Medical Equipment and Pharmaceutical Factory of Animal Husbandry Industry Co, Ltd. Trung Quốc.

Nhập khẩu và phân phối:

Công ty TNHH Một thành viên thuốc thú y Trung ương (NAVETCO).

- Đã được Trung tâm chẩn đoán Thú y Trung ương (với sự cho phép của Cục Thú y) tiến hành khảo nghiệm và cho kết quả tốt tại trại lợn Nguyễn Qúy Tâm, xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, Hà Nội.

- Đã được phép sử dụng thí điểm tại một số huyện của 4 tỉnh Thái Bình, Ninh Bình, Nam Định, Hà Nội (tổng cộng 13.011 con).

19. VACXIN PARVOERYSIN- INJ

Đặc tính:

Vacxin vô hoạt chứa:

- Parvovirus chủng S-27 tối thiểu có 512HA- đơn vị ngưng kết hồng cầu.

- Chứa ít nhất 2.10^{10} Erysipelothrix rhusiopathiae typ 3, 2 và 1.

- Vacxin PARVOERYSIN-INJ là vacxin vô hoạt dạng dung dịch.

Chỉ định:

PARVOERYSIN-INJ được chỉ định phòng bệnh Parvovirus và bệnh đóng dấu cho lợn nái, hậu bị và đực giống.

PARVOERYSIN-INJ phòng bệnh khô thai và sảy thai do Parvovirus và bệnh đóng dấu lợn.

Hướng dẫn sử dụng:

- Lắc kỹ trước khi dùng.

- Tiêm bắp, liều chung: 2ml/1 liều.

- *Với lợn hậu bị:* Tiêm 1 liều trước khi phối giống 3-4 tuần.

- *Với nái sinh sản:* Tiêm 1 liều trước khi phối giống 2-3 tuần.

- *Với lợn đực giống:* Tiêm 1 liều trước lần phối giống đầu tiên 2-4 tuần, nhắc lại 1 liều sau mỗi 6 tháng.

Trình bày: Chai 5 liều, 10 liều, 50 liều.

Bảo quản: Ở nhiệt độ 2-8^{0}C và tránh ánh sáng mặt trời.

Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất

Nhà sản xuất: BIOVETA, a.s - Komenského 212 683 23 Ivanovice na Hané Czech Republic.

Nhà phân phối: Công ty Thuốc thú y Xanh (GREENVET)

186 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội. Tel: (84.4) 35659240, Fax: (84.4) 35659593.

20. VACXIN PORCILIS PARVO

(Vacxin vô hoạt phòng bệnh thai gỗ do virus parvo gây ra)

Đặc tính:

Porcilis Parvo là vacxin vô hoạt phòng bệnh thai gỗ do virus Parvo gây ra trên lợn. Kháng nguyên virus Parvo trong chất bổ trợ Diluvac Forte.

Chỉ định:

Tiêm phòng cho lợn nái và lợn hậu bị để bảo hộ phôi và bào thai chống lại virus Parvo.

Chương trình tiêm phòng:

- Lợn hậu bị: Tiêm phòng căn bản hai liều vacxin vào 8 và 2 tuần trước khi phối giống.

- Lợn nái: Tiêm một liều trước khi phối giống ít nhất 2 tuần.

- Liều lượng: 2ml tiêm bắp thịt.

Hạn ngưng dùng: Không cần thời gian ngưng dùng vacxin trước khi giết thịt.

Trình bày: Lọ 20ml/10 liều, 50ml/25 liều và 100ml/50 liều.

Bảo quản: Ở nhiệt độ 2-8^{0}C, tránh đông đá và tránh ánh sáng.

Chú ý:

- Chỉ tiêm phòng cho lợn khoẻ mạnh.

- Để vacxin ấm lên đạt nhiệt độ phòng (15-25^{0}C) trước khi sử dụng.

- Lắc kỹ lọ vacxin trước khi sử dụng.

- Dùng dụng cụ tiêm phòng vô trùng.

Nhà sản xuất:

Công ty INTERVET - VIETNAM, A PART OF SCHERING PLOUGH CORPORATION,

50B Đặng Dung - quận 1 - TP. Hồ Chí Minh. Tel: (84.8) 38245077, Fax: (84.8) 38245077

21. VACXIN PARVO SHIELD L5E

(Vacxin parvovirus chết - vacxin vi trùng vô hoạt phòng ngừa các bệnh sảy thai truyền nhiễm, bệnh đóng dấu và một số vi khuẩn khác)

Đặc tính:

- Vacxin Parvo L5E được kết hợp từ 7 vi sinh vật bao gồm *Parvovirus, Erysipelothrix* và 5 chủng của *Leptospira gồm: L.canicola; L.gryppotyphosa; L.hardjo; Licterohaemorrhagiae; L.pomona.*

- Parvo Shield L5E được kết hợp từ 7 vi sinh vật khác nhau nhưng không có sự giao thoa giữa các thành phần khác nhau của vacxin.

- Parvo Shield L5E được làm bất hoạt trong một quy trình sản xuất đặc biệt có tính an toàn, hoàn hảo và giữ kháng nguyên tối đa.

- Parvo Shield L5E được bổ trợ với hydroxide nhôm có độ tinh khiết cao, hiệu lực tối đa và dễ tiêm.

- Parvo Shield L5E có chứa Amphotericin B, Penicillin, Streptomycin và Thimerosal làm chất bảo quản.

Hướng dẫn sử dụng:

- Tiêm bắp thịt liều 5ml/con cho lợn hậu bị 4-6 tuần trước khi phối giống, tiêm nhắc lại 3-4 tuần sau đó.

- Tiêm một liều trước mỗi lần phối giống tiếp theo.

- Tiêm cho lợn đực giống 6 tháng một lần.

Chú ý:

- Bảo quản ở nhiệt độ 2-7^{0}C, tránh đông đá.

- Không tiêm cho lợn trong vòng 21 ngày trước khi giết mổ.

- Lắc kỹ lọ vacxin trước khi sử dụng.

- Sử dụng hết vacxin khi đã mở lọ, hủy toàn bộ lọ và vacxin thừa.

- Phản ứng bất lợi ít khi xảy ra. Nếu có, sử dụng Adrenaline.

- Chỉ tiêm vacxin cho vật nuôi khỏe mạnh.

Trình bày: Lọ 50ml/10 liều, 100ml/20 liều, 250ml/50 liều.

Hạn sử dụng: Ghi trên bao bì

Nhà phân phối: Công ty CP Phát triển Công nghệ Nông thôn (RTD)

Khu CN An Khánh - Hoài Đức - Hà Nội, Tel: (84.4) 0343650574

22. CIRCUMVENT PCV

Đặc tính:

- Vacxin vô hoạt

- Mỗi liều 2ml chứa:

Kháng nguyên PCV ≥ 1.0 RP.

Tá chất: Gentamycin ≤ 60µg

Chất bảo quản: Thiomersal

Chất bổ trợ: Microsol Diluvac Forte

- Đặc tính dược lực học: thành phần hoạt chất sinh miễn dịch là kháng nguyên PCV ≥1.0RP.

- Đặc tính dược động học: kích thích lợn tạo kháng thể chống lại Porcine Cireovirus type 2.

Chỉ định:

- Dùng để phòng ngừa hội chứng còi cọc trên lợn do PCV2 và ngăn ngừa sự bài thải virus. Trong trường hợp lợn bị nhiễm trễ hoặc kháng thể mẹ truyền thấp, chỉ tiêm 1 liều (2ml) cho lợn từ 3 tuần tuổi trở lên. Tiêm bắp thịt vào vùng phía sau tai.

Trong trường hợp lợn bị nhiễm sớm hoặc kháng thể mẹ truyền cao, khuyến cáo áp dụng lịch tiêm phòng 2 mũi: mũi 1 vào 3-5 ngày tuổi (liều 2ml), mũi 2 sau mũi 1 từ 2-3 tuần (liều 2ml). Tiêm bắp thịt vùng phía sau tai.

- Liều dùng: Tiêm bắp thịt, liều 2ml.

Chú ý:

- Trước khí sử dụng, để vacxin ấm lên bằng nhiệt độ phòng (15-25^{0}C). Sử dụng bơm và kim tiêm vô trùng.

- Không khuyến cáo pha trộn với các sản phẩm thuốc thú y khác.

- Tác dụng không mong muốn:

Thân nhiệt có thể tăng nhẹ 1-2 ngày sau khi tiêm. Một số nhỏ lợn con có thể giảm ăn hoặc lừ đừ. Một số ít trường hợp có thể sưng nhẹ tại chỗ tiêm. Một số trường hợp quá mẫn cảm có thể xảy ra nhưng sẽ tự hết sau vài phút điều trị.

- Sản phẩm này có chứa dầu khoáng. Trong trường hợp tiêm nhầm vào tay có thể dẫn đến đau và sưng. Trong một số trường hợp nếu tiêm vào ngón tay hoặc khớp có thể dẫn đến phải cắt bỏ phần bị hư hoại nếu công tác sơ cứu lúc đầu không đúng mức.

Cần rất thận trọng khi dùng thuốc và tìm ngay sự trợ giúp từ bác sĩ nếu tai nạn xảy ra.

Thời hạn ngưng sử dụng thuốc: Không.

Hạn sử dụng: 2 năm tính từ ngày sản xuất

Bảo quản: Ở nhiệt độ từ 2-8^{0}C. Sau khi đâm kim chỉ sử dụng trong vòng 8 tiếng.

Trình bày: Lọ nhựa 100ml (50 liều); 200ml (100 liều); 500ml (250 liều). Lọ được đậy bởi nắp cao su có vỏ nhôm bọc ngoài.

Nhà sản xuất và phân phối:

Công ty INTERVET - VIETNAM, A PART OF SCHERING PLOUGH CORPORATION

50B Đặng Dung - quận I - TP. Hồ Chí Minh. Tel: (84.8) 38245077, Fax: (84.8) 38245077

23. VACXIN PORCILIS® BPM

(Vacxin đa giá phòng ngừa phức hợp hô hấp trên lợn)

Đặc tính:

Porcilis BPM là vacxin vô hoạt phòng bệnh viêm phổi địa phương, tụ huyết trùng và viêm teo mũi truyền nhiễm trên lợn gây nên bởi:

- *Mycoplasma hyopneumoniae*

- *Pasteurella multocida typ A*

- *Pasteurella multocida typ D*

- *Bordetella bronchiseptica*

Chỉ định:

Dùng để tiêm phòng tạo miễn dịch cho lợn chống lại bệnh viêm phổi địa phương, tụ huyết trùng và bệnh viêm teo mũi truyền nhiễm.

Chương trình tiêm phòng:

- *Lợn con:* Tiêm lần đầu lúc 5-7 ngày tuổi, tiêm lần hai lúc 23-28 ngày tuổi.

Chương trình thay thế: Tiêm lần đầu lúc cai sữa, tiêm lần hai sau lần đầu 3 tuần.

- *Lợn nái và hậu bị:* Tiêm hai lần vào 5 tuần và 2 tuần trước khi sinh, lần mang thai tiếp theo chỉ cần tiêm một lần vào 2-3 tuần trước khi sinh.

- *Lợn đực giống:* Tiêm mỗi năm một lần.

Liều lượng và cách dùng: Tiêm bắp thịt

- Lợn con: 1ml/con

- Lợn trưởng thành: 2ml/con

Hạn ngưng dùng: Không cần thời gian ngưng dùng vacxin trước khi giết thịt.

Trình bày: Lọ 100ml

Bảo quản: 2-8^{0}C, tránh đông đá và tránh ánh sáng.

Chú ý:

- Chỉ tiêm phòng cho lợn khỏe mạnh.

- Để vacxin ấm lên đạt nhiệt độ phòng (15-25^{0}C) trước khi sử dụng.

- Lắc kỹ lọ vacxin trước khi sử dụng.

- Sử dụng ngay lọ vacxin sau khi mở nắp.

- Dùng dụng cụ tiêm phòng vô trùng.

Nhà sản xuất và phân phối:

Công ty INTERVET - VIETNAM, A PART OF SCHERING PLOUGH CORPORATION

50B Đặng Dung - quận I - TP. Hồ Chí Minh. Tel: (84.8) 38245077, Fax: (84.8) 38245077.

24. VACXIN M + PAC

(Sản phẩm của Schering Plough - USA)

Đặc tính:

Vacxin M + Pac là vacxin nhũ dầu, chứa kháng nguyên Mycoplasma hyopneumoniae.

Chỉ định:

- M + Pac được chỉ định phòng hội chứng ho thở trên lợn.

- Với chất phụ gia đặc biệt, M + Pac làm tăng tính kháng nguyên, tăng khả năng phòng bệnh, giảm tỷ lệ ho thở giảm các tổn thương ở phổi, kéo dài thời gian miễn dịch

Liều lượng và cách sử dụng:

- Đường tiêm: Tiêm bắp

- Chương trình tiêm chủng 2 lần: liều 1ml/con. Tiêm 1 lần vào 7-10 ngày tuổi, tiêm nhắc lại sau 2 tuần với nái sinh sản

- Chương trình tiêm chủng 1 lần: liều 2ml/con. Tiêm 1 lần duy nhất vào 4 tuần tuổi hoặc lớn hơn.

Trình bày: Chai 50 liều, 10 liều

Bảo quản: 2-8^{0}C, tránh ánh sáng mặt trời.

Chú ý:

- Chỉ tiêm phòng cho lợn khỏe mạnh.

- Để vacxin ấm lên đạt nhiệt độ phòng (15-25^{0}C) trước khi sử dụng.

- Lắc kỹ lọ vacxin trước khi sử dụng

- Sử dụng ngay lọ vacxin sau khi mở nắp

- Dùng dụng cụ tiêm phòng vô trùng

Nhà phân phối: Công ty Thuốc thú y Xanh (GREENVET)

186 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội. Tel: (84.4) 35659240, Fax: (84.4) 35659593

25. VACXIN MYCO SHIELDTM

(Vacxin chết ngừa bệnh viêm phổi lợn do Mycoplasma hyopneumoniae)

Đặc tính:

- Myco ShieldTM là vacxin chết chứa kháng nguyên khuẩn vô hoạt *Mycoplasma hyopneumoniae*. Ngoài ra còn chứa Penicillin và Thimerosal dùng làm chất bảo quản.

- Myco ShieldTM là một vacxin phân tử, chỉ sử dụng phần kháng nguyên để sản xuất vacxin vì thế rất an toàn, tạo ra miễn dịch cao. Những thử nghiệm trên thực địa cho thấy, trên những con lợn được tiêm vacxin hoàn toàn không bị nhiễm khi cho tiếp xúc trực tiếp với mầm bệnh.

Hiệu quả của vacxin:

- Trên những lợn được tiêm vacxin bệnh tích phổi sẽ giảm đi 5-8 lần.

- Ở thời điểm 155 ngày tuổi trên những con lợn được tiêm vacxin có tăng trọng cao hơn những con không tiêm là 6,8kg/con.

Liều lượng và cách sử dụng: Liều 1ml, tiêm bắp thịt cho lợn con lúc 2 tuần tuổi hoặc lớn hơn, tiêm lại 2 tuần sau đó.

Bảo quản: 2-7^{0}C, tránh đông đá, tránh ánh sáng trực tiếp.

Thời gian ngưng thuốc: Không được giết mổ trong khoảng 21 ngày sau khi tiêm vacxin

Chú ý:

- Sử dụng hết vacxin khi đã mở lọ

- Chỉ tiêm vacxin cho lợn khoẻ mạnh.

- Phản ứng quá mẫn có thể xảy ra. Điều trị bằng Epinephrine

Trình bày: Lọ 100ml/100 liều

Nhà phân phối: Công ty CP Phát triển Công nghệ Nông thôn (RTD)

Khu CN An Khánh - Hoài Đức - Hà Nội, Tel: (84.4) 0343650574.

26. VACXIN PORCILIS M HYO

(Vacxin thế hệ mới phòng ngừa bệnh viêm phổi địa phương do Mycoplasma)

Đặc tính:

- Porcilis M Hyo là vacxin chứa vi khuẩn *Mycoplasma hyopneumoniae* dòng 11 vô hoạt phòng bệnh viêm phổi địa phương trên lợn gây nên bởi *Mycoplasma hyopneumoniae.*

- Mỗi liều vacxin 2ml có chứa *Mycoplasma hyopneumoniae* dòng 11 vô hoạt > 7,0 log2 hiệu giá kháng thể (hiệu giá kháng thể trung bình đạt được sau khi tiêm chuột với liều bằng 1/20 liều dùng cho lợn).

- Chất bổ trợ: Diluvac Forte.

Chỉ định: Phòng bệnh viêm phổi địa phương do *Mycoplasma hyopneumoniae* gây nên ở lợn.

Chương trình tiêm phòng:

Lợn con tiêm hai liều vào 5-7 ngày tuổi và 23-28 ngày tuổi.

Hoặc áp dụng chương trình thay thế: tiêm lần một lúc cai sữa và tiêm nhắc lại 3 tuần sau đó.

Liều lượng và cách sử dụng: Lợn con tiêm liều 2ml/con, tiêm bắp thịt.

Hạn ngưng dùng: Không cần thời gian ngưng dùng vacxin trước khi giết thịt.

Trình bày : Lọ vacxin 10, 25, 50 và 100 liều.

Bảo quản: 2-8^{0}C, tránh đông đá và tránh ánh sáng.

Chú ý:

- Chỉ tiêm phòng cho lợn khoẻ mạnh

- Để vacxin ấm lên đạt nhiệt độ 15-25^{0}C trước khi sử dụng.

- Lắc kỹ lọ vacxin sau khi mở nắp

- Dùng dụng cụ tiêm phòng vô trùng.

Nhà sản xuất và phân phối:

Công ty INTERVET - VIETNAM, A PART OF SCH ERING PLOUGH CORPORATION

50B Đặng Dung - quận I - TP. Hồ Chí Minh. Tel: (84.8) 38245077, Fax: (84.8) 38245077.

27. VACXIN ĐÓNG DẤU LỢN KEO PHÈN

Đặc tính:

- Vacxin chết được sản xuất từ chủng vi khuẩn đóng dấu lợn có tương đồng kháng nguyên với chủng gây bệnh cho lợn ở nước ta, diệt bằng formol, có chất bổ trợ là keo phèn.

- Một ml chứa 10 tỷ vi khuẩn.

- Khi tiêm vacxin ít khi xảy ra các phản ứng cục bộ hay toàn thân.

- Sau khi sử dụng vacxin 2 tuần, lợn có miễn dịch và miễn dịch tốt, ổn định, kéo dài 9 đến 12 tháng.

- Vacxin để lắng, chia 2 lớp, lớp dưới lắng là keo phèn trắng đục và lớp trên có màu vàng trong.

Hướng dẫn sử dụng:

- Dùng để tiêm phòng bệnh đóng dấu lợn cho lợn khỏe mạnh, từ 45 ngày tuổi trở lên.

- Mỗi năm cần tiêm cho lợn từ 1 đến 2 lần (6 tháng một lần).

- Tiêm vào dưới da sau tai hoặc dưới da trong đùi.

- Trước khi tiêm phải lắc đều lọ thuốc.

- Lọ thuốc đã dùng chỉ sử dụng trong 1 ngày.

- Liều tiêm: + Mỗi lợn con dưới 3 tháng dùng 2ml.

+ Mỗi lợn từ 4 tháng trở lên dùng 3ml.

Bảo quản:

- Giữ trong điều kiện lạnh 10^0C bảo quản được 9 tháng và trong điều kiện nhiệt độ bình thường được 5-6 tháng.

- Tránh để nơi nóng ẩm có ánh sáng mặt trời.

Trình bày: Lọ 50ml, 100ml.

Nhà phân phối: Công ty Thuốc thú y Trung ương

29 Nguyễn Đình Chiểu, quận I, TP. Hồ Chí Minh. ĐT: (8408) 3.8225063

Chi nhánh: Số 164 phố Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - ĐT: (84.4) 8691003

28. VACXIN ĐÓNG DẤU LỢN II (VR2)

Đặc tính:

- Vacxin nhược độc chế bằng vi khuẩn đóng dấu lợn chủng VR2 (Rumani). Mỗi 1 ml chứa 10 tỷ vi khuẩn.

- Vacxin an toàn không gây phản ứng cho lợn các lứa tuổi.

- Sau tiêm 2 lần, lợn có miễn dịch và miễn dịch kéo dài 8-12 tháng.

Hướng dẫn sử dụng:

- Vacxin dùng để tiêm phòng dịch đóng dấu cho lợn khoẻ mạnh từ 2 tháng tuổi trở lên.

- Trước khi sử dụng lắc đều lọ thuốc.

- Dụng cụ, ống tiêm không được rửa bằng thuốc sát trùng và kháng sinh, mà chỉ vô trùng bằng luộc.

- Tiêm vào dưới da sau tai hoặc dưới da trong đùi.

- Liều tiêm: Tiêm cho mỗi lợn 1-2 ml.

Bảo quản:

- Vacxin giữ nơi râm mát, từ 4^0C đến 10^0C bảo quản được 9 tháng. Nếu để ở nhiệt độ thường được 4 tháng.

- Không để trong lạnh ẩm.

- Tránh ánh sáng mặt trời và nơi nóng ẩm.

- Lọ thuốc đã mở chỉ sử dụng trong 1 ngày.

Trình bày: Lọ 50 ml, 100ml

Nhà phân phối: Công ty Thuốc thú y Trung ương

29 Nguyễn Đình Chiểu, quận I, TP. Hồ Chí Minh - ĐT: (8408) 3.8225063

Chi nhánh:Số 164 phố Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - ĐT: (84.4) 8691003

29. VACXIN TỤ HUYẾT TRÙNG LỢN KEO PHÈN

Đặc tính:

- Vacxin vô hoạt chế bằng chủng vi khuẩn Pasteurella multocida (FgHc) có tính đồng kháng nguyên với chủng gây bệnh, được giết chết bằng formol, có chất bổ trợ là keo phèn. Mỗi ml có chứa 10 tỷ vi khuẩn.

- Khi để lắng, vacxin chia làm 2 lớp, lớp keo phèn trắng ở đáy, ở trên có lớp nước trong hơi vàng.

- Khi tiêm dưới da, vacxin để lại một u nhỏ và sẽ giảm dần theo thời gian.

- Vacxin tạo miễn dịch sau 2 tuần sử dụng và miễn dịch kéo dài 6-9 tháng.

Hướng dẫn sử dụng:

- Vacxin dùng để tiêm phòng bệnh tụ huyết trùng cho lợn khỏe mạnh từ 2 tháng trở lên.

- Sau khi tiêm phải cử người theo dõi phản ứng nửa ngày để kịp thời xử lý.

- Lắc kỹ lọ vacxin trước khi sử dụng.

- Vị trí tiêm: dưới da sau tai hay dưới da đùi trong.

- Tiêm vacxin cho lợn mỗi năm 2 lần, thường tiêm vào trước mùa mưa 1 tháng.

- Liều tiêm: Mỗi lợn tiêm 2ml ở tất cả các lứa tuổi. Với lợn con 2 tháng tuổi có thể dùng 1ml. Nhưng sau 3-4 tuần phải dùng liều bổ sung 2ml.

Bảo quản:

- Vacxin giữ ở nơi râm mát, tốt nhất là nhiệt độ từ 4^0C đến 10^0C, có thể giữ được 9 tháng.

- Không để vacxin trong tủ đông lạnh.

Trình bày: Lọ 100 ml có 50 liều, lọ 50 ml có 25 liều, lọ 10 ml có 5 liều

Nhà phân phối: Công ty Thuốc thú y Trung ương

29 Nguyễn Đình Chiểu, quận I, TP. Hồ Chí Minh - ĐT: (8408) 3.8225063

Chi nhánh: Số 164 phố Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - ĐT: (84.4) 8691003

30. VACXIN PHÒNG BỆNH XOẮN TRÙNG (LEPTOSPIROSIS)

Đặc tính:

- Vacxin được chế từ các chủng vi khuẩn Leptospira gây bệnh cho lợn, đã giết chết bằng Merthiolat 1%. Đó là các chủng: Leptospira pomona, L.mitis, L.autumnalis, L.autralis, L.icterohaemorrhagia, L.bataviae, L.canicola.

- Vacxin có thể có bổ trợ là phèn chua hoặc ở dạng canh khuẩn đơn thuần.

- Vacxin không gây các phản ứng phụ.

- Sau khi tiêm 2 tuần, lợn có miễn dịch và miễn dịch kéo dài 6-9 tháng.

Hướng dẫn sử dụng:

- Vacxin dùng để tiêm phòng bệnh Letospirosis (bệnh lợn nghệ) cho lợn khỏe mạnh từ 2 tháng tuổi trở lên.

- Tiêm đưới da hai lần, cách nhau 7 ngày.

- Lợn nghi mắc bệnh thì không tiêm.

- Lắc nhẹ lọ vacxin trước khi dùng.

- Liều tiêm:

+ Lợn từ 15-50kg, lần 1: 2ml/con; lần 2: 3ml/con

+ Lợn trên 50kg; lần 1: 3ml/con; lần 2: 5ml/con

Bảo quản:

- Vacxin để nơi râm mát, từ 4^0C đến 8^0C, bảo quản được 6-9 tháng.

Trình bày: Lọ 100ml, lọ 50ml

Nhà phân phối: Công ty Thuốc thú y Trung ương

29 Nguyễn Đình Chiểu, quận I, TP. Hồ Chí Minh - ĐT: (8408) 3.8225063

Chi nhánh: Số 164 phố Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - ĐT: (84.4) 8691003

31. VACXIN PORCILIS APP

(Vacxin vô hoạt duy nhất phòng tất cả các typ Actinobacillus pleuropneumoniae gây bệnh viêm phổi - màng phổi trên lợn)

Đặc tính:

- Porcilis App là vacxin vô hoạt chứa protein màng ngoài tế bào và ba giải độc tố ApxI, Apx II, ApxIII của vi khuẩn *Actinobacillus pleuropneumoniae,* có khả năng tạo miễn dịch chống lại tất cả các typ huyết thanh phát hiện trên thế giới.

- Chất bổ trợ là Diluvac Forte

Chỉ định:

Tạo miễn dịch chủ động cho lợn phòng bệnh viêm phổi và màng phổi do *Actinobacillus pleuropneumoniae* gây nên.

Chương trình tiêm phòng:

- Lợn thịt:

  + Lợn con không có kháng thể mẹ truyền: tiêm hai lần vào 6 và 10 tuần tuổi.

  + Lợn con có kháng thể mẹ truyền: tiêm hai lần vào 10 và 14 tuần tuổi.

- Lợn hậu bị: tiêm phòng căn bản giống như lợn thịt. Sau đó tiêm nhắc lại vào 4-2 tuần trước khi đẻ

- Lợn nái: tiêm vào 4-2 tuần trước khi đẻ.

Nếu lợn hậu bị và lợn nái chưa từng được tiêm vacxin App thì phải tiêm 2 lần: lần đầu vào 6 tuần trước khi đẻ, lần hai vào 2 tuần trước khi đẻ.

Liều lượng và cách sử dụng:

- 2ml tiêm bắp thịt sâu phía sau tai.

- Để tránh lợn nôn mửa, ngừng cho lợn ăn vài giờ trước khi tiêm phòng.

- Hạn ngưng dùng: Không cần thời gian ngưng dùng vacxin trước khi giết thị.

Trình bày: Lọ 20ml (10 liều) và 100ml (50 liều)

Bảo quản: 2-8^{0}C, tránh đông đá và tránh ánh sáng.

Chú ý:

- Chỉ tiêm phòng cho lợn khoẻ mạnh

- Để vacxin ấm lên đạt nhiệt độ 15-25^{0}C trước khi sử dụng.

- Lắc kỹ lọ vacxin trước khi sử dụng.

- Sử dụng hết lọ vacxin sau khi mở nắp.

- Dùng dụng cụ tiêm phòng vô trùng.

Sau khi tiêm lợn kém ăn, lừ đừ và sốt nhẹ, các triệu chứng này sẽ giảm trong vòng 24 giờ.

Nhà sản xuất và phân phối:

Công ty INTERVET - VIETNAM, A PART OF SCHERING PLOUGH CORPORATION

50B Đặng Dung - quận I - TP. Hồ Chí Minh. Tel: (84.8) 38245077, Fax: (84.8) 38245077.

32. VACXIN POLYPLEUROSIN INJ

Đặc tính:

Vacxin vô hoạt dạng dung dịch. Trong 1 liều 2ml chứa:

Pasteurea mutocida (serotyp A) - minimum $5{,}2.10^9$.

Pasteurela mutocida (serotyp D) - minimum $2{,}8.10^9$.

Actinobacillus pleuropneumoniae (serovar 2) - minimum $5{,}6.10^9$.

Actinobacillus pleuropneumoniae (serovar 9) - minimum $5{,}6.10^9$.

Bordetella bronchiseptia - minimum 4.10^9

Chỉ định:

POLYPEUROSIN INJ được chỉ định phòng hội chứng ho thở gây ra bởi *Pasteurella multocida* (serotyp D), *Actinobacillus pleuropneumoniae* (serovar 2), *Actinobacillus pleuropneumoniae* (serovar 9), *Bordetella bronchiseptica.*

Liều lượng và cách sử dụng:

- Lắc kỹ trước khi dùng

- Tiêm bắp thịt

- Với nái và hậu bị: 4 tuần và 2 tuần trước khi đẻ với liều 3ml/con

- Với lợn con: 1ml cho lợn 4 tuần tuổi, 2ml cho lợn 6 tuần tuổi.

Chống chỉ định: Không tiêm các loại vacxin khác trong vòng 14 ngày trước và sau khi tiêm vacxin này.

Trình bày: Chai 5 liều, 10 liều.

Bảo quản: Ở nhiệt độ 2-8^{0}C.

Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất

Nhà sản xuất: BIOVETA - Czech Repubic

Nhà phân phối: Công ty Thuốc thú y Xanh (GREENVET

186 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội - Tel: (84.4) 35659240, Fax: (84.4) 35659593.

33. VACXIN PORCILIS COLI

(Vacxin vô hoạt phòng bệnh tiêu chảy do vi khuẩn E.coli trên lợn con sơ sinh)

Đặc tính:

- Porcilis coli là vacxin vô hoạt phòng bệnh tiêu chảy trên lợn con sơ sinh do vi khuẩn *E.coli* gây ra. Porcilis coli chứa giải độc tố LT, kháng nguyên lông tơ K88ab, K88ac, K99 và 987P.

- Chất bổ trợ: nước trong dầu.

Chỉ định:

Tiêm phòng cho lợn mẹ tạo miễn dịch cho lợn con sơ sinh qua sữa đầu phòng tiêu chảy do *E.coli* gây nên.

Chương trình tiêm phòng:

Lợn hậu bị và lợn nái mang thai: Lợn hậu bị và lợn nái chưa từng được tiêm vacxin porciis coli, trước đó cần tiêm hai liều vacxin cách nhau 5-6 tuần, liều đầu tiên không muộn hơn 8 tuần trước khi đẻ.

Tiêm nhắc lại: Tiêm một liều vào bất cứ lúc nào giữa hai lứa đẻ nhưng không muộn hơn 2 tuần trước mỗi lứa đẻ.

Liều lượng và cách sử dụng: 2ml tiêm bắp thịt sâu phía sau tai.

Hạn ngưng dùng: Không cần thời gian ngưng dùng vacxin trước khi giết thịt.

Trình bày: Lọ 20ml (10 liều) và 50ml (25 liều).

Bảo quản: Ở nhiệt độ 2-8^{0}C, tránh đông đá và tránh ánh sáng.

Chú ý:

- Chỉ tiêm phòng cho lợn khoẻ mạnh.

- Để vacxin ấm lên đạt nhiệt độ 15-20^{0}C trước khi sử dụng.

- Lắc kỹ lọ vacxin trước khi sử dụng.

- Sử dụng hết lọ vacxin sau khi mở nắp.

- Dùng dụng cụ tiêm phòng vô trùng

Nhà sản xuất và phân phối:

Công ty INTERVET - VIETNAM, A PART OF SCHERING PLOUGH CORPORATION

50B Đặng Dung - quận I - TP. Hồ Chí Minh. Tel: (84.8) 38245077, Fax: (84.8) 38245077.

34. VACXIN PORCINE PILI SHIELDTM

(Vacxin vi khuẩn vô hoạt ngừa bệnh tiêu chảy và bệnh sưng phù đầu trên lợn con)

Những nét chung của bệnh:

- Cho tới nay, bệnh tiêu chảy do *E.coli* vẫn được xem là nguyên nhân gây chết hàng đầu trên lợn con, tỷ lệ tử vong có thể lên đến 42%.

- Bệnh thường xảy ra trên lợn 2-3 tuần tuổi cho tới giai đoạn lợn cai sữa. Dịch lỏng tràn ngập lòng ruột.

- Biểu hiện lâm sàng: lợn tiêu chảy nặng. Tuy nhiên, ở thể cấp tính không thấy lợn bị tiêu chảy vì các dịch lỏng đã bị giữ lại trong lòng ruột lợn.

- Ngoài ra, lợn có thể mắc chứng sưng phù đầu do *E.coli* ở giai đoạn sau cai sữa. Thể loại bệnh này gây phù cổ họng và các ống thở dẫn đến tử vong. Triệu chứng thần kinh thường xuất hiện ở giữa thời kỳ bệnh.

Thành phần:

Vacxin vô hoạt chứa các chủng K88, K99, 987P và F41.

Đặc tính thuận lợi của sản phẩm:

- Nếu nái tơ và nái rạ được tiêm phòng trước khi đẻ thì lợn con đẻ ra bú sữa mẹ được bảo

hộ ngay từ ban đầu do trong sữa mẹ chứa kháng thể. Như vậy không cần sự hỗ trợ gì thêm.

- Trên 90% bệnh trạng tiêu chảy lợn con do khuẩn *E.coli* gây ra hoặc một hay tất cả các chủng K88, K99, 987P và F44. Porcine Pili Shield có chứa đủ 4 chủng trên nên đủ sức bảo hộ lợn con ở bất cứ môi trường nuôi và thể bệnh nào.

Cơ chế tác dụng và liều lượng:

- Kháng thể do lợn mẹ tạo ra trong sữa đầu sẽ cạnh tranh vị trí bám dính của vi khuẩn làm chúng không còn bám vào thành ruột để phát triển độc tố gây tiêu chảy lợn con.

- Nái rạ và nái tơ: 2-5 tuần trước mỗi lứa đẻ tiêm liều 2ml/con, tiêm nhắc lại trước 2 tuần ở các lứa đẻ kể tiếp.

- Lợn con từ 7-10 ngày tuổi tiêm liều 0,5ml/con. Tiêm nhắc lại lúc 3-4 tuần tuổi với liều 1ml/con.

- Cần bổ sung thêm liều trị kháng sinh và cung cấp chế độ dinh dưỡng đầy đủ và cân đối.

Bảo quản: Ở nhiệt độ 20 - 7^0C. Tránh đông đá.

Chú ý:

- Không tiêm phòng cho lợn trong vòng 21 ngày trước khi giết mổ

- Lắc kỹ lọ vacxin. Khi đã mở lọ, huỷ toàn bộ lọ và vacxin dư thừa.

- Phản ứng bất lợi ít khi xảy ra. Nếu có, sử dụng Epinephrine

- Để đảm bảo miễn dịch tốt cho lợn con khi tiêm vacxin này. Tất cả lợn con phải được bú sữa đầu đầy đủ lúc sơ sinh.

Trình bày: Lọ 20ml/10 liều và lọ 100ml/50 liều.

Hạn sử dụng: Ghi trên bao bì

Nhà phân phối: Công ty CP Phát triển Công nghệ Nông thôn (RTD)

Khu CN An Khánh - Hoài Đức - Hà Nội, Tel: (84.4) 0343650574.

35. VACXIN TỤ HUYẾT TRÙNG LỢN

Đặc tính:

- Là vacxin vô hoạt, chế từ vi khuẩn *Pasteurella multocida* chủng FgHC.

- Vacxin an toàn, tạo miễn dịch tốt khi tiêm phòng cho lợn.

Chỉ định: Dùng gây miễn dịch chủ động phòng bệnh tụ huyết trùng cho lợn khỏe mạnh.

Thành phần

- Mỗi 1ml vacxin chứa ít nhất 10^{10} tế bào vi khuẩn *Pasteurella multocida* chủng FgHC.

- Chất bổ trợ: Phèn chua hoặc keo phèn.

Cách sử dụng:

- Lấy vacxin ra khỏi nơi bảo quản để ở chỗ mát 1 giờ và lắc kỹ trước khi dùng.

- Tiêm dưới da hoặc bắp thịt sau gốc tai hoặc mặt trong đùi cho lợn lớn hơn 1 tháng tuổi, với liều 2ml/con.

- Lịch tiêm phòng:

+ Lợn con: tiêm 2 lần

Lần 1: Lợn ở 20-30 ngày tuổi, liều 1ml/con

Lần 2: Lợn ở 40-50 ngày tuổi, liều 2ml/con

+ Lợn nái và đực giống: Tiêm liều 2ml/con. Mỗi năm chủng một lần trước mùa mưa khoảng 1 tháng.

Chú ý: Sử dụng hết vacxin trong ngày.

Trình bày:

Vacxin đóng chai: 10ml chứa 5 liều

20ml chứa 20 liều

50ml chứa 25 liều

Bảo quản: Để vacxin ở nhiệt độ 2-8^{0}C. Không để vacxin vào ngăn đông.

Nhà phân phối: Công ty CP Phát triển Công nghệ Nông thôn (RTD)

Khu CN An Khánh - Hoài Đức - Hà Nội, Tel: (84.4) 0343650574.

36. VACXIN PHÓ THƯƠNG HÀN LỢN VÔ HOẠT

Đặc tính:

- Là vacxin vô hoạt, chết từ vi khuẩn *Salmonella choleraesuis* chủng Kunzendorf.

- Vacxin an toàn, tạo miễn dịch tốt khi tiêm phòng cho lợn.

Chỉ định:

Dùng gây miễn dịch chủ động phòng bệnh phó thương hàn cho lợn khoẻ mạnh từ 20 ngày tuổi trở lên.

Thành phần:

- Mỗi 1ml vacxin chứa ít nhất 100 tế bào vi khuẩn *Salmonella choleraesuis* .

- Chất bổ trợ: Phèn chua hoặc keo phèn.

Cách sử dụng:

- Lấy vacxin ra khỏi nơi bảo quản, lắc kỹ trước khi dùng.

- Tiêm dưới da hoặc bắp thịt sau gốc tai hoặc mặt trong đùi.

- Lịch tiêm phòng cho lợn con:

+ Lần 1: lợn ở 20-30 ngày tuổi, liều 1ml/con.

+ Lần 2: lợn ở 40-50 ngày tuổi (3 tuần sau khi tiêm lần 1), liều 2ml/con.

Chú ý:

- Sử dụng hết vacxin trong ngày.

- Vacxin có thể gây phản ứng phụ sau khi tiêm trong một số ít trường hợp.

Trình bày:

Đóng chai: 10ml chứa 5 liều

20ml chứa 10 liều

50ml chứa 25 liều

Nhà phân phối: Công ty CP Phát triển Công nghệ Nông thôn (RTD)

Khu CN An Khánh - Hoài Đức - Hà Nội, Tel: (84.4) 0343650574.

III. VACXIN DÙNG CHO GIA CẦM

1. VACXIN PHÒNG CÚM GIA CẦM SUBTYP H5N1 NHŨ DẦU

Tên vacxin: Vacxin cúm gia cầm vô hoạt, subtyp H5N1 chủng RE-1.

Thành phần: Vacxin chứa virus cúm gia cầm A/Harbin/Re 1/2003 (H5N1), vô hoạt với chất bổ trợ nhũ dầu.

Mục đích: Vacxin dùng phòng bệnh cúm cho gà, vịt, ngỗng gây ra do virus cúm gia cầm, subtyp H5N1.

Cách dùng và liều lượng:

Cách dùng: tiêm bắp (ngực) hoặc dưới da (1/3 dưới sau cổ)

Liều lượng:

- Gà 14-35 ngày tuổi liều 0,3ml/con

- Gà từ 35 ngày tuổi trở lên liều 0,5ml/con.

- Gà giống, gà đẻ: liều 0,5ml/con và cứ 6 tháng dùng vacxin tiêm nhắc lại một lần.

- Vịt 14-35 ngày tuổi liều 0,5ml/con, liều 1ml/con và sau đó cứ 6 tháng tiêm phòng nhắc lại 1 lần liều 1ml/con.

- Ngỗng 14-35 ngày tuổi tiêm 0,5ml/con. Tiêm lần 2 sau khoảng 28-35 ngày so với lần tiêm đầu tiên, liều 1-1,5ml/con và sau đó cứ 4 tháng tiêm phòng nhắc lại 1 lần, liều 1,5ml/con.

Tác dụng: Dùng vacxin này thường không gây bất kỳ ảnh hưởng phụ nào. Tuy nhiên có thể thấy giảm sản lượng trứng trong thời gian ngắn khi tiêm phòng vacxin cho gà đẻ.

Những chú ý khi sử dụng vacxin:

- Không dùng vacxin cho gà bị bệnh cúm gia cầm hay gà ốm yếu.

- Không làm đông lạnh vacxin.

- Không dùng lọ vacxin bị vỡ hoặc có hiện tượng tách lớp dầu và nước.

- Lọ vacxin nên để ấm tự nhiên để đạt đến nhiệt độ phòng trước khi dùng. Sau khi mở

lọ vacxin nên dùng trong vòng 24 giờ. Thường xuyên thay kim trong khi tiêm vacxin.

- Không sử dụng vacxin cho gia cầm sẽ được giết mổ trong vòng 28 ngày.

Đóng gói: Lọ 50ml; 100ml; 250ml

Bảo quản: Bảo quản ở 2 - 8^{0}C, trong bóng tối

Hạn dùng: 12 tháng

Nhà sản xuất: Công ty Phát triển Công nghệ Sinh học Harbin Weike, Trung Quốc

Nhà phân phối: Công ty Thuốc thú y Trung ương

29 Nguyễn Đình Chiểu, quận I, TP. Hồ Chí Minh - ĐT: (8408) 3.8225063

Chi nhánh: Số 164 phố Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - ĐT: (84.4) 8691003

2. VACXIN NOBILIS® INFLUENZA H5N2

(Vacxin vô hoạt phòng bệnh cúm gà do subtyp H5N2 gây nên)

Mô tả: Vacxin vô hoạt chứa typ phụ H5N2, thuộc typ A của virus gây bệnh cúm gà. Chứa dòng A/chicken/Mexico/232/94/CPA.

Vacxin Nobilis Influenza H5 có hai qui cách: 1.000 liều (liều khuyến cáo 0,5ml) hoặc 2000 liều (liều khuyến cáo 0,25ml). Cả hai qui cách này đều chứa trong 500ml.

Chất bổ trợ:

Vacxin Nobilis Influenza H5N2 là vacxin dạng nước trong dầu. Pha nước chứa kháng nguyên vô hoạt Avian Influenza typ A, typ phụ H5N2 được trộn với nước pha dầu tạo nên chất bổ trợ nhũ dầu để tăng cường miễn dịch.

Chỉ định sử dụng:

Vacxin Nobilis Influenza H5N2 dùng để tạo miễn dịch chủ động cho gà khỏe mạnh chống lại virus Avian Influenza typ A, typ phụ H5.

Chương trình tiêm phòng khuyến cáo:

Tiêm phòng cho gà vào lúc 8-10 ngày tuổi. Gà đẻ và gà giống nên tiêm nhắc lại sau lần đầu 6-10 tuần. Lần tiêm thứ hai không được muộn hơn 4 tuần trước khi gà vào đẻ. Trong trường hợp khẩn cấp có thể tiêm khi gà đang thời kỳ đẻ trứng.

Tiêm phòng khẩn cấp:

- Tiêm phòng mũi đầu tiên cho tất cả gà ở mọi lứa tuổi.

- Tiêm nhắc lại 4 đến 6 tuần sau đó.

- Nếu tiêm mũi đầu tiên cho gà dưới 3 tuần tuổi thì nên tiêm mũi thứ 3 lúc 16-18 tuần tuổi.

Tiêm phòng cho những đàn gà tái nhập trở lại vùng có bệnh cúm gà trước đó:

Vùng có nguy cơ nhiễm bệnh cao:

- Tiêm mũi đầu tiên lúc 1 ngày tuổi (tiêm 1/2 liều)

- Tiêm nhắc lại lúc 4-6 tuần và 16-18 tuần tuổi.

Vùng có nguy cơ nhiễm bệnh thấp:

- Tiêm mũi đầu tiên lúc 4 tuần tuổi.

- Tiêm mũi thứ hai lúc 16-18 tuần tuổi.

Liều lượng: 0,5ml/gà đối với lọ 1000 liều và liều 0,25 ml/gà đối với lọ 2000 liều.

Tác dụng không mong muốn:

- Đối với gà khoẻ không có biểu hiện phản ứng sau khi tiêm.

- Có thể sưng nhẹ tại vị trí tiêm.

Thời gian ngưng sử dụng vacxin: Không

Đặc biệt chú ý khi sử dụng:

- Chỉ dùng cho gà khoẻ.

- Trước khi sử dụng vacxin, để vacxin ấm lên đạt nhiệt độ phòng (15-25^{0}C).

- Lắc kỹ trước khi sử dụng.

- Sử dụng bơm và kim tiêm vô trùng.

- Dùng hết lọ vacxin đã mở trong vòng 3 giờ.

- Không trộn với các chế phẩm thú y khác.

Biện pháp bảo hộ đặc biệt đối với người sử dụng vacxin:

Nếu chẳng may tiêm phải vacxin vào người sử dụng (hay người kế bên), phản ứng cục bộ có thể xảy ra, nên nhờ sự tư vấn của bác sỹ, thông báo cho bác sỹ biết là vacxin vô hoạt dạng nhũ dầu.

Bảo quản: Ở nhiệt độ từ 2 - 8^{0}C, tránh làm đông đá.

Hạn sử dụng: Ít nhất 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Quy cách: Lọ Polyethylene chứa 1000 hoặc 2000 liều vacxin.

Điều kiện cung cấp thuốc thú y cho chủ hộ chăn nuôi: Theo quy định của quốc gia

ĐT: (84.4) 8691003

Nhà sản xuất và phân phối:

Công ty INTERVET - VIETNAM, A PART OF SCHERING PLOUGH CORPORATION

50B Đặng Dung - quận I - TP. Hồ Chí Minh. Tel: (84.8) 38245077, Fax: (84.8) 38245077.

3. VACXIN NEWCASTLE CHỦNG F (HỆ II)

(Nhược độc đông khô)

Đặc tính:

- Là vacxin nhược độc, đông khô, sản xuất từ virus Newcastle chủng F nuôi cấy ở xoang niệu phôi trứng gà.

- Vacxin an toàn, không gây phản ứng phụ ngay cả khi dùng cho gà con mới nở.

- Miễn dịch kéo dài được 1 tháng.

Chỉ định:

Dùng gây miễn dịch chủ động phòng bệnh Newcastle chủng F.

Thành phần:

- Mỗi liều vacxin chứa ít nhất 10^6EID_{50} virus Newcastle chủng F.

- Chất bổ trợ: sữa không kem.

Cách sử dụng:

- Nhỏ mắt hoặc nhỏ mũi.

- Phương pháp dùng vacxin:

+ Vacxin được pha bằng nước sinh lý vô trùng đã làm lạnh với lượng sao cho một con gà con 2 giọt chứa 1 liều vacxin.

+ Lắc tan đều, dùng ống hút nhỏ cho mỗi gà 2 giọt vào mắt hoặc mũi.

Chú ý: Sau khi pha, chai vacxin phải được giữ trong nước đá, tránh ánh sáng mặt trời và dùng hết trong vòng 2-3 giờ. Chai vacxin này dùng xong phải ngâm vào chất sát trùng hay luộc sôi trước khi bỏ đi.

Dạng trình bày: Đóng chai 100 liều

Bảo quản: Để vacxin ở nhiệt độ từ 2-8^{0}C. Không để vacxin vào ngăn đông.

Nhà sản xuất và phân phối:

Công ty INTERVET - VIETNAM, A PART OF SCHERING PLOUGH CORPORATION

50B Đặng Dung - quận I - TP. Hồ Chí Minh. Tel: (84.8) 38245077, Fax: (84.8) 38245077.

4. VACXIN NEWCASTLE CHỦNG LASOTA

(Nhược độc đông khô)

Đặc tính:

- Là vacxin nhược độc, đông khô, sản xuất từ virus Newcastle chủng Lasota, nuôi cấy ở xoang niệu phôi trứng gà.

- Vacxin chủng Lasota tạo miễn dịch mạnh và dài hơn chủng F.

Chỉ định:

Dùng gây miễn dịch chủ động phòng bệnh Newcastle cho gà khoẻ mạnh từ 2 tuần tuổi trở lên sau khi sử dụng vacxin Newcastle chủng F ít nhất 14 ngày.

Thành phần:

- Mỗi liều vacxin chứa ít nhất 10^6EID_{50} virus Newcastle chủng Lasota.

- Chất bổ trợ: sữa không kem.

Cách sử dụng:

- Đường dùng vacxin: Nhỏ mắt hoặc cho uống.

- Phương pháp dùng vacxin:

+ Nhỏ mắt: Pha vacxin bằng nước muối sinh lý vô trùng đã làm lạnh với lượng sao cho vừa đủ 1 con gà 2 giọt chứa 1 liều vacxin. Lắc tan đều, dùng ống hút, nhỏ mỗi bên mắt 1 giọt.

+ Cho uống: Để gà nhịn khát từ 1-2 giờ trước khi cho uống. Tùy thuộc vào tuổi gà, pha vacxin bằng nước muối sinh lý, nước cất hoặc nước sạch làm lạnh không chứa chất tẩy hoặc chất sát trùng. Cho gà uống theo chỉ dẫn sau:

Gà 20-25 ngày tuổi cho uống 5ml/1 liều/con.

Gà 45 ngày tuổi cho uống 7-10ml/1 liều/1 con.

Gà 45 ngày tuổi uống 12-15ml/1 liều/1 con.

Chú ý:

- Sau khi pha, tránh ánh sáng mặt trời và dùng hết trong vòng 2-3 giờ. Vacxin có thể gây phản ứng khi dùng cho đàn gà có bệnh hô hấp mãn tính (CRD).

- Chai vacxin này dùng xong phải được ngâm vào chất sát trùng hay luộc sôi trước khi bỏ đi.

Dạng trình bày: Đóng chai 100 liều

Bảo quản: Để vacxin ở nhiệt độ từ 2-8^{0}C. Không để vacxin vào ngăn đông.

Nhà phân phối: Công ty Thuốc thú y Trung ương

29 Nguyễn Đình Chiểu, quận I, TP. Hồ Chí Minh - ĐT: (8408) 3.8225063

Chi nhánh: Số 164 phố Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - ĐT: (84.4) 8691003

5. VACXIN NEWCASTLE CHỊU NHIỆT

(Nhược độc đông khô)

Đặc tính:

- Là vacxin nhược độc, đông khô, sản xuất từ virus Newcastle chịu nhiệt chủng AVF/HR-NDV (12) nuôi cấy ở xoang niệu phôi trứng gà.

- Vacxin rất an toàn ngay cả với gà con mới nở, tạo miễn dịch mạnh và đồng đều. Virus vacxin có khả năng truyền ngang mạnh.

- Chủng virus có tính chịu nhiệt cao rất thuận lợi cho những nơi thiếu các phương tiện lạnh để bảo quản vacxin.

Chỉ định:

Dùng gây miễn dịch chủ động phòng bệnh Newcastle cho gà khoẻ mạnh ở mọi lứa tuổi.

Thành phần:

- Mỗi liều vacxin chứa ít nhất 10^6EID_{50} virus Newcastle chủng AVF/HR-NDV (12).

- Chất bổ trợ: sữa không kem.

Cách sử dụng:

Vacxin có thể dùng miễn dịch cho gà bằng 3 phương pháp sau:

- Nhỏ mắt, mũi: Pha vacxin bằng nước sinh lý vô trùng đã làm lạnh với lượng sao cho đủ 1 gà con 2 giọt chứa 1 liều vacxin. Lắc tan đều, dùng ống hút nhỏ mỗi bên mắt hoặc mũi 1 giọt.

- Cho uống: Để gà nhịn khát từ 1-2 giờ trước khi cho uống. Tuỳ thuộc vào tuổi của gà, pha vacxin như chỉ dẫn sau:

Gà 25-45 ngày tuổi cho uống 5ml/con.

Gà 45 ngày tuổi cho uống 7-10ml/con.

Gà trên 45 ngày tuổi uống 12-15ml/con.

- Cho ăn: Pha vacxin với 10ml nước sạch, trộn đều thức ăn hỗn hợp (10g/gà) hoặc với 1/2 bát cơm nguội. Dàn đều trên mẹt hoặc giấy sạch để cho toàn bộ đàn gà ăn cùng một lúc vào buổi sáng sớm khi đang đói.

Chú ý: Chai vacxin này dùng xong phải được ngâm vào chất sát trùng hay luộc sôi trước khi bỏ đi.

Dạng trình bày: Đóng chai 25, 20 và 100 liều.

Bảo quản: Để vacxin ở nhiệt độ từ 2-8^{0}C hoặc nơi khô mát, tránh ánh sáng mặt trời được 1 tuần. Không để vacxin vào ngăn đông.

Nhà phân phối: Công ty Thuốc thú y Trung ương

29 Nguyễn Đình Chiểu, quận I, TP. Hồ Chí Minh - ĐT: (8408) 3.8225063

Chi nhánh: Số 164 phố Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - ĐT: (84.4) 8691003

6. VACXIN NEWCASTLE CHỦNG M (HỆ I)

(Nhược độc đông khô)

Đặc tính:

- Là vacxin nhược độc, đông khô, sản xuất từ virus Newcastle chịu nhiệt chủng Mukteswar, nuôi cấy ở xoang niệu phôi trứng gà.

- Vacxin tạo miễn dịch mạnh và bền.

- Chủng virus này có thể gây bệnh cho gà dưới hai tháng tuổi chưa được tiêm phòng với vacxin Neucastle chủng F hoặc Lasota.

Chỉ định:

Dùng gây miễn dịch chủ động phòng bệnh Newcastle lần đầu cho gà khoẻ mạnh từ 2 tháng tuổi trở lên hoặc tiêm nhắc lại cho gà dưới 2 tháng tuổi đã được tiêm bằng các vacxin Newcastle chủng F, Lasota hoặc vacxin Newcastle chịu nhiệt.

Thành phần:

- Mỗi liều vacxin chứa ít nhất 10^6EID_{50} virus Newcastle chủng Mukteswar.

- Chất bổ trợ: sữa không kem.

Cách sử dụng:

- Tiêm dưới da cổ, mặt trong đùi hoặc bắp thịt ức.

- Phương pháp: Vacxin được pha bằng nước sinh lý lạnh vô trùng sao cho mỗi liều là 0,5ml, lắc tan đều trước khi tiêm.

Chú ý:

- Sau khi pha, chai vacxin phải được giữ trong nước đá, tránh ánh sáng mặt trời và dùng hết trong vòng 2-3 giờ.

- Vacxin có thể gây phản ứng mạnh khi dùng cho đàn gà mang bệnh hô hấp mãn tính (CRD).

- Đối với đàn gà đang đẻ, tiêm vacxin này có thể dẫn đến giảm sút sản lượng trứng.

- Chai vacxin này dùng xong phải được ngâm vào chất sát trùng hay luộc sôi trước khi bỏ đi.

Dạng trình bày: Đóng chai 100 liều.

Bảo quản: Để vacxin ở nhiệt độ từ 2-8^{0}C. Không để vacxin vào ngăn đông.

Nhà phân phối: Công ty Thuốc thú y Trung ương

29 Nguyễn Đình Chiểu, quận I, TP. Hồ Chí Minh - ĐT: (8408) 3.8225063

Chi nhánh: Số 164 phố Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - ĐT: (84.4) 8691003

7. VACXIN NOBILIS-ND CLONE 30

(Vacxin virus sống nhược độc đông khô phòng ngừa bệnh Newcastle)

Mô tả: Nobilis ND Clone 30 là vacxin sống nhược độc đông khô phòng bệnh Newcastle ở gà. Thành phần hoạt chất là virus Newcastle sống nhược độc chủng Clone 30: 6,0 $\log^{10}$ ELD_{50}.

Chỉ định: Dùng cho gà và gà tây phòng bệnh Newcastle.

Vacxin dùng an toàn cho gà 1 ngày tuổi trở lên. Thời gian tối ưu phương pháp sử dụng và chủng ngừa nhắc lại phụ thuộc chủ yếu vào tình hình địa phương. Do vậy cần hỏi ý kiến bác sỹ thú y để sử dụng vacxin cho phù hợp.

Liều lượng: 1 liều/gà

Cách sử dụng:

1. Phun sương

Vacxin được pha trong nước mát, sạch không có chứa Chlorine hay chất sắt. Lọ vacxin phải được mở trong nước pha. Dụng cụ phun sương phải không có chất tồn cặn, chất ăn mòn hay chất sát trùng tẩy uế (tốt nhất chỉ dùng dụng cụ này cho việc phun sương để chủng ngừa cho gà). Vacxin đã pha phải được phun sương trên một số gà qui định, cách đầu gà từ 30-40cm, phù hợp khi chúng tập trung tại chỗ có ánh sáng mờ.

Đối với gà 1 ngày tuổi: 0,25 lít nước pha/1000 gà và điều chỉnh giọt sương mịn (máy phun sương chỉ được sử dụng khi biết chắc chắn an toàn cho gà).

2. Nhỏ mắt, nhỏ mũi

Pha vacxin trong nước sinh lý mặn và chứa trong lọ nhỏ giọt chuẩn (30ml/1000 liều). Phải nhỏ giọt vacxin cách mắt, mũi gà vài centimet. Người thực hiện phải xem giọt vacxin có được nhỏ vào mũi và gà có hít được không.

Chú ý: Hãng INTERVET sản xuất nước pha đặc thù Diluent Oculo Nasal dành riêng để pha vacxin nhỏ mắt, nhỏ mũi.

3. Pha trong nước uống

Lọ vacxin phải được mở trong nước pha. Phải sử dụng nước mát, sạch, không Chlorine và chất sắt, nên pha thêm 2 gam sữa bột tách bơ cho 1 lít nước pha để virus duy trì hoạt lực lâu hơn. Bảo đảm lượng vacxin đã pha phải được gà uống trong vòng 2 giờ. Tùy theo điều kiện khí hậu, cần cho gà ngưng uống nước trước khi uống vacxin. Phải có đủ số lượng máng uống cho gà. Không có chất cặn, khoáng hay chất sát trùng tồn trong máng uống.

Pha 1000 liều vacxin trong một khối lượng nước uống tùy theo tuổi gà nhưng không quá 40 lít. Tốt nhất cho uống vacxin vào buổi sáng vì đây là lúc mát nhất trong điều kiện khí hậu nóng.

Khi đàn gà đông hơn, nên pha vacxin vào từng phần và cho hệ thống phân phối nước uống đến các khu nuôi.

Khi tính số liệu trên số gà nuôi, nên tính ở mức giới hạn cao thì tốt hơn.

Lưu ý: Phun sương hạt thô hay nhỏ mắt nhỏ mũi cho đáp ứng miễn dịch tốt nhất. Nên chọn những phương pháp này, đặc biệt đối với gà con. Thời điểm tối ưu và phương pháp phòng bệnh tối ưu tuỳ thuộc phần lớn vào tình hình địa phương. Cần tham khảo ý kiến bác sĩ thú y.

Vacxin sử dụng an toàn cho gà một ngày tuổi trở đi.

Thời gian ngưng dùng vacxin: Không

Quy cách: Lọ vacxin chứa 1.000, 2.500 hoặc 5.000 liều. Mỗi hộp chứa 10 lọ.

Bảo quản: Ở 2-8^{0}C, trong bóng tối

Lưu ý:

- Rửa sạch, sát trùng tay và dụng cụ sau khi tiêm phòng.

- Chỉ tiêm phòng cho gà khoẻ

- Vacxin phải được sử dụng ngay sau khi pha.

- Tránh tiếp xúc với vacxin ở mức tối đa.

Chống chỉ định: Không có, nếu tuân thủ theo hướng dẫn

Thông tin khác:

- Vacxin đã pha phải sử dụng hết trong vòng 2 giờ.

- Vacxin có thể gây viêm kết mạc mắt thoáng qua cho người thao tác.

- Virus trong vacxin dễ dàng lan truyền sang gà tiếp xúc.

- Huỷ vỏ lọ vacxin và vacxin đã pha còn thừa theo quy định của quốc gia.

Nhà sản xuất và phân phối:

Công ty INTERVET - VIETNAM, A PART OF SCHERING PLOUGH CORPORATION

50B Đặng Dung - quận I - TP. Hồ Chí Minh. Tel: (84.8) 38245077, Fax: (84.8) 38245077.

8. VACXIN NOBILIS IB + ND + EDS

(Vacxin chứa siêu vi vô hoạt bảo hộ gà phòng ngừa bệnh viêm phế quản truyền nhiễm typ Massachusetts (IB), bệnh Newcastle (ND) và hội chứng giảm đẻ (EDS76))

Mô tả:

- Vacxin chứa dòng siêu vi IB có tính tạo miễn dịch cao siêu vi Newcastle và siêu vi Hội chứng giảm đẻ 76 dòng BC 14.

- Siêu IB typ huyết thanh Massachusetts.

- Siêu vi được vô hoạt bằng formalin và được phối chế với chất phụ gia nhũ dầu.

Chỉ định:

- Vacxin được sử dụng để phòng ngừa hội chứng giảm đẻ 76 và để tiêm nhắc lại cho gà đẻ thương phẩm và gà giống đối với bệnh IB typ huyết thanh Massachusetts và bệnh Newcastle.

- Vùng nào có dòng siêu vi IB thay đổi được ghi nhận thì vacxin IB có chứa dòng đó phải được sử dụng.

Lịch chủng ngừa:

- Vacxin được chủng cho gà từ 16-20 tuần tuổi nhưng không muộn quá 3 tuần trước khi đẻ trứng.

- Để đạt hiệu quả cao khi tiêm nhắc lại, đàn gà phải được tiêm lần đầu với vacxin sống IB và Newcastle.

- Kết quả đạt tốt nhất nếu việc tiêm phòng vacxin vô hoạt IB được thực hiện từ 6 tuần hay hơn sau khi đã tiêm vacxin sống trước đó, nhưng trong mọi trường hợp cũng không được ít hơn hai tuần sau lần tiêm vacxin sống.

Liều lượng và cách sử dụng:

Khi tiêm phòng đúng cách cũng như đã tiêm vacxin sống trước đó, đàn gà sẽ phát triển kháng thể đủ để bảo hộ đối với hội chứng giảm đẻ, bệnh Newcastle và những thiệt hại trong sản xuất do bệnh IB typ huyết thanh Massachusetts gây ra.

Phản ứng khi chủng ngừa:

- Ở gà khỏe không có phản ứng gì được ghi nhận sau khi chủng ngừa.

- Vài tuần sau khi tiêm phòng thấy hơi phồng nhẹ chỗ tiêm điều này cũng không gây tổn thương mô ở chỗ tiêm nếu được tiêm đúng cách và sát trùng cẩn thận.

Lưu ý:

- Chỉ tiêm cho gà khỏe.

- Trước khi tiêm phòng phải để vacxin đạt được ngang nhiệt độ phòng (15-25^{0}C).

- Lắc kỹ lọ vacxin trước khi sử dụng.

- Dụng cụ tiêm phải sát trùng cẩn thận.

- Lọ vacxin đã mở phải được sử dụng trong vòng 3 giờ.

- Không trộn lẫn với các loại vacxin khác.

- Nếu người thực hiện thao tác do vô ý hay bị người bên cạnh đâm kim phải thì phản ứng tại chỗ tiêm có thể xảy ra. Phải liên hệ bác sĩ để xem xét và báo cho biết đây là vacxin nhũ dầu.

Bảo quản và qui cách: ở 2-8^{0}C, tránh đông đá, lọ vacxin chứa 1000 liều.

Nhà sản xuất và phân phối:

Công ty INTERVET - VIETNAM, A PART OF SCHERING PLOUGH CORPORATION

50B Đặng Dung - quận I - TP. Hồ Chí Minh. Tel: (84.8) 38245077, Fax: (84.8) 38245077.

9. VACXIN NOBILIS NEWCAVAC

(Vacxin chứa siêu vi vô hoạt bảo hộ gà phòng ngừa bệnh Newcastle)

Mô tả:

Vacxin ngừa bệnh Newcastle chứa siêu vi Newcastle dòng Clone 30 có tính miễn dịch cao và được vô hoạt bằng formalin, dạng nhũ dầu.

Chỉ định:

Tạo miễn dịch phòng ngừa bệnh Newcastle ở gà, gà tây và các loại gia cầm khác mẫn cảm với bệnh này.

Lịch tiêm phòng:

Mặc dù Nobilis Newcavac có thể sử dụng lần đầu cho gà mọi lứa tuổi nhưng hiệu quả tốt nhất khi sử dụng cho gà đã được tiêm trước đó với vacxin sống (Nobilis ND Clone 30, Lasota hoặc Hitchner B1). Cũng có thể tiêm Nobilis Newcavac cho gà đang khai thác trứng mà không gây thiệt hại như các loại vacxin khác.

Gà giống và gà đẻ: Tiêm lần đầu với Nobilis ND Clone 30, Hitechner B1 hoặc Lasota, cho vào nước uống hay phun sương ít nhất 2 lần trước 12 tuần tuổi, tiêm Nobilis Newcavac vào 16-20 tuần tuổi.

Gà tây: Tiêm lần đầu với Nobilis ND Clone 30, Hitchner B1 hoặc Lasota, pha nước uống hay phun sương, tiêm Nobilis Newcavac lúc 15-17 tuần tuổi và tiêm nhắc lại lúc 26-30 tuần tuổi.

Cần tham khảo ý kiến của bác sỹ thú y tại địa phương về lịch tiêm phòng

Liều lượng và cách sử dụng:

Tiêm 0,5ml/gà, tiêm bắp hoặc tiêm dưới da cổ.

Phản ứng khi tiêm vacxin:

- Ở gà khoẻ không có triệu chứng gì đáng kể. Vài tuần sau khi tiêm thấy hơi phồng nhẹ tại chỗ tiêm. Điều này không tổn hại gì đến tế bào mô nếu dụng cụ tiêm được sát trùng kỹ.

- Nếu gà giết mổ trong vòng 1 tháng thì việc tiêm phòng được khuyến cáo áp dụng dưới da.

Miễn dịch:

Ở gà được tiêm phòng trước đó với vacxin sống, kháng thể đã hình thành sau đó 1 tuần và đạt đỉnh cao 3 tuần sau đó. Nói chung đàn gà được tiêm nhắc lại với Nobilis Newcavac sẽ đạt mức bảo hộ lâu bền trong suốt chu kỳ đẻ với biên độ tuỳ cá thể. Vì thế gà con của các đàn trên đạt mức kháng thể mẹ truyền sang vừa cao vừa đồng đều phòng chống bệnh Newcastle. Điều này tạo điều kiện dễ dàng cho kế hoạch tiêm phòng chúng sau này.

Lưu ý:

- Chỉ tiêm cho gà khoẻ

- Trước khi tiêm phòng phải để vacxin ở nhiệt độ phòng (15-25^{0}C).

- Lắc kỹ lọ vacxin trước khi sử dụng.

- Dụng cụ tiêm phải sát trùng cẩn thận.

- Lọ vacxin đã mở phải được sử dụng trong vòng 3 giờ.

- Không trộn lẫn với các loại vacxin khác.

- Nếu người thực hiện thao tác do vô ý hay bị người bên cạnh đâm kim phải thì phản ứng tại chỗ tiêm có thể xảy ra. Phải liên hệ bác sĩ để xem xét và báo cáo cho biết đây là vacxin nhũ dầu.

Bảo quản: Ở 2-8^{0}C, tránh đông đá.

Trình bày: Lọ vacxin 500ml chứa 1000 liều.

Nhà sản xuất và phân phối:

Công ty INTERVET - VIETNAM, A PART OF SCHERING PLOUGH CORPORATION

50B Đặng Dung - quận I - TP. Hồ Chí Minh. Tel: (84.8) 38245077, Fax: (84.8) 38245077.

10. VACXIN NDLS VAC

(Vacxin sống, đông khô, phòng bệnh Newcastle ở gà. Được nhập khẩu từ Công ty ChoongAng Hàn Quốc)

Thành phần: NDLS VAC được dùng để tạo miễn dịch cho gà chống bệnh Newcaste (ND). Vacxin chứa virus Newcaste nhược độc chủng Lasota được nuôi cấy trong phôi trứng gà sạch bệnh.

Cách dùng:

Dùng 1 lần: gà con từ 8-10 ngày tuổi

Dùng 2 lần gà 18-20 ngày tuổi

Liều dùng:

1. Nếu dùng vacxin qua đường uống

- Ngừng cho gà uống nước ít nhất 2 giờ trước khi dùng vacxin.

- Pha 1000 liều vacxin với nước sạch, lạnh tự nhiên theo tỷ lệ trong bảng sau:

Ngày tuổi	14	28	63	91	140
Gà đẻ	10 lít	25 lít	40 lít	45 lít	50 lít
Gà thịt	20 lít	44 lít			

2. Nếu dùng vacxin qua đường nhỏ mắt: dùng 30ml nước pha với 1 lọ vacxin/liều 1000 con. Nhỏ 1 giọt (0,03ml) dung dịch vacxin vào mắt từng con gà, đợi cho đến khi giọt vacxin tan đều trong mắt mới thả gà ra.

Chú ý:

- Chỉ dùng vacxin cho những đàn gà khoẻ mạnh

- Ngừng sử dụng các chất sát trùng trong nước uống trong vòng 48 giờ trước và 24 giờ sau khi dùng vacxin.

- Dùng nước sạch, lạnh tự nhiên để pha vacxin (nước pha vacxin không chứa các chất sát trùng).

- Vacxin này bao gồm virus sống do đó mọi điều kiện về bảo quản hoặc sử dụng không tốt có thể làm mất hoạt lực của vacxin. Bảo quản vacxin ở nhiệt độ 2-8^{0}C, tránh ánh sáng.

- Chỉ pha đủ lượng vacxin khi cần thiết và sử dụng ngay sau khi pha.

- Sau khi tiêm xong phải huỷ tất cả các vỏ lọ chứa vacxin và vacxin còn thừa.

Ghi chép: Ghi lại số lô, ngày hết hạn dùng, ngày tiêm phòng, nơi đàn gà được tiêm và tất cả các phản ứng thấy được.

Dạng trình bày:

- 500 liều/1lọ, 10 lọ/1 hộp

- 1000 liều/1lọ, 10lọ/1 hộp

Nhà phân phối: Công ty CP Phát triển Công nghệ Nông thôn (RTD).

Khu CN An Khánh - Hoài Đức - Hà Nội, Tel: (84.4) 0343650574.

11. VACXIN NB^{BH} VAC

(Vacxin sống, đông khô, phòng bệnh Newcastle và viêm phế quản truyền nhiễm. Được nhập khẩu từ Công ty ChoongAng Hàn Quốc)

Thành phần: NBBH VAC được dùng để tạo miễn dịch cho gà chống bệnh Newcaste và viêm phế quản truyền nhiễm. Vacxin chứa virus Newcaste và virus gây bệnh viêm phế quản truyền nhiễm nhược độc, được nuôi cấy trong phôi trứng gà sạch bệnh.

Cách dùng:

Dùng lần 1: gà con từ 8-10 ngày tuổi

Dùng lần 2: gà 18-20 ngày tuổi

Miễn dịch được tạo ra sau 7 ngày và kéo dài 3 tháng

Liều dùng:

1. Nếu dùng vacxin qua đường uống

- Ngừng cho gà uống nước ít nhất 2 giờ trước khi dùng vacxin.

- Pha 1000 liều vacxin với nước sạch, lạnh tự nhiên theo tỷ lệ trong bảng sau:

Ngày tuổi	4	14	28	63	91	140
Gà đẻ	4 lít	10 lít	25 lít	40 lít	45 lít	50 lít
Gà thịt	8 lít	20 lít	44 lít			

2. Nếu dùng vacxin qua đường phun khí dung: 1000 liều vacxin trong ống thuốc pha vào đó 500ml nước tự nhiên. Phun vacxin lên gà, dùng máy phun khí dung tạo hạt sương nhỏ.

3. Nếu dùng vacxin qua đường nhỏ mắt: dùng 30ml nước pha với 1 lọ vacxin/liều 1000 con. Nhỏ 1 giọt (0,03ml) dung dịch vacxin vào mắt từng con gà, đợi cho đến khi giọt vacxin tan đều trong mắt mới thả gà ra.

Chú ý:

- Chỉ dùng vacxin cho những đàn gà khoẻ mạnh

- Ngừng sử dụng các chất sát trùng trong nước uống trong vòng 48 giờ trước và 24 giờ sau khi dùng vacxin.

- Dùng nước sạch, lạnh tự nhiên để pha vacxin (nước pha vacxin không chứa các chất sát trùng).

- Vacxin này bao gồm virus sống do đó mọi điều kiện về bảo quản hoặc sử dụng không tốt có thể làm mất hoạt lực của vacxin. Bảo quản vacxin ở nhiệt độ 2-8^{0}C, tránh ánh sáng.

- Chỉ pha đủ lượng vacxin cần dùng và sử dụng ngay sau khi pha.

- Sau khi tiêm phòng xong phải huỷ tất cả các vỏ lọ chứa vacxin và vacxin còn thừa.

Ghi chép: Ghi lại số lô, ngày hết hạn dùng, ngày tiêm phòng, nơi đàn gà được tiêm và tất cả các phản ứng quan sát được.

Dạng trình bày:

- 500 liều/1lọ, 10 lọ/1 hộp

- 1000 liều/1lọ, 10lọ/1 hộp

Nhà phân phối: Công ty CP Phát triển Công nghệ Nông thôn (RTD)

Khu CN An Khánh - Hoài Đức - Hà Nội - Tel: (84.4) 0343650574

12. VACXIN IBD VAC

(Vacxin sống, đông khô, phòng bệnh Gumboro ở gà. Được nhập khẩu từ Công ty ChoongAng Hàn Quốc)

Thành phần: IBD VAC được dùng để tạo miễn dịch cho gà chống bệnh Gumboro (bệnh viêm túi fabricius). Trong vacxin chứa virus Gumboro nhược độc, được nuôi trong phôi trứng gà sạch bệnh.

Cách dùng:

Dùng lần 1: gà con từ 5-7 ngày tuổi

Dùng lần 2: gà 12-14 ngày tuổi

Miễn dịch được tạo ra sau 7 ngày và kéo dài 2-3 tháng

Liều dùng:

1. Nếu dùng vacxin qua đường uống

- Ngừng cho gà uống nước ít nhất 2 giờ trước khi dùng vacxin.

- Pha 1000 liều vacxin với nước sạch, lạnh tự nhiên theo tỷ lệ trong bảng sau:

Ngày tuổi	4	14	18	63	91	140
Gà đẻ	4 lít	10 lít	25 lít	40 lít	45 lít	50 lít
Gà thịt	8 lít	20 lít	44 lít			

2. Nếu dùng vacxin qua đường phun khí dung: 1000 liều vacxin trong ống thuốc pha vào đó 500ml nước tự nhiên. Phun vacxin lên gà, dùng máy phun khí dung tạo hạt sương nhỏ.

3. Nếu dùng vacxin qua đường nhỏ mắt: dùng 30ml nước pha với 1 lọ vacxin/liều 1000 con. Nhỏ 1 giọt (0,03ml) dung dịch vacxin vào mắt từng con gà, đợi cho đến khi giọt vacxin tan đều trong mắt mới thả gà ra.

Chú ý:

- Chỉ dùng vacxin cho những đàn gà khoẻ mạnh

- Ngừng sử dụng các chất sát trùng trong nước uống trong vòng 48 giờ trước và 24 giờ sau khi dùng vacxin.

- Dùng nước sạch, lạnh tự nhiên để pha vacxin (nước pha vacxin không chứa các chất sát trùng).

- Vacxin này bao gồm virus sống do đó mọi điều kiện về bảo quản hoặc sử dụng không tốt có thể làm mất hoạt lực của vacxin. Bảo quản vacxin ở nhiệt độ 2-8^{0}C, tránh ánh sáng.

- Chỉ pha đủ lượng vacxin cần dùng và sử dụng ngay sau khi pha.

- Sau khi dùng xong phải huỷ tất cả các vỏ lọ chứa vacxin và vacxin còn thừa.

Ghi chép: Ghi lại số lô, ngày hết hạn dùng, ngày chủng ngừa, nơi đàn gà được tiêm phòng và tất cả các phản ứng quan sát được.

Dạng trình bày:

- 500 liều/1lọ, 10 lọ/1 hộp

- 1000 liều/1lọ, 10lọ/1 hộp

Nhà phân phối: Công ty CP Phát triển Công nghệ Nông thôn (RTD)

Khu CN An Khánh - Hoài Đức - Hà Nội, Tel: (84.4) 0343650574

13. VACXIN GUMBORO ĐÔNG KHÔ

Đặc tính:

- Là vacxin nhược độc, đông khô, sản xuất từ chủng virus Gumboro, nuôi cấy trên tế bào xơ phôi gà.

- Vacxin an toàn, tạo miễn dịch tốt và không gây ức chế đáp ứng miễn dịch đối với các loại vacxin khác.

Chỉ định:

Dùng gây miễn dịch chủ động phòng bệnh Gumboro cho gà khỏe mạnh

Thành phần:

- Mỗi liều vacxin chứa ít nhất $10^3 TCID_{50}$ virus Gmboro nhược độc.

- Chất bổ trợ: sữa không kem.

Cách sử dụng:

- Phương pháp dùng vacxin: nhỏ mắt, uống hoặc tiêm dưới da.

- Cho uống hoặc nhỏ mắt từng con:

+ Pha vacxin với nước sinh lý vô trùng đã làm lạnh sao cho 2 giọt chứa 1 liều vacxin.

+ Lắc tan đều, dùng ống hút nhỏ vào xoang miệng hoặc mắt gà 2 giọt, mỗi bên mắt 1 giọt.

- Cho uống cả đàn:

Để gà nhịn khát từ 1-2 giờ trước khi cho uống. Tuỳ thuộc vào tuổi của gà, pha vacxin bằng nước sinh lý hay nước sạch làm lạnh không chứa chất tẩy hoặc sát trùng và cho gà uống với số lượng như sau:

+ Gà 25-45 ngày tuổi, cho uống 5ml/1liều/con.

+ Gà >45 ngày tuổi, cho uống 7-10ml/1liều/con.

- Lịch tiêm chủng: Để tạo được miễn dịch đầy đủ, gà phải được dùng vacxin 2-3 lần.

+ Lần 1: từ 5-10 ngày tuổi.

+ Lần 2: từ 20-25 ngày tuổi.

Chú ý:

- Sau khi pha chai vacxin phải được giữ trong nước đá, tránh ánh nắng mặt trời và dùng trong vòng 2-3 giờ, dùng xong phải được ngâm vào chất sát trùng hay luộc sôi trước khi bỏ đi.

- Không nên sử dụng vacxin Gumboro đồng thời với các loại vacxin khác.

Dạng trình bày: - Để vắc xin ở nhiệt độ 2^0C - 8^0C. Không để vắc xin vào ngăn đông.

Nhà sản xuất và phân phối: Công ty Thuốc thú y Trung ương

29 Nguyễn Đình Chiểu, quận I, TP. Hồ Chí Minh - ĐT: (8408) 3.8225063

Chi nhánh: Số 164 phố Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - ĐT: (84.4) 8691003

14. VACXIN NOBILIS GUMBORO D78

(Vacxin chứa siêu vi sống đông khô bảo hộ cho gà phòng ngừa bệnh Gumboro)

Mô tả:

Nobilis Gumboro D78 là vacxin sống đông khô phòng bệnh Gumboro. Mỗi liều chứa ít nhất $4.01og_{10}$ $TCID_{50}$ virus Gumboro dòng D78.

Chỉ định: Tạo miễn dịch chủ động phòng ngừa bệnh Gumboro.

Chương trình chủng ngừa:

Nobilis Gumboro D78 có thể dùng cho gà từ 7-28 ngày tuổi. Dòng D78 hiệu quả đối với mức độ kháng thể mẹ truyền trong đàn từ 7-28 ngày tuổi. Thời điểm tối ưu để tiêm phòng tuỳ thuộc vào mức độ cao của kháng thể mẹ truyền. Trong trường hợp kháng thể mẹ truyền không đồng đều trong đàn gà, nên tiêm phòng hai lần cách nhau 1 tuần.

Nobilis Gumboro D78 cũng có thể dùng cho gà con 1 ngày tuổi khi kháng thể mẹ truyền thấp hay không có.

Miễn dịch: Dấu hiệu đáp ứng miễn dịch đầu tiên quan sát được trong vòng 1 tuần sau khi dùng.

Liều dùng: 1 liều/con

Cách sử dụng:

- Phương pháp cho uống: pha vacxin vào nước uống sao cho gà uống hết trong vòng 2 giờ.

- Phương pháp phun: vacxin pha vào trong nước với mức 1.000 liều trong 1 lít nước. Phải phun hạt thô lên trên gà từ khoảng cách 30-40cm.

- Nhỏ mắt, nhỏ mũi: vacxin pha vào dung dịch nước muối sinh lý (thường 30ml/1.000 liều) và dùng bằng ống nhỏ chuẩn. Nhỏ 1 giọt vào một mắt hoặc một bên mũi gà từ khoảng cách vài centimet.

INTERVET có sản xuất sẵn nước pha Oculo/nasal diluent để sử dụng với mục đích nhỏ mắt/mũi.

Phản ứng phụ:

Không có phản ứng gì xảy ra sau khi dùng cho gà khỏe mạnh.

Thời gian ngưng dùng vacxin: Không

Lưu ý:

- Rửa và sát trùng tay và dụng cụ sau khi chủng ngừa, vacxin còn thừa phải huỷ bỏ bằng cách đốt hay nấu sôi.

- Chỉ dùng cho gà khỏe mạnh.

- Dùng vacxin ngay sau khi mở lọ.

Bảo quản: Bảo quản lạnh từ 2-8^{0}C, tránh ánh sáng.

Nhà sản xuất và phân phối:

Công ty INTERVET - VIETNAM, A PART OF SCHERING PLOUGH CORPORATION

50B Đặng Dung - quận I - TP. Hồ Chí Minh. Tel: (84.8) 38245077, Fax: (84.8) 38245077.

15. VACXIN NOBILIS GUMBORO 228E

(Vacxin chứa siêu vi sống đông khô bảo hộ cho gà phòng ngừa bệnh Gumboro)

Mô tả:

Nobilis Gumboro 228E là vacxin sống đông khô phòng bệnh Gumboro, phát triển trên tế bào phôi trứng. Mỗi liều chứa ít nhất $2.01 log_{10}$ $TCID_{50}$ virus Gumboro dòng 228E.

Chỉ định: Tạo miễn dịch chủ động phòng ngừa bệnh Gumboro.

Cách áp dụng: Vacxin có thể pha vào nước cho uống, pha với một lượng nước cần thiết để gà uống hết trong vòng 2 giờ.

Lịch tiêm phòng: Virus vacxin dòng 228E là dòng trung gian thể vừa, do đó virus có khả năng vượt qua sự hiện diện của kháng thể mẹ truyền sang ở giai đoạn sớm hơn và phát tán tốt hơn trong đàn gà được sử dụng vacxin.

Gà con có thể đáp ứng miễn dịch tốt tuỳ thuộc vào hàm lượng kháng thể mẹ (MDA) hiện diện và vì thế việc tiêm phòng phải căn cứ vào loại gà và cách tiêm phòng trước đây cho gà bố mẹ.

Hướng dẫn:

- Gà con thịt từ gà bố mẹ đã được chủng vacxin sống trước đó: dùng vacxin từ 7 đến 14 ngày tuổi.

- Gà con thịt từ gà bố mẹ đã được chủng vacxin vô hoạt trước đó: dùng vacxin từ 14 đến 17 ngày tuổi.

- Gà hậu bị từ gà bố mẹ đã được chủng vacxin sống trước đó: dùng vacxin từ 14 đến 21 ngày tuổi.

- Gà hậu bị từ gà bố mẹ đã được chủng vacxin vô hoạt trước đó: dùng vacxin từ 21 đến 28 ngày tuổi.

Miễn dịch: Đạt miễn dịch bảo hộ cho gà sau khoảng 1 tuần dùng thuốc.

Phản ứng khi dùng thuốc: Phản ứng không đáng kể khi dùng cho gà khoẻ mạnh.

Những điều lưu ý:

- Chỉ dùng vacxin cho gà khoẻ mạnh vì gà yếu hay gà bệnh không thể phát triển miễn dịch đủ sức để bảo hộ.

- Vacxin phải được sử dụng hết trong vòng 2 giờ sau khi pha.

- Không sử dụng lọ vacxin đã hỏng.

Bảo quản: Bảo quản lạnh từ 2-8^{0}C, tránh ánh sáng.

Nhà sản xuất và phân phối:

Công ty INTERVET - VIETNAM, A PART OF SCHERING PLOUGH CORPORATION

50B Đặng Dung - quận I - TP. Hồ Chí Minh. Tel: (84.8) 38245077, Fax: (84.8) 38245077.

16. VACXIN NOBILIS RISMAVAC + CA126

(Vacxin chứa siêu vi sống phòng ngừa bệnh Marek's ở gà)

Mô tả:

Vacxin sống dùng tạo miễn dịch chủ động cho gà phòng bệnh Marek. Mỗi liều vacxin có chứa:

- Virus Marek CHV sống chủng CVI0988: ≥ 3.0 $\log^{10}$ pfu

- Virus Marek THV chủng FC-126: 3.0 $\log^{10}$ pfu

Công thức: Thể vẩn tế bào đông lạnh bảo quản trong nitơ lỏng.

Chỉ định: Dùng cho gà con 1 ngày tuổi tạo miễn dịch chủ động chống lại bệnh Marek. Sử dụng vacxin này khi có các chủng virus Marek độc lực rất cao lưu hành.

Chương trình tiêm phòng: tiêm phòng cho gà con 1 ngày tuổi

Liều lượng: 0,2ml/gà

Cách sử dụng: tiêm dưới da cổ hoặc cơ đùi.

Thời gian ngưng dùng: không

Quy cách: 1 bộ gồm 1 ampul vacxin chứa Herpes virus gà chủng CVI-988 và Herpes virus gà tây chủng FC-126 và ampul vacxin được cài vào bơm tiêm kim loại và đưa vào bình nitơ lỏng để bảo quản.

Bảo quản:

- Bảo quản trong nitơ lỏng (-196^{0}C).

- Ampul vacxin bảo quản trong nitơ lỏng.

- Nước pha bảo quản ở nhiệt độ phòng.

- Bảo quản thùng chứa vacxin cẩn thận, nắp quay lên trên, đặt ở nơi khô, thông thoáng và tránh xa khu vực đưa trứng vào máy ấp.

Lưu ý:

- Thùng nitơ lỏng và vacxin giao cho người được huấn luyện thao tác với nitơ lỏng và nhiệt độ cực thấp quản lý sử dụng.

- Cần thận trọng tránh làm vấy vacxin lên tay, mắt, quần áo.

- Toàn bộ lọ vacxin đã pha phải sử dụng đúng theo hướng dẫn.

Chống chỉ định: Không có.

Các thông tin khác:

- Không trộn lẫn với vacxin khác.

- Huỷ vỏ lọ và vacxin thừa theo quy định của quốc gia.

- Bảo quản ampul vacxin trong nitơ lỏng cho đến khi chuẩn bị tiêm.

- Chỉ sử dụng ampul vacxin được làm rã đông ngay trước khi tiêm.

Nhà sản xuất và phân phối:

Công ty INTERVET - VIETNAM, A PART OF SCHERING PLOUGH CORPORATION

50B Đặng Dung - quận I - TP. Hồ Chí Minh. Tel: (84.8) 38245077, Fax: (84.8) 38245077.

17. VACXIN MD-VAC CFL (MAREK)

(Serotyp 3. Virus sống)

MD-VAC CFL là vacxin sống chỉ dùng cho gà con 1 ngày tuổi khoẻ mạnh, để phòng những triệu chứng và tổn thương do bệnh Marek.

Hướng dẫn sử dụng Vacxin MD-VAC CFL

1. Chỉ sử dụng cho gà khoẻ 1 ngày tuổi.

2. Tránh cho gà tiếp xúc với virus Marek.

3. Chỉ dùng dung dịch pha loãng của Fort Dodge Animal Health. Lượng dung dịch pha loãng chính xác được cung cấp trong mỗi vacxin. Bảo quản dung dịch pha loãng ở nhiệt độ không quá 27^0C.

4. Loại 1.000 liều: chỉ pha loãng 1 lọ (1.000 liều) với 200ml dung dịch pha loãng Fort Dodge Animal Health.

Loại 2.000 liều: chỉ pha loãng 1 lọ (2.000 liều) với 400ml dung dịch pha loãng Fort Dodge Animal Health.

5. Bỏ nắp giữa của nắp nhôm để lại phần nhôm bao quanh lọ. Lau sạch nút cao su của lọ vacxin và lọ dung dịch pha loãng vacxin bằng cồn.

6. Dùng bơm tiêm và kim tiêm vô trùng, hút 3ml dung dịch pha loãng cho vào lọ vacxin.

7. Rút bơm tiêm và kim tiêm ra. Trộn kỹ và nhẹ nhàng cho tới khi vacxin được hoà tan hết. Hút vào bơm tiêm 2-3ml không khí. Điều này rất quan trọng.

8. Đâm lại kim tiêm vào lọ vacxin, cho không khí vào lọ (để phá vỡ chân không).

9. Đặt ngược lọ vacxin, hút hết vacxin đã được pha loãng vào bơm tiêm.

10. Cho toàn bộ vacxin vào lọ dung dịch pha loãng. Trộn nhẹ nhàng và kỹ. Vacxin pha loãng đã có thể dùng.

11. Trong quá trình tiêm vacxin duy trì lọ vacxin đã được pha loãng ở 21-27^0C. Nếu nhiệt độ cao hơn đặt lọ vacxin đã pha loãng vào chậu đá.

12. Khi tiêm vacxin dùng kim số 22-20G, kim dài khoảng 1-1,4cm. Tất cả các thiết bị, dụng cụ phải vô trùng và kim được thay đổi thường xuyên.

13. Tiêm cho mỗi gà 0,2ml vào dưới da.

14. Sử dụng toàn bộ vacxin đã pha loãng trong vòng 1 giờ. Không sử dụng lại những vacxin đã pha loãng. Đốt hết các lọ chứa vacxin và vacxin còn thừa.

Chú ý:

- Vacxin phải được bảo quản, vận chuyển và sử dụng theo đúng hướng dẫn.

- Ghi chép số lô vacxin, hạn sử dụng, ngày nhận và ngày tiêm vacxin ở nơi tiêm vacxin và bất kỳ phản ứng gì quan sát được.

- Chỉ tiêm dưới da

- Không tiêm vacxin trong vòng 21 ngày trước khi giết mổ.

- Lọ vacxin đã mở ra phải sử dụng hết. Đốt hết các lọ đựng vacxin và vacxin còn thừa.

Bảo quản: Giữ vacxin ở nhiệt độ từ 2-7^{0}C.

Dạng trình bày:

- 1.000 liều/lọ, 10 lọ/1 hộp

- 2.000 liều/lọ, 10 lọ/1 hộp

Nhà phân phối: Công ty CP Phát triển Công nghệ Nông thôn (RTD)

Khu CN An Khánh - Hoài Đức - Hà Nội, Tel: (84.4) 0343650574

18. VACXIN ĐẬU GÀ ĐÔNG KHÔ

Đặc tính:

- Là vacxin nhược độc, đông khô, sản xuất từ virus đậu gà chủng Weybridge nuôi cấy trên tế bào xơ phôi gà.

- Vacxin an toàn, tạo miễn dịch tốt và kéo dài.

Chỉ định:

Dùng gây miễn dịch chủ động phòng bệnh đậu gà cho gà con 1 tuần tuổi khoẻ mạnh.

Thành phần:

- Mỗi liều vacxin chứa ít nhất $10^4 TCID_{50}$ virus đậu gà nhược độc chủng Weybridge.

- Chất bổ trợ: sữa không kem.

Cách sử dụng:

- Pha vacxin với 1-2ml nước sinh lý.

- Lắc đều vacxin, dùng kim chủng (có thể dùng ngòi bút hoặc kim khâu) nhúng ngập vào vacxin, sau đó chích vào vùng da mỏng mặt trong cánh gà.

Kiểm tra vị trí chủng vacxin sau 5-7 ngày, nếu thấy nổi lên những nốt trắng, nhỏ là đạt. Nếu chưa thấy mọc nốt đậu thì phải chủng lại vào vị trí đối diện.

Chú ý:

- Sau khi pha, chai vacxin phải được giữ trong nước đá, tránh ánh nắng mặt trời và dùng trong vòng 2-3 giờ.

- Chai vacxin dùng xong phải được ngâm vào chất sát trùng hay luộc sôi trước khi bỏ đi.

Dạng trình bày: Đóng chai 100 liều.

Bảo quản: Ở nhiệt độ 2-8^{0}C. Không để vacxin vào ngăn đông.

Nhà sản xuất và phân phối: Công ty Thuốc thú y Trung ương

29 Nguyễn Đình Chiểu, quận I, TP. Hồ Chí Minh - ĐT: (8408) 3.8225063

Chi nhánh: Số 164 phố Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - ĐT: (84.4) 8691003

19. VACXIN NOBILIS CAV P4

(Vacxin virus sống nhược độc đông khô phòng ngừa bệnh thiếu máu)

Mô tả:

Nobilis CAV P4 là vacxin sống nhược độc đông khô phòng bệnh thiếu máu ở gà.Thành phần hoạt chất trong mỗi liều vacxin: virus bệnh thiếu máu (CAV) sống nhược độc dòng 26P4: $\geq 3.0\log^{10}TCID_{50}$.

Chỉ định: Dùng phòng bệnh thiếu máu cho gà từ 6 tuần tuổi trở đi trước khi gà bắt đầu đẻ.

Chương trình tiêm phòng:

Vacxin sử dụng cho gà từ 6 tuần tuổi trở đi. Để đảm bảo hàm lượng kháng thể đủ cao trước khi gà bắt đầu đẻ cần tiêm phòng cho đàn gà giống ít nhất 6 tuần trước khi chu kỳ đẻ bắt đầu. Có thể tiêm phòng vacxin bệnh thiếu máu ở gà kết hợp với vacxin virus REO sống hoặc vô hoạt (tiêm bắp hoặc dưới da) hoặc kết hợp với chủng đậu (xuyên màng cánh).

Liều lượng: 0,2ml/gà

Cách sử dụng:

Tiêm bắp hoặc dưới da:

- Pha lọ vacxin đông khô vào nước pha Dilavia của INTERVET, dùng 200ml nước pha cho 1.000 liều vacxin.

- Tiêm bắp hoặc dưới da 0,2ml vacxin đã pha cho mỗi con gà.

Chủng cánh:

- Pha lọ vacxin vào nước pha Unisolve của INTERVET, 13ml cho 1.000 gà.

- Nhúng ngập kim chủng đôi vào dung dịch vacxin sao cho cả 2 kim cùng chứa đầy vacxin trước khi chủng từng con gà. Xuyên kim chứa vacxin vào màng cánh từ phía dưới lên trên.

Để sử dụng với vacxin vô hoạt, pha lọ vacxin đông khô vào 2ml muối đệm phosphate vô trùng rồi trộn vào lọ vacxin vô hoạt, lắc kỹ trước khi sử dụng.

Thời gian ngưng sử dụng: Không

Quy cách: Lọ vacxin chứa 1.000 liều

Bảo quản: Ở 2-8^{0}C, trong bóng tối.

Chống chỉ định: Không dùng vacxin khi gà đang trong chu kỳ đẻ.

Lưu ý:

- Chỉ tiêm phòng cho gà khoẻ.

- Vacxin chỉ được sử dụng trong vòng 4 giờ sau khi pha.

- Có thể sử dụng vacxin Nobilis CAV P4 kết hợp với Nobilis Reo 1133, Nobilis OVO Diphterin và vacxin virus vô hoạt của INTERVET.

- Rửa sạch và sát trùng tay và dụng cụ sau khi tiêm phòng.

- Vacxin thừa phải huỷ bằng cách đốt hoặc đun sôi. Huỷ vỏ lọ vacxin và vacxin thừa theo quy định của quốc gia.

Nhà sản xuất và phân phối:

Công ty INTERVET - VIETNAM, A PART OF SCHERING PLOUGH CORPORATION

50B Đặng Dung - quận I - TP. Hồ Chí Minh. Tel: (84.8) 38245077, Fax: (84.8) 38245077.

20. VACXIN NOBILIS REO 1133

(Vacxin siêu vi sống đông khô phòng ngừa bệnh viêm khớp truyền nhiễm (REO) trên gia cầm)

Mô tả:

Vacxin nhược độc chứa Reovirus dòng 1133, mỗi liều chứa ít nhất 3.1.$\log_{10}$ $TCID_{50}$ virus phát triển trong phôi gà vô trùng.

Chỉ định:

Tạo miễn dịch giúp cho gà được bảo hộ với bệnh viêm khớp lúc gà 5 ngày tuổi hay lớn hơn.

Vacxin cũng được dùng để chủng lần đầu cho gà hậu bị giống.

Lịch tiêm phòng:

Vacxin phải được dùng đúng cách cho gà khoẻ nhằm có được đáp ứng vacxin tốt trong môi trường nuôi tốt. Thêm vào đó, sự đáp ứng vacxin tuỳ thuộc vào tuổi gà và tình trạng miễn nhiễm của chúng. Gà con được bảo hộ đối với bệnh Reo là do kháng thể mẹ truyền sang cho gà con qua lòng đỏ trứng. Để sự truyền này hiệu quả, chương trình tiêm phòng đồng bộ với cả vacxin sống và chết được khuyến cáo. Ở vùng đang nhiễm bệnh, gà con có thể bị nhiễm bệnh ngay trong những tuần đầu. Vì thế bắt buộc phải tiêm phòng sớm hơn. Ở những vùng này, việc tiêm phòng phải được thực hiện lúc 5 ngày tuổi.

Tiêm nhắc lại lúc 5-7 tuần tuổi và tiêm nhắc lại lúc 9-11 tuần tuổi. Đối với gà giống, để hoàn tất lịch tiêm phòng thì phải tiêm với vacxin vô hoạt Reo lúc 18-22 tuần tuổi.

Hướng dẫn sử dụng:

1. Có thể sử dụng nước pha vacxin Nobilis Marek THV lyo để pha cho vacxin Reo. Dùng 200ml nước pha cho 1.000 liều vacxin.

2. Dụng cụ, kim và bơm tiêm phải được tiệt trùng cẩn thận và không có tồn đọng các chất sát trùng.

3. Cho một ít nước pha vào lọ vacxin và lắc kỹ.

4. Rút vacxin đã pha bằng bơm tiêm, cho lại vào lọ nước pha còn lại, lắc nhẹ. Rút nước đã pha để súc sạch lọ vacxin và cho trở lại vào lọ nước pha.

5. Rút vacxin đã pha hoàn chỉnh vào bơm tiêm định lượng theo yêu cầu 0,2ml/liều và tiêm cho gà.

Liều lượng và cách sử dụng: Tiêm vacxin 0,2ml/gà, tiêm dưới da phía sau cổ.

Lưu ý:

- Chỉ tiêm cho gà khoẻ

- Không tiêm cho gà trong vòng 12 tuần trước khi gà đẻ và trong thời kỳ đẻ của gà giống.

- Không trộn chung vacxin này với vacxin Marek hoặc Gumboro sống.

- Cố gắng giảm tối đa stress trong khi cũng như sau khi tiêm phòng

- Một khi vacxin đã pha phải sử dụng trong vòng vài giờ, tránh tiếp xúc nhiệt.

- Huỷ toàn bộ các vỏ lọ vacxin đã sử dụng theo quy định.

Bảo quản: ở 2-8^{0}C, trong bóng tối.

Qui cách: Lọ vacxin chứa 1.000 liều

Nhà sản xuất và phân phối:

Công ty INTERVET - VIETNAM, A PART OF SCHERING PLOUGH CORPORATION

50B Đặng Dung - quận I - TP. Hồ Chí Minh. Tel: (84.8) 38245077, Fax: (84.8) 38245077.

21. VACXIN NOBILIS REO INAC

(Vacxin siêu vi vô hoạt bảo hộ gà phòng ngừa bệnh viêm khớp truyền nhiễm và hội chứng giảm hấp thu)

Mô tả:

Vacxin chứa 2 dòng siêu vi Reo ở gia cầm có đặc tính sinh miễn dịch cao, phòng ngừa bệnh do Reovirus ở gà. Siêu vi Reo được vô hoạt bằng formalin, vacxin ở dạng nhũ dầu.

Chỉ định:

Vacxin được sử dụng để bảo hộ gà phòng ngừa viêm khớp và hội chứng kém hấp thu.

Lịch tiêm phòng:

Mặc dù Nobilis Reo INAC được dùng để chủng lần đầu cho gà ở mọi lứa tuổi nhưng mức bảo hộ đạt được tốt nhất khi gà đã được tiêm trước đó với vacxin sống Nobilis Reo 1133. Có thể sử dụng vacxin ngay cả cho gà đang đẻ cũng không gây thiệt hại gì so với các loại vacxin khác. Ở gà giống và gà hậu bị đẻ thương phẩm chủng lần đầu với vacxin sống Nobilis Reo 1133 ít nhất 1 lần trước 12 tuần tuổi và sau đó chủng với Nobilis Reo INAC ở 16-20 tuần tuổi.

Cần tham khảo ý kiến của bác sỹ thú y tại địa phương.

Liều lượng và cách sử dụng:

Tiêm 0,5ml/gà, tiêm bắp (cơ đùi hay lườn) hoặc tiêm dưới da sau cổ gà.

Miễn dịch:

Khi việc tiêm phòng và tiêm lần đầu với vacxin sống được thực hiện đúng cách, có thể phát hiện được kháng thể sau đó 1 tuần và đạt đỉnh cao 3 tuần sau đó. Nhìn chung đàn gà được chủng với Nobilis Reo INAC đạt mức bảo hộ tốt và đồng đều do có độ sai khác giữa những cá thể trong đàn rất nhỏ. Vì thế gà con từ những đàn gà này có kháng thể mẹ truyền sang đủ bảo hộ gà chống lại bệnh Reo.

Phản ứng khi tiêm vacxin:

Ở gà khoẻ mạnh không có triệu chứng gì đáng kể. Vài tuần sau khi tiêm thấy hơi phồng nhẹ tại chỗ tiêm. Điều này không tổn hại gì đến tế bào mô nếu dụng cụ tiêm phòng được sát trùng kỹ.

Lưu ý:

- Chỉ tiêm cho gà khoẻ

- Trước khi tiêm phòng phải để vacxin đạt ngang nhiệt độ phòng (15-25^{0}C).

- Lắc kỹ lọ vacxin trước khi sử dụng.

- Dụng cụ tiêm phải sát trùng cẩn thận.

- Lọ vacxin đã mở phải được sử dụng trong vòng 3 giờ.

- Không trộn lẫn với các loại vacxin khác.

- Nếu người thực hiện thao tác do vô ý hay bị người bên cạnh đâm kim phải thì phản ứng tại chỗ tiêm có thể xảy ra. Phải liên hệ bác sĩ để xem xét và báo cáo cho biết đây là vacxin nhũ dầu.

Nhà sản xuất và phân phối:

Công ty INTERVET - VIETNAM, A PART OF SCHERING PLOUGH CORPORATION

50B Đặng Dung - quận I - TP. Hồ Chí Minh. Tel: (84.8) 38245077, Fax: (84.8) 38245077.

22. VACXIN NOBILIS REO + IB + G + ND

(Vacxin vô hoạt phối hợp phòng 4 bệnh: bệnh do Reovirus, bệnh viêm phế quản truyền nhiễm (IB), Gumboro và Newcastle (ND))

Mô tả:

Vacxin vô hoạt phối hợp 4 bệnh: bệnh do Reovirus, bệnh viêm phế quản truyền nhiễm, Gumboro và Newcastle.

Thành phần:

- Virus bệnh viêm phế quản truyền nhiễm vô hoạt chủng M41

- Virus bệnh Newcastle vô hoạt chủng Clone 30

- Reovirus vô hoạt chủng 1733 và 2408

Công thức: Vacxin nước trong dầu

Chỉ định: Dùng cho gà

Vacxin dùng để tiêm phòng nhắc lại cho đàn giống nhằm bảo hộ đàn con phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm, bệnh Newcastle, bệnh do Reovirus và bệnh Gumboro thông qua kháng thể mẹ truyền trong những tuần đầu sau khi nở.

Chương trình tiêm phòng:

Nobilis Reo + IB + G + ND tiêm cho gà giống muộn nhất là 4 tuần trước khi gà bắt đầu

đẻ dự tính. Để vacxin cho hiệu quả miễn dịch tối ưu, trước đó gà phải được sử dụng vacxin sống phòng 4 bệnh nói trên ít nhất được 4 tuần.

Liều lượng: 0,5ml/gà

Cách sử dụng: Tiêm bắp (cơ đùi hay cơ lườn) hoặc tiêm dưới da vào nửa dưới cổ.

Thời gian ngưng dùng vacxin: không

Quy cách: 500ml (1.000 liều) trong mỗi chai thuỷ tinh hoặc chai nhựa PET theo dược điển châu Âu.

Bảo quản: Ở 2-8^{0}C, tránh đông đá.

Lưu ý:

- Chỉ tiêm phòng cho gà khoẻ
- Để vacxin đạt nhiệt độ phòng trước khi tiêm
- Lắc kỹ lọ vacxin trước khi sử dụng.
- Sử dụng dụng cụ tiêm vô trùng
- Chỉ sử dụng vacxin trong vòng 3 giờ sau khi đã mở nắp
- Không trộn lẫn với các vacxin khác.
- Huỷ vỏ chai và vacxin thừa theo quy định của quốc gia.
- Nếu chẳng may người tiêm lỡ tiêm vào tay mình hoặc người đứng bên cạnh, phản ứng cục bộ nơi tiêm có thể xảy ra. Cần hỏi ý kiến bác sĩ và thông báo đó là vacxin nhũ dầu.

Chống chỉ định: Không có.

Nhà sản xuất và phân phối:

Công ty INTERVET - VIETNAM, A PART OF SCHERING PLOUGH CORPORATION

50B Đặng Dung - quận I - TP. Hồ Chí Minh. Tel: (84.8) 38245077, Fax: (84.8) 38245077.

23. VACXIN NOBILIS CORYZA

(Vacxin vô hoạt bảo hộ gà phòng ngừa bệnh Coryza)

Mô tả:

Vacxin chứa vi khuẩn vô hoạt Haemophilus paragallinarum typ huyết thanh A, B, C trong dung dịch nhũ dầu.

Chỉ định:

Dùng phòng bệnh Coryza trên gà do Haemophilus paragallinarum.

Lịch tiêm phòng:

- Tiêm cho gà trên 5 tuần tuổi.
- Để bảo hộ cho gà đẻ, gà giống đến 60 tuần tuổi cần phải tiêm nhắc lại trước khi gà lên đẻ vài tuần. Khoảng thời gian giữa hai lần tiêm ít nhất là 4 tuần.

Liều lượng và cách dùng:

Tiêm liều 0,5ml/gà, tiêm dưới da phía sau cổ gà.

Phản ứng khi tiêm chủng:

Ở gà khoẻ mạnh không có phản ứng gì đáng kể. Vài tuần lễ sau khi tiêm thấy hơi phồng nhẹ tại chỗ tiêm. Điều này cũng không gây tổn thương mô nếu tiêm đúng dưới da và sát trùng dụng cụ cẩn thận.

Lưu ý:

- Chỉ tiêm cho gà khoẻ.

- Trước khi tiêm phòng phải để vacxin đạt nhiệt độ ngang nhiệt độ phòng (15-25^{0}C).

- Lắc kỹ lọ vacxin trước khi sử dụng cũng như trong quá trình tiêm phòng

- Dụng cụ tiêm phải sát trùng cẩn thận.

- Lọ vacxin đã mở phải được sử dụng trong vòng 3 giờ.

- Không trộn lẫn với các loại vacxin khác.

- Nếu người thực hiện thao tác vô ý hay bị người bên cạnh đâm kim phải thì phản ứng tại chỗ có thể xảy ra. Phải liên hệ bác sĩ để xem xét và báo cho biết đây là vacxin nhũ dầu.

Bảo quản: Ở 2-8^{0}C, tránh đông đá

Trình bày: Lọ vacxin 500ml chứa 1.000 liều.

Nhà sản xuất và phân phối:

Công ty INTERVET - VIETNAM, A PART OF SCHERING PLOUGH CORPORATION

50B Đặng Dung - quận I - TP. Hồ Chí Minh. Tel: (84.8) 38245077, Fax: (84.8) 38245077.

24. VACXIN NOBILIS MG 6/85

(Vacxin sống đông khô phòng ngừa bệnh đường hô hấp do Mycoplasma gallisepticum trên gia cầm)

Mô tả:

Nobilis MG 6/85 là vacxin sống đông khô phòng ngừa bệnh viêm đường hô hấp do Mycoplasma gallisepticum. Mỗi liều vacxin chứa ít nhất 106.9 CFUM Mycoplasma gallisepticum sống nhược độc dòng MG /85.

Liều lượng và cách sử dụng:

Áp dụng cách phun khí dung sau khi pha vacxin với nước. Mỗi liều ít nhất 106.9 CFU.

Hướng dẫn sử dụng:

- Phải xem xét nhiều yếu tố để đưa ra một chương trình phòng bệnh phù hợp cho một trại riêng biệt. Để đạt hiệu quả cao, phải áp dụng phun vacxin dưới dạng khí dung cho gà khoẻ mạnh trong môi trường thích hợp, quản lý tốt. Mức độ miễn dịch tuỳ thuộc rất nhiều vào kỹ thuật phun vacxin và độ phơi nhiễm.

- Chỉ dùng nước sạch, mát, không có Chlorine (tốt nhất là nước cất).

- Mở lọ vacxin dưới mặt nước.

- Lấy nắp nhôm và nắp cao su ra khỏi lọ

- Thêm một lượng nước cần thiết cho việc phun vacxin (khoảng 400ml cho 1.000 gà).

- Phun hạt mịn nhỏ hơn 20µ.

- Không sử dụng bất kỳ thuốc sát trùng nào hoặc sữa đã tách bơ và chỉ sử dụng máy phun chuyên dùng cho việc phun vacxin. Rửa sạch máy phun sau mỗi lần sử dụng.

- Tắt các quạt gió khi phun vacxin và cho quạt chạy lại sau đó. Đóng cửa tránh gió lùa.

Chương trình phòng bệnh:

- Dùng cho đàn gà từ 6 tuần tuổi trở lên.

- Thời điểm tối ưu để dùng tuỳ thuộc phần lớn vào tình hình dịch tễ địa phương. Vì thế cần có sự khuyến cáo của bác sỹ thú y địa phương.

Thời gian ngưng sử dụng thuốc: không.

Chống chỉ định và cảnh báo:

- Không dùng vacxin này trong vòng 4 tuần trước khi gà đẻ hay trong giai đoạn đẻ.

- Tối thiểu phải để khoảng cách 2 tuần giữa lần phun vacxin Nobilis MG 6/85 và các vacxin khác phòng bệnh đường hô hấp cho gà (ví dụ vacxin phòng bệnh Newcastle, bệnh viêm phế quản truyền nhiễm v.v...).

- Không chữa bệnh bằng bất cứ loại thuốc kháng khuẩn nào, đặc biệt là thuốc kháng Mycoplasma trong vòng 5 ngày trước hoặc 2 tuần sau khi phun vacxin.

- Không dùng các vacxin khác trong vòng 14 ngày.

Phản ứng phụ: Không

Hạn ngưng dùng: Không

Bảo quản: Ở nhiệt độ 2-8^{0}C, tránh ánh sáng.

Lưu ý:

- Chỉ dùng cho gà khoẻ

- Nên phun tất cả gà trong chuồng cùng thời điểm.

- Giảm stress trong thời gian dùng thuốc và trong thời gian có phản ứng vacxin.

- Không trộn vacxin này với bất kỳ vacxin hay chất gì khác.

- Phải sử dụng vacxin ngay khi đã mở lọ.

- Không pha loãng làm giảm liều vacxin.

- Không giữ phần vacxin thừa để dùng lại, dùng hết sau khi mở/pha lọ vacxin.

- Khi phun vacxin, nên tránh để vacxin tiếp xúc mắt, tay hay quần áo.

- Tránh xa tầm tay trẻ em.

Quy cách: Lọ vacxin 1000 liều.

Nhà sản xuất và phân phối:

Công ty INTERVET - VIETNAM, A PART OF SCHERING PLOUGH CORPORATION

50B Đặng Dung - quận I - TP. Hồ Chí Minh. Tel: (84.8) 38245077, Fax: (84.8) 38245077.

25. VACXIN DỊCH TẢ VỊT NHƯỢC ĐỘC ĐÔNG KHÔ

(Sản xuất trên tế bào hoặc trên phôi trứng)

Đặc tính:

- Là vacxin nhược độc, đông khô, sản xuất từ chủng virus vacxin dịch tả vịt nhược độc nuôi cấy ở xoang niệu phôi trứng vịt hoặc trên tế bào xơ phôi gà.

- Vacxin an toàn, tạo miễn dịch nhanh và bền.

Chỉ định:

- Mỗi liều vacxin chứa ít nhất 10^3 EID_{50} (hoặc 10^3 $TCID_{50}$ đối với vacxin dịch tả vịt sản xuất trên tế bào) virus dịch tả vịt nhược độc.

- Chất bổ trợ: sữa không kem.

Phương pháp tiêm vacxin:

- Vịt con (dưới 2 tuần tuổi): tiêm dưới da, pha vacxin bằng nước sinh lý vô trùng đã làm lạnh. Lắc tan đều.

- Vịt trên 2 tuần tuổi: Tiêm dưới da hoặc tiêm bắp thịt lườn. Vacxin được pha với nước sinh lý lạnh vô trùng sao cho 0,5ml chứa 1 liều vacxin.

Lịch tiêm phòng:

- Đối với vịt nuôi thịt: Tiêm 2 lần

  Lần 1: Từ đến 5 ngày tuổi.

  Lần 2: Sau lần tiêm thứ nhất 2-3 tuần.

- Đối với vịt đẻ: Tiêm 3 lần

  Lần 1 và 2: Thực hiện giống như vịt thịt.

  Lần 3: Vào lúc 5 tháng tuổi.

  Và chủng lại trước mỗi vụ đẻ.

  (Tránh sử dụng vacxin trong giai đoạn thay lông).

Dạng trình bày: Lọ vacxin 200 liều, 500 liều và 1.000 liều.

Bảo quản: Ở nhiệt độ 2-8^0C. Không để vacxin vào ngăn đông

Chú ý:

- Chỉ tiêm cho vịt khoẻ

- Nên tiêm cho tất cả vịt trong chuồng cùng thời điểm.

- Giảm stress trong thời gian tiêm phòng và trong thời gian có phản ứng vacxin.

- Không trộn vacxin này với bất kỳ vacxin hay chất gì khác.

- Phải sử dụng vacxin ngay khi đã mở lọ.

- Không pha loãng làm giảm liều vacxin.

- Không giữ phần vacxin thừa để dùng lại, dùng hết sau khi mở/pha lọ vacxin.

- Khi phun vacxin, nên tránh để vacxin tiếp xúc mắt, tay hay quần áo.

- Tránh xa tầm tay trẻ em.

- Sau khi pha lọ vacxin phải được giữ trong nước đá và dùng trong vòng 2-3 giờ, dùng xong phải ngâm chai vacxin vào chất sát trùng hay luộc sôi trước khi bỏ đi.

Nhà phân phối: Công ty Thuốc thú y Trung ương

29 Nguyễn Đình Chiểu, quận I, TP. Hồ Chí Minh - ĐT: (8408) 3.8225063

Chi nhánh: Số 164 phố Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - ĐT: (84.4) 8691003

26. VACXIN DỊCH TẢ VỊT TẾ BÀO

Mô tả:

- Vacxin đông khô nhược độc dạng tế bào.

- Mỗi liều vacxin chứa ít nhất 10^4 $TCID_{50}$ virus dịch tả vịt nhược độc

- Chất ổn định: sữa không kem

Công dụng:

Vacxin dùng phòng bệnh dịch tả cho vịt, ngỗng và vịt xiêm khoẻ mạnh từ 2 tuần tuổi trở lên.

Liều dùng và cách sử dụng:

- Tiêm bắp thịt (cơ lườn)

- Vacxin được pha loãng với nước sinh lý mặn vô trùng đã được làm mát, sao cho 0,5ml dung dịch tiêm chứa 1 liều vacxin.

- Sau khi pha, vacxin phải được giữ trong nước đá, tránh ánh sáng mặt trời và phải dùng hết trong vòng 4 giờ.

Lịch tiêm phòng:

- Đối với vịt nuôi thịt: tiêm 2 lần:

  Lần 1: 3-5 ngày tuổi

  Lần 2: 2-3 tuần sau khi tiêm lần 1.

- Đối với vịt đẻ: lần 1 và lần 2 như vịt thịt

Lần 3 vào lúc 5 tháng tuổi.

Và tiêm lại trước mỗi vụ đẻ sau.

(Tránh dùng vacxin trong giai đoạn thay lông).

Chống chỉ định: Không dùng cho vịt ốm yếu.

Thời gian ngưng sử dụng thuốc: 0 ngày.

Bảo quản:

- Nhiệt độ bảo quản từ 2-8^{0}C.

- Không được làm đông đá vacxin.

- Trong quá trình vận chuyển phải sử dụng xe lạnh chuyên dùng hoặc giữ vacxin trong thùng xốp có đá lạnh (hoặc đá khô), tránh nóng và tránh ánh sáng trực tiếp.

- Hạn dùng 18 tháng.

Nhà phân phối: Công ty Thuốc thú y Trung ương

29 Nguyễn Đình Chiểu, quận I, TP. Hồ Chí Minh - ĐT: (8408) 3.8225063

Chi nhánh: Số 164 phố Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - ĐT: (84.4) 8691003

27. VACXIN TỤ HUYẾT TRÙNG VÔ HOẠT

Đặc tính:

- Là vacxin vô hoạt, chế từ vi khuẩn Pasteurella multocida serotyp A:1

- Vacxin an toàn, tạo miễn dịch tốt.

- Mỗi 1ml vacxin chứa ít nhất 10^{10} tế bào vi khuẩn Pasteurella multocida serotyp A:1.

- Chất bổ trợ: Phèn chua hoặc keo phèn.

Chỉ định: Dùng gây miễn dịch chủ động phòng bệnh tụ huyết trùng cho gà, vịt, ngan và ngỗng khoẻ mạnh.

Cách sử dụng:

- Lấy vacxin ra khỏi nơi bảo quản, để nơi mát khoảng 1 giờ và lắc kỹ trước khi dùng.

- Tiêm dưới da cổ hoặc ức của gia cầm. (Chú ý sử dụng hết vacxin trong ngày).

Liều dùng:

- Gia cầm từ 25 ngày và dưới 2 tháng tuổi: liều 0,5ml/con.

- Gia cầm từ 2 tháng tuổi trở lên: liều 1ml/con.

Dạng trình bày: Chai: 25ml chứa 25 liều, 50ml chứa 50 liều.

Bảo quản: Ở 2-8^{0}C. Không để vacxin vào ngăn đông

Nhà phân phối: Công ty Thuốc thú y Trung ương

29 Nguyễn Đình Chiểu, quận I, TP. Hồ Chí Minh - ĐT: (8408) 3.8225063

Chi nhánh: Số 164 phố Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - ĐT: (84.4) 8691003

28. VACXIN TỤ HUYẾT TRÙNG GIA CẦM NHŨ DẦU VÔ HOẠT

Đặc tính:

- Là vacxin vô hoạt được nhũ hoá, chế từ vi khuẩn *Pasteurella multocida* serotyp A:1. Vacxin này có màu trắng sữa đồng nhất.

- Mỗi 1ml vacxin chứa ít nhất 10^{10} tế bào vi khuẩn *Pasteurella multocida* serotyp A:1.

- Vacxin an toàn, tạo miễn dịch cao và bền khi tiêm phòng cho gia cầm.

Chỉ định: Dùng gây miễn dịch chủ động phòng bệnh tụ huyết trùng cho gà, vịt, ngan và ngỗng khoẻ mạnh.

Liều dùng và cách dùng:

- Tiêm dưới da cổ hoặc ức của gia cầm với liều như sau:

+ Gia cầm từ 25 ngày và dưới 2 tháng tuổi: liều 0,5ml/con.

+ Gia cầm từ 2 tháng tuổi trở lên: liều 1ml/con.

- Chú ý: sử dụng hết vacxin trong ngày.

Dạng trình bày: Chai 50 liều.

Bảo quản: Ở 2-8^{0}C. Không để vacxin vào ngăn đông

Nhà phân phối: Công ty Thuốc thú y Trung ương

29 Nguyễn Đình Chiểu, quận I, TP. Hồ Chí Minh - ĐT: (8408) 3.8225063

Chi nhánh: Số 164 phố Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - ĐT: (84.4) 8691003

IV. VACXIN DÙNG CHO CÁC GIA SÚC KHÁC

1. VACXIN XUẤT HUYẾT THỎ

Thành phần:

- Virus gây bệnh xuất huyết thỏ truyền nhiễm Calicivirus đã được vô hoạt bằng formalin.

- Chất bổ trợ: keo phèn.

Hướng dẫn sử dụng:

- Chỉ định: Dùng tiêm phòng cho thỏ khoẻ mạnh từ 2 tháng tuổi trở lên để phòng bệnh xuất huyết truyền nhiễm (RHD) do Calicivirus gây ra.

- Cách sử dụng: Vacxin được tiêm dưới da hoặc tiêm bắp thịt.

- Lịch tiêm phòng:

+ Tiêm phòng lần đầu: 60 ngày tuổi (2 tháng). Nếu trong vùng có bệnh xuất huyết thỏ lưu hành, hoặc trong vùng có nguy cơ nhiễm bệnh cao có thể tiêm phòng vacxin cho thỏ lúc 45 ngày.

+ Tiêm nhắc lại: cứ 6 tháng sau đó tiêm nhắc lại một lần

Chống chỉ định: không dùng cho thỏ đang bị bệnh.

Chú ý:

- Lọ vacxin phải được giữ lạnh cho đến khi dùng.

- Lắc kỹ trước khi dùng.

- Bơm tiêm và kim tiêm phải được tiệt trùng trước và sau khi sử dụng.

- Dùng kim vô trùng để lấy thuốc. Tránh sử dụng một kim tiêm cho nhiều thỏ.

- Không được làm đông đá vacxin.

- Trong quá trình vận chuyển phải giữ trong thùng xốp có đá lạnh, tránh nóng và ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp.

Đóng gói: Chai 20 liều và 50 liều.

Bảo quản: Ở 2-8^{0}C.

Hạn dùng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

Nhà phân phối: Công ty Thuốc thú y Trung ương

29 Nguyễn Đình Chiểu, quận I, TP. Hồ Chí Minh - ĐT: (8408) 3.8225063

Chi nhánh: Số 164 phố Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - ĐT: (84.4) 8691003

2. VACXIN PHÒNG DẠI RABISIN

Đặc điểm:

- Vacxin chế từ virus đại cường độc nuôi cấy trên môi trường tế bào, đã giết chết bằng hoá chất, có màu trắng, hơi đục.

- Vacxin an toàn, không gây phản ứng cục bộ và toàn thân.

- Vacxin tạo miễn dịch ổn định cho chó, kéo dài trong 3 năm.

Hướng dẫn sử dụng:

- Vacxin dùng tiêm phòng bệnh dại cho chó khoẻ mạnh từ 2 tháng tuổi trở lên.

- Vacxin được tiêm dưới da trong đùi với liều 01ml.

Bảo quản:

- Giữ vacxin ở nhiệt độ 4^{0}C đến 10^{0}C, có thể bảo quản 12 tháng.

- Không để vacxin trong lạnh âm.

Trình bày: Mỗi lọ đóng 01 liều

Hãng sản xuất: Hãng Rhon-Pulence (Pháp)

3. VACXIN PHÒNG 4 BỆNH CHO CHÓ

Đặc điểm:

- Là hỗn hợp 4 loại vacxin đề phòng 4 bệnh cho chó, bao gồm 3 loại vacxin virus nhược

độc phòng bệnh Carê (bệnh sài sốt), bệnh viêm gan do virus và bệnh viêm ruột do virus Parvo. Và một loại vacxin chết phòng bệnh Leptospirosis chế từ 2 chủng xoắn trùng: *Leptospira icterohaemorhagiae* và *L.canicola.*

- Vacxin nhập từ Hãng Rhon - Pulence (Pháp) có tên là vacxin *Tetradog* và nhập từ hãng Intervet (Hà Lan) có tên là *Nobivac*. Tính năng 2 loại vacxin này hoàn toàn giống nhau.

- Vacxin có độ an toàn cao, rất ít gây phản ứng.

- Sau khi tiêm, chó được miễn dịch với 4 bệnh trên, kéo dài 12 tháng.

- Mỗi liều vacxin gồm 2 lọ, 1 lọ chứa 3 chủng virus nhược độc đã đóng khô: Carê, Parvo và viêm gan và 01 lọ chứa dung dịch vacxin chết Lepospirosis. Khi tiêm sẽ hoà 2 lọ với nhau rồi tiêm ngay.

Hướng dẫn sử dụng:

- Dùng tiêm phòng 4 bệnh cho chó khoẻ mạnh từ 2 tháng tuổi trở lên. Có thể tiêm cho chó từ 6 tuần tuổi.

- Tiêm dưới da trong đùi.

- Chó con 2 tháng tuổi được tiêm lần đầu, sau 4 tuần tiêm lần thứ 2, sau đó cứ mỗi năm tiêm nhắc lại một lần, đảm bảo miễn dịch tốt.

Liều tiêm: Hai lọ pha với nhau thành 1 liều 2ml tiêm cho một con chó.

Bảo quản:

- Giữ vacxin ở nhiệt độ 4^0C đến 12^0C, bảo quản được 12 tháng.

- Không được để trong lạnh âm, không để ánh sáng mặt trời chiếu vào.

Trình bày:

- Hộp 10 liều gồm 10 hộp nhỏ, có ống tiêm sẵn.

- Hộp 100 liều, không có ống tiêm nhưng mỗi liều gồm 2 lọ nhỏ, khi tiêm sẽ pha lẫn.

Hãng sản xuất: Hãng Rhon-Pulence (Pháp).

Hãng Intervet (Hà Lan)

V. VACXIN PHÒNG BỆNH CHO TÔM, CÁ VÀ VACXIN KÝ SINH TRÙNG

Ở nước ta, vì nhiều lý do, các vacxin cho tôm, cá và vacxin phòng chống bệnh ký sinh trùng chưa được sử dụng. Tuy nhiên, trong cuốn sách này chúng tôi cũng giới thiệu để độc giả có thêm một số thông tin.

1. VACXIN PHÒNG BỆNH CHO CÁ VÀ TÔM

Trong nuôi trồng thủy sản vacxin chưa được sử dụng rộng rãi vì:

- Cá thường được nuôi với số lượng lớn, chu kỳ nuôi lại ngắn (3 - 6 tháng).

- Việc tiêm phòng cho cá rất khó thực hiện.

- Việc chế tạo vacxin thủy sản khó khăn và giá thành cao.

1. Đối với cá:

Ở hầu hết các vùng sinh thái trên thế giới, trong đầm cá nước ngọt có lưu hành một bệnh truyền nhiễm nguy hiểm mà nguyên nhân là một loài vi khuẩn *(Aeromonas Chlorphila)* gây ra hội chứng loét đỏ da, bong vẩy, làm cho cá chết hàng loạt.

Ở một số nước như Nhật Bản, Australia, Mỹ... người ta đã nghiên cứu chế tạo thành công một vacxin chết với các nguyên lý và phương pháp chế tạo vacxin chết tương tự như trong chế tạo vacxin chết phòng bệnh cho gia súc, gia cầm. Vacxin do Trung tâm thú y thuộc Viện SCIRO (Australia) sản xuất có thể đạt hiệu giá bảo hộ 80 - 85%, phòng bệnh loét đỏ da cho một số loài cá có vẩy như: cá chép, cá trắm cỏ, cá mè...

2. Đối với tôm:

Tôm nuôi và tôm sống tự nhiên ở vùng nước lợ (ở Nhật Bản, Philippin, Indonesia, Việt Nam...) thường mắc một số bệnh truyền nhiễm, trong đó đặc biệt là bệnh đốm trắng do một loài virus gây ra. Người ta đã nghiên cứu một loại vacxin tái tổ hợp từ virus gây bệnh đốm trắng. Vacxin đã thành công trong phòng thí nghiệm ở Nhật Bản và Mỹ nhưng chưa được ứng dụng trong sản xuất do đắt đỏ và khó khăn trong việc áp dụng.

2. VACXIN PHÒNG CHỐNG KÝ SINH TRÙNG

Các vacxin phòng chống ký sinh trùng đã được nghiên cứu, chế tạo cũng dựa trên nguyên lý và phương pháp chế tạo vacxin phòng chống các bệnh truyền nhiễm. Nhiều loại vacxin ký sinh trùng đã được nghiên cứu chế tạo nhưng vì vacxin ký sinh trùng khó sản xuất, đòi hỏi trang thiết bị hiện đại và đồng bộ và chi phí sản xuất rất tốn kém nên giá thành cao. Mặt khác, các loại vacxin ký sinh trùng tạo miễn dịch đáp ứng không ổn định, thời gian miễn dịch ngắn. Do vậy, hiện nay chỉ có một số ít vacxin ký sinh trùng có hiệu lực cao mới được sử dụng.

- Thí dụ 1: Vacxin nhược độc phòng bệnh giun phổi ở trâu bò do giun tròn *(Dictyocaulus viviparus)*. Người ta nuôi cấy tạo ra ấu trùng giun phổi thời kỳ 3 (L3) rồi chiếu tia á hoặc ß làm cho ấu trùng mất độc lực nhưng tiêm cho bò vẫn tạo được miễn dịch phòng bệnh giun phổi. Vacxin đã được nghiên cứu và sử dụng lần đầu ở Ba Lan từ cuối những năm 70 và những năm 80 của thế kỷ XX. Hiệu giá bảo hộ cho bò đạt 70%.

- Thí dụ 2: Vacxin phòng bệnh cầu trùng Precovac được sản xuất từ noãn nang cầu trùng Eimeria preacoc, chiếu tia ß hoặc δ, làm mất độc lực của noãn nang, tạo ra vacxin nhược độc phòng bệnh cho gà bằng cách cho ăn. Gà được ăn vacxin tạo được đáp ứng miễn dịch chống các loài cầu trùng Eimeria, không có triệu chứng ỉa lỏng ra máu (triệu chứng đặc trưng của cầu trùng), gà tăng trọng nhanh, tỷ lệ chết thấp nhưng phân thải ra vẫn còn noãn nang cầu trùng. Đây là loại vacxin được Mỹ, Canada sản xuất. Giá thành vacxin cao nên chưa được dùng rộng rãi trên thế giới.

- Thí dụ 3: Vacxin tái tổ hợp phòng chống ve bò (Boophilus). Vacxin được chế tạo bằng cách nghiền Boophilus microplus trưởng thành, rồi dùng phương pháp công nghệ sinh học phân lập các kháng nguyên từ dịch nghiền ve, thấy được 243 kháng nguyên trong đó lựa chọn được 4 kháng nguyên nằm trên vách dạ dày ve. Người ta dùng 4 kháng nguyên này ghép lại, chế tạo ra vacxin phòng chống ve bò. Khi tiêm vacxin cho bò, sau 3 tuần bò có đáp ứng miễn dịch trong máu. Ve hút máu bò có kháng thể thì dạ dày sẽ bị kháng thể phá hủy và chết. Hiệu lực bảo hộ của vacxin đạt 93%. Có thể nói hiệu lực rất cao, cũng tương tự như vacxin phòng các bệnh truyền nhiễm. Vacxin này được nghiên cứu chế tạo và sử dụng ở Australia từ những năm 90, phòng chống được ve Boophilus microplus, tức là phòng được bệnh Lê dạng trùng do Babesia bigemina ở bò. Vacxin có giá thành cao nên chỉ mới được sử dụng ở các nước phát triển, nuôi bò với quy mô lớn.

PHỤ LỤC
CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH PHÒNG CHỐNG MỘT SỐ BỆNH NGUY HIỂM

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
****
Số: 38/2006/QĐ-BNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
****
Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

V/V BAN HÀNH QUY ĐỊNH PHÒNG CHỐNG BỆNH LỞ MỒM LONG MÓNG GIA SÚC

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ban hành ngày 29/4/2004;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ - CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ - CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thú y.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về phòng chống bệnh Lở mồm long móng gia súc".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 54/2001/QĐ/BNN - TY ngày 11 tháng 5 năm 2001 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Ban hành quy định về phòng chống bệnh lở mồm long móng gia súc.

Điều 3. Cục trưởng Cục Thú y có nhiệm vụ hướng dẫn chi tiết việc thi hành bản quy định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thú y, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Công báo VPCP;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ NN & PTNT;
- Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Chi cục Thú y các tỉnh, thành phố;
- Lưu VT, PC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Bá Bổng

QUY ĐỊNH
VỀ PHÒNG CHỐNG BỆNH LỞ MỒM LONG MÓNG GIA SÚC

(Ban hành theo Quyết định số: 38/2006/QĐ-BNN ngày 16/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)

Chương 1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vị điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong lãnh thổ Việt Nam có hoạt động về chăn nuôi, buôn bán, giết mổ, vận chuyển, kinh doanh động vật và sản phẩm động vật cảm nhiễm đối với bệnh Lở mồm long móng (LMLM).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.Ổ dịch LMLM là nơi có một hoặc nhiều gia súc mắc bệnh LMLM.

2. Vùng dịch là một hoặc nhiều thôn, bản, ấp (sau đây gọi là thôn), xã, huyện có dịch.

3. Vùng khống chế (còn gọi là vùng bị dịch uy hiếp) là các xã tiếp giáp với xã có dịch và các thôn chưa có dịch trong xã đó; các xã tiếp giáp với đường biên giới của Việt Nam.

4. Vùng đệm là vùng tiếp giáp bên ngoài vùng khống chế trong phạm vi 5 km tính từ chu vi vùng khống chế.

5. Động vật cảm nhiễm đối với bệnh LMLM là các loài động vật có móng guốc chẵn như: trâu, bò, lợn, dê, cừu, hươu, nai...

6. Vùng nguy cơ cao là các thôn xung quanh chợ buôn bán gia súc và nơi giết mổ gia súc; các xã có điểm trung chuyển, tập kết gia súc; các thị trấn, thị tứ có đường quốc lộ đi qua.

Điều 3. Đặc điểm chung của bệnh Lở mồm long móng gia súc

1. Bệnh Lở mồm long móng gia súc là bệnh truyền nhiễm lây lan mạnh, gây ra bởi 7 týp vi rút: A, O, C, $Asia_1$, SAT_1, SAT_2, SAT_3 với hơn 60 phân týp. Ở khu vực Đông Nam Á thường thấy 3 type là O, A và $Asia_1$. Ở Việt Nam đã phát hiện týp O, týp A và $Asia_1$. Bệnh LMLM lây lan qua tiếp xúc giữa động vật khoẻ với động vật, sản phẩm động vật và thức ăn, nước uống, chất thải, dụng cụ, phương tiện vận chuyển... có mang mầm bệnh, lây lan qua đường hô hấp; bệnh lây lan từ vùng này sang vùng khác, lây từ nước này sang nước khác qua biên giới theo đường vận chuyển động vật, sản phẩm động vật ở dạng tươi sống (kể cả thịt ướp đông, da xương, sừng, móng, sữa..).

2. Động vật mắc bệnh LMLM là các loài móng guốc chẵn như: trâu, bò, lợn, dê, cừu, hươu, nai...

Thời kỳ ủ bệnh thường từ 2 - 5 ngày, nhiều nhất là 21 ngày. Khi bệnh có triệu chứng thì trong hai, ba ngày đầu sốt cao trên 40^0C, kém ăn hoặc bỏ ăn, miệng gia súc chảy nhiều nước bọt; bị viêm dạng mụn nước ở lợi, lưỡi, vành mũi, vành móng, kẽ móng, đầu vú. Khi mụn nước vỡ ra làm lở loét mồm và dễ làm long móng, nhất là ở lợn.

Sau khi phát bệnh 10 - 15 ngày, con vật có thể khỏi về triệu chứng lâm sàng nhưng mầm bệnh vẫn tồn tại trong con vật (3 - 4 tuần đối với lợn, 2 - 3 năm đối với trâu bò, 9 tháng đối với cừu, 4 tháng đối với dê) và thải mầm bệnh ra môi trường làm phát sinh và lây lan dịch bệnh.

Bệnh không có thuốc chữa đặc hiệu, chỉ có vắc xin phòng bệnh. Bệnh LMLM được Tổ chức Thú y thế giới (OIE) xếp đầu tiên ở bảng A (gồm các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm nhất cho chăn nuôi và hạn chế thương mại đối với động vật, sản phẩm động vật cũng như nông sản nói chung).

3. Vi rút LMLM dễ bị diệt bởi ánh nắng mặt trời, nhiệt độ cao (như đun sôi 100^0C), các chất có độ toan cao (pH £3) và các chất kiềm mạnh như xút (pH ³9). Vi rút sống nhiều ngày trong các chất thải hữu cơ ở chuồng nuôi, các chất có độ kiềm nhẹ (pH từ 7,2-7,8). Trong thịt ướp đông, vi rút tồn tại sau nhiều tháng.

Chương 2
PHÒNG BỆNH LỞ MỒM LONG MÓNG

Điều 4. Tuyên truyền bệnh LMLM và cách phòng chống

1. Cục Thú y xây dựng nội dung chương trình tuyên truyền phòng chống bệnh LMLM và hướng dẫn các Chi cục Thú y triển khai chương trình tuyên truyền ở địa phương.

2. Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo việc thực hiện thông tin tuyên truyền tại địa phương mình theo nội dung của các cơ quan thú y.

3. Các cơ quan thông tin đại chúng, cơ quan, đơn vị tổ chức tuyên truyền phổ biến kiến thức về tính chất nguy hiểm và biện pháp phòng chống bệnh LMLM tới từng hộ gia đình và cộng đồng.

4. Tuyên truyền, vận động người chăn nuôi trong từng thôn ký cam kết thực hiện "5 không":

a) Không giấu dịch;

b) Không mua gia súc mắc bệnh, sản phẩm gia súc mắc bệnh đưa về thôn;

c) Không bán chạy gia súc mắc bệnh;

d) Không thả rông, không tự vận chuyển gia súc bị mắc bệnh LMLM ra khỏi vùng dịch;

đ) Không vứt xác gia súc nghi mắc bệnh LMLM bừa bãi.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc giám sát phát hiện bệnh

1. Cục Thú y có trách nhiệm

a) Hướng dẫn các địa phương nội dung giám sát dịch bệnh;

b) Tập hợp số liệu dịch tễ từ các địa phương;

c) Phối hợp với Viện Thú y tổ chức chẩn đoán bệnh, giám sát sự lưu hành của vi rút; xây dựng bản đồ dịch tễ về bệnh LMLM hàng năm;

d) Tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát dịch bệnh trong cả nước.

2. Chi cục Thú y các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) có trách nhiệm

a) Thành lập tổ chuyên trách giám sát bệnh LMLM có ít nhất 2 cán bộ;

b) Hướng dẫn các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) triển khai các hoạt động điều tra, giám sát phát hiện dịch bệnh;

c) Tổ chức lấy mẫu để chẩn đoán theo hướng dẫn của Cục Thú y.

3. Thú y cấp huyện (Trạm Thú y) có trách nhiệm

a) Phân công cán bộ thường xuyên theo dõi giám sát phát hiện dịch bệnh;

b) Khi nhận được báo cáo gia súc nghi mắc bệnh LMLM, tiến hành xác minh ngay và báo cáo kịp thời lên cấp trên.

4. Ở cấp xã

a) Ủy ban nhân dân xã phân công nhân viên thú y theo dõi giám sát dịch bệnh tới tận thôn;

b) Có sổ, sách theo dõi đàn gia súc, diễn biến tình hình dịch bệnh, kết quả tiêm phòng ở các thôn;

c) Khi có chủ vật nuôi hoặc thú y tư nhân báo cáo có gia súc nghi mắc bệnh LMLM, nhân viên thú y kiểm tra ngay và báo cáo cho Trạm thú y cấp huyện.

5. Ở thôn

a) Trưởng thôn, thú y viên chịu trách nhiệm giám sát dịch bệnh LMLM đến tận hộ gia đình, cơ sở chăn nuôi trong thôn;

b) Thông báo tình hình dịch, báo cáo dịch bệnh lên xã.

6. Chủ vật nuôi

Khi nghi ngờ gia súc mắc bệnh, chủ vật nuôi phải báo ngay cho trưởng thôn hoặc nhân viên thú y.

Điều 6. Vệ sinh phòng bệnh

Các cơ sở chăn nuôi, các hộ chăn nuôi phải thực hiện các biện pháp để đảm bảo an toàn dịch bệnh, phòng dịch

1. Khu chăn nuôi

a) Phải có hàng rào, ranh giới để cách ly với bên ngoài, lối ra vào phải có hố sát trùng;

b) Thường xuyên thực hiện vệ sinh chuồng trại, bãi chăn thả, dụng cụ chăn nuôi, phương tiện vận chuyển; diệt loài gậm nhấm như chuột...

2. Con giống

Con giống đưa vào chăn nuôi phải khỏe mạnh, có nguồn gốc rõ ràng, đã được tiêm phòng bệnh LMLM, trước khi nhập đàn phải được nuôi cách ly 21 ngày.

3. Thức ăn, nước uống

a) Thức ăn chăn nuôi phải đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y, không gây hại cho động vật và người sử dụng sản phẩm động vật. Thức ăn tự chế, tận dụng phải được xử lý nhiệt (100^0C) trước khi cho động vật ăn;

b) Nước sử dụng trong chăn nuôi, chế biến thức ăn chăn nuôi phải bảo đảm vệ sinh thú y.

4. Hoá chất khử trùng

Có thể sử dụng một trong các loại hoá chất sau: xút 2%, formol 2%, crezin 5%, nước vôi 20% hoặc vôi bột và một số hoá chất khử trùng khác theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

5. Đối với con người

Người chăn nuôi, khách thăm quan, nhân viên thú y trước khi ra vào khu vực chăn nuôi phải được vệ sinh, khử trùng và sử dụng trang bị bảo hộ.

Điều 7. Tiêm vắc xin phòng bệnh

1. Vùng tiêm phòng

Vùng được tiêm vắc xin phòng bệnh bao gồm: vùng khống chế, vùng đệm, vùng có dịch xảy ra trong thời gian 2 năm gần đây, vùng có nguy cơ cao.

2. Đối tượng tiêm phòng

Đối tượng tiêm phòng bao gồm:

a) Trâu, bò, dê, cừu, hươu, nai, lợn nái, lợn đực giống trên địa bàn vùng tiêm phòng;

b) Tất cả động vật cảm nhiễm khi đưa ra khỏi tỉnh thì phải tiêm phòng kể cả động vật đó nằm ngoài vùng tiêm phòng qui định trên (phải sau khi tiêm 14 ngày hoặc đã được tiêm phòng và còn miễn dịch).

3. Thời gian tiêm phòng

a) Tiêm phòng hai lần trong một năm, lần thứ nhất cách lần thứ hai sáu tháng; lần thứ nhất tiêm vào tháng 3-4, lần thứ hai tiêm vào tháng 9-10;

b) Liều lượng, đường tiêm, quy trình sử dụng vắc xin theo hướng dẫn của Cục Thú y và nhà sản xuất.

4. Kinh phí tiêm phòng

Kinh phí tiêm phòng vắc xin phòng bệnh theo quy định của Chính phủ.

Điều 8. Kiểm dịch vận chuyển

1. Vận chuyển trong nước

a) Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập trạm, chốt kiểm dịch tạm thời tại đầu mối giao thông theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khi các tỉnh liền kề có dịch;

b) Tổ chức thu giữ, tiêu huỷ gia súc mắc bệnh hoặc gia súc vận chuyển vào tỉnh không có giấy chứng nhận kiểm dịch hợp lệ; chủ gia súc không được bồi thường và phải chịu xử phạt hành chính, chịu chi phí tiêu huỷ;

c) Cơ quan Thú y chịu trách nhiệm thực hiện việc kiểm dịch tại gốc và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định, nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Vận chuyển qua biên giới

a) Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các tỉnh biên giới chỉ đạo các cấp, các ngành tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn, xử lý động vật cảm nhiễm và sản phẩm của chúng nhập lậu vào trong nước;

b) Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập các chốt kiểm dịch tại các xã ở biên giới;

c) Khử trùng mọi phương tiện vận chuyển qua cửa khẩu.

Chương 3
CHỐNG DỊCH LỞ MỒM LONG MÓNG

Điều 9. Công bố dịch

1. Khi có đủ điều kiện công bố dịch theo quy định tại Điều 17 của Pháp lệnh Thú y thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công bố dịch.

2. Quy định về phạm vi công bố dịch như sau:

a) Dịch xuất hiện ở 1 thôn trở lên thì công bố xã có dịch;

b) Dịch xuất hiện ở 2 xã trở lên thì công bố huyện có dịch;

c) Dịch xuất hiện ở 2 huyện trở lên thì công bố tỉnh có dịch;

3. Cơ quan thú y có thẩm quyền thông báo kết quả xét nghiệm bệnh tại địa phương có dịch.

Điều 10. Xử lý ổ dịch

1. Cách ly và nuôi nhốt gia súc mắc bệnh

Chủ nuôi gia súc khi phát hiện gia súc nhiễm bệnh phải nuôi cách ly và báo ngay cho trưởng thôn hoặc nhân viên thú y.

2. Xác minh và chẩn đoán

Khi nhận được thông báo, trong phạm vi một ngày cán bộ thú y huyện phải tiến hành xác minh và lấy mẫu chẩn đoán bệnh.

3. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm

a) Chỉ đạo trưởng thôn và nhân viên thú y kiểm tra, giám sát chủ nuôi gia súc thực hiện cách ly gia súc mắc bệnh với gia súc khoẻ, nhốt trâu, bò, lợn, dê, cừu tại chuồng hoặc nơi cố định; giúp cán bộ thú y huyện lấy mẫu bệnh phẩm; thống kê số lượng, loài gia súc mắc bệnh, số hộ gia đình có gia súc mắc bệnh, tổng đàn gia súc cảm nhiễm trong thôn.

b) Lập chốt kiểm dịch động vật tạm thời trên các trục đường giao thông chính ra vào vùng dịch và vùng khống chế với sự tham gia của lực lượng thú y, công an, dân quân tự vệ... trực 24/24 giờ nhằm ngăn chặn không đưa động vật, sản phẩm động vật ra ngoài vùng dịch. Đặt biển báo khu vực có dịch, hướng dẫn tránh đi qua vùng dịch. Tổ chức phun khử trùng các phương tiện vận chuyển từ vùng dịch đi ra ngoài.

c) Thực hiện tiêu huỷ gia súc mắc bệnh trong vùng dịch

- Đối tượng tiêu huỷ

+ Tiêu huỷ bắt buộc toàn bộ số lợn, dê, cừu, hươu, nai trong cùng một ô chuồng nếu trong ô chuồng đó có con mắc bệnh với triệu chứng lâm sàng điển hình mà không phải chờ kết quả xét nghiệm. Trường hợp còn nghi ngờ phải nuôi cách ly chờ kết quả xét nghiệm, nếu kết quả dương tính thì tiêu huỷ. Việc tiêu huỷ gia súc bệnh phải thực hiện theo hướng dẫn và giám sát của cơ quan thú y;

+ Tiêu huỷ bắt buộc trâu bò mắc bệnh trong các trường hợp sau:

* Trâu, bò mắc bệnh trong ổ dịch xuất hiện lần đầu tiên tại thôn;

* Trâu, bò mắc bệnh với týp vi rút LMLM mới hoặc týp vi rút đã lâu không xuất hiện trên địa bàn tỉnh.

+ Đối với trâu, bò không thuộc diện nêu trên thì khuyến khích tiêu huỷ hoặc có thể nuôi giữ nhưng phải quản lý chặt chẽ như sau:

* Đánh dấu bằng bấm tai và có sổ sách theo dõi theo hướng dẫn của Cục Thú y;

* Nuôi cách ly với đàn gia súc chưa mắc bệnh và theo dõi sức khoẻ thường xuyên, tăng cường chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng;

* Được giết mổ tiêu thụ tại xã theo hướng dẫn của thú y;

* Được phép vận chuyển ra khỏi xã để tiêu thụ sau hai năm tính từ ngày con vật khỏi triệu chứng lâm sàng.

- Cách tiêu huỷ

+ Đốt: đào hố, cho gia súc vào hố và đốt bằng củi, than, xăng, dầu. Sau đó lấp đất và nện chặt;

+ Chôn: đào hố có kích thước tuỳ theo số lượng gia súc cần tiêu huỷ, cho gia súc mắc bệnh xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc đổ vôi bột lên bề mặt gia súc và lấp đất. Khoảng cách từ bề mặt gia súc chôn đến mặt hố chôn tối thiểu là 1 mét, nện đất trên bề mặt thật chặt;

+ Địa điểm đốt, chôn được ghi vào sổ và trên bản đồ của xã để lưu giữ.

đ) Vệ sinh, tiêu độc khử trùng

- Tại ổ dịch

+ Vệ sinh cơ giới: Thu gom chất thải, phân rác ở nơi nuôi nhốt gia súc bị bệnh để đốt hoặc chôn; rửa nền chuồng, dụng cụ chăn nuôi bằng nước xà phòng. Công việc này do chủ gia súc thực hiện;

+ Vệ sinh hoá chất: Sau khi vệ sinh cơ giới, để khô và tiến hành phun hoá chất khử trùng thích hợp với từng đối tượng. Công việc này do đội chống dịch của xã thực hiện.

- Vùng xung quanh ổ dịch

+ Chủ chăn nuôi gia súc phải tổ chức vệ sinh cơ giới chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, tránh tiếp xúc với vùng có dịch;

+ Đội chống dịch của xã tổ chức phun thuốc khử trùng khu vực chăn nuôi, chuồng trại, rắc vôi bột ở đường làng, ngõ xóm.

e) Tiêm phòng vắc xin bao vây

- Tổ chức tiêm phòng vắc xin cho trâu, bò, dê, cừu, lợn nái, lợn đực giống ở vùng khống chế, tiêm từ ngoài vào trong. Sau khi tiêm được 14 ngày, tiến hành tiêm cho động vật cảm nhiễm ở vùng dịch nhưng không mắc bệnh; không tiêm cho gia súc đã khỏi triệu chứng lâm sàng (trong trường hợp không tiêu hủy).

- Huy động lực lượng tiêm phòng và hỗ trợ tiêm phòng; người trực tiếp tham gia tiêm phòng phải là nhân viên thú y hoặc người đã qua tập huấn.

- Chi Cục Thú y tỉnh hướng dẫn, quản lý và giám sát việc tiêm phòng.

4. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện được Uỷ ban nhân dân tỉnh uỷ quyền ra quyết định tiêu huỷ gia súc mắc bệnh dựa trên chính sách hỗ trợ của Chính phủ sau khi có đề nghị bằng văn bản của Chi cục Thú y.

5. Không được buôn bán gia súc cảm nhiễm với bệnh; không tổ chức triển lãm, tham quan, vui chơi trong vùng có dịch.

6. Chế độ báo cáo: trong thời gian có dịch, Ủy ban nhân dân cấp dưới có trách nhiệm báo cáo hàng ngày lên Ủy ban nhân dân cấp trên, cơ quan thú y cấp dưới có trách nhiệm báo cáo hàng ngày lên cơ quan thú y cấp trên cho đến khi có quyết định công bố hết dịch;

Ngay khi xảy ra dịch, Chi cục Thú y phải thông báo ngay cho Chi cục Thú y các tỉnh, thành phố lân cận biết để chủ động phòng, chống bệnh.

Điều 11. Kiểm soát vận chuyển

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo chính quyền địa phương các cấp, các ngành thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

1. Xác định thôn, xã, huyện có dịch để khoanh vùng ổ dịch và lập các chốt kiểm dịch tạm thời có người trực 24/24 giờ, có biển báo, hướng dẫn giao thông; ngăn cấm việc đưa gia súc và sản phẩm của chúng ra ngoài vùng dịch. Tại các chốt này phải có phương tiện và chất sát trùng để xử lý mọi đối tượng ra khỏi vùng dịch;

2. Không được vận chuyển gia súc cảm nhiễm với bệnh LMLM và sản phẩm của chúng ra khỏi vùng dịch và vùng khống chế;

3. Gia súc khỏe mạnh, không mang mầm bệnh trong vùng đệm thì được phép lưu thông trong phạm vi tỉnh.

Điều 12. Công bố hết dịch

Khi có đủ điều kiện công bố hết dịch theo quy định tại Điều 21 của Pháp lệnh Thú y thì Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công bố hết dịch.

Chương 4

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương trong phòng chống bệnh LMLM

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia khống chế và thanh toán bệnh LMLM qua các giai đoạn và chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Chương trình trong phạm vi cả nước;

b) Chủ trì phối hợp với các Bộ, Ngành liên quan trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các chính sách liên quan đến công tác phòng chống bệnh LMLM;

c) Thành lập Ban chỉ đạo phòng chống bệnh LMLM của Bộ.

2. Các Bộ, Ngành có liên quan

Thực hiện các nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ phân công và phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhằm tập trung nguồn lực phục vụ phòng chống bệnh LMLM.

3. Cục Thú y

a) Tham mưu cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc xây dựng chương trình quốc gia khống chế và thanh toán bệnh LMLM và các chính sách liên quan;

b) Xây dựng kế hoạch phòng chống bệnh LMLM hàng năm và triển khai tổ chức thực hiện, thanh tra, kiểm tra trên phạm vi toàn quốc;

c) Hướng dẫn các biện pháp phòng chống dịch bệnh LMLM.

Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương trong phòng, chống bệnh LMLM

1. Cấp tỉnh

a) Uỷ ban nhân dân tỉnh

- Thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch LMLM của tỉnh do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng Ban, lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Phó Trưởng ban;

- Phê duyệt và chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình khống chế và thanh toán bệnh LMLM của tỉnh, kế hoạch hàng năm và kiểm tra việc thực hiện của các cấp, ngành thuộc tỉnh;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố dịch, công bố hết dịch LMLM trên địa bàn của tỉnh;

- Cấp kinh phí cho công tác phòng chống dịch từ quỹ phòng chống thiên tai và ngân sách địa phương.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng chương trình khống chế và thanh toán bệnh LMLM của tỉnh và kế hoạch hàng năm trên cơ sở Chương trình quốc gia;

- Tổ chức thực hiện và kiểm tra công tác phòng chống bệnh của tỉnh.

c) Chi cục Thú y

- Trực tiếp chỉ đạo tổ chức triển khai và kiểm tra công tác phòng chống bệnh LMLM trên địa bàn tỉnh;

- Hướng dẫn chuyên môn về các biện pháp phòng chống bệnh LMLM.

2. Cấp huyện

a) Uỷ ban nhân dân huyện

- Thành lập Ban chỉ đạo phòng chống bệnh LMLM huyện do Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Uỷ ban nhân dân làm trưởng ban, Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế (hoặc Trạm Thú y huyện) làm Phó Trưởng ban;

- Phối hợp với Chi cục Thú y tỉnh chỉ đạo Trạm Thú y huyện, các Ban, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan ở địa phương thực hiện các biện pháp phòng chống bệnh LMLM trên địa bàn huyện.

- Huy động lực lượng phục vụ công tác phòng chống bệnh đặc biệt công tác tiêm phòng, tiêu hủy gia súc mắc bệnh và vận chuyển gia súc ra vào địa bàn;

- Cấp ngân sách địa phương cho công tác phòng chống dịch của huyện.

b) Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế, Trạm Thú y

- Trực tiếp tổ chức thực hiện công tác phòng chống dịch tại huyện;

- Hướng dẫn kỹ thuật các biện pháp phòng chống đến tận xã, thôn;

- Báo cáo kịp thời nhu cầu về kinh phí, vật tư hóa chất, vắc xin, lao động, v.v... cho Ủy ban nhân dân huyện và Chi cục Thú y tỉnh.

3. Cấp xã

a) Ủy ban nhân dân xã

- Thành lập Ban chỉ đạo phòng chống bệnh LMLM xã do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân làm Trưởng ban với sự tham gia của cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và cán bộ thú y, nông nghiệp;

- Bố trí tổ chuyên môn để hướng dẫn kỹ thuật, thường trực và tổng hợp tình hình dịch bệnh;

- Chỉ đạo trưởng thôn trực tiếp kiểm tra, giám sát tình hình dịch bệnh; phối hợp với các tổ chức đoàn thể quần chúng (Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và các tổ chức đoàn thể khác) vận động nhân dân giám sát và thực hiện các biện pháp phòng chống dịch. Mỗi thôn tổ chức ký cam kết thực hiện "5 không";

- Thành lập đội xung kích chống dịch, gồm dân quân tự vệ, thanh niên, cán bộ thú y, công an, để tiêu hủy gia súc bị bệnh, vệ sinh tiêu độc khử trùng, giám sát người ra vào ổ dịch, trực gác tại các chốt kiểm dịch động vật.

b) Nhân viên thú y xã

- Giám sát phát hiện bệnh LMLM đến tận hộ chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi trên địa bàn xã và báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân xã và Trạm Thú y huyện;

- Trực tiếp tham gia công tác phòng chống bệnh, trực tiếp tiêm phòng vắc xin;

- Trực tiếp tham gia trong giám sát kinh phí hỗ trợ phòng chống bệnh LMLM đến chủ chăn nuôi.

Điều 15. Trách nhiệm của chủ vật nuôi

1. Đảm bảo điều kiện chăn nuôi về địa điểm, chuồng trại, con giống, thức ăn, nước uống, vệ sinh, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về thú y;

2. Khi nghi ngờ gia súc mắc bệnh phải báo ngay cho nhân viên thú y hoặc Trưởng thôn;

3. Chấp hành nghiêm chỉnh các biện pháp phòng chống bệnh LMLM theo Quy định này.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
********	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	********
Số: 05/2007/QĐ-BNN	*Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2007*

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC SỬA ĐỔI QUYẾT ĐỊNH SỐ 38/2006/QĐ-BNN NGÀY 16/5/2006 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY ĐỊNH PHÒNG CHỐNG BỆNH LỞ MỒM LONG MÓNG GIA SÚC

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 29 tháng 4 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12 tháng 11 năm 1996; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thú y,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Sửa đổi Điều 9, điểm b, c khoản 3, khoản 5 Điều 10 và Điều 11 của quy định về phòng chống bệnh Lở mồm long móng gia súc ban hành kèm theo Quyết định số 38/2006/QĐ-BNN ngày 16/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau:

"Điều 9. Công bố dịch

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công bố xã có dịch khi dịch xuất hiện ở 1 thôn trở lên và có đủ điều kiện công bố dịch theo quy định tại Điều 17 của Pháp lệnh Thú y.

2. Cơ quan thú y có thẩm quyền thông báo kết quả xét nghiệm bệnh tại xã có dịch.

Điều 10. Xử lý ổ dịch

1. Cách ly và nuôi nhốt gia súc mắc bệnh

Chủ nuôi gia súc khi phát hiện gia súc nhiễm bệnh phải nuôi cách ly và báo ngay cho trưởng thôn hoặc nhân viên thú y.

2. Xác minh và chẩn đoán

Khi nhận được thông báo, trong phạm vi một ngày cán bộ thú y huyện phải tiến hành xác minh và lấy mẫu chẩn đoán bệnh.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm

a) Chỉ đạo trưởng thôn và nhân viên thú y kiểm tra, giám sát chủ nuôi gia súc thực hiện cách ly gia súc mắc bệnh với gia súc khỏe, nhốt trâu, bò, lợn, dê, cừu tại chuồng hoặc nơi cố định; giúp cán bộ thú y huyện lấy mẫu bệnh phẩm; thống kê số lượng, loài gia súc mắc bệnh, số hộ gia đình có gia súc mắc bệnh, tổng đàn gia súc cảm nhiễm trong thôn.

b) Lập chốt kiểm dịch động vật tạm thời trên các trục đường giao thông chính ra vào xã có dịch và vùng khống chế với sự tham gia của lực lượng thú y, công an, dân quân tự vệ... trực 24/24 giờ

nhằm ngăn chặn không đưa gia súc, sản phẩm gia súc ra ngoài xã có dịch. Đặt biển báo khu vực có dịch, hướng dẫn tránh đi qua xã có dịch. Tổ chức phun khử trùng các phương tiện vận chuyển từ xã có dịch đi ra ngoài.

c) Thực hiện tiêu hủy gia súc mắc bệnh trong xã có dịch

- Đối tượng tiêu hủy

+ Tiêu hủy bắt buộc toàn bộ số lợn, dê, cừu, hươu, nai trong cùng một ô chuồng nếu trong ô chuồng đó có con mắc bệnh với triệu chứng lâm sàng điển hình mà không phải chờ kết quả xét nghiệm. Trường hợp còn nghi ngờ phải nuôi cách ly chờ kết quả xét nghiệm, nếu kết quả dương tính thì tiêu hủy. Việc tiêu hủy gia súc bệnh phải thực hiện theo hướng dẫn và giám sát của cơ quan thú y;

+ Tiêu hủy bắt buộc trâu bò mắc bệnh trong các trường hợp sau:

* Trâu, bò mắc bệnh trong ổ dịch xuất hiện lần đầu tiên tại thôn;

* Trâu, bò mắc bệnh với týp vi rút LMLM mới hoặc týp vi rút đã lâu không xuất hiện trên địa bàn tỉnh.

+ Đối với trâu, bò không thuộc diện nêu trên thì khuyến khích tiêu hủy hoặc có thể nuôi giữ nhưng phải quản lý chặt chẽ như sau:

* Đánh dấu và có sổ sách theo dõi theo hướng dẫn của Cục Thú y;

* Nuôi cách ly với đàn gia súc chưa mắc bệnh và theo dõi sức khỏe thường xuyên, tăng cường chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng;

* Được giết mổ tiêu thụ tại xã theo hướng dẫn của thú y;

* Được phép vận chuyển ra khỏi xã để tiêu thụ sau hai năm tính từ ngày con vật khỏi triệu chứng lâm sàng.

- Cách tiêu hủy

+ Đốt: đào hố, cho gia súc vào hố và đốt bằng củi, than, xăng, dầu. Sau đó lấp đất và nện chặt;

+ Chôn: đào hố có kích thước tùy theo số lượng gia súc cần tiêu hủy, cho gia súc mắc bệnh xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc đổ vôi bột lên bề mặt gia súc và lấp đất. Khoảng cách từ bề mặt gia súc chôn đến mặt hố chôn tối thiểu là 1 mét, nện đất trên bề mặt thật chặt;

+ Địa điểm đốt, chôn được ghi vào sổ và trên bản đồ của xã để lưu giữ.

đ) Vệ sinh, tiêu độc khử trùng

- Tại ổ dịch

+ Vệ sinh cơ giới: Thu gom chất thải, phân rác ở nơi nuôi nhốt gia súc bị bệnh để đốt hoặc chôn; rửa nền chuồng, dụng cụ chăn nuôi bằng nước xà phòng. Công việc này do chủ gia súc thực hiện;

+ Vệ sinh hóa chất: Sau khi vệ sinh cơ giới, để khô và tiến hành phun hóa chất khử trùng thích hợp với từng đối tượng. Công việc này do đội chống dịch của xã thực hiện.

- Vùng xung quanh ổ dịch

+ Chủ chăn nuôi gia súc phải tổ chức vệ sinh cơ giới chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, tránh tiếp xúc với vùng có dịch;

+ Đội chống dịch của xã tổ chức phun thuốc khử trùng khu vực chăn nuôi, chuồng trại, rắc vôi bột ở đường làng, ngõ xóm.

e) Tiêm phòng vắc xin bao vây

- Tổ chức tiêm phòng vắc xin cho trâu, bò, dê, cừu, lợn nái, lợn đực giống ở vùng khống chế, tiêm từ ngoài vào trong. Sau khi tiêm được 14 ngày, tiến hành tiêm cho động vật cảm nhiễm ở vùng

dịch nhưng không mắc bệnh; không tiêm cho gia súc đã khỏi triệu chứng lâm sàng (trong trường hợp không tiêu hủy).

- Huy động lực lượng tiêm phòng và hỗ trợ tiêm phòng; người trực tiếp tham gia tiêm phòng phải là nhân viên thú y hoặc người đã qua tập huấn.

- Chi cục Thú y tỉnh hướng dẫn, quản lý và giám sát việc tiêm phòng.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền ra quyết định tiêu hủy gia súc mắc bệnh dựa trên chính sách hỗ trợ của Chính phủ sau khi có đề nghị bằng văn bản của Chi cục Thú y.

5. Không được buôn bán gia súc, sản phẩm gia súc cảm nhiễm với bệnh; không tổ chức triển lãm, tham quan, vui chơi trong xã có dịch.

6. Chế độ báo cáo: trong thời gian có dịch, Ủy ban nhân dân cấp dưới có trách nhiệm báo cáo hàng ngày lên Ủy ban nhân dân cấp trên, cơ quan thú y cấp dưới có trách nhiệm báo cáo hàng ngày lên cơ quan thú y cấp trên cho đến khi có quyết định công bố hết dịch;

Ngay khi xảy ra dịch, Chi cục Thú y phải thông báo ngay cho Chi cục Thú y các tỉnh, thành phố lân cận biết để chủ động phòng, chống bệnh.

Điều 11. Kiểm soát vận chuyển

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo chính quyền địa phương các cấp, các ngành thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

1. Xác định thôn, xã, huyện có dịch để khoanh vùng ổ dịch và lập các chốt kiểm dịch tạm thời có người trực 24/24 giờ, có biển báo, hướng dẫn giao thông; ngăn cấm việc đưa gia súc và sản phẩm của chúng ra ngoài xã có dịch. Tại các chốt này phải có phương tiện và chất sát trùng để xử lý mọi đối tượng ra khỏi xã có dịch;

2. Không được vận chuyển gia súc cảm nhiễm với bệnh LMLM và sản phẩm của chúng ra khỏi xã có dịch.

3. Gia súc không mắc bệnh, sản phẩm gia súc được lấy từ gia súc không mắc bệnh LMLM được phép vận chuyển trong các trường hợp sau:

a) Gia súc, sản phẩm gia súc tại các xã thuộc vùng khống chế được phép vận chuyển để tiêu thụ trong phạm vi huyện.

b) Vận chuyển để tiêu thụ trong phạm vi tỉnh:

- Gia súc, sản phẩm gia súc tại vùng đệm;

- Gia súc, sản phẩm gia súc của cơ sở chăn nuôi được công nhận an toàn dịch bệnh LMLM tại vùng khống chế.

c) Vận chuyển ra khỏi tỉnh để tiêu thụ:

- Gia súc, sản phẩm gia súc ngoài vùng đệm;

- Gia súc, sản phẩm gia súc của cơ sở chăn nuôi được công nhận an toàn dịch bệnh LMLM tại vùng đệm".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Cục trưởng Cục Thú y, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Cao Đức Phát

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
********	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	********
Số: 04/2011/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2011*

THÔNG TƯ

HƯỚNG DẪN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG BỆNH DỊCH TẢ LỢN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 29 tháng 4 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 33 /2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống bệnh dịch tả lợn, cụ thể như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về phòng bệnh, chống bệnh dịch tả lợn và trách nhiệm của các cơ quan, chính quyền địa phương, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống bệnh dịch tả lợn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có hoạt động chăn nuôi lợn; vận chuyển, giết mổ, buôn bán lợn và các sản phẩm có nguồn gốc từ lợn; động vật khác cảm nhiễm với bệnh dịch tả lợn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Lợn mang trùng: Là trường hợp lợn mang mầm bệnh, nhưng không có biểu hiện triệu chứng lâm sàng của bệnh.

2. Ca bệnh dịch tả lợn: Là các trường hợp lợn nhiễm vi rút dịch tả lợn và phát thành bệnh với các triệu chứng lâm sàng và bệnh tích mổ khám bộc lộ rõ, có thể phát hiện thấy bằng mắt thường.

3. Ổ dịch tả lợn: Là sự xuất hiện của một hoặc nhiều ca bệnh dịch tả lợn ở địa bàn một trang trại chăn nuôi hoặc một thôn, ấp.

4. Vùng có dịch tả lợn: Là vùng có nhiều ổ dịch dịch tả lợn đã được cơ quan thú y có thẩm quyền xác định.

Điều 4. Giới thiệu chung về bệnh dịch tả lợn

1. Khái nhiệm bệnh: Bệnh dịch tả lợn (Classical Swine Fever) là bệnh truyền nhiễm của loài lợn, gây ra bởi một loại vi rút có cấu trúc ARN thuộc giống Pesti vi rút, họ Flaviridae. Bệnh chỉ xảy ra ở loài lợn (kể cả lợn nhà và lợn rừng) với các thể cấp tính, á cấp tính, mạn tính hoặc dạng không điển hình. Mức độ trầm trọng của bệnh tùy thuộc vào độc lực của vi rút, tuổi của động vật mẫn cảm và thời gian nhiễm bệnh. Lợn trưởng thành thường bị bệnh ít trầm trọng hơn và cũng có nhiều cơ hội phục

hồi hơn so với lợn con. Bệnh dịch tả lợn có tốc độ lây lan rất nhanh và tỷ lệ chết đến 90% và thường ghép với bệnh khác như bệnh Phó thương hàn, Tụ huyết trùng, Đóng dấu lợn, bệnh do Mycoplasma.

Bệnh dịch tả lợn được phát hiện lần đầu tiên năm 1810 ở Tennessce, ổ dịch đầu tiên được ghi nhận tại bang Ohio Mỹ năm 1833, đến nay đã xuất hiện ở nhiều nước trên thế giới. Hiện nay, bệnh dịch tả lợn vẫn là mối đe dọa nguy hiểm cho ngành chăn nuôi lợn ở nhiều nước trên thế giới.

Ở nước ta, bệnh dịch tả lợn được phát hiện vào các năm 1923 – 1924, đến nay vẫn tồn tại phổ biến ở một số nơi. Từ những năm 1980, với việc tiêm phòng vắc xin gây miễn dịch cho đàn lợn đã khống chế được các đợt dịch lớn. Tuy nhiên, cho đến nay bệnh vẫn tồn tại và xảy ra rải rác ở những nơi có lợn không được tiêm phòng hoặc tiêm phòng không đúng kỹ thuật. Hiện nay, bệnh vẫn là mối đe doạ lớn đối với ngành chăn nuôi lợn, gây khó khăn cho việc chăn nuôi hàng hoá và xuất khẩu.

Bệnh dịch tả lợn ở nước ta xảy ra quanh năm, tuy nhiên do thời tiết thay đổi (thể hiện rõ ở miền Bắc) và do biến động của đàn lợn trong năm nên bệnh có lúc tăng lúc giảm. Ngoài ra, bệnh dịch tả lợn còn phụ thuộc rất nhiều vào tỷ lệ tiêm phòng, lợn lớn đã có miễn dịch bị giết mổ, lợn con thay đàn bổ sung vào chưa kịp tiêm phòng làm cho tỷ lệ lợn mẫn cảm trong đàn tăng lên. Việc tiêm phòng theo mùa vụ và tiêm phòng bổ sung thường xuyên góp phần ổn định và hạn chế dịch bệnh rất nhiều, nhưng trong sản xuất thực tế do nhiều lý do nên việc tiêm phòng chưa thực hiện đúng quy định, vì vậy dịch tả lợn vẫn xảy ra vào các tháng trong năm.

2. Tác nhân gây bệnh dịch tả lợn: do vi rút (Tortoi suis) thuộc họ Flaviridae, giống Pesti vi rút, có quan hệ mật thiết với vi rút gây bệnh tiêu chảy ở bò và vi rút gây bệnh Border ở cừu. Cho đến nay chỉ có một serotype của vi rút DTL đã được xác định.

Vi rút DTL có sức đề kháng yếu, mặc dù có khả năng tồn tại lâu ở ngoại cảnh (trong phân gia súc vi rút có thể sống sót trong vài ngày, sống lâu ở các sản phẩm thịt, thịt lợn đông lạnh và chính những sản phẩm này là nguồn gieo rắc bệnh nguy hiểm về mặt dịch tễ học), tuy nhiên vi rút dễ bị tiêu diệt bởi các chất sát trùng thông thường như xút (NaOH) 2%, nước vôi 5%. Ở nhiệt độ cao vi rút bị tiêu diệt nhanh.

Vi rút dịch tả lợn có thể sống vài tháng đến vài năm trong thịt đông lạnh. Thông qua con đường thương mại, vận chuyển, vi rút có trong các sản phẩm của lợn có thể du nhập vào các nước hoặc các vùng đang an toàn dịch. Lợn mẫn cảm có thể nhiễm khi ăn phải thức ăn có chứa vi rút như các thành phần phụ phẩm của quá trình giết mổ hoặc thức ăn thừa, chất thải từ nhà bếp không qua xử lý.

3. Nguồn bệnh và quá trình truyền lây của dịch tả lợn

a) Loài mắc bệnh: Bệnh dịch tả lợn có ở mọi lứa tuổi, loài lợn, nhưng mắc mạnh nhất là lợn con 2-3 tháng tuổi, ở lợn dưới 2 tháng, kháng thể được truyền qua bào thai của mẹ, qua sữa đầu. Vì vậy, thời kỳ này ít bị nhiễm bệnh hơn. Trong phòng thí nghiệm dùng lợn con làm động vật thí nghiệm.

b) Chất chứa Vi rút: Các chất bài tiết, dịch tiết, máu, hạch lâm ba, lách lợn bệnh có chứa vi rút. Máu của những con vật nung bệnh, sau 24 giờ có khả năng gây bệnh. Những con khỏi bệnh sau 2 tháng vẫn bài thải mầm bệnh ra ngoài.

c) Đường truyền lây: Vi rút xâm nhập chủ yếu qua đường tiêu hóa, qua niêm mạc, qua vết thương ở da và một phần qua hệ thống hô hấp. Thường lây trực tiếp từ con ốm sang con khoẻ, qua thức ăn, nước uống, gián tiếp qua các chất bài tiết, dụng cụ chăn nuôi, phương tiện vận chuyển hay do các động vật khác mang mầm bệnh truyền lây.

4. Triệu chứng, bệnh tích của bệnh dịch tả lợn

a) Triệu chứng:

Thời gian nung bệnh từ 3-7 ngày và bệnh có thể xuất hiện ở một trong 3 thể:

Thể quá cấp tính (còn gọi là bệnh dịch tả lợn trắng): Bệnh xuất hiện đột ngột, không có triệu chứng ban đầu (tiền chứng), con vật ủ rũ, bỏ ăn, sốt cao 41-42^{0}C, con vật giẫy giụa rồi chết nhanh trong vòng 24-48 giờ. Diễn biến trong vòng 1-2 ngày, tỷ lệ chết tới 100%.

Thể cấp tính: Lợn ủ rũ, kém ăn, rồi bỏ ăn, sốt cao 41-42^{0}C kéo dài đến lúc gần chết, mắt viêm đỏ có dử, chảy nước mũi, miệng có loét phủ nhựa vàng ở lợi, chân răng, hầu; lợn thường bị ói mửa, thở khó, nhịp thở rối loạn. Lúc đầu táo bón sau đó tiêu chảy phân bết vào mông, đuôi mùi thối khắm có khi có máu tươi. Trên da có nhiều điểm xuất huyết lấm tấm ở tai, mõm, bụng và 4 chân. Vào cuối kỳ bệnh, lợn bị bại 2 chân sau đi loạng choạng hoặc không đi được. Nếu ghép với các bệnh khác thì các triệu chứng trên trầm trọng hơn.

Thể mãn tính: Lợn tiêu chảy gầy yếu, lợn bệnh chết do kiệt sức, lợn có thể khỏi bệnh nhưng vẫn mang vi rút.

b) Bệnh tích:

Mổ khám bệnh tích ở thể cấp tính thấy có sự bại huyết, xuất huyết nặng ở các cơ quan nội tạng, amidan xuất huyết, có nốt loét ở đường tiêu hóa, niêm mạc miệng, lưỡi tụ máu, loét, dạ dày bị tụ huyết, xuất huyết thường nặng ở đường cong lớn, ở van hồi manh tràng xuất huyết có những vết loét hình cúc áo, có vòng tròn đồng tâm bờ vết loét cao phủ nhựa vàng. Phổi bị xuất huyết và tụ huyết. Tim bị xuất huyết ở mỡ vành tim, ở ngoại tâm mạc, gan bị tụ huyết xuất huyết, túi mật có những điểm xuất huyết. Lách có hiện tượng nhồi huyết ở rìa làm cho lách có hình răng cưa, thận có nhiều điểm xuất huyết lấm tấm như đầu ghim ở vỏ thận và tủy thận, bể thận ứ máu hoặc có cục máu, niêm mạc bàng quang bị tụ huyết, xuất huyết.

Trong trường hợp bệnh mãn tính thường thấy ở ruột có những vết loét lõm sâu, bờ cao phủ nhựa vàng, phổi có thể bị viêm dính vào lồng ngực.

Tuy nhiên, thực tế ở nước ta cho thấy bệnh thường ghép với một số bệnh khác nên triệu chứng và bệnh tích có thay đổi tùy theo ghép với bệnh nào. Mặt khác, do đã tổ chức tiêm phòng vắc xin nhiều năm, nên nhiều trường hợp không phát hiện đầy đủ các bệnh tích điển hình nêu trên.

Chương II

PHÒNG BỆNH

Điều 5. Tuyên truyền phòng, chống bệnh dịch tả lợn

1. Cục Thú y xây dựng nội dung và tổ chức thực hiện chương trình tuyên truyền phòng, chống bệnh dịch tả lợn. Hướng dẫn Chi cục Thú y tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Chi cục Thú y) triển khai chương trình truyền thông ở địa phương.

2. Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các tổ chức đoàn thể thực hiện thông tin tuyên truyền tại địa phương theo nội dung tuyên truyền của cơ quan thú y.

3. Các cơ quan thông tin đại chúng, cơ quan chuyên môn và các tổ chức đoàn thể thực hiện tuyên truyền phổ biến kiến thức về bệnh dịch tả lợn, tính chất nguy hiểm của bệnh và các biện pháp phòng chống tới người chăn nuôi, người buôn bán, giết mổ, vận chuyển, tiêu thụ trong từng thôn, xóm, xã, phường và thị trấn. Công tác thông tin tuyên truyền phải thực hiện thường xuyên,

liên tục, đầy đủ để giúp người chăn nuôi hiểu đúng, đầy đủ và chủ động thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh, bao gồm:

a) Áp dụng các biện pháp an toàn sinh học trong chăn nuôi;

b) Con giống đảm bảo rõ nguồn gốc, đạt tiêu chuẩn chất lượng; được tiêm phòng đầy đủ vắc xin phòng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm theo quy định;

c) Tuyên truyền để người dân cam kết thực hiện "3 không": không dấu khi lợn mắc bệnh, không bán chạy lợn bệnh, không vứt lợn chết bừa bãi.

d) Tuyên truyền để người chăn nuôi từng bước thay đổi phương thức chăn nuôi, chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi theo hướng quy mô trang trại tập trung, công nghiệp, áp dụng các biện pháp an toàn sinh học.

Điều 6. Áp dụng chăn nuôi theo phương pháp an toàn sinh học

1. Người chăn nuôi phải thực hiện các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học như sau:

a) Vệ sinh, tiêu độc khử trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi thường xuyên: mùa hè hàng ngày cọ rửa chuồng, máng ăn, máng uống.

b) Sau khi xuất bán lợn, phải tổng tẩy uế, phun khử trùng tiêu độc chuồng trại, môi trường và để trống chuồng từ 5-7 ngày.

c) Lợn mới mua về phải nhốt riêng ít nhất 7 ngày để theo dõi lâm sàng cho đến khi chắc chắn lợn không có bệnh mới được nhập nuôi chung với đàn lợn cũ đang có.

d) Chăm sóc nuôi dưỡng tốt, hạn chế khách tham quan.

2. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo các ban, ngành hữu quan, tổ chức, cá nhân chăn nuôi lợn tại địa phương thực hiện theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN ngày 04/6/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh.

Điều 7. Phòng bệnh bằng vắc xin

1. Chủ vật nuôi phải thực hiện việc tiêm phòng bắt buộc theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BNN ngày 13/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về tiêm phòng bắt buộc vắc xin cho gia súc, gia cầm.

2. Tiêm phòng bệnh dịch tả lợn phải được thực hiện định kỳ mỗi năm 2 lần vào tháng 3-4 và tháng 9-10. Tiêm phòng bổ sung đối với lợn mới sinh, lợn chưa được tiêm trong thời gian tiêm định kỳ, tiêm nhắc lại đối với lợn hết thời gian miễn dịch. Việc sử dụng vắc xin phải theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

3. Tiêm phòng bệnh dịch tả lợn phải thực hiện như sau:

a) Đối với lợn con sinh ra từ lợn mẹ đã được tiêm phòng: tiêm cho lợn con từ 35 - 45 ngày tuổi;

b) Đối với lợn con sinh ra từ lợn mẹ chưa được tiêm phòng: Có thể tiêm cho lợn con 7 ngày tuổi, sau 3 tuần sau tiêm nhắc lại hoặc tiêm cho lợn con 14 ngày tuổi, sau 2 tuần sau tiêm nhắc lại.

c) Đối với lợn nái mang thai: tiêm phòng trong thời gian mang thai từ 30 - 85 ngày mang thai;

4. Các cơ sở chăn nuôi lợn giống, cơ sở chăn nuôi lợn quy mô tập trung (số lượng lợn nuôi từ 200 con trở lên) phải thực hiện giám sát huyết thanh sau tiêm phòng để bảo đảm đàn lợn được tiêm phòng có miễn dịch bảo hộ.

Điều 8. Thực hiện chủ động giám sát, phát hiện bệnh

1. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi lợn phải thực hiện giám sát lâm sàng đối với đàn lợn để chủ động phát hiện bệnh kịp thời: quan sát, phát hiện những triệu chứng lâm sàng, bệnh tích điển hình của lợn bệnh, lợn chết, những đặc điểm về dịch tễ học.

2. Cơ sở chăn nuôi lợn giống phải thực hiện giám sát sự lưu hành của vi rút dịch tả lợn, như sau:

a) Định kỳ kiểm tra huyết thanh để xác định trạng thái mang trùng ở lợn nái và lợn đực giống.

b) Khi phát hiện lợn nái và lợn đực giống mang trùng, phải thực hiện giết mổ bắt buộc dưới sự giám sát chặt chẽ của Cơ quan Thú y.

Điều 9. Kiểm dịch và kiểm soát vận chuyển

1. Chi cục Thú y thực hiện kiểm dịch lợn tại nơi xuất phát và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định đối với đàn lợn khỏe mạnh, đã được tiêm phòng vắc xin dịch tả lợn và còn thời gian miễn dịch bảo hộ.

2. Các trạm, chốt kiểm dịch động vật tại các đầu mối giao thông có nhiệm vụ kiểm soát, phát hiện vận chuyển lợn mắc bệnh, lợn từ vùng có dịch và xử lý các trường hợp vi phạm như sau:

a) Tiêu huỷ lợn mắc bệnh.

b) Buộc cách ly lợn có nguồn gốc từ vùng có dịch trong trường hợp không có giấy chứng nhận kiểm dịch để theo dõi. Nếu lợn sốt, có triệu chứng của bệnh dịch tả lợn thì thực hiện tiêu hủy.

c) Buộc chủ hàng thực hiện kiểm dịch đối với lợn khỏe mạnh, không có biểu hiện lâm sàng của bệnh nhưng không có giấy chứng nhận kiểm dịch.

d) Đối với lợn có giấy chứng nhận kiểm dịch nơi xuất phát nhưng không hợp lệ thì tạm giữ để chủ hàng bổ sung hồ sơ.

đ) Xử phạt nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Khi các tỉnh liền kề có dịch, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập trạm, chốt kiểm dịch tạm thời tại đầu mối giao thông theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để kiểm soát việc vận chuyển lợn.

4. Vận chuyển qua biên giới:

a) Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các tỉnh biên giới chỉ đạo các cấp, các ngành tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn, xử lý lợn nhập lậu;

b) Trạm kiểm dịch biên giới thường xuyên thực hiện khử trùng, tiêu độc mọi phương tiện vận chuyển qua cửa khẩu.

5. Chi cục Thú y phải kiểm soát lợn nhập vào tỉnh và xử lý nghiêm theo quy định đối với các trường hợp vi phạm, cụ thể: lợn nhập vào tỉnh không có giấy kiểm dịch; chưa tiêm phòng vắc xin dịch tả lợn; lợn không rõ nguồn gốc.

6. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về kiểm dịch vận chuyển bị xử phạt vi phạm hành chính và phải chịu mọi chi phí cho việc kiểm dịch, xử lý tiêu huỷ lợn.

Chương III

CHỐNG DỊCH

Điều 10. Khai báo và xử lý đối với ổ dịch đầu tiên

1. Chủ vật nuôi khi phát hiện lợn có triệu chứng lâm sàng của bệnh dịch tả lợn như: sốt cao, bỏ ăn hoặc ăn ít, mắt có ghèn, vùng da mỏng xuất huyết lấm chấm như muỗi đốt thì phải khai báo ngay với cơ quan thú y nơi gần nhất hoặc nhân viên thú y xã hoặc trưởng thôn, ấp; đồng thời cách ly ngay lợn mắc bệnh ra khu vực khác.

2. Khi nhận được thông báo nghi có lợn mắc bệnh dịch tả lợn, cán bộ thú y cơ sở phải báo cáo ngay với Trạm Thú y huyện bằng điện thoại, sau đó phải báo cáo bằng văn bản ghi rõ tên, địa chỉ chủ vật nuôi và các nội dung khác có liên quan gửi cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và cơ quan thú y cấp trên trực tiếp.

3. Trạm Thú y huyện: trong vòng 24 giờ sau khi nhận được thông báo của cán bộ thú y cơ sở hoặc chủ vật nuôi, phải cử cán bộ đến kiểm tra, xác minh và hướng dẫn chủ vật nuôi các biện pháp cách ly lợn mắc bệnh, vệ sinh, khử trùng tiêu độc.

4. Trạm Thú y huyện lấy mẫu bệnh phẩm gửi xét nghiệm đối với những con vật đầu tiên mắc bệnh trong phạm vi huyện, đồng thời báo ngay cho cơ quan thú y cấp trên. Kỹ thuật lấy mẫu, bảo quản mẫu bệnh phẩm phải tuân thủ nghiêm ngặt hướng dẫn của Cục Thú y.

5. Trong trường hợp cần thiết, Chi cục Thú y đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện được ủy quyền ra quyết định tiêu hủy lợn trong ổ dịch mà không cần chờ kết quả xét nghiệm.

Điều 11. Chẩn đoán, xét nghiệm bệnh dịch tả lợn:

1. Lấy mẫu chẩn đoán: Yêu cầu lấy bệnh phẩm thích hợp, gửi phòng thí nghiệm để chẩn đoán. Việc chẩn đoán phải được thực hiện nhanh chóng, kịp thời để giúp phòng, chống bệnh có hiệu quả. Phương pháp lấy mẫu bệnh phẩm được quy định như sau:

a) Đối với lợn chết: Lấy mẫu tổ chức là các hạch lâm ba, thận, phổi, lách, amidan, lách... Kích thước mẫu tổ chức là: 1 × 1 × 0.5 cm.

b) Đối với lợn ốm:

Trường hợp bệnh chưa được 8 ngày: Lấy máu có chất chống đông (heparine, EDTA) khi con vật sốt cao 41^0C-42^0C để xét nghiệm vi rút.

Trường hợp bệnh đã được trên 8 ngày (lợn chưa tiêm phòng vắc xin dịch tả lợn): Máu đựng trong ống nghiệm khô hoặc xiranh chắt huyết thanh để xét nghiệm kháng thể kháng dịch tả lợn.

2. Bảo quản và gửi mẫu bệnh phẩm: Mẫu cần được gửi đến phòng thí nghiệm càng nhanh, càng tốt, chậm nhất là 03 ngày kể từ lúc lấy mẫu; mẫu được đựng trong lọ (dụng cụ chứa mẫu), bao gói, ghi chép thông tin mẫu, bảo quản ở nhiệt độ 4^0C. Gửi mẫu kèm theo phiếu gửi mẫu ghi đầy đủ thông tin.

3. Xét nghiệm, chẩn đoán:

a) Chẩn đoán dựa theo quy luật dịch, tính chất dịch tễ, triệu chứng, bệnh tích, chẩn đoán bằng trị liệu, chẩn đoán phân biệt với một số bệnh thường gặp và có khả năng nhầm lẫn với dịch tả lợn như: Đóng dấu lợn, Tụ huyết trùng, Phó thương hàn, Cúm lợn, Nhiệt thán ở lợn, Đậu lợn, Cảm nắng, Trúng độc, Suyễn...

b) Để xác định bệnh cần căn cứ vào kết quả xét nghiệm mẫu bệnh phẩm trong phòng thí

nghiệm. Một số phương pháp chẩn đoán trong phòng thí nghiệm như: soi kính hiển vi điện tử, tiêm động vật thí nghiệm, phản ứng trung hòa trên thỏ, chẩn đoán bằng kháng thể huỳnh quang, phản ứng kết tủa khuyếch tán trên thạch, phản ứng ngưng kết gián tiếp hồng cầu, ELISA, rRT-PCR.

Điều 12. Công bố dịch

1. Khi có đủ điều kiện công bố dịch theo quy định tại Điều 17 của Pháp lệnh Thú y thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công bố dịch đồng thời công bố vùng bị uy hiếp, vùng đệm và áp dụng các biện pháp phòng bệnh theo quy định của pháp luật.

2. Phạm vi công bố dịch được quy định như sau:

a) Dịch xuất hiện trên địa bàn xã thì công bố xã có dịch;

b) Dịch xuất hiện ở 1/2 số xã trở lên thì công bố dịch toàn huyện;

c) Dịch xuất hiện ở 1/2 số huyện trở lên thì công bố dịch toàn tỉnh.

Điều 13. Các biện pháp chống dịch

1. Đối với các địa phương lần đầu tiên có dịch tả lợn xuất hiện:

a) Khoanh vùng dịch: xã có dịch được xác định là vùng dịch; các xã tiếp giáp với xã có dịch được xác định là vùng bị dịch uy hiếp;.

b) Chủ tịch UBND huyện huy động các lực lượng thú y, công an, quản lý thị trường và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan lập các trạm kiểm dịch, chốt kiểm dịch ở các trục giao thông chính xung quanh vùng có dịch và vùng bị dịch uy hiếp theo uỷ quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Chủ tịch UBND cấp xã huy động các lực lượng thú y, công an, thanh niên xung kích, các tổ chức đoàn thể của địa phương tham gia chống dịch. Các biện pháp chống dịch cần tập trung vào những nội dung sau:

Giết mổ bắt buộc đối với lợn nghi mắc bệnh dịch tả lợn, bằng cách luộc chín thân thịt và tiêu hủy phủ tạng.

Cấm vận chuyển lợn mắc bệnh, sản phẩm chưa qua chế biến có nguồn gốc từ lợn, phân rác thải chăn nuôi ra khỏi vùng dịch, vùng bị dịch uy hiếp trong thời gian có dịch.

Đặt biển báo nơi có dịch tả lợn và hạn chế người không liên quan ra, vào vùng dịch; tiêu độc, khử trùng mọi phương tiện ra khỏi vùng có dịch.

Tiến hành kiểm tra toàn bộ các cơ sở chăn nuôi trong vùng dịch, vùng bị dịch uy hiếp nhằm phát hiện các trường hợp lợn bị bệnh; trong vòng 1-3 ngày tại phạm vi xã có dịch và các xã liền kề xung quanh cần lập danh sách thống kê các hộ, cơ sở chăn nuôi lợn và các hộ có lợn bị bệnh để giám sát.

Khẩn trương tiêm phòng vắc xin dịch tả lợn cho toàn bộ đàn lợn trong vùng dịch.

2. Đối với các địa phương đã từng có dịch tả lợn lưu hành, địa phương có dịch tả lợn lây lan ra diện rộng:

a) Đối với những đàn lợn chăn nuôi nhỏ lẻ, không áp dụng đầy đủ các biện pháp an toàn sinh học thì tiến hành giết mổ toàn đàn và xử lý chế biến chín để tiêu thụ tại chỗ có sự giám sát chặt chẽ của cơ quan thú y địa phương. Sau khi giết mổ cần phải thực hiện việc vệ sinh, tổng tẩy uế tiêu độc khử trùng nơi có lợn mắc bệnh, nơi giết mổ.

b) Đối với những cơ sở chăn nuôi có quy mô tập trung, theo hình thức công nghiệp, bán công nghiệp, các trang trại lớn có áp dụng được các biện pháp an toàn sinh học, thì xử lý như sau:

Tiêu huỷ ngay toàn bộ số lợn mới mắc bệnh, lợn mới chết vì bệnh, lợn bệnh có triệu chứng điển hình của bệnh dịch tả lợn; giết mổ bắt buộc đối với những lợn nuôi cùng ô chuồng với lợn bệnh.

Giết mổ tại chỗ những lợn bị bệnh nhẹ (sốt nhẹ, có các biểu hiện lâm sàng về hô hấp) hoặc lợn còn khoẻ mạnh, xử lý chế biến trước khi tiêu thụ nhằm tránh phát tán mầm bệnh. Trường hợp giết mổ nhiều lợn tại một thời điểm, cơ quan thú y địa phương tư vấn với chính quyền cơ sở chỉ định địa điểm giết mổ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, dễ tiêu độc khử trùng, tránh làm phát tán mầm bệnh, đồng thời cử cán bộ thú y giám sát việc giết mổ.

Đối với các trường hợp mang trùng, xử lý giết mổ bắt buộc có giám sát của cơ quan thú y; không tiếp tục khai thác đối với lợn nái, lợn đực mang trùng, đồng thời thực hiện tiêu độc, vệ sinh khử trùng triệt để toàn bộ khu vực có lợn bệnh và các khu vực xung quanh.

Đối với những lợn khoẻ mạnh trong cùng đàn mà không giết mổ thì phải được nuôi cách ly triệt để; chăm sóc, bổ sung dinh dưỡng và khoáng chất, các loại vitamin nhằm tăng cường sức đề kháng phòng bệnh.

Tổng vệ sinh, tiêu độc khử trùng vùng dịch, nơi có lợn ốm, nơi giết mổ để tránh làm phát tán lây lan mầm bệnh.

Khoanh vùng, lập các chốt kiểm dịch, kiểm tra việc vận chuyển buôn bán lợn, sản phẩm của lợn từ vùng có dịch ra ngoài vùng chưa có dịch.

c) Đối với các cơ sở chăn nuôi tập trung không có lợn mắc bệnh nhưng nằm trong vùng dịch (thôn, ấp có dịch), mà đảm bảo vệ sinh an toàn sinh học hoặc đã tiêm vắc xin phòng dịch tả lợn còn miễn dịch thì được phép vận chuyển ra khỏi vùng dịch, đến thẳng lò giết mổ được chỉ định trước. Lợn phải được vận chuyển bằng xe chuyên dụng, đảm bảo không làm rơi vãi chất thải (phân, nước tiểu) trên đường đi; không được dừng nghỉ trên đường vận chuyển. Phương tiện vận chuyển phải được vệ sinh, khử trùng tiêu độc kỹ trước khi rời khỏi lò mổ.

d) Đối với các cơ sở chăn nuôi lợn giống ở bất cứ quy mô nào: nếu phát hiện có lợn bệnh trong cơ sở phải tổ chức tiêu hủy lợn mắc bệnh nặng, giết mổ bắt buộc đối với những con bệnh nhẹ. Lợn chưa bị bệnh phải được chăm sóc nuôi dưỡng tốt để chuyển sang mục đích nuôi thương phẩm. Không khai thác và sử dụng tinh dịch của lợn đực giống đã bị nhiễm bệnh.

đ) Tiêm bao vây xung quanh ổ dịch, sau đó tiêm thẳng vắc xin vào ổ dịch với mục đích nhằm nhanh chóng bao vây và dập tắt ổ dịch, con ốm phát bệnh, con khỏe có miễn dịch.

3. Xử lý đối với các đàn có lợn mắc bệnh, chết:

a) Khi dịch còn ở diện hẹp: Tiến hành tiêu hủy ngay số lợn mới mắc bệnh trên cơ sở triệu chứng bệnh tích mà không chờ kết quả xét nghiệm.

b) Trường hợp dịch xảy ra diện rộng: nhiều hộ gia đình có lợn bệnh và nhiều lợn mắc bệnh thì tiêu huỷ những lợn bị mắc bệnh nặng, những lợn mắc bệnh nhẹ xử lý như sau:

Lợn có trọng lượng < 20kg phải tiêu hủy bằng cách chôn hoặc đốt.

Lợn có trọng lượng > 20kg phải giết mổ bắt buộc và thịt có thể sử dụng làm thực phẩm sau khi luộc chín. Phủ tạng và các sản phẩm khác phải tiêu hủy.

c) Tiến hành vệ sinh tiêu độc khử trùng chuồng trại, khu vực chăn nuôi, lối ra vào, khu vực tập trung lợn phải tiêu huỷ, khu vực tiêu huỷ hoặc chôn lấp lợn. Những người tham gia quá trình xử lý, tiêu huỷ lợn phải thực hiện việc vệ sinh, tắm rửa để tiêu diệt mầm bệnh, tránh làm phát tán mầm bệnh ra các địa điểm khác.

d) Việc tiêu hủy, chôn lấp lợn bệnh cần thực hiện như sau:

Làm chết lợn trước khi tiêu huỷ bằng điện hoặc phương pháp khác (nếu có), cho lợn vào bao tải, buộc chặt miệng bao, tập trung một chỗ để phun thuốc sát trùng trước khi vận chuyển đến hố chôn.

Hố chôn phải nằm ngay trong vùng dịch, nhưng phải cách nhà dân, giếng nước, khu chuồng nuôi từ 30-100m, có đủ diện tích; nên chọn nơi chôn trong vườn cây (cây ăn quả hoặc lấy gỗ). Hố chôn phải đủ rộng phù hợp với số lợn, chất thải cần chôn. Ví dụ nếu cần chôn 01 tấn lợn (15-30 con lợn) thì hố chôn cần có kích thước là sâu 1,5 - 2m x rộng 1,5 - 2m x dài 1,5 - 2m.

Trình tự chôn: Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuống đáy hố (1kg/m^2), đổ bao chứa xác lợn xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột lên trên và lấp đất; phải đảm bảo rằng lớp đất phủ lên xác lợn phải dày ít nhất là 1m. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.

4. Biện pháp xử lý đối với các đàn chưa có bệnh, vùng chưa có dịch

a) Đối với những đàn lợn chăn nuôi nhỏ lẻ:

Khuyến khích việc giết mổ, tiêu thụ tại chỗ đối với những đàn này.

Áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học và thường xuyên vệ sinh tiêu độc môi trường, khu vực chăn nuôi.

b) Đối với những cơ sở chăn nuôi lợn thịt quy mô tập trung:

Áp dụng nghiêm ngặt các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học và thường xuyên vệ sinh tiêu độc môi trường, khu vực chăn nuôi.

Tăng cường chăm sóc, nuôi dưỡng, nâng cao sức đề kháng cho lợn.

Những cơ sở đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y, có áp dụng các biện pháp an toàn sinh học, đã tiêm vắc xin phòng bệnh dịch tả lợn và còn miễn dịch thì được phép vận chuyển ra khỏi vùng dịch, đến thẳng lò giết mổ được chỉ định trước để giết mổ. Lợn phải được vận chuyển bằng xe chuyên dụng, đảm bảo không làm rơi vãi chất thải (phân, nước tiểu) trên đường đi; không được dừng nghỉ trên đường vận chuyển. Phương tiện vận chuyển phải được vệ sinh, khử trùng tiêu độc kỹ trước khi rời khỏi cơ sở chăn nuôi và từ lò giết mổ.

c) Đối với các cơ sở chăn nuôi lợn nái, lợn đực giống: Trong bất kỳ trường hợp nào, không được phép vận chuyển lợn giống ra khỏi cơ sở chăn nuôi, vùng đang có bệnh dịch tả lợn lưu hành và đang gây thành dịch. Cần thực hiện theo dõi, giám sát chặt chẽ đàn lợn cho đến khi có quyết định công bố hết dịch trên địa bàn mới được phép vận chuyển đi địa phương khác; tăng cường chăm sóc, nuôi dưỡng cho đàn lợn.

Điều 14. Công bố hết dịch và chăn nuôi trở lại ở các cơ sở đã có dịch xảy ra

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công bố hết dịch khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Tất cả lợn trong diện phải tiêm phòng thuộc vùng dịch, vùng bị dịch uy hiếp đã được tiêm vắc xin phòng bệnh dịch tả lợn và đã có miễn dịch;

b) Đã qua 21 ngày kể từ ngày con lợn cuối cùng bị chết, bị giết mổ bắt buộc hoặc bị tiêu hủy, không có con lợn nào khác bị mắc bệnh hoặc bị chết vì bệnh dịch tả lợn;

c) Đã thực hiện vệ sinh, khử trùng tiêu độc 2 lần/tuần liên tục trong 2 tuần đối với hộ chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi đã bị dịch, vùng có dịch.

d) Chi cục Thú y kiểm tra xác nhận đã đủ điều kiện công bố hết dịch theo quy định tại các điểm

a, b, c khoản 1 Điều này và có văn bản đề nghị công bố hết dịch.

2. Điều kiện chăn nuôi trở lại:

a) Đã thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc.

b) Để trống chuồng trong thời gian tối thiểu là 21 ngày. Trước khi nuôi trở lại, cơ sở chăn nuôi phải được vệ sinh, phun thuốc tiêu độc khử trùng trước khi nuôi.

c) Lợn đưa vào nuôi trở lại phải biết rõ nguồn gốc, đã được tiêm vắc xin phòng các bệnh truyền nhiễm của lợn theo quy định.

d) Sau khi nuôi trở lại, cần phải giám sát chặt chẽ, liên tục trong vòng 40 ngày (theo quy trình giám sát của OIE) để đề phòng mầm bệnh tái xuất hiện và gây bệnh trở lại.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước ở Trung ương

1. Trách nhiệm của Cục Thú y

a) Xây dựng Chương trình quốc gia về phòng, chống bệnh dịch tả lợn, để Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tổ chức, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chương trình ở các địa phương.

b) Tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giám sát bệnh dịch tả lợn ở các địa phương;

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra trên phạm vi toàn quốc về công tác phòng, chống bệnh dịch tả lợn.

Điều 16. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân ở địa phương

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp tỉnh

a) Chỉ đạo ngành thú y, các cấp, các ngành có liên quan xây dựng Chương trình phòng, chống bệnh và xây dựng vùng, cơ sở an toàn bệnh dịch tả lợn tại địa phương;

b) Củng cố, tăng cường cho hệ thống thú y cấp tỉnh, cấp huyện, đặc biệt là mạng lưới thú y xã, phường có đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng, được trang bị đầy đủ phương tiện, trang thiết bị để thực thi nhiệm vụ. Các địa phương chưa có mạng lưới thú y xã, phường thì thực hiện Công văn số 1569/TTg - NN ngày 19/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chế độ phụ cấp cho thú y xã, phường, Thông tư liên Bộ số 61/2008/TTLT-BNN-BNV ngày 15/5/2008 liên tịch giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ quản lý nhà nước của Uỷ ban nhân dân cấp xã về nông nghiệp và phát triển nông thôn;

c) Chỉ đạo các sở, ngành, cơ quan chuyên môn và các tổ chức đoàn thể tại địa phương thường xuyên triển khai công tác thông tin tuyên truyền phòng chống bệnh dịch tả lợn;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố dịch, công bố hết dịch tả lợn trên địa bàn của tỉnh theo quy định; quyết định tiêu hủy lợn mắc bệnh dịch tả lợn hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định tiêu hủy.

2. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng chương trình phòng, chống bệnh

dịch tả lợn của tỉnh và kế hoạch hàng năm trên cơ sở Chương trình phòng, chống bệnh dịch tả lợn cấp quốc gia;

b) Chỉ đạo Chi cục Thú y xác định vùng dịch, vùng bị dịch uy hiếp, vùng có nguy cơ cao với bệnh dịch tả lợn;

c) Tổ chức thực hiện và kiểm tra công tác phòng chống bệnh dịch tả lợn của tỉnh.

3. Trách nhiệm của Chi cục Thú y

a) Trực tiếp chỉ đạo, tổ chức triển khai và kiểm tra công tác phòng, chống bệnh dịch tả lợn trên địa bàn tỉnh, thành phố;

b) Hướng dẫn chuyên môn về các biện pháp phòng chống bệnh, tổ chức triển khai giám sát dịch bệnh dịch tả lợn, thực hiện chế độ báo cáo đột xuất khi có dịch xảy ra, báo cáo về công tác phòng, chống bệnh dịch tả lợn về Cục Thú y một năm 2 lần vào 30/6 và 30/12 hàng năm về các nội dung tổng đàn lợn, kết quả tiêm phòng, tình hình bệnh dịch tả lợn (nếu có), công tác giám sát bệnh dịch tả lợn;

c) Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ động phối hợp với Cơ quan Thú y vùng, Trung tâm Chẩn đoán Thú y Trung ương thuộc Cục Thú y xây dựng chương trình giám sát dịch đối với đàn lợn giống, đặc biệt tại các vùng chăn nuôi tập trung, quy mô lớn hoặc các gia trại, trang trại chăn nuôi tập trung, khu vực có nguy cơ cao, có ổ dịch cũ;

d) Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập dự trù kinh phí quản lý giám sát công tác phòng, chống dịch bệnh tả lợn tại địa phương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh cấp huyện. Trưởng Ban do Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Uỷ ban nhân dân. Phó trưởng ban do lãnh đạo Phòng Nông nghiệp hoặc Phòng Kinh tế, Trạm Thú y huyện;

b) Thành lập đội chuyên trách phòng chống bệnh dịch tả lợn (kinh phí lấy từ ngân sách phòng, chống dịch của địa phương);

c) Phối hợp với Chi cục Thú y chỉ đạo các Trạm Thú y huyện, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh dịch tả lợn trên địa bàn huyện;

d) Huy động lực lượng phục vụ công tác phòng chống bệnh, đặc biệt công tác tiêm phòng, tiêu hủy, xử lý lợn mắc bệnh;

đ) Cấp ngân sách địa phương cho công tác phòng chống dịch của huyện.

5. Trách nhiệm của Phòng Nông nghiệp hoặc Phòng Kinh tế, Trạm Thú y

a) Trực tiếp tổ chức thực hiện công tác phòng chống bệnh dịch tả lợn tại huyện;

b) Hướng dẫn kỹ thuật các biện pháp phòng chống đến tận xã, thôn;

c) Báo cáo kịp thời nhu cầu về kinh phí, vật tư hóa chất, vắc xin, lao động, cho Ủy ban nhân dân huyện và Chi cục Thú y.

d) Hàng tháng báo cáo công tác phòng, chống bệnh dịch tả lợn về Chi Cục Thú y với các nội dung: số lợn, kết quả tiêm phòng, tình hình bệnh dịch tả lợn (nếu có) của các huyện.

6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân làm Trưởng ban với sự tham gia của cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và cán bộ thú y;

b) Bố trí tổ chuyên môn để hướng dẫn kỹ thuật, thường trực và tổng hợp tình hình dịch bệnh, kết quả tiêm phòng;

c) Chỉ đạo trưởng thôn trực tiếp kiểm tra, giám sát tình hình dịch bệnh; phối hợp với các tổ chức đoàn thể quần chúng (Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và các tổ chức đoàn thể khác) vận động nhân dân giám sát và thực hiện các biện pháp phòng chống dịch. Mỗi thôn tổ chức ký cam kết thực hiện "3 không";

Thành lập đội xung kích chống dịch, gồm: dân quân tự vệ, thanh niên, cán bộ thú y, công an để tiêu hủy, xử lý lợn bị bệnh, vệ sinh tiêu độc khử trùng, giám sát người ra vào ổ dịch, trực gác tại các chốt kiểm dịch động vật.

b) Nhân viên thú y xã: Giám sát phát hiện bệnh dịch tả lợn đến tận hộ chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi trên địa bàn xã và báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân xã và Trạm Thú y huyện;

Trực tiếp tham gia công tác phòng chống bệnh, trực tiếp tiêm phòng vắc xin;

Trực tiếp tham gia trong giám sát kinh phí hỗ trợ phòng chống bệnh dịch tả lợn.

Điều 17. Trách nhiệm của chủ vật nuôi

1. Đảm bảo điều kiện chăn nuôi về địa điểm, chuồng trại, con giống, thức ăn, nước uống, vệ sinh, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về thú y.

2. Khi nghi ngờ lợn mắc bệnh phải báo ngay cho nhân viên thú y hoặc trưởng thôn.

3. Chấp hành nghiêm chỉnh các biện pháp phòng chống bệnh dịch tả lợn theo thông tư này.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký;

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần bổ sung, sửa đổi, đề nghị báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng (để b/c);
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các Bộ, ngành liên quan;
- UBND các tỉnh, TP;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, TP;
- Chi cục Thú y các tỉnh, TP;
- Công báo CP;
- Công báo webside CP;
- Lưu: VT, TH, Cục Thú y.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Diệp Kỉnh Tần

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ********	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ********
Số: 05/2011/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2011*

THÔNG TƯ
HƯỚNG DẪN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG BỆNH NIU-CÁT-XƠN Ở GIA CẦM

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 29 tháng 4 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 33 /2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các biện pháp phòng, chống bệnh Niu-cát-xơn, như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn các biện pháp phòng, chống bệnh Niu-cát-xơn và trách nhiệm của các cơ quan, chính quyền địa phương, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống bệnh Niu-cát-xơn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có hoạt động chăn nuôi gia cầm, vận chuyển, giết mổ, buôn bán gia cầm và các sản phẩm có nguồn gốc từ gia cầm.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhiễm vi rút Niu-cát-xơn: Là trường hợp gia cầm mang mầm bệnh, nhưng chưa có biểu hiện triệu chứng lâm sàng của bệnh.

2. Ca bệnh Niu-cát-xơn: Là các trường hợp gia cầm nhiễm vi rút Niu-cát-xơn và phát thành bệnh với các triệu chứng lâm sàng và bệnh tích mổ khám bộc lộ rõ, có thể phát hiện thấy bằng mắt thường.

3. Ổ dịch Niu-cát-xơn: Là sự xuất hiện của một hoặc nhiều ca bệnh Niu-cát-xơn ở địa bàn một trang trại chăn nuôi hoặc một thôn, ấp.

4. Vùng có dịch Niu-cát-xơn: là vùng có nhiều ổ dịch Niu - cát - xơn đã được cơ quan thú y có thẩm quyền xác định.

Điều 4. Bệnh Niu-cát-xơn

1. Bệnh Niu-cát-xơn (Newcastle) là bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ở loài cầm (gà, các loại chim), ở mọi lứa tuổi đều có thể mắc bệnh, bệnh thường ghép với nhiều bệnh gia cầm khác gây ra tỷ lệ chết cao, gây thiệt hại kinh tế lớn.

Bệnh Niu-cát-xơn được phát hiện đầu tiên năm 1926 tại thành phố Newcastle, vùng Đông Bắc nước Anh. Bệnh đã xuất hiện khắp các châu lục trên thế giới. Tại Việt Nam, hàng năm dịch vẫn xảy ra ở nhiều địa phương gây tổn thất lớn cho ngành chăn nuôi gia cầm của nước ta.

2. Tác nhân gây bệnh: Bệnh Niu-cát-xơn do một loài vi rút thuộc giống *Avulavirus*, họ *Paramyxoviridae* gây ra. Vi rút gây bệnh Niu-cát-xơn có cấu trúc gen ARN xoắn đơn. Hệ gen của vi rút chứa khoảng 16.000 nu-clê-ô-tít. Vi rút được nhân lên trong tế bào chất của vật chủ.

Dựa vào các biểu hiện về triệu chứng lâm sàng, có thể phân loại bệnh Niu-cát-xơn thành 4 thể bệnh chính, bao gồm: thể độc lực cao hướng nội tạng *(Viscerotropic velogenic)*, thể độc lực cao hướng thần kinh *(Neurotropic velogenic)*, thể độc lực trung bình *(Mesogenic)* và thể độc lực thấp *(Lentogenic)*. Vi rút gây bệnh Niu-cát-xơn độc lực cao có thể gây chết gia cầm trong thời gian ngắn khi gia cầm chưa xuất hiện triệu chứng lâm sàng. Đàn gia cầm chưa được phòng bệnh bằng vắc xin thì khi nhiễm bệnh có thể chết đến 100%.

3. Cách lây truyền: Lây truyền trực tiếp: Vi rút Niu-cát-xơn thường lây truyền qua đường tiếp xúc trực tiếp giữa gia cầm mắc bệnh và gia cầm khỏe mạnh. Vi rút được bài thải qua phân, dịch tiết ở mắt, mũi, miệng hoặc qua hơi thở của gia cầm bệnh.

Lây truyền gián tiếp: Vi rút có thể lây truyền thông qua xác gia cầm bị bệnh chết, vỏ trứng, dụng cụ chăn nuôi, thức ăn nước uống, chất thải chăn nuôi, ủng hoặc quần áo của người chăn nuôi có mang mầm bệnh.

4. Sức đề kháng: Vi rút Niu-cát-xơn dễ bị tiêu diệt ở nhiệt độ cao, ở nhiệt độ 70^0C trong 30 phút, 75^0C trong 5 phút và 80^0C trong vòng 1 phút. Trong môi trường kiềm hoặc a-xít hoặc dưới tác động trực tiếp của ánh sáng mặt trời, vi rút dễ bị phá hủy. Trong điều kiện nhiệt độ thấp, vi rút có thể tồn tại trong thời gian dài tới nhiều tuần trong môi trường hữu cơ như phân, các chất bài tiết hoặc trên lông của gia cầm mắc bệnh.

5. Triệu chứng lâm sàng: Thời kỳ ủ bệnh: Thời kỳ ủ bệnh trung bình từ 5-6 ngày, nhưng có thể thay đổi từ 2-15 ngày.

Mức độ bệnh phụ thuộc vào nhiều yếu tố như độc lực của chủng vi rút gây bệnh, loài mắc, tuổi, sức đề kháng. Các triệu chứng lâm sàng chủ yếu bao gồm:

a) Thể bệnh nhẹ, thể hô hấp: thường gặp các triệu chứng như hắt hơi, khó thở, ho, chảy nước mũi, tổ chức vùng mắt và cổ sưng; ỉa chảy, phân có màu trắng xanh hoặc màu trắng;

b) Thể bệnh nặng: thường gặp các triệu chứng như suy nhược thần kinh, suy nhược cơ thể, run cơ, sã cánh, ngoẹo đầu và cổ, quay tròn, liệt chân, liệt toàn thân; giảm đẻ, trứng bị mỏng vỏ, chết đột ngột; tỷ lệ tử vong có thể lên đến 100%.

6. Bệnh tích

Gia cầm mắc bệnh thường có các bệnh tích như: viêm túi khí dày đục, viêm và xuất huyết khí quản, có các đám hoại tử ở dạ dày tuyến, ruột và hạch manh tràng; xuất huyết điểm ở dạ dày tuyến, tập trung ở xung quanh lỗ đổ ra của tuyến tiêu hóa; phù, xuất huyết hoặc thoái hóa ống dẫn trứng ở gà đẻ.

7. Chẩn đoán phòng thí nghiệm

a) Chẩn đoán phân biệt: Cần chẩn đoán phân biệt bệnh Niu-cát-xơn với các bệnh gia cầm khác như cúm gia cầm, viêm thanh khí quản, viêm phế quản truyền nhiễm, nấm do Mycoplasma, đậu gia cầm (thể bạch hầu), hội chứng giảm đẻ (EDS-76);

b) Phát hiện tác nhân gây bệnh: sử dụng phản ứng ngưng kết hồng cầu gà (hemagglutination - HA) và phản ứng ngăn trở ngưng kết hồng cầu gà (hemagglutination inhibition - HI). Ngoài ra, có thể dùng kỹ thuật PCR;

c) Phát hiện kháng thể: sử dụng các phương pháp huyết thanh học như phản ứng ngăn trở ngưng kết hồng cầu gà (HI) hoặc phương pháp ELISA;

d) Xác định độc lực của chủng vi rút gây bệnh: sử dụng một trong các phương pháp sau:

Thời gian trung bình gây chết phôi trứng gà.

Chỉ số gây bệnh khi tiêm vi rút vào não cho gà con 1 ngày tuổi.

Chỉ số gây bệnh khi tiêm vi rút vào tĩnh mạch cho gà 6 tuần tuổi.

Chương II

PHÒNG BỆNH NIU-CÁT-XƠN

Điều 5. Tuyên truyền về phòng, chống bệnh Niu-cát-xơn

1. Cục Thú y xây dựng nội dung và tổ chức thực hiện chương trình tuyên truyền phòng, chống bệnh Niu - cát - xơn. Hướng dẫn Chi cục Thú y tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Chi cục Thú y) triển khai chương trình truyền thông ở địa phương.

2. Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các tổ chức đoàn thể thực hiện các nội dung về phòng bệnh Niu - cát - xơn.

3. Các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức đoàn thể tổ chức tuyên truyền phổ biến kiến thức về bệnh Niu-cát-xơn, tính chất nguy hiểm của bệnh, các biện pháp phòng chống đến từng hộ gia đình có chăn nuôi gia cầm và cộng đồng.

4. Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân có chăn nuôi, buôn bán, vận chuyển, giết mổ gia cầm cam kết thực hiện "Kết ước phòng bệnh" với các nội dung sau:

a) Không mua, bán, ăn thịt gia cầm bị bệnh, chết hoặc không rõ nguồn gốc;

b) Thực hiện phòng bệnh Niu-cát-xơn bằng vắc xin;

c) Thực hiện khai báo dịch kịp thời;

d) Không vứt xác gia cầm bừa bãi.

Điều 6. Yêu cầu về vệ sinh phòng bệnh

1. Về chuồng trại chăn nuôi: phải đảm bảo các quy định về điều kiện chuồng trại, vệ sinh thú y đối với khu vực chăn nuôi, chuồng nuôi gia cầm;

2. Về con giống: con giống phải đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Pháp lệnh Giống vật nuôi năm 2004; phải có nguồn gốc rõ ràng, khoẻ mạnh, có giấy chứng nhận kiểm dịch động vật của cơ quan thú y và phải được nuôi cách ly trước khi nhập đàn;

3. Về phương tiện vận chuyển, con người:

Phương tiện vận chuyển phải được vệ sinh, tiêu độc khử trùng theo quy định.

Người ra vào khu vực chăn nuôi phải thực hiện đúng quy trình vệ sinh, tiêu độc khử trùng cá nhân.

Điều 7. Yêu cầu về quản lý chăn nuôi gia cầm

1. Chăn nuôi gia cầm phải đảm bảo các điều kiện vệ sinh thú y, chất lượng con giống, quy trình chăn nuôi, quy trình phòng bệnh theo quy định phòng, chống dịch của cơ quan thú y.

2. Cơ sở chăn nuôi gia cầm quy mô tập trung từ 500 con trở lên phải đăng ký với cơ quan thú y ở địa phương; phải có cán bộ thú y quản lý, theo dõi. Số lượng đàn gia cầm, đầu gia cầm phải được cập nhật ít nhất 3 tháng một lần.

3. Khuyến khích việc xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh đối với bệnh Niu-cát-xơn.

Điều 8. Phòng bệnh bằng vắc xin

Thực hiện phòng bệnh định kỳ bằng vắc xin theo quy định tại Quyết định số 63/2005/QĐ-BNN ngày 13/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về tiêm phòng bắt buộc vắc xin cho gia súc, gia cầm. Việc phòng bệnh bằng vắc xin phải được thực hiện thường xuyên, liên tục nhằm tạo miễn dịch bảo hộ cho đàn gia cầm mới phát sinh hoặc hết thời gian miễn dịch.

1. Đối tượng tiêm phòng: gà các loại, chim cút;

2. Phạm vi tiêm phòng: Các cơ sở chăn nuôi tập trung, chăn nuôi hộ gia đình trong phạm vi cả nước;

3. Thời gian tiêm phòng: tiêm phòng định kỳ mỗi năm 2 lần: vào tháng 3 – 4 và tháng 9 – 10, các tháng tiêm phòng bổ sung cho đàn gà mới phát sinh. Tùy theo lứa tuổi gà, loại vắc xin có thể nhỏ vắc xin vào mắt, mũi hoặc tiêm đối với chăn nuôi hộ gia đình. Đối với chăn nuôi tập trung tiêm phòng theo lịch;

4. Chi cục Thú y kiểm tra, đôn đốc việc phòng bệnh Niu - cát - xơn và hướng dẫn việc cấp giấy chứng nhận tiêm phòng.

Điều 9. Giám sát bệnh Niu-cát-xơn

1. Hàng năm, Cục Thú y chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình giám sát bệnh Niu-cát-xơn;

2. Nội dung giám sát bao gồm: giám sát lâm sàng nhằm phát hiện nhanh ổ dịch, giám sát lưu hành vi rút và giám sát huyết thanh nhằm đánh giá tỷ lệ lưu hành của tác nhân gây bệnh, lưu hành kháng thể, giám sát sự biến đổi và đánh giá độc lực của vi rút;

3. Chính quyền các cấp chỉ đạo các cơ quan liên quan hỗ trợ ngành thú y thực hiện các chương trình giám sát bệnh Niu-cát-xơn.

Điều 10. Kiểm dịch và kiểm soát vận chuyển

1. Kiểm dịch biên giới: thực hiện việc kiểm dịch, kiểm soát vận chuyển gia cầm, sản phẩm gia cầm qua biên giới theo quy định.

a) Chính quyền các cấp chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương phối hợp với ngành thú y tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn, xử lý gia cầm nhập lậu;

b) Thường xuyên thực hiện khử trùng, tiêu độc mọi phương tiện vận chuyển gia cầm, sản phẩm gia cầm khi đi qua cửa khẩu.

2. Kiểm dịch trong nước:

a) Các cơ quan thú y thực hiện kiểm dịch gia cầm, sản phẩm gia cầm tại nơi xuất phát và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định;

b) Các trạm, chốt kiểm dịch động vật tại các đầu mối giao thông có nhiệm vụ kiểm soát việc vận chuyển gia cầm, sản phẩm gia cầm và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

Chương III

CHỐNG DỊCH NIU-CÁT-XƠN

Điều 11. Khai báo và xử lý ổ dịch đầu tiên nghi mắc bệnh

1. Khi phát hiện gia cầm có các biểu hiện khác thường nghi mắc bệnh Niu-cát-xơn thì chủ hộ chăn nuôi phải khai báo ngay cho cơ quan thú y nơi gần nhất, nhân viên thú y hoặc chính quyền cơ sở; đồng thời cách ly gia cầm nghi mắc bệnh.

2. Khi nhận được thông báo có gia cầm nghi mắc bệnh Niu-cát-xơn, cán bộ nhận được tin báo phải tiến hành xác minh và thông báo ngay cho Trạm Thú y huyện, đồng thời phải báo cáo cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

3. Trạm Thú y huyện: khi nhận được thông báo của nhân viên thú y hoặc chính quyền cơ sở phải nhanh chóng tổ chức kiểm tra, chẩn đoán xác minh ổ dịch; hướng dẫn chủ hộ chăn nuôi các biện pháp cách ly, vệ sinh khử trùng tiêu độc, xử lý dịch, đồng thời lấy mẫu bệnh phẩm gửi đi xét nghiệm theo quy định.

4. Trong trường hợp kết quả chẩn đoán xác định là ổ dịch Niu-cát-xơn. Trạm Thú y huyện hướng dẫn chủ vật nuôi thực hiện:

a) Tiêu hủy gà mắc bệnh, nghi mắc bệnh;

b) Tiêm phòng gà khỏe mạnh trong ổ dịch và khu vực xung quanh;

c) Vệ sinh, phun hóa chất khử trùng, tuần 2 lần.

5. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan thú y có thể tham mưu cho chính quyền địa phương tổ chức tiêu hủy đàn gia cầm mắc bệnh mà không cần chờ kết quả xét nghiệm.

Điều 12. Chẩn đoán bệnh

Việc chẩn đoán bệnh phải được thực hiện tại các phòng xét nghiệm thuộc Cục Thú y hoặc được Cục Thú y ủy quyền. Quy trình xét nghiệm theo Tiêu chuẩn Việt Nam.

Chẩn đoán bệnh Niu-cát-xơn cần được thực hiện chẩn đoán phân biệt với bệnh cúm gia cầm thể độc lực cao. Nếu xét nghiệm xác định bệnh Niu-cát-xơn âm tính, cúm gia cầm dương tính thì áp dụng thông tư số 69/2005/TT – BNN ngày 07/11/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Hướng dẫn một số biện pháp cấp bách phòng, chống dịch cúm (H5N1) ở gia cầm.

Trường hợp người gửi mẫu xét nghiệm không phải là cán bộ thú y thuộc cơ quan thú y có thẩm

quyền của địa phương, phòng xét nghiệm có trách nhiệm thông báo ngay về ổ dịch nghi ngờ cho cơ quan thú y địa phương nơi nghi có dịch để tổ chức giám sát, theo dõi.

Khi có kết quả xét nghiệm xác nhận ổ dịch Niu-cát-xơn, phòng xét nghiệm phải thông báo ngay cho Chi cục Thú y nơi có ổ dịch để tổ chức chống dịch, đồng thời thông báo kết quả cho người gửi mẫu.

Điều 13. Công bố dịch

1. Điều kiện công bố dịch:

Khi có đủ các điều kiện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố dịch theo quy định tại Điều 17, Điều 19, Điều 20 của Pháp lệnh Thú y.

2. Phạm vi công bố dịch

a) Khi có nhiều hộ gia đình (trên 5%) trong một xã có gia cầm mắc bệnh Niu-cát-xơn thể độc lực cao thì công bố xã đó có dịch;

b) Khi có từ 30% số xã trở lên trong một huyện có dịch thì công bố dịch trên địa bàn toàn huyện.

3. Trong trường hợp không công bố dịch hoặc gia cầm mắc bệnh Niu-cát-xơn thể độc lực thấp thì cơ quan thú y địa phương chỉ đạo áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch theo quy định tại Điều 13 của Thông tư này.

Điều 14. Các biện pháp xử lý đối với vùng dịch

1. Trong trường hợp xác định vùng dịch do vi rút thể độc lực cao gây ra thì áp dụng các biện pháp xử lý như sau:

a) Tiêu huỷ ngay gia cầm chết, gia cầm mắc bệnh; cách ly những con gia cầm khỏe mạnh trong đàn để chăm sóc nuôi dưỡng hoặc giết mổ tiêu thụ tại chỗ;

b) Sử dụng vắc xin Niu-cát-xơn phòng bệnh cho đàn gà;

c) Đối với đàn gà chăn nuôi quy mô nhỏ chưa mắc bệnh nhưng nằm trong phạm vi ổ dịch: tổ chức nuôi cách ly tại chỗ; tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng; khuyến khích giết mổ để tiêu thụ tại chỗ;

d) Đối với đàn gia cầm chăn nuôi tập trung với số lượng lớn nằm trong phạm vi ổ dịch, nhưng chưa mắc bệnh thì cho phép giết mổ tại cơ sở do cơ quan thú y cấp tỉnh chỉ định;

đ) Vệ sinh, tiêu độc khử trùng:

Vệ sinh: Thu gom chất thải rắn để đốt hoặc chôn; rửa nền chuồng, dụng cụ chăn nuôi bằng nước xà phòng hoặc chất tẩy rửa. Đối với chất thải lỏng phải được xử lý bằng hóa chất.

Tiêu độc, khử trùng: Sau khi dọn rửa, vệ sinh cơ giới, để khô và tiến hành tiêu độc khử trùng khu vực chuồng nuôi, dụng cụ chăn nuôi, khu vực tiêu huỷ hoặc chôn gia cầm.

Người tham gia quá trình xử lý, tiêu huỷ gia cầm mắc bệnh Niu-cát-xơn phải sử dụng bảo hộ lao động phù hợp và vệ sinh tiêu độc khử trùng cá nhân khi kết thúc công việc.

2. Trong trường hợp ổ dịch được xác định là do vi rút thể độc lực thấp gây ra thì áp dụng các biện pháp xử lý như sau:

a) Cách ly gia cầm mắc bệnh, tổ chức chăm sóc nuôi dưỡng nâng cao sức khỏe cho đàn gia cầm;

b) Tổ chức điều tra, giám sát dịch trên đàn gia cầm của cả thôn;

c) Sử dụng vắc xin Niu-cát-xơn phòng bệnh cho đàn gà;

d) Nghiêm cấm việc vận chuyển, buôn bán gia cầm bệnh trong phạm vi 21 ngày tính từ ngày cuối cùng đàn gia cầm mắc bệnh được xử lý.

Điều 15. Kiểm soát vận chuyển khi có dịch

1. Thừa ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định thành lập chốt kiểm dịch, để kiểm soát vận chuyển gia cầm, sản phẩm gia cầm ra, vào vùng dịch. Chốt kiểm dịch phải có đủ phương tiện và hóa chất sát trùng để xử lý mọi đối tượng ra khỏi vùng có dịch.

2. Gia cầm khỏe mạnh được phép vận chuyển trong các trường hợp sau:

a) Những đàn gia cầm khỏe mạnh được phép giết mổ, tiêu thụ trong phạm vi xã;

b) Những đàn gia cầm của cơ sở chăn nuôi tập trung với số lượng lớn được phép vận chuyển bằng các phương tiện chuyên dụng đến thẳng cơ sở giết mổ do Chi cục Thú y tỉnh chỉ định. Việc vận chuyển phải có sự giám sát của cơ quan thú y địa phương;

c) Gia cầm nuôi trong các cơ sở an toàn dịch đối với bệnh Niu-cát-xơn được phép vận chuyển, tiêu thụ bình thường trong phạm vi tỉnh.

Điều 16. Công bố hết dịch và chăn nuôi trở lại ở các cơ sở đã có dịch xảy ra

1. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công bố hết dịch khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Tất cả đàn gà trong diện phải tiêm phòng thuộc vùng dịch, vùng bị dịch uy hiếp đã được sử dụng vắc xin phòng bệnh Niu-cát-xơn và đã có miễn dịch;

b) Đã qua 21 ngày kể từ ngày con gà cuối cùng bị chết hoặc bị tiêu hủy, không có con gà nào khác bị mắc bệnh hoặc bị chết vì bệnh Niu-cát-xơn;

c) Đã thực hiện vệ sinh, khử trùng tiêu độc 2 lần/tuần liên tục trong 2 tuần đối với hộ chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi đã bị dịch, vùng có dịch;

d) Chi cục Thú y cấp tỉnh kiểm tra xác nhận đã đủ điều kiện công bố hết dịch theo quy định tại các điểm a, b, c khoản này và có văn bản đề nghị công bố hết dịch.

2. Điều kiện chăn nuôi trở lại:

a) Đã thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc;

b) Để trống chuồng trong thời gian tối thiểu là 21 ngày. Trước khi nuôi trở lại, cơ sở chăn nuôi phải được vệ sinh, phun thuốc tiêu độc khử trùng trước khi nuôi;

c) Gà đưa vào nuôi trở lại phải biết rõ nguồn gốc, đã được sử dụng vắc xin phòng bệnh Niu-cát-xơn theo quy định;

d) Sau khi nuôi trở lại, cần phải giám sát chặt chẽ, liên tục trong vòng 40 ngày (theo quy trình giám sát của OIE) để đề phòng mầm bệnh tái xuất hiện và gây bệnh trở lại.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước ở Trung ương

1. Trách nhiệm của Cục Thú y

a) Xây dựng Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh Niu-cát-xơn ở gia cầm để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện Chương trình ở các địa phương.

b) Tổ chức xây dựng, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tiêm phòng, giám sát phát hiện bệnh Niu-cát-xơn ở các địa phương.

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra trên phạm vi toàn quốc về công tác phòng chống bệnh Niu-cát-xơn.

2. Trách nhiệm của Cục Chăn nuôi

a) Xây dựng đề án quy hoạch chăn nuôi gia cầm để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện đề án quy hoạch chăn nuôi ở các địa phương;

b) Hướng dẫn việc đăng ký quản lý chăn nuôi gia cầm tại địa phương;

c) Xây dựng tài liệu hướng dẫn và tuyên truyền người chăn nuôi thực hành chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn sinh học.

Điều 18. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân ở địa phương

1. Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh

a) Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các ban ngành có liên quan ở địa phương xây dựng Đề án quy hoạch phát triển chăn nuôi, Chương trình phòng, chống bệnh Niu-cát-xơn và hướng dẫn xây dựng vùng, cơ sở an toàn bệnh Niu-cát-xơn tại địa phương.

b) Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch tiêm phòng, giám sát phát hiện bệnh Niu-cát-xơn của địa phương.

c) Củng cố hệ thống thú y địa phương nhằm đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch Niu-cát-xơn.

d) Chỉ đạo các sở, ban ngành, đoàn thể tại địa phương thường xuyên triển khai công tác thông tin tuyên truyền phòng chống bệnh Niu-cát-xơn.

2. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Xây dựng đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đề án quy hoạch phát triển chăn nuôi, Chương trình phòng, chống bệnh Niu-cát-xơn và hướng dẫn xây dựng vùng, cơ sở an toàn bệnh Niu-cát-xơn tại địa phương.

b) Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đôn đốc công tác phòng chống bệnh Niu-cát-xơn của tỉnh.

3. Trách nhiệm của Chi cục Thú y cấp tỉnh

a) Tổ chức triển khai và trực tiếp chỉ đạo công tác phòng, chống bệnh Niu-cát-xơn trên địa bàn tỉnh, thành phố; dự trù kinh phí phòng, chống bệnh Niu-cát-xơn trên địa bàn tỉnh

b) Thực hiện chế độ báo cáo đột xuất khi có dịch xảy ra và báo cáo định kỳ tình hình dịch bệnh, phòng bệnh bằng vắc xin về Cục Thú y.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Phối hợp với Chi cục Thú y tỉnh chỉ đạo Trạm Thú y huyện, các ban, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan ở địa phương thực hiện các biện pháp phòng chống bệnh Niu-cát-xơn trên địa bàn huyện.

b) Huy động lực lượng phục vụ công tác phòng chống bệnh, đặc biệt công tác tiêm phòng, tiêu hủy gia cầm mắc bệnh.

c) Cấp ngân sách địa phương cho công tác phòng chống dịch của huyện.

5. Trách nhiệm của Phòng Nông nghiệp, Phòng Kinh tế, Trạm Thú y

a) Trực tiếp tổ chức thực hiện công tác phòng chống bệnh Niu-cát-xơn tại huyện;

b) Hướng dẫn kỹ thuật các biện pháp phòng chống đến tận xã, thôn.

c) Báo cáo kịp thời nhu cầu về kinh phí, vật tư hóa chất, vắc xin, lao động, cho Ủy ban nhân dân huyện và Chi cục Thú y.

d) Hàng tháng báo cáo công tác phòng, chống bệnh Niu-cát-xơn về Chi Cục Thú y với các nội dung: số gia cầm, kết quả tiêm phòng, tình hình bệnh Niu-cát-xơn (nếu có) của các huyện.

6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch gia súc, gia cầm cấp xã, trong đó có bệnh Niu - cát - xơn và các bệnh đã có trước như bệnh cúm gia cầm, tai xanh và lở mồm long móng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân làm Trưởng ban với sự tham gia của cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và cán bộ thú y, y tế, nông nghiệp.

b) Bố trí tổ chuyên môn để hướng dẫn kỹ thuật, thường trực và tổng hợp tình hình nuôi gia cầm, kết quả tiêm phòng, quản lý đàn gia cầm.

c) Chỉ đạo Trưởng thôn trực tiếp kiểm tra, giám sát tình hình dịch bệnh; phối hợp với các tổ chức đoàn thể quần chúng (Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và các tổ chức đoàn thể khác) tuyên truyền vận động nhân dân nâng cao nhận thức về tính chất nguy hiểm của bệnh Niu-cát-xơn trong chăn nuôi gia cầm và tích cực tham gia chiến dịch tiêm phòng, quản lý đàn gia cầm nuôi. Mỗi thôn tổ chức ký cam kết thực hiện "kết ước phòng bệnh" theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Thông tư này.

d) Thành lập đội xung kích chống dịch, gồm dân quân tự vệ, thanh niên, cán bộ thú y, công an để tiêu hủy gia cầm bị bệnh, vệ sinh tiêu độc khử trùng, giám sát người ra vào ổ dịch, trực gác tại các chốt kiểm dịch động vật.

7. Trách nhiệm của nhân viên thú y xã, cộng tác viên thú y xã.

a) Giám sát phát hiện bệnh Niu-cát-xơn đến tận hộ chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi trên địa bàn xã và báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân xã và Trạm Thú y huyện;

b) Trực tiếp tham gia công tác phòng chống bệnh, trực tiếp tiêm phòng vắc xin.

8. Trách nhiệm của trưởng thôn, ấp hoặc tổ trưởng dân phố

Quản lý trực tiếp đàn gia cầm tại thôn, ấp, tổ dân phố; phối hợp với Thú y viên thôn, ấp, xã, phường phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân nuôi gia cầm; tham gia công tác phòng, chống bệnh Niu-cát-xơn tại địa phương.

Điều 19. Trách nhiệm của chủ hộ chăn nuôi gia cầm

1. Đảm bảo điều kiện chăn nuôi gia cầm hợp vệ sinh; thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh Niu-cát-xơn theo hướng dẫn của cán bộ thú y, chính quyền địa phương.

2. Báo ngay cho cán bộ thú y xã hoặc trưởng thôn, ấp, tổ trưởng dân phố khi nghi ngờ có bệnh Niu-cát-xơn.

3. Chủ hộ chăn nuôi chịu mọi trách nhiệm khi để gia cầm thả rông, làm lây lan dịch bệnh Niu-cát-xơn sang các hộ chăn nuôi gia cầm khác.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký;

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần bổ sung, sửa đổi, đề nghị báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, xử lý./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng (để b/c);
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo quốc gia PCBD;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các Bộ, ngành liên quan;
- UBND các tỉnh, TP;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, TP;
- Chi cục Thú y các tỉnh, TP;
- Công báo CP;
- Lưu: VT, TY.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Diệp Kỉnh Tần

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
********	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	********
Số: 80/2008/QĐ-BNN	*Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2008*

QUYẾT ĐỊNH

BAN HÀNH QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG
HỘI CHỨNG RỐI LOẠN SINH SẢN VÀ HÔ HẤP Ở LỢN (PRRS)

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ban hành ngày 29/4/2004;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ - CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ - CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 719/QĐ-TTg ngày 05/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thú y,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định phòng, chống Hội chứng rối loạn sinh sản và hô hấp ở lợn (PRRS)".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Thú y, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Công báo VPCP, Website Chính phủ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ NN & PTNT;
- Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố;
- Chi cục Thú y các tỉnh, thành phố;
- Các đơn vị liên quan thuộc Bộ;
- Lưu VT, PC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Bá Bổng

QUY ĐỊNH
PHÒNG CHỐNG HỘI CHỨNG RỐI LOẠN SINH SẢN VÀ HÔ HẤP Ở LỢN (PRRS)

(Ban hành theo Quyết định số: 80 /2008/QĐ-BNN ngày 15 /7 /2008 của

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Chương 1:
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vị điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về việc phòng chống Hội chứng rối loạn sinh sản và hô hấp ở lợn (PRRS).

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động về chăn nuôi, buôn bán, giết mổ, vận chuyển, kinh doanh lợn trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hội chứng rối loạn sinh sản và hô hấp ở lợn (tên tiếng Anh là Porcine Reproductive and Respiratory Syndrome = PRRS) sau đây gọi là bệnh Tai xanh.

2. Ổ dịch Tai xanh là nơi có một hoặc nhiều lợn mắc bệnh Tai xanh.

3. Vùng dịch là một hoặc nhiều xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) có dịch.

4. Vùng bị dịch uy hiếp là các xã tiếp giáp với các xã thuộc vùng dịch.

5. Vùng đệm là các xã tiếp giáp bên ngoài các xã thuộc vùng bị dịch uy hiếp.

6. Vùng nguy cơ cao là các xã có chợ buôn bán lợn và các sản phẩm có nguồn gốc từ lợn hoặc cơ sở giết mổ lợn, nơi tập trung lợn để chuyển đi nơi khác, các xã có đường quốc lộ đi qua.

Điều 3. Đặc điểm chung của bệnh

1. Bệnh Tai xanh là bệnh truyền nhiễm cấp tính nguy hiểm ở lợn mọi lứa tuổi, bệnh lây lan nhanh, làm ốm và có thể gây chết nhiều lợn. Lợn nhiễm bệnh Tai xanh thường bị suy giảm miễn dịch, do đó tạo điều kiện cho nhiều loại dịch bệnh khác kế phát như Dịch tả lợn, Phó thương hàn, Tụ huyết trùng, E. Coli, Liên cầu khuẩn, Mycoplasma,... đây là những nguyên nhân kế phát gây chết nhiều lợn bệnh, gây ra những tổn thất lớn về kinh tế cho người chăn nuôi. Hiện nay, bệnh này đã lây lan và trở thành dịch địa phương ở nhiều nước trên thế giới, kể cả các nước có ngành chăn nuôi lợn phát triển. Ở Việt Nam, bệnh Tai xanh đã xuất hiện tại nhiều địa phương, gây thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế, ảnh hưởng đến an sinh xã hội.

2. Tác nhân gây bệnh: Bệnh Tai xanh là do một loài vi rút PRRS thuộc giống *Arterivirus*, họ *Arteriviridae*, bộ *Nidovirales*, có cấu trúc vỏ bọc dạng chuỗi đơn RNA. Hiện nay, dựa trên việc phân tích cấu trúc gien và kháng nguyên, các nhà khoa học đã xác định được 2 chủng (týp): týp I gồm những vi rút thuộc dòng Châu Âu và týp II gồm những vi rút thuộc dòng Bắc Mỹ. Vi rút týp II gây bệnh trầm trọng hơn ở các nước Châu Á. Những nghiên cứu gần đây cho thấy, vi rút gây bệnh Tai xanh tồn tại dưới hai dạng, dạng cổ điển có độc lực thấp và dạng biến thể có độc lực cao, gây nhiễm và chết nhiều lợn.

3. Sự tồn tại của vi rút và đường truyền lây: Vi rút có trong dịch mũi, nước bọt, phân, nước tiểu của lợn mắc bệnh hoặc mang trùng và phát tán ra môi trường. Ở các loại lợn mẫn cảm, vi rút có thời gian tồn tại và được bài thải ra ngoài môi trường tương đối dài: ở lợn mang trùng và không có triệu chứng lâm sàng, vi rút có thể được phát hiện ở nước tiểu trong 14 ngày, ở phân khoảng 28-35 ngày, ở huyết thanh khoảng 21-23 ngày, ở dịch hầu họng khoảng 56-157 ngày, ở tinh dịch sau 92 ngày và đặc biệt ở huyết thanh của lợn bị nhiễm bệnh sau 210 ngày vẫn có thể tìm thấy vi rút.

Sức đề kháng của vi rút: ở điều kiện môi trường có độ pH < 5.5 hoặc > 6.5 vi rút gần như mất tính gây bệnh; ở nhiệt độ 4^0C vi rút tồn tại được 120 giờ, 20^0C tồn tại trong 20 giờ, 37^0C tồn tại được 3 giờ, 56^0C tồn tại được trong vòng 6 phút. Vi rút cũng dễ dàng bị tiêu diệt bởi các hoá chất sát trùng thông thường như: vôi bột, chlorine, formon, iodine...

Vi rút có thể phát tán, lây lan thông qua các hình thức: (1) trực tiếp: tiếp xúc với lợn mắc bệnh, lợn mang trùng, phân, nước tiểu, bụi, bọt nước, thụ tinh nhân tạo và có thể do lợn rừng; (2) gián tiếp: dụng cụ chăn nuôi, phương tiện vận chuyển và dụng cụ bảo hộ lao động mang trùng. Hình thức phát tán qua không khí (từ phân, chất thải mang vi rút), theo gió (có thể đi xa tới 3 km), nguồn nước bị ô nhiễm.

4. Triệu chứng lâm sàng:

a) Lợn nái giai đoạn cạn sữa: Khi bị nhiễm vi rút, lợn thường biếng hoặc bỏ ăn từ 7-14 ngày, sốt trên 40^0C, thường sảy thai vào giai đoạn cuối, đẻ non, động đực giả, đình dục hoặc chậm động dục trở lại sau khi đẻ, ho và viêm phổi.

b) Lợn nái giai đoạn đẻ và nuôi con: Bỏ ăn hoặc ăn ít, lười uống nước, lờ đờ hoặc hôn mê, mất sữa và viêm vú, đẻ sớm khoảng 2-3 ngày, thai gỗ, lợn con chết ngay sau khi sinh, lợn con yếu, tăng tỷ lệ thai chết hoặc yếu, tăng số thai gỗ, chết lưu trong giai đoạn 3 tuần cuối trước khi sinh, ở một vài đàn con số này có thể tới 30% tổng số lợn con sinh ra. Tỷ lệ chết ở đàn con có thể tới 70% ở tuần thứ 3-4 sau khi xuất hiện triệu chứng. Rối loạn sinh sản có thể kéo dài 4-8 tháng trước khi trở lại bình thường.

c) Lợn đực giống: Bỏ ăn hoặc ăn ít, sốt trên 40^0C, đờ đẫn hoặc hôn mê, giảm hưng phấn, mất tính dục, lượng tinh dịch ít, chất lượng tinh kém và cho lợn con sinh ra nhỏ.

d) Lợn con theo mẹ: Nhiều con chết yểu sau khi sinh, những con sống sót sau có thể trạng gầy yếu, nhanh chóng rơi vào trạng thái tụt đường huyết do không bú được, mắt có dử màu nâu, trên da có vết phồng rộp, tiêu chảy nhiều, tăng nguy cơ mắc các bệnh về hô hấp, chân choãi ra, đi run rẩy.

đ) Lợn con cai sữa và lợn choai: Bỏ ăn hoặc ăn ít, sốt trên 40^0C, ho nhẹ, lông xơ xác... tuy nhiên, ở một số đàn có thể không có triệu chứng. Ngoài ra, trong trường hợp ghép với bệnh khác có thể thấy viêm phổi cấp tính, hình thành nhiều ổ áp-xe, thể trạng gầy yếu, da xanh, tiêu chảy, ho nhẹ, hắt hơi, chảy nước mắt, thở nhanh.

5. Bệnh tích: Bệnh tích đặc trưng nhất là ở phổi: phổi viêm hoại tử và thâm nhiễm đặc trưng bởi những đám chắc, đặc (nhục hoá) trên các thuỳ phổi, cuống phổi chứa đầy dịch viêm sầu bọt, trên mặt cắt ngang của thùy bệnh lồi ra, khô, thùy bị bệnh có màu xám đỏ. Nhiều trường hợp viêm phế quản phổi hoá mủ ở mặt dưới thùy đỉnh.

Ngoài ra, bệnh tích cũng có thể thấy như: thận xuất huyết đinh ghim, hạch amidan sưng, sung huyết, não sung huyết, hạch màng treo ruột xuất huyết, loét van hồi manh tràng.

Chương 2

PHÒNG BỆNH

Điều 4. Tuyên truyền về phòng bệnh

1. Cục Thú y xây dựng và tổ chức thực hiện các nội dung chương trình truyền thông phòng, chống bệnh Tai xanh, đồng thời hướng dẫn Chi cục Thú y tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Chi cục Thú y) triển khai chương trình truyền thông ở địa phương.

2. Uỷ ban nhân dân các cấp chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các tổ chức đoàn thể thực hiện thông tin tuyên truyền tại địa phương theo nội dung tuyên truyền của các cơ quan thú y.

3. Các cơ quan thông tin đại chúng, cơ quan, đơn vị chuyên môn và các tổ chức đoàn thể tổ chức tuyên truyền phổ biến kiến thức về bệnh Tai xanh, tính chất nguy hiểm của bệnh và biện pháp phòng chống tới từng hộ gia đình và cộng đồng.

4. Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân chăn nuôi trong từng thôn ký cam kết thực hiện "5 không":

a) Không giấu dịch;

b) Không mua lợn bệnh, sản phẩm của lợn bệnh;

c) Không bán chạy lợn bệnh;

d) Không vận chuyển lợn bệnh ra khỏi vùng dịch;

đ) Không vứt bừa bãi xác lợn bệnh ra môi trường.

Điều 5. Chủ động giám sát, phát hiện sớm dịch

1. Cục Thú y có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch giám sát dịch bệnh Tai xanh qua từng giai đoạn; hàng năm tổ chức thực hiện và hướng dẫn, chỉ đạo các Chi cục Thú y triển khai các nội dung giám sát dịch bệnh; kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các địa phương trong cả nước.

b) Tập hợp, phân tích số liệu dịch tễ, lập bản đồ dịch tễ bệnh trong phạm vi cả nước;

2. Chi cục Thú y có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch giám sát dịch bệnh theo hướng dẫn của Cục Thú y để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch giám sát dịch bệnh tại địa phương.

b) Lập bản đồ dịch tễ bệnh tại địa phương để tham mưu cho chính quyền các cấp các biện pháp phù hợp, chủ động phòng chống dịch.

c) Tổ chức lấy mẫu bệnh phẩm để chẩn đoán, giám sát dịch bệnh đột xuất hoặc thường xuyên theo hướng dẫn của Cục Thú y.

d) Kiểm soát chặt chẽ lợn nhập vào địa phương.

3. Uỷ ban nhân dân xã có trách nhiệm

a) Phân công trách nhiệm cho trưởng thôn, ấp (sau đây gọi chung là thôn), nhân viên thú y xã giám sát dịch bệnh; lập sổ theo dõi tình hình chăn nuôi, dịch bệnh, kết quả tiêm phòng các bệnh ở lợn tại địa phương;

b) Hỗ trợ các cơ quan thú y có thẩm quyền tổ chức lấy mẫu bệnh phẩm.

4. Người chăn nuôi có trách nhiệm:

a) Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định vệ sinh thú y trong chăn nuôi và hướng dẫn của cán bộ thú y.

b) Khi phát hiện lợn có những biểu hiện bất thường, bỏ ăn hoặc ăn ít, sốt cao, sảy thai thì báo ngay cho nhân viên thú y xã, trưởng thôn. Nghiêm túc thực hiện "5 không" theo quy định tại khoản 4 Điều 4 của Quy định này.

c) Có sổ theo dõi tình hình chăn nuôi, theo dõi tiêm vắc xin phòng các bệnh của lợn theo quy định tại Quyết định số 63/2005/QĐ-BNN ngày 13/10/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và hướng dẫn bổ sung của Cục Thú y (sau đây gọi tắt là theo quy định).

Điều 6. Vệ sinh phòng bệnh

1. Khu chăn nuôi

a) Đối với các trang trại, gia trại phải đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y theo quy định tại Điều 7, Chương 2, Nghị định 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y.

b) Đối với các hộ gia đình: Không được nuôi thả rông, chuồng nuôi phải được che chắn, cách ly, nền chuồng phải cao ráo và đảm bảo các điều kiện vệ sinh thú y.

c) Hàng ngày phải thực hiện vệ sinh cơ giới và định kỳ hàng tuần thực hiện tiêu độc khử trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, phương tiện vận chuyển bằng hoá chất sát trùng thông thường như: vôi bột, chlorine, formon, iodine hoặc các loại thuốc sát trùng khác theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

2. Con giống

a) Con giống đưa vào chăn nuôi phải khỏe mạnh, có nguồn gốc, có giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan thú y. Trước khi nhập đàn phải được nuôi cách ly, theo dõi 21 ngày.

b) Thường xuyên chăm sóc, nâng cao sức khỏe cho con vật thông qua chế độ dinh dưỡng hợp lý, tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin theo quy định;

c) Riêng đối với lợn mua về với mục đích làm con giống (lợn đực giống, lợn nái), ngoài việc thực hiện các quy định tại điểm a và b của khoản này, cơ sở chăn nuôi phải báo cho cơ quan thú y có thẩm quyền tại địa phương biết để định kỳ kiểm tra bệnh theo quy định.

3. Thức ăn, nước uống phải đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh thú y

4. Phương tiện vận chuyển lợn và sản phẩm của lợn phải được vệ sinh, tiêu độc khử trùng theo quy định.

5. Người ra vào khu vực chăn nuôi phải sử dụng trang bị bảo hộ phù hợp; thực hiện đúng quy trình vệ sinh, tiêu độc khử trùng.

Điều 7. Phòng bệnh bằng thuốc và vắc xin

1. Cục Thú y hướng dẫn cụ thể việc sử dụng vắc xin phòng bệnh Tai xanh;

2. Người chăn nuôi chủ động tiêm vắc xin phòng các bệnh cho lợn theo quy định; sử dụng các loại thuốc tăng sức đề kháng cho lợn.

Điều 8. Kiểm dịch vận chuyển

1. Vận chuyển trong nước

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân tỉnh) quyết định thành lập trạm, chốt kiểm dịch tạm thời tại đầu mối giao thông theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khi các tỉnh liền kề có dịch;

b) Chi cục Thú y chịu trách nhiệm thực hiện việc kiểm dịch lợn, sản phẩm của lợn tại nơi xuất phát và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định.

c) Các Trạm, chốt kiểm dịch động vật tại các đầu mối giao thông thực hiện như sau:

- Kiểm soát chặt chẽ lợn, sản phẩm lợn vận chuyển qua các trạm, chốt kiểm dịch; thu giữ, tiêu huỷ lợn, sản phẩm lợn mắc bệnh hoặc không có giấy chứng nhận kiểm dịch;

- Đối với lợn, sản phẩm của lợn có giấy chứng nhận kiểm dịch nhưng không hợp lệ thì thực hiện việc kiểm dịch, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch và thông báo cho Chi cục Thú y nơi tiếp nhận biết.

- Đối với lợn, sản phẩm của lợn được vận chuyển bằng phương tiện không đảm bảo vệ sinh thú y, không được niêm phong, không đánh dấu theo quy định thì yêu cầu chủ hàng khắc phục bằng cách sử dụng phương tiện vận chuyển khác đảm bảo vệ sinh thú y và thực hiện niêm phong phương tiện vận chuyển, đánh dấu lợn theo mã số của Chi cục, đồng thời thông báo cho Chi cục nơi tiếp nhận biết.

- Xử phạt nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

d) Chi cục Thú y nơi tiếp nhận phải kiểm soát chặt chẽ lợn, sản phẩm của lợn nhập vào tỉnh và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

đ) Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về kiểm dịch vận chuyển bị xử phạt vi phạm hành chính và phải chịu mọi chi phí cho việc kiểm dịch, xử lý lợn và sản phẩm của lợn.

2. Vận chuyển qua biên giới

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới chỉ đạo các cấp, các ngành tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn, xử lý lợn và sản phẩm của lợn nhập lậu vào trong nước.

b) Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập các chốt kiểm dịch tại các xã ở biên giới;

c) Khử trùng mọi phương tiện vận chuyển qua cửa khẩu.

Chương 3

CHỐNG DỊCH

Điều 9. Khai báo và xử lý đối với ổ dịch đầu tiên nghi mắc bệnh

1. Người chăn nuôi khi phát hiện lợn có các dấu hiệu bất thường như sốt cao, bỏ ăn hoặc ăn ít, sảy thai hoặc chết phải thực hiện như sau:

a) Báo ngay cho nhân viên thú y xã hoặc trưởng thôn;

b) Nhốt riêng lợn mắc bệnh ra khu vực khác;

c) Bổ sung các loại thuốc tăng sức đề kháng, thức ăn giầu dinh dưỡng cho đàn lợn;

d) Hàng ngày vệ sinh, tiêu độc khử trùng khu vực chăn nuôi;

đ) Không bán hoặc vận chuyển lợn, sản phẩm của lợn bệnh ra khỏi khu vực chăn nuôi khi chưa có kết luận của cơ quan thú y có thẩm quyền.

2. Nhân viên thú y xã, cán bộ Trạm Thú y huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Trạm Thú y huyện) khi nhận được thông báo, phải đến kiểm tra, xác minh ngay; hướng dẫn người chăn nuôi các biện pháp cách ly lợn mắc bệnh, vệ sinh, khử trùng tiêu độc, chăm sóc tăng cường sức đề kháng cho đàn lợn.

3. Trạm Thú y huyện lấy mẫu bệnh phẩm gửi xét nghiệm đối với đàn lợn đầu tiên mắc bệnh trong phạm vi huyện, đồng thời báo ngay cho cơ quan thú y cấp trên để đề xuất với Uỷ ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp dưới được ủy quyền quyết định tiêu hủy theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Quy định này mà không chờ kết quả xét nghiệm.

Điều 10. Chẩn đoán bệnh

1. Cục Thú y hướng dẫn cụ thể quy trình lấy mẫu và chẩn đoán bệnh.

2. Đối với ổ dịch đầu tiên xảy ra trên địa bàn huyện thì Trạm Thú y huyện phải lấy mẫu bệnh phẩm gửi Cơ quan Thú y vùng hoặc Trung tâm Chẩn đoán Thú y Trung ương chẩn đoán xác định bệnh.

Các ổ dịch sau đó, nếu phát hiện lợn có những triệu chứng, bệnh tích điển hình của bệnh Tai xanh thì triển khai ngay các biện pháp chống dịch mà không nhất thiết phải lấy mẫu xét nghiệm bệnh.

Điều 11. Công bố dịch

1. Điều kiện công bố

Đối với các tỉnh có dịch: Khi có đủ các điều kiện thì công bố dịch theo quy định tại Điều 17 của Pháp lệnh Thú y năm 2004, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công bố vùng dịch, đồng thời công bố vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Pháp lệnh Thú y.

2. Phạm vi công bố dịch:

a) Khi có dịch tại một thôn thì công bố xã có dịch.

b) Khi có từ 03 xã trở lên trong một huyện có dịch thì công bố dịch trên địa bàn toàn huyện.

c) Khi có từ 03 huyện trở lên trong một tỉnh có dịch thì công bố dịch trên địa bàn toàn tỉnh.

3. Đối với các tỉnh tiếp giáp tỉnh có dịch: Khi nhận được thông tin về tình hình dịch bệnh, Chi cục Thú y xác định và đề nghị Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh ra quyết định công bố vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm và áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch theo quy định.

Điều 12. Các biện pháp xử lý đối với ổ dịch

1. Xử lý ổ dịch:

a) Tiêu huỷ ngay lợn chết do bệnh.

b) Đối với ổ dịch đầu tiên: tiêu hủy ngay toàn bộ lợn trong ô chuồng có lợn bệnh.

c) Đối với các ổ dịch nhỏ lẻ mới xảy ra trên địa bàn: tiêu huỷ ngay toàn bộ lợn bệnh, cách ly triệt để lợn chưa bị bệnh để theo dõi.

d) Đối với trường hợp dịch xảy ra ở diện rộng: tiêu huỷ số lợn mắc bệnh nặng không chờ kết quả xét nghiệm (lợn mắc bệnh nặng là những lợn có bệnh, đã được chăm sóc tích cực, được hỗ trợ tăng cường sức đề kháng trong vòng 7 ngày nhưng không có khả năng bình phục), lợn mắc bệnh nhẹ nuôi cách ly triệt để với lợn chưa bị bệnh để theo dõi chặt chẽ diễn biến bệnh.

đ) Người chăn nuôi có lợn bị tiêu huỷ trong các trường hợp trên được hỗ trợ theo Quyết định số 719/QĐ-TTg ngày 05/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Vệ sinh, tiêu độc khử trùng:

a) Vệ sinh: Thu gom chất thải rắn để đốt hoặc chôn; rửa nền chuồng, dụng cụ chăn nuôi bằng nước xà phòng. Đối với chất thải lỏng phải được xử lý bằng hóa chất. Công việc này do người chăn nuôi thực hiện.

b) Tiêu độc khử trùng: Sau khi vệ sinh cơ giới, để khô và tiến hành tiêu độc khử trùng bằng hoá chất phù hợp đối với chuồng trại, khu vực chăn nuôi, lối ra vào, khu vực tập trung lợn để tiêu huỷ, khu vực tiêu huỷ hoặc chôn lợn, đường làng, ngõ xóm, nơi công cộng. Công việc này do đội chống dịch của xã thực hiện.

c) Người tham gia quá trình xử lý, tiêu huỷ lợn phải sử dụng bảo hộ lao động phù hợp và vệ sinh, tiêu độc khử trùng.

3. Việc tiêu hủy, chôn lấp lợn thực hiện theo văn bản hướng dẫn số 561/TY-KH ngày 16/4/2008 của Cục Thú y.

4. Tổ chức chống dịch theo quy định tại Điều 18 của Nghị định số 33/2005/NĐ- CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ.

Điều 13. Các biện pháp xử lý đối với các đàn lợn chưa bị bệnh trong vùng dịch lợn;

1. Đối với cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ và chăn nuôi thịt quy mô tập trung:

a) Áp dụng nghiêm ngặt các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học.

b) Tăng cường chăm sóc, nuôi dưỡng, nâng cao sức đề kháng cho lợn.

2. Đối với các cơ sở chăn nuôi lợn giống:

a) Tăng cường chăm sóc, nuôi dưỡng, tổ chức theo dõi, giám sát chặt chẽ đàn

b) Lấy mẫu tinh dịch của tất cả lợn đực giống và mẫu huyết thanh của lợn nái để xét nghiệm theo tỷ lệ lưu hành ước tính 10% tổng đàn.

Nếu toàn bộ số mẫu xét nghiệm âm tính, các cơ sở giống tiếp tục được phép sảnxuất;

Tiêu huỷ bắt buộc với những con dương tính theo sự hướng dẫn và giám sát của thú y. Sau 7-10 ngày tiếp tục lấy mẫu lần 2 theo tỷ lệ lưu hành.

Nếu tất cả mẫu xét nghiệm lần 2 cho kết quả âm tính, các cơ sở giống tiếp tục được phép sản xuất. Nếu có thêm mẫu dương tính thì không được sản xuất con giống.

c) Cơ sở chăn nuôi lợn giống chịu trách nhiệm chi trả chi phí cho việc xét nghiệm xác định sự lưu hành của vi rút Tai xanh.

Điều 14. Kiểm soát vận chuyển

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo chính quyền địa phương các cấp, các ngành thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

1. Xác định vùng có dịch và lập các chốt kiểm dịch tạm thời, có người trực 24/24 giờ, có biển báo, hướng dẫn đi lại tránh vùng dịch; chốt kiểm dịch phải có phương tiện và hóa chất sát trùng để xử lý mọi đối tượng ra khỏi vùng có dịch;

2. Không được vận chuyển lợn và sản phẩm của lợn ra khỏi vùng có dịch.

3. Lợn, sản phẩm của lợn khỏe mạnh được phép vận chuyển trong các trường hợp sau:

a) Lợn, sản phẩm của lợn thuộc vùng bị dịch uy hiếp được phép vận chuyển để tiêu thụ trong phạm vi huyện;

b) Lợn, sản phẩm của lợn tại vùng đệm, của cơ sở chăn nuôi được công nhận an toàn dịch bệnh Tai xanh tại vùng bị dịch uy hiếp được vận chuyển để tiêu thụ trong phạm vi tỉnh;

c) Lợn, sản phẩm của lợn không thuộc đối tượng quy định tại điểm a, b, khoản 3 Điều này được vận chuyển ra khỏi tỉnh để tiêu thụ.

Điều 15. Công bố hết dịch

1. Khi có đủ điều kiện công bố hết dịch theo quy định tại Điều 21 của Pháp lệnh Thú y thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công bố hết dịch.

2. Ngay sau khi có quyết định công bố hết dịch, các cơ sở chăn nuôi lợn thịt được phép hoạt động trở lại bình thường. Riêng các cơ sở chăn nuôi lợn giống thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Quy định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh lân cận ra quyết định bãi bỏ công bố vùng bị dịch uy hiếp và vùng đệm trên địa bàn tỉnh ngay sau khi có quyết định công bố hết dịch của tỉnh có dịch.

Chương 4:
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước ở Trung ương

1. Cục Thú y

a) Tổ chức, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giám sát dịch bệnh ở các địa phương;

b) Hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương thực hiện; tổ chức thanh tra, kiểm tra trên phạm vi toàn quốc về công tác phòng chống bệnh Tai xanh;

c) Hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật về phòng chống bệnh Tai xanh trên cơ sở bản Quy định này.

2. Cục Chăn nuôi

a) Hướng dẫn các địa phương thực hiện các quy định về quản lý chăn nuôi, tiêu chuẩn chuồng trại, tiêu chuẩn con giống, thức ăn chăn nuôi... và việc chăn nuôi trở lại sau dịch.

b) Xây dựng tài liệu hướng dẫn và tuyên truyền người chăn nuôi thực hành chăn nuôi tốt.

c) Xây dựng các mô hình chăn nuôi tập trung công nghiệp, áp dụng các biện pháp an toàn sinh học; phổ biến các mô hình chăn nuôi tốt để nhân rộng trong phạm vi toàn quốc.

Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước ở địa phương

1. Cấp tỉnh

a) Uỷ ban nhân dân tỉnh

- Thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch Tai xanh của tỉnh do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng Ban, lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Phó Trưởng ban.

- Củng cố, tăng cường cho hệ thống thú y cấp tỉnh, cấp huyện, đặc biệt là mạng lưới thú y xã, phường có đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng, được trang bị đầy đủ phương tiện, trang thiết bị để thực thi nhiệm vụ. Các địa phương chưa có mạng lưới thú y xã, phường thì cần nhanh chóng triển khai thực hiện công văn số 1569/TTg-NN ngày 19/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chế độ phụ cấp cho thú y xã, phường.

- Phê duyệt và chỉ đạo tổ chức thực hiện Quy hoạch chăn nuôi lợn, Kế hoạch tổng thể về phòng chống bệnh Tai xanh của tỉnh, kế hoạch hàng năm và kiểm tra việc thực hiện của các cấp, ngành thuộc tỉnh;

- Chỉ đạo các Sở, ngành, cơ quan chuyên môn và các tổ chức đoàn thể tại địa phương thường xuyên triển khai công tác thông tin tuyên truyền phòng chống bệnh Tai xanh;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố dịch, công bố hết dịch Tai xanh trên địa bàn của tỉnh theo quy định; quyết định tiêu hủy lợn mắc bệnh hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định tiêu hủy;

- Hàng năm, cấp kinh phí cho công tác phòng chống dịch bệnh từ quỹ phòng chống thiên tai và dự phòng ngân sách địa phương. b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng chương trình phòng chống bệnh Tai xanh của tỉnh và kế hoạch hàng năm trên cơ sở Chương trình quốc gia;

- Chỉ đạo Chi cục Thú y xác định vùng dịch, vùng bị dịch uy hiếp, vùng có nguy cơ cao với bệnh Tai xanh;

- Tổ chức thực hiện và kiểm tra công tác phòng chống bệnh của tỉnh.

c) Chi cục Thú y

- Trực tiếp chỉ đạo, tổ chức triển khai và kiểm tra công tác phòng chống bệnh Tai xanh trên địa bàn tỉnh;

- Hướng dẫn chuyên môn về các biện pháp phòng chống bệnh, tổ chức triển khai giám sát dịch bệnh Tai xanh.

2. Cấp huyện

a) Uỷ ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân huyện):

- Thành lập Ban chỉ đạo phòng chống bệnh Tai xanh huyện do Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân làm trưởng ban, Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp hoặc Phòng Kinh tế, Trạm Thú y huyện làm Phó Trưởng ban;

- Phối hợp với Chi cục Thú y tỉnh chỉ đạo Trạm Thú y huyện, các Ban, ngành, tổ chức, cá

nhân có liên quan ở địa phương thực hiện các biện pháp phòng chống bệnh Tai xanh trên địa bàn huyện.

- Huy động lực lượng phục vụ công tác phòng chống bệnh, đặc biệt công tác tiêm phòng, tiêu hủy gia súc mắc bệnh và vận chuyển gia súc ra vào địa bàn.

- Cấp ngân sách địa phương cho công tác phòng chống dịch của huyện.

b) Phòng Nông nghiệp, Phòng Kinh tế, Trạm Thú y.

- Trực tiếp tổ chức thực hiện công tác phòng chống dịch tại huyện;

- Hướng dẫn kỹ thuật các biện pháp phòng chống đến tận xã, thôn;

- Báo cáo kịp thời nhu cầu về kinh phí, vật tư hóa chất, vắc xin, lao động,... cho Ủy ban nhân dân huyện và Chi cục Thú y.

3. Cấp xã

a) Ủy ban nhân dân xã

- Thành lập Ban chỉ đạo phòng chống bệnh Tai xanh cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân làm Trưởng ban với sự tham gia của cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và cán bộ thú y, nông nghiệp;

- Bố trí tổ chuyên môn để hướng dẫn kỹ thuật, thường trực và tổng hợp tình hình dịch dịch bệnh;

- Chỉ đạo trưởng thôn trực tiếp kiểm tra, giám sát tình hình dịch bệnh; phối hợp với các tổ chức đoàn thể quần chúng (Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và các tổ chức đoàn thể khác) vận động nhân dân giám sát và thực hiện các biện pháp phòng chống dịch. Mỗi thôn tổ chức ký cam kết thực hiện "5 không" theo quy định tại khoản 4 Điều 4 của Quy định này;

- Thành lập đội xung kích chống dịch, gồm dân quân tự vệ, thanh niên, cán bộ thú y, công an để tiêu hủy gia súc bị bệnh, vệ sinh tiêu độc khử trùng, giám sát người ra vào ổ dịch, trực gác tại các chốt kiểm dịch động vật.

b) Nhân viên thú y xã, cộng tác viên thú y xã

- Giám sát phát hiện bệnh Tai xanh đến tận hộ chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi trên địa bàn xã và báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân xã và Trạm Thú y huyện;

- Trực tiếp tham gia công tác phòng chống bệnh, trực tiếp tiêm phòng vắc xin;

- Trực tiếp tham gia trong giám sát kinh phí hỗ trợ phòng chống bệnh Tai xanh đến chủ chăn nuôi.

Điều 18. Trách nhiệm của chủ vật nuôi

1. Đảm bảo điều kiện chăn nuôi về địa điểm, chuồng trại, con giống, thức ăn, nước uống, vệ sinh, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật;

2. Thực hiện các biện pháp an toàn sinh học trong chăn nuôi lợn và các biện pháp phòng chống bệnh Tai xanh theo hướng dẫn của cán bộ thú y, của cán bộ chính quyền các cấp và những người có trách nhiệm.

3. Khi thấy lợn trong gia đình có những biểu hiện bất thường, bị bệnh thì phải báo ngay cho trưởng thôn, nhân viên thú y xã hoặc cán bộ xã để nhận được sự hướng dẫn, hỗ trợ phòng chống dịch bệnh; đồng thời chấp hành nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch theo Quy định này./.

1. TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu trong nước.

1. Vũ Triệu An, Jeane Claude Homberg (1998). Miễn dịch học. NXB Y học.
2. Trần Ngọc Anh, Nguyễn Lê Văn, Tô Long Thành, Trương Văn Dung (2004). Đáp ứng miễn dịch của ngan được tiêm các vacxin phòng bệnh Tụ huyết trùng gia cầm, Báo cáo khoa học Chăn nuôi - Thú y 2004. NXB Nông nghiệp.
3. Bộ Nông nghiệp và PTNT - Ban chỉ đạo quốc gia phòng chống cúm gia cầm. Cẩm nang phòng chống dịch cúm gia cầm Thể độc lực cao (H5N2). NXB Nông nghiệp.
4. Bộ Y tế (2005). Kế hoạch hành động phòng chống đại dịch cúm ở người tại Việt Nam
5. Bộ Y tế (2006). Phòng chống dịch cúm A (H5N2) lây sang người. NXB Y học.
6. Bộ Y tế - Cục y tế Dự phòng (2006). Niên giám thống kê các bệnh truyền nhiễm (2004 - 2006). NXB Y học
7. Trần Minh Châu, Hồ Đình Chúc, Lê Thanh Hải, Phạm Sỹ Lăng, Đào Hữu Thanh, Dương Công Thuận (1989). Bệnh thường thấy ở chó và biện pháp phòng trị. NXB Nông nghiệp.
8. Công ty thuốc Thú y Trung ương (2004). Các sản phẩm vacxin Thú y.
9. Cục Thú y (2007). Báo cáo tình hình dịch bệnh trên lợn ở các tỉnh đồng bằng sông Hồng (DAH). Cục Thú y.
10. Cục thú y (2008). Hội chứng rối loạn sinh sản và hô hấp ở lợn (PRRS) - Bệnh tai xanh. NXB Nông ngiệp.
11. Nguyễn Tiến Dũng, Hồ Thu Hương, Ken Inui, Bùi Nghĩa Vượng (2004). Nghiên cứu việc tiêm phòng sớm vacxin dịch tả lợn cho lợn con. Báo cáo khoa học chăn nuôi - thú y 2004. NXB Nông nghiệp.
12. Nguyễn Tiến Dũng, Ken Inui, Hồ Thu Hương (2004). Phân tích di truyền virut dịch tả lợn phân lập ở Việt Nam, Báo cáo Khoa học chăn nuôi Thú y 2004. NXB Nông nghiệp
13. Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Văn Quang (1993). Thử nghiệm vacxin Newwcátle chịu nhiệt phòng bệnh cho gà ở nước ta (Tuyển tập công trình khoa học kỹ thuật Nông nghiệp). NXB Nông nghiệp.
14. Đào Trọng Đạt, Phan Thanh Phượng, Lê Ngọc Mỹ (1986). Bệnh đường tiêu hóa ở lợn. NXB Nông nghiệp.
15. Phạm Ngọc ĐÍnh, Đinh Thị Kim Xuyến, Nguyễn Thu Yến, Phan Thị Ngà (2007). Hướng dẫn thực hiện mô hình phòng chống chủ động bệnh viêm não Nhật Bản B khu vực tiểu vùng sông Mê Kông. Dự án phòng chống bệnh truyền nhiễm tiểu vùng sông Mê Kông - Bộ Y tế.
16. Phan Đình Đỗ, Trịnh Văn Thịnh (1956). Bệnh truyền nhiễm gia súc (tập I, tập II). NXB Nông thôn.
17. Trần Thị Hạnh, Đặng Xuân Bình (2004). Phân lập, định typ, lựa chọn chủng vi khuẩn E.Coli và Cl.perfringens để chế tạo sinh phẩm phòng bệnh cho lợn con. Báo cáo khoa học Chăn nuôi - Thú y 2004. NXB Nông ngiệp.

18. Trần Xuân Hạnh, Kim Văn Phúc, Tô Thị Phấn, Nguyễn Thị Lan Hương, Đặng Hoàng (2004). Bệnh xuất huyết do virú trên thỏ (RDH) - Kết quả bước đầu nghiên cứu vacxin vô hoạt phòng bệnh, báo cáo khoa học Chăn nuôi - Thú y 2004. NXB Nông nghiệp.

19. Nguyễn Bá Hiên, Trần Thị Minh Tâm (2007). Giáo trình vi sinh vật - Bệnh truyền nhiễm vật nuôi. NXB Hà Nội

20. Nguyễn Bá Hiên, Nguyễn Quốc Doanh, Phạm Sỹ Lăng, Nguyễn Thị Kim Thành, Chu Đình Tới (2009). Vi sinh vật - Bệnh truyền nhiễm vật nuôi. NXB Giáo dục.

21. Phạm Sỹ Lăng, Nguyễn Triệu Doanh (1987). Bệnh truyền nhiễm ở trâu bò. NXB Nông nghiệp

22. Phạm Sỹ Lăng, Phạm Ngọc Đính, Nguyễn Bá Hiên, Phạm Quang Thái, Văn Đăng Kỳ (2009). 8 bệnh chung quan trọng truyền lây giữa người và động vật. NXB Hà Nội.

23. Phạm Sỹ Lăng, Tô Long Thành, Cù Hữu Phú, Nguyễn Hữu Nam (2005, 2009). Một số bệnh mới ở gia cầm và biện pháp phòng trị. NXB Nông nghiệp

24. Phạm Sỹ Lăng, Tô Long Thành, Phạm Quang Thái, Đỗ Ngọc Thúy, Hoàng Đặng Huyến (2010). Kỹ thuật chẩn đoán, phòng trị bệnh ở thủy cầm. NXB Hà Nội.

25. Phạm Sỹ Lăng, Trương Văn Dung, Hoàng Văn Năm, Trần Duy Khanh (2006). Bệnh truyền nhiễm thường gặp ở lợn và biện pháp phòng trị. NXB Nông nghiệp

26. Phạm Sỹ Lăng, Văn Đăng Kỳ (2008). Hộ chứng rối loạn sinh sản và hô hấp (PRRS) và bệnh liên cầu khuẩn ở lợn. NXB Nông nghiệp.

27. Phạm văn Lục, Nguyễn Thị Tuyết Minh, Đặng Thị Tám (2004). Nghiên cứu xác định hiệu quả phòng bệnh Gumboro bằng vacxin vô hoạt nhũ dầu cho gà thả vườn giai đoạn 1 - 56 ngày tuổi, Báo cáo khoa học Chăn nuôi - Thú y 2004. NXB Nông nghiệp.

28. Phạm Quang Thái, Trần Xuân Hạnh, Tô Thị Phấn, Nguyễn Thiên Thu, Phạm Hào Quang, Trương Văn Dung (2007). Độ dài bảo quản và miễn dịch của vacxin tụ huyết trùng nhũ dầu chủng P52, Tạp chí KHKT Thú y.

29. Phạm Quang Thái (2008). Nghiên cứu chế tạo vacxin nhũ dầu tụ huyết trùng trâu bò từ chủng P52. Luận án Tiến sĩ Nông Nghiệp.

30. Phạm Quang Thái (2006). Kiểm tra độ an toàn và hiệu lực của vacxin vô hoạt keo phèn phòng bệnh tụ huyết trùng trâu bò sản xuất theo công nghệ lên men cải tiến, Tạp chí KHKT thú y,ôpgraphy VIII, số 4/2006.

31. Tô Long Thành, Lê Trần Phan, Trương Thị Hồng Hoa, Trương Văn Dung (2004) Sản xuất và sử dụng kháng thể cộng hợp đề kháng IgG của thỏ gắn men Perõydáe, Báo cáo khoa học Chăn nuôi - Thú y 2004. NXB Nông nghiệp

32. Tô Long Thành, Trương Văn Dung, Yoshihito Kashiwazaki, Lê Trần Phan (2004). Kết quả bước đầu sản xuất kháng thể đơn dòng kháng chủng virus Newcastle cường độc, Báo cáo khoa học Chăn nuôi - Thú y 2004. NXB Nông nghiệp.

33. Đỗ Ngọc Thúy, Cù Hữu Phú, Darren Trott, Ian Wikie (2005). Đặc tính kháng nguyên của vi khuẩn Enterotoxigenic Escherichia coli gây bệnh tiêu chảy cho lợn con ở một số tỉnh miền Bắc Việt Nam, Chăn nuôi - Thú y (20 năm đổi mới). NXB Chính trị quốc gia.

34. Trần Văn Thịnh (1984). Bệnh lợn ở Việt Nam. NXB Nông nghiệp.

35. Viện vệ sinh dịch tễ Trung ương (2005). Báo cáo kết quả đề tài cấp Nhà nước KC 10.12: Nghiên cứu một số bệnh dịch mới phát sinh dự báo và các biện pháp phòng chống. NXB Y học.

II. Tài liệu nước ngoài

36. Cohen J.Powderly WG (2004). Infectious Diseases Rabies Epidemiology, clinical features, virus vaccines and Immunity, Mosby Pulishing House - New York, London.

37. J.B.Mc Ferran and M.S. Mc. Nulty (1993). Virus Infection of birds, Elsevier Science Pullisher B.V.Australia - London.

38. W.CB. Mc. Gra, W.Hill (1998). Microbislogy, Daniel Lim Volum 1,2.

39. Ham J.Wang et al (2006). Complete Genome Analysis of RFLP 184 Isolate of Porcine Reproductive and Respiratory Syndrome Virus, Virus Research 122 91 - 2) i 175 - 183

40. Institut de l'e'levage (2000). Maladies des bovins, Edition France Agricole.

41. Keong Tian, X. Yu et al (2007). Emergence of Fatal PRRSV Varians Unparalled Outbreak of A Tyfical, PRRS in China and Molecular Dissection of the Unique Hallmark, PLOSive ONE (6).

42. Jerry J. Callis, Ahmed H. Dardiri, Deam H. Ferris (1982). Illustraed manuel for the rocognition and diagnosis of certain animal diseases, Mexico - United states commission for prevention of FMD. Mexico.

43. A.D Leman, Barbara straw, Robert D.Glock, William L, Mengenling (2005). Diseases of Swine (2005). Jova Starte University Press, Iowa, USA.

44. Pedro Acha (1999). Les maladies transmissable communses aux animal at l'human, OIE - Paris.

45. Pramod Sharma, Chris Baldock 91999). Understanding Animal Health in Southeast Asia, ACIAR Canberra - Australia.

46. Simon M.Shane (1997). Hanbook of Poultry Diseases, American Soybean AssociationStephen J.Ettinger, Edward C.Felman (1996). Texbook of Veterinary Medicine = Diseases of the dogs and the cat. W.B Sauder Company, Philadelphia - London Sydney.

47. Y.M.Saif, H.J.Barnes, J.R. Glisson, AM.Fadly, LR. Mc Dougald D.E. Swayne (2005) Iowa State Press - Blackwell Publishing Company.

48. Wu J, Y. Liu et al (2006). Serological Prevalence of PRRS in the Shandong Area in China, International PRRS Symposium 2006.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
43 Lò Đúc - Hà Nội
ĐT: 04 3971 2448

VACXIN THÚ Y VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Chịu trách nhiệm xuất bản
LÊ TIẾN DŨNG
Chịu trách nhiệm bản thảo
VŨ THANH VIỆT

Biên tập : Lại Giang
Trình bày - Bìa : Vũ Hương Mai
Nội dung : Phạm Sỹ Lăng
Nguyễn Bá Hiên
Phùng Quốc Quảng

In tại: Công ty TNHH phát triển Thương hiệu Quảng cáo INNET
Số lượng: 1.500 cuốn. khuôn khổ: 19 x 27 cm
Quyết định XB số: 1273/VHTT
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 / 2012